

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Tên chương trình: **Du lịch**

Trình độ đào tạo: **Đại học**

Ngành đào tạo: **Du lịch**

Mã số: **7810101**

*(Ban hành theo Quyết định số 92/QĐ-ĐHHD ngày 19 / 01 /2018
của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức)*

1. Mục tiêu

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân Du lịch chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài góp phần đưa du lịch trở thành nền kinh tế mũi nhọn, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh và hội nhập quốc tế.

Đào tạo người học có phẩm chất chính trị, đạo đức; có kiến thức cơ sở và chuyên môn vững vàng, có kỹ năng thực hành nghề nghiệp, năng lực nghiên cứu, có kỹ năng tư duy sáng tạo để giải quyết những vấn đề liên quan đến hoạt động lữ hành và hướng dẫn du lịch; có trách nhiệm với nghề nghiệp, môi trường và xã hội; thích nghi với môi trường làm việc đa văn hóa, có khả năng tự học để thích ứng với sự phát triển kinh tế xã hội trong quá trình hội nhập quốc tế.

1.2. Mục tiêu cụ thể

Chương trình đào tạo đại học ngành Du lịch có mục tiêu chung là đào tạo nguồn nhân lực đảm bảo:

1.2.1. Kiến thức

- Có hệ thống kiến thức cơ bản đạt bậc 6 *Khung trình độ quốc gia Việt Nam* về lí luận chính trị, quốc phòng an ninh; có kiến thức cơ bản về pháp luật du lịch; cơ chế chính sách, chiến lược phát triển du lịch của Đảng và Nhà nước; điều kiện phát triển du lịch và tài nguyên, môi trường phát triển du lịch của đất nước.

- Có kiến thức cơ bản và kiến thức cơ sở ngành đáp ứng cho việc tiếp thu các kiến thức giáo dục chuyên nghiệp và khả năng học tập ở trình độ cao hơn.

- Có kiến thức chuyên sâu chuyên ngành du lịch như: phương pháp nghiên cứu trong du lịch, kiến thức về thiết kế và điều hành tour, tư vấn và bán sản phẩm du lịch, hướng dẫn và thuyết minh du lịch, quản lý và giám sát đoàn khách,....

1.2.1. Kỹ năng

- Có kỹ năng, phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp đáp ứng yêu cầu của hoạt động thiết kế, tư vấn, bán và thực hiện chương trình du lịch.

- Có kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm, giao tiếp bằng ngoại ngữ, thành thạo tin học để làm việc trong môi trường làm việc liên ngành, đa văn hóa, đa quốc gia.

- Có năng lực thực hành hoạt động thiết kế, tư vấn, bán và thực hiện chương trình du lịch.

1.2.3. Thái độ

- Các phẩm chất đạo đức cá nhân cần có như: Có lối sống lành mạnh; tự tin trong giao tiếp và thực hành nghề; kiên trì trong giao dịch, đàm phán với khách hàng; linh hoạt, khéo

léo, tinh tế trong thực hành và xử lý tình huống; chăm chỉ, có tinh thần cầu thị, nhiệt tình và say mê công việc.

- Các phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, đạo đức xã hội: Trung thực, đáng tin cậy khi thực hiện công việc; chủ động, chia sẻ trong công việc; luôn có ý thức xây dựng doanh nghiệp, xây dựng thái độ làm việc chuyên nghiệp, có trách nhiệm với công việc, khách hàng, cộng đồng, xã hội và môi trường; tuân thủ pháp luật Việt Nam cũng như của các nước trong việc hợp đồng và tổ chức du lịch.

1.2.4. Năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm.....

2. Chuẩn đầu ra

Ngoài các yêu cầu chung về đạo đức nghề nghiệp, thái độ tuân thủ các nguyên tắc an toàn nghề nghiệp, trình độ lí luận chính trị, kiến thức quốc phòng an ninh theo quy định hiện hành, người học phải đạt được các yêu cầu tối thiểu sau đây:

2.1. Kiến thức

Sinh viên tốt nghiệp chương trình đào tạo có kiến thức lý thuyết chuyên sâu trong lĩnh vực đào tạo; nắm vững kỹ thuật và có kiến thức thực tế để giải quyết các công việc phức tạp; tích lũy được kiến thức nền tảng về các nguyên lý cơ bản, các quy luật tự nhiên và xã hội trong lĩnh vực được đào tạo để phát triển kiến thức mới và có thể tiếp tục học tập ở trình độ cao hơn; có kiến thức quản lý, điều hành, kiến thức pháp luật và bảo vệ môi trường liên quan đến lĩnh vực được đào tạo; và có kiến thức cụ thể và năng lực chuyên môn như sau:

- Hiểu biết những kiến thức liên ngành về các vấn đề kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội và các khoa học liên quan ứng dụng trong du lịch:

+ Hiểu và phân tích được những nguyên lý, kiến thức cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối cách mạng của dân tộc Việt Nam vận dụng trong ngành du lịch;

+ Hiểu và phân tích được những kiến thức cơ bản của các lĩnh vực xã hội và nhân văn vận dụng trong ngành du lịch;

+ Phân tích, đánh giá, vận dụng được những kiến thức cơ bản của khoa học quản lý trong kinh doanh du lịch, đặc biệt trong lĩnh vực lữ hành;

+ Vận dụng được kiến thức liên ngành trong kinh doanh du lịch, góp phần tích cực vào nghiên cứu, phát triển du lịch một cách bền vững.

- Hiểu biết những kiến thức cơ bản và chuyên sâu của khoa học du lịch, cụ thể:

+ Hiểu, phân tích, đánh giá, vận dụng được những quan điểm, lý thuyết, các vấn đề cơ bản của khoa học du lịch vào thực tiễn hoạt động nghiên cứu và kinh doanh, quản lý du lịch;

+ Hiểu, phân tích, đánh giá, vận dụng được những nguyên tắc, kỹ năng cơ bản trong việc cung cấp các dịch vụ du lịch có chất lượng, thỏa mãn nhu cầu khách hàng, đảm bảo phát triển bền vững;

+ Áp dụng những kiến thức về ẩm thực và dinh dưỡng, kiến thức về các nền văn hóa khác nhau...vào trong thực tiễn nghề du lịch nhằm thu hút khách du lịch;

+ Thực hiện, phân tích được các nghiên cứu nhằm tổ chức, quản lý, điều hành kinh doanh du lịch và áp dụng các biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực trong hoạt động du lịch.

- Có khả năng sử dụng ngoại ngữ cơ bản với các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tương đương bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

Trình độ ngoại ngữ: Đạt bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam.

Tin học: đạt trình độ tin học cơ bản theo quy định của Bộ Thông tin – Truyền thông và biết sử dụng thành thạo các phương tiện, ứng dụng công nghệ thông tin, các phần mềm liên quan đến ngành du lịch – khách sạn.

2.2. Kỹ năng

2.2.1. Kỹ năng chuyên môn nghề nghiệp

- Có khả năng hoàn thành công việc phức tạp đòi hỏi vận dụng kiến thức lý thuyết và thực tiễn của ngành được đào tạo trong những bối cảnh khác nhau; có kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin, tổng hợp ý kiến tập thể và sử dụng những thành tựu mới về khoa học công nghệ để giải quyết những vấn đề thực tế hay trừu tượng trong lĩnh vực được đào tạo; có năng lực dẫn dắt chuyên môn để xử lý những vấn đề quy mô địa phương, vùng, miền;

- Có khả năng lập luận tư duy và giải quyết vấn đề trong du lịch;
- Có khả năng nghiên cứu và khám phá kiến thức du lịch;
- Có năng lực vận dụng kiến thức lý luận vào thực tiễn nghề nghiệp;
- Có năng lực sáng tạo, phát triển và dẫn dắt sự thay đổi trong nghề nghiệp du lịch.

2.2.2. Kỹ năng bổ trợ

- Hoàn thiện các kỹ năng cá nhân như: sắp xếp kế hoạch công việc khoa học và hợp lý; thích ứng nhanh với sự thay đổi môi trường sống và làm việc; học và tự học, tự nghiên cứu; phân tích được phẩm chất của đồng nghiệp để trao đổi, học hỏi;

- Hình thành năng lực làm việc nhóm, năng lực quản lý và lãnh đạo;
- Thành thạo kỹ năng giao tiếp, thuyết trình;
- Có khả năng xử lý các tình huống cơ bản trong hoạt động du lịch;

- Có khả năng sử dụng ngoại ngữ chuyên ngành ở mức có thể hiểu được các ý chính của một bài báo cáo hay bài phát biểu về các chủ đề quen thuộc trong lĩnh vực du lịch; có thể sử dụng ngoại ngữ để diễn đạt, xử lý một số tình huống chuyên môn thông thường; viết được báo cáo có nội dung đơn giản; thuyết minh – hướng dẫn cho khách nước ngoài những thông tin cơ bản về tuyến, điểm và dịch vụ du lịch;

- Sử dụng thành thạo các phần mềm tin học, các ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ nghề nghiệp;

2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong những điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.

- Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nghiệp vụ trong các hoạt động du lịch – khách sạn.

- Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân.

- Tự lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động chuyên môn.

3. Khối lượng kiến thức toàn khóa: 120 tín chỉ (Chưa tính các môn giáo dục thể chất và quốc phòng)

4. Đối tượng tuyển sinh: Theo quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT.

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp: Thực hiện theo Quy chế đào tạo đại học, cao đẳng của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

6. Cách thức đánh giá: Theo Quy chế đào tạo và quy định hiện hành.

7. Khung chương trình:

Khối kiến thức	Số tín chỉ
7.1. Kiến thức giáo dục đại cương	32
7.1.1. Lý luận chính trị	12
7.1.2. Ngoại ngữ:	10
7.1.3. Toán, Tin học, khoa học TN, XH, CN, MT	10
- <i>Bắt buộc</i>	8
- <i>Tự chọn</i>	2
7.1.4. Giáo dục thể chất (4 tín chỉ)	
7.1.5. Giáo dục quốc phòng (165 tiết)	
7.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	88
7.2.1. Kiến thức cơ sở ngành	17
- <i>Bắt buộc</i>	11
- <i>Tự chọn</i>	6
7.2.2. Kiến thức ngành	28
- <i>Bắt buộc</i>	22
- <i>Tự chọn</i>	6
7.2.3. Kiến thức chuyên ngành	32
- <i>Bắt buộc</i>	20
- <i>Tự chọn</i>	12
7.2.4. Thực tập nghề nghiệp	5
7.2.5. Khóa luận tốt nghiệp	6
Tổng	120

8. Kế hoạch giảng dạy

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Loại giờ				Học ở học kỳ	Điều kiện tiên quyết	Bộ môn quản lý học phần
				Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành	Tự học			
A	KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG		32							
I	Lý luận chính trị		12							
1	196045	Những NLCB của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	2	21	18	0	90	1		NLCB
2	196046	Những NLCB của chủ nghĩa Mác-Lênin 2	3	32	26	0	135	2	1	NLCB
3	197035	Tư tưởng HCM	2	21	18	0	90	3	2	TT.HCM
4	198025	Đường lối CM của ĐCSVN	3	32	26	0	135	4	2	ĐLCM
5	197030	Pháp luật đại cương	2	18	12	12	90	3	1	LLCT-L
II	Khoa học xã hội		6							
	<i>Các học phần bắt buộc</i>		<i>4</i>							
6	124255	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	18	24	0	90	3		LS
7	121005	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	18	18	6	90	1		VNH-DL
8	<i>Chọn 1 trong 3 học phần</i>		<i>2</i>							
a	181145	Tâm lí học đại cương	2	18	24	0	90	1		TL
b	122005	Các vấn đề xã hội đương đại	2	18	24	0	90	1		XHH
c	124115	Kiến thức địa phương (tỉnh Thanh Hóa)	2	15	0	30	90	1		LS
III	Ngoại ngữ		10							
9	133031	Tiếng Anh 1	4	36	24	24	180	1		NN KC
10	133032	Tiếng Anh 2	3	27	18	18	135	2	11	NN KC
11	133033	Tiếng Anh 3	3	27	18	18	135	3	12	NN KC
IV	Toán - Tin học - KHTN - Công nghệ - Môi trường		4							
12	173080	Tin học	2	10	0	40	90	1		Tin UD
13	125105	Môi trường và con người	2	18	18	6	90	2		TVH
V	Giáo dục thể chất		4							
	191004	Giáo dục thể chất 1 (học phần bắt buộc)	2	10	0	40		1		LLPPDH GDTC

		Giáo dục thể chất 2 (học phần tự chọn) <i>Chọn 1 trong 5 học phần</i>	2					2		Điền kinh-TD
a	191031	Bóng chuyền	2	0	0	60				Điền kinh-TD
b	191032	Thể dục Aerobic	2	0	0	60				Bóng
c	191033	Bóng đá	2	0	0	60				Bóng
d	191034	Bóng rổ	2	0	0	60				Bóng
e	191035	Vovinam - Việt võ đạo	2	0	0	60				
VI	Giáo dục quốc phòng									GDQP
		GD quốc phòng	165t							
B	KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP		88							
I	Kiến thức cơ sở ngành		17							
	<i>Các học phần bắt buộc</i>		<i>11</i>							
14	127099	Tổng quan du lịch	3	27	27	9	135	1		VNH-DL
15	124051	Lịch sử Việt Nam	2	18	18	6	90	2		LS
16	121041	Hán Nôm	2	18	0	24	90	3		VHVN
17	124096	Hệ thống di tích – danh thắng Việt Nam	2	18	18	6	90	2		VNH-DL
18	124050	Các dân tộc Việt Nam	2	18	18	6	90	4		VNH-DL
19-21	<i>Chọn 3 trong 6 học phần</i>		<i>6</i>							
a	127046	Văn hóa ẩm thực Việt Nam	2	18	18	6	90	6		VNH-DL
b	124226	Tín ngưỡng, tôn giáo và lễ hội truyền thống ở Việt Nam	2	15	0	30	90	4		VNH-DL
c	128015	Phong tục tập quán Việt Nam	2	18	18	6	90	3		VNH-DL
d	124195	Lịch sử văn minh thế giới	2	18	18	6	90	4		VNH-DL
e	127021	Văn hóa Đông Nam Á	2	18	18	6	90	3		VNH-DL
f	127018	Kỹ năng đàm phán	2	18	9	15	90	6		VNH-DL
II	Kiến thức ngành		28							
	<i>Các học phần bắt buộc</i>		<i>22</i>							
22	127099	Tuyến điểm du lịch Việt Nam	3	27	36	0	135	3		VNH-DL
23	127001	TN và môi trường DLVN	2	18	18	6	90	2		ĐLKT
24	127047	Tiếng Anh du lịch 1	3	27	0	36	135	4		VNH-DL
25	127048	Tiếng Anh du lịch 2	3	27	0	36	135	5		VNH-DL
26	128011	Địa lý du lịch Việt Nam	2	18	18	6	90	2		VNH-DL

27	127051	Thực hành tuyến, điểm du lịch 1	2	0	0	60	90	4		VNH-DL
28	127003	Thực hành tuyến, điểm du lịch 2	2	0	0	60	90	7		VNH-DL
29	127024	Nghệ thuật giao tiếp trong du lịch	3	27	18	18	135	5		VNH-DL
30	127009	Phát triển du lịch bền vững	2	18	18	6	90	4		VNH-DL
31-33	<i>Chọn 3 trong 6 học phần</i>		6							
a	127072	Văn hóa du lịch	2	18	18	6	90	4		VNH-DL
b	127073	Văn hóa doanh nghiệp du lịch	2	18	18	6	90	4		VNH-DL
c	127011	Pháp luật về du lịch	2	18	18	6	90	5		VNH-DL
d	127025	Quản lý nhà nước về du lịch	2	18	18	6	90	5		VNH-DL
e	125100	Marketing du lịch	2	15	0	30	90	5		VNH-DL
f	127012	Xúc tiến và bán sản phẩm du lịch	2	15	0	30	90	5		VNH-DL
Kiến thức chuyên ngành			32							
<i>Các học phần bắt buộc</i>			20							
34	127043	Tổ chức sự kiện và DL MICE	3	15	0	60	135	6		VNH-DL
35	127052	Tổ chức hướng dẫn du lịch	4	30	0	60	180	5		VNH-DL
36	127015	Nghiệp vụ khách sạn cơ bản	3	27	0	36	135	6		VNH-DL
37	127026	Nghiệp vụ phục vụ nhà hàng	3	27	0	36	135	7		VNH-DL
38	127016	Thiết kế và điều hành tour	3	27	0	36	135	6		VNH-DL
39	127053	Nghiệp vụ chế biến sản phẩm ăn, uống	4	30	0	60	180	7		VNH-DL
40-45	<i>Chọn 6 trong 8 học phần</i>		12							
a	127035	Du lịch sinh thái	2	18	15	9	90	5		VNH-DL
b	127013	Du lịch cộng đồng & Homestay	2	18	15	9	90	6		VNH-DL
c	127002	Thuyết minh du lịch	2	15	0	30	90	6		VNH-DL
d	127008	Du lịch tôn giáo và tâm linh	2	18	15	9	90	7	27	VNH-DL
e	127007	Du lịch làng nghề	2	18	15	9	90	6	27	VNH-DL
f	127017	Kinh doanh du lịch trực tuyến	2	18	0	24	90	7		VNH-DL
g	127054	Du lịch văn hóa	2	18	15	9	90	7		VNH-DL
h	127023	Kinh doanh dịch vụ bổ sung trong du lịch	2	18	15	9	90	7		VNH-DL
Thực tập, thực tế, Khoá luận TN/HP thay thế KLTN			11							

46	123190	Thực tập nghề nghiệp cuối khóa	5	0	0	150		8		VNH-DL
	Khoá luận TN/ học phần thay thế		6					8		
	<i>Học phần thay thế</i>									
47	127014	Kinh doanh lữ hành	3	27	18	18	135	8		VNH-DL
48	127005	Thiết kế và phát triển SP du lịch	3	18	18	36	135	8		VNH-DL
		Tổng	120							

TT	Mã học phần	Môn học/học phần	Số tín chỉ
HỌC KỲ 1			15
1	196045	Những NLCB của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	2
2	133031	Tiếng Anh 1	4
3	173080	Tin học	2
4	125105	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2
5	127099	Tổng quan du lịch Việt Nam	3
Học phần tự chọn: 1 trong 3 học phần			
6	181145	Tâm lí học đại cương	2
	122005	Các vấn đề xã hội đương đại	2
	124115	Kiến thức địa phương (tỉnh Thanh Hóa)	2
HỌC KỲ 2			
Học phần bắt buộc:			16
7	196046	Những NLCB của chủ nghĩa Mác-Lênin 2	3
8	133032	Tiếng Anh 2	3
9	125105	Môi trường và con người	2
10	124051	Lịch sử Việt Nam	2
11	124096	Hệ thống di tích – danh thắng Việt Nam	2
12	128011	Địa lý du lịch Việt Nam	2
13	127001	TN và môi trường DLVN	2
HỌC KỲ 3			16
14	197035	Tư tưởng HCM	2
15	197030	Pháp luật đại cương	2
16	124255	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2
17	133033	Tiếng Anh 3	3
18	121041	Hán Nôm	2
19	127099	Tuyển điểm du lịch Việt Nam	3
Học phần tự chọn: 1 trong 2 học phần			
20	127021	Văn hóa Đông Nam Á	2
	127015	Phong tục tập quán Việt Nam	2
HỌC KỲ 4			16
21	198025	Đường lối CM của ĐCSVN	3
22	124050	Các dân tộc Việt Nam	2
23	127047	Tiếng Anh du lịch 1	3
24	127051	Thực hành tuyển, điểm du lịch 1	2
25	127009	Phát triển du lịch bền vững	2
Học phần tự chọn: 1 trong 2 học phần			
26	127072	Văn hóa du lịch	2
	127073	Văn hóa doanh nghiệp du lịch	2
Học phần tự chọn: 1 trong 2 học phần			
27	124226	Tín ngưỡng, tôn giáo và lễ hội truyền thống ở Việt Nam	2
	124195	Lịch sử văn minh thế giới	2

HỌC KỲ 5			16
<i>Học phần bắt buộc:</i>			
28	127048	Tiếng Anh du lịch 2	3
29	127024	Nghệ thuật giao tiếp trong du lịch	3
30	127052	Tổ chức hướng dẫn du lịch	4
<i>Học phần tự chọn: 3 trong 5 học phần</i>			
31-33	125100	Marketing du lịch	2
	127012	Xúc tiến và bán sản phẩm du lịch	2
	127011	Pháp luật về du lịch	2
	127025	Quản lý nhà nước về du lịch	2
	127035	Du lịch sinh thái	2
HỌC KỲ 6			15
<i>Học phần bắt buộc</i>			
34	127043	Tổ chức sự kiện và DL MICE	3
35	127015	Nghiệp vụ khách sạn cơ bản	3
36	127016	Thiết kế và điều hành tour	3
<i>Học phần tự chọn: 3 trong 5 học phần</i>			
37-39	127002	Thuyết minh du lịch	2
	127007	Du lịch làng nghề	2
	127013	Du lịch cộng đồng & Homestay	2
	127046	Văn hóa ẩm thực Việt Nam	2
	127018	Kỹ năng đàm phán	2
HỌC KỲ 7			15
<i>Học phần bắt buộc</i>			
40	127003	Thực hành tuyến, điểm du lịch 2	2
41	127026	Nghiệp vụ phục vụ nhà hàng	3
42	127053	Nghiệp vụ chế biến sản phẩm ăn, uống	4
<i>Học phần tự chọn: 3 trong 4 học phần</i>			
43-45	127008	Du lịch tôn giáo và tâm linh	2
	127017	Kinh doanh du lịch trực tuyến	2
	127054	Du lịch văn hóa	2
	127023	Kinh doanh dịch vụ bổ sung trong du lịch	2
HỌC KỲ 8			11
46	123190	Thực tập nghề nghiệp cuối khóa	5
47	127014	Kinh doanh lữ hành	3
48	127005	Thiết kế và phát triển SP du lịch	3
	Tổng		120

9. Đề cương chi tiết học phần

1. NHỮNG NGUYÊN LÝ CƠ BẢN CỦA CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN 1

Số tín chỉ: 2 (21, 18)

Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, khoa Lý luận chính trị, trường Đại học Hồng Đức.

Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần: Ngoài chương mở đầu nhằm giới thiệu khái lược về chủ nghĩa Mác-Lênin và đối tượng, mục đích, yêu cầu, phương pháp học tập, nghiên cứu môn học. Chương trình học phần Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin phần 1 được chia thành 3 chương trình bày những quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin về lĩnh vực triết học. Thông qua những quan điểm về chủ nghĩa duy vật biện chứng, phép biện chứng duy vật và chủ nghĩa duy vật lịch sử, học phần trình bày một cách khái quát những nguyên lý, những quy luật cơ bản nhất của sự tồn tại, vận động và phát triển của tự nhiên, xã hội và tư duy.

Năng lực đạt được: Sinh viên nhận thức được thế giới quan duy vật biện chứng, phương pháp luận khoa học; nhận thức và cải tạo thế giới một cách đúng đắn; áp dụng nguyên lý, quy luật để giải quyết những vấn đề thực tiễn của bản thân một cách hiệu quả.

2. Mục tiêu học phần

2. 1. Mục tiêu về kiến thức:

- Nắm vững (trình bày, phân tích, lấy được ví dụ) những vấn đề chung và các khái niệm, phạm trù cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin thuộc lĩnh vực triết học.

- Hiểu được (phân tích, giải thích, lấy ví dụ) về các quy luật chung nhất của tự nhiên, xã hội và tư duy cũng như những quy luật vận động, phát triển của xã hội loài người.

- Nắm vững (trình bày, phân tích, lấy được ví dụ) những vấn đề chung và các khái niệm, phạm trù cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin thuộc lĩnh vực triết học.

- Hiểu được (phân tích, giải thích, lấy ví dụ) về các quy luật chung nhất của tự nhiên, xã hội và tư duy cũng như những quy luật vận động, phát triển của xã hội loài người.

2. 2. Mục tiêu về kỹ năng:

- Trên cơ sở trang bị những kiến thức về mặt lý luận, người học từng bước xác lập thế giới quan khoa học, nhân sinh quan tích cực và phương pháp luận đúng đắn để nhận thức và cải tạo thế giới.

- Biết vận dụng kiến thức lý luận của môn học vào việc tiếp cận các môn khoa học chuyên ngành và hoạt động thực tiễn của bản thân một cách năng động, sáng tạo.

- Biết vận dụng những vấn đề lý luận để hiểu rõ và thực hiện tốt chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước.

3. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG MỞ ĐẦU: NHẬP MÔN NHỮNG NGUYÊN LÝ CƠ BẢN CỦA CHỦ NGHĨA MÁC-LÊNIN (3, 3)

1.1. Khái lược về chủ nghĩa Mác-Lênin

1.1.1. Chủ nghĩa Mác-Lênin và ba bộ phận cấu thành

1.1.2. Khái lược quá trình hình thành và phát triển chủ nghĩa Mác-Lênin

1.2. Đối tượng, mục đích và yêu cầu về phương pháp học tập, nghiên cứu những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin

1.2.1. Đối tượng và phạm vi học tập, nghiên cứu

1.2.2. Mục đích và yêu cầu về mặt phương pháp học tập, nghiên cứu

PHẦN THỨ 1. THẾ GIỚI QUAN VÀ PHƯƠNG PHÁP LUẬN TRIẾT HỌC CỦA CHỦ NGHĨA MÁC-LÊNIN

CHƯƠNG 1: CHỦ NGHĨA DUY VẬT BIỆN CHỨNG (6, 5)

1.1. Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa duy vật biện chứng

1.1.1. Vấn đề cơ bản của triết học và sự đối lập giữa chủ nghĩa duy vật với chủ nghĩa duy tâm trong việc giải quyết vấn đề cơ bản của triết học.

- 1.1.2. Các hình thức phát triển của chủ nghĩa duy vật trong lịch sử.
- 1.2. Quan điểm duy vật biện chứng về vật chất, ý thức và mối quan hệ giữa vật chất và ý thức.
- 1.2.1. Vật chất.
- 1.2.2. ý thức
- 1.3. Mối quan hệ giữa vật chất và ý thức

CHƯƠNG 2: PHÉP BIỆN CHỨNG DUY VẬT (6, 5)

- 2.1. Phép biện chứng và phép biện chứng duy vật
- 2.1.1. Phép biện chứng và các hình thức cơ bản của phép biện chứng
- 2.1.2. Phép biện chứng duy vật
- 2.2. Các nguyên lý cơ bản của phép biện chứng duy vật
- 2.2.1. Nguyên lý về mối liên hệ phổ biến
- 2.2.2. Nguyên lý về sự phát triển
- 2.3. Các cặp phạm trù cơ bản của phép biện chứng duy vật
- 2.3.1. Cái chung và cái riêng
- 2.3.2. Bản chất và hiện tượng
- 2.3.3. Tất nhiên và ngẫu nhiên
- 2.3.4. Nguyên nhân và kết quả
- 2.4. Các quy luật cơ bản của phép biện chứng duy vật
- 2.4.1. Quy luật chuyển hoá từ những sự thay đổi về lượng thành những sự thay đổi về chất và ngược lại
- 2.4.2. Quy luật thống nhất và đấu tranh giữa các mặt đối lập
- 2.4.3. Quy luật phủ định của phủ định
- 2.5. Lý luận nhận thức duy vật biện chứng vật
- 2.5.1. Thực tiễn, nhận thức và vai trò của thực tiễn với nhận thức
- 2.5.2. Con đường biện chứng của sự nhận thức chân lý

CHƯƠNG 3: CHỦ NGHĨA DUY VẬT LỊCH SỬ (6, 5)

- 3.1. Vai trò của sản xuất vật chất và quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất
- 3.1.1. Sản xuất vật chất và vai trò của nó
- 3.1.2. Quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất.
- 3.2. Biện chứng của cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng
- 3.2.1. Khái niệm cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng
- 3.2.2. Mối quan hệ biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng
- 3.3. Tồn tại xã hội quyết định ý thức xã hội và tính độc lập tương đối của ý thức xã hội
- 3.3.1. Tồn tại xã hội quyết định ý thức xã hội
- 3.3.2. Tính độc lập tương đối của ý thức xã hội
- 3.4. Hình thành kinh tế- xã hội và quá trình lịch sử, xã hội của sự phát triển các hình thái kinh tế xã hội
- 3.4.1. Khái niệm, kết cấu hình thái kinh tế - xã hội
- 3.4.2. Quá trình lịch sử - tự nhiên của sự phát triển các hình thái kinh tế - xã hội.

4. Yêu cầu của môn học:

Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn:

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên.

7. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

9. 1. Giáo trình chính:

B1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2012), *Giáo trình Triết học Mác-Lênin*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

B2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2013), *Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

9. 2. Sách tham khảo:

T1. Đảng Cộng sản Việt Nam (1986, 1991, 1996, 2001, 2006, 2011), *Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI, VII, VIII, IX, X, XI*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

T2. Nhiều tác giả (1980), *Lênin toàn tập*, Tập 23, Tập 25, Tập 26, Tập 29, Tập 32, Tập 41, NXB Tiến bộ Matxcova, Nga.

T3. Nhiều tác giả (2000), *C. Mác và Ph. Ăngghen toàn tập*, Tập 20, Tập 42, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

2. NHỮNG NGUYÊN LÝ CƠ BẢN CỦA CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN 2

Số tín chỉ: 3 (32, 26)

Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mac - Lênin, khoa Lý luận chính trị, trường Đại học Hồng Đức.

Điều kiện tiên quyết: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mac - Lênin1

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần bao gồm hai phần: Phần thứ nhất trình bày học thuyết kinh tế của chủ nghĩa Mac-Lênin về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa. Cụ thể là làm rõ các phạm trù, các quy luật kinh tế cơ bản thông qua các học thuyết như : học thuyết giá trị, học thuyết giá trị thặng dư, học thuyết về chủ nghĩa tư bản độc quyền và chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước. Phần thứ hai bao gồm những quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mac -Lênin về chủ nghĩa xã hội, về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân và cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Năng lực đạt được: Sinh viên hiểu được bản chất của các hiện tượng, quá trình kinh tế, các quy luật kinh tế chi phối nền kinh tế hàng hóa; hiểu được bản chất quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa là bóc lột giá trị thặng dư, các quy luật kinh tế của nền kinh tế tư bản chủ nghĩa; có được phương pháp luận khoa học để giải quyết được các vấn đề kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội đặt ra trong đời sống xã hội.

2. Mục tiêu học phần

2. 1. Mục tiêu về kiến thức:

- Hiểu được một cách hệ thống những học thuyết kinh tế cơ bản nhất của chủ nghĩa Mac-Lênin về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa.

- Hiểu được sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, tính tất yếu và nội dung của cách mạng xã hội chủ nghĩa, quá trình hình thành và các giai đoạn phát triển của hình thái kinh tế xã hội cộng sản chủ nghĩa, những vấn đề chính trị xã hội có tính quy luật trong tiến trình cách mạng xã hội chủ nghĩa và triển vọng của chủ nghĩa xã hội.

2. 2. Mục tiêu về kỹ năng:

- Trên cơ sở trang bị những kiến thức về mặt lý luận, người học mở rộng và nâng cao nhận thức khoa học về các vấn đề kinh tế, chính trị-xã hội hiện nay.

- Biết vận dụng kiến thức lý luận của môn học vào việc tiếp cận các môn khoa học chuyên ngành và hoạt động thực tiễn của bản thân một cách năng động, sáng tạo.

3. Nội dung chi tiết học phần

PHẦN THỨ 2

HỌC THUYẾT KINH TẾ CỦA CHỦ NGHĨA MÁC-LÊNIN VỀ PHƯƠNG THỨC SẢN XUẤT TƯ BẢN CHỦ NGHĨA

CHƯƠNG 4: HỌC THUYẾT GIÁ TRỊ

(5, 4)

4.1. Điều kiện ra đời, đặc trưng và ưu thế của sản xuất hàng hoá

4.1.1. Điều kiện ra đời của sản xuất hàng hoá

4.1.2. Đặc trưng và ưu thế của sản xuất hàng hoá

4.2. Hàng hoá

4.2.1. Hàng hoá và hai thuộc tính của hàng hoá

4.2.2. Tính chất hai mặt của lao động sản xuất hàng hoá

4.2.3. Lượng giá trị hàng hoá và các nhân tố ảnh hưởng đến lượng giá trị hàng hoá.

4.3. Tiền tệ

4.3.1. Lịch sử phát triển của hình thái giá trị và bản chất của tiền tệ

4.3.2. Chức năng của tiền tệ

4.4. Quy luật giá trị

4.4.1. Nội dung của quy luật giá trị

4.4.2. Tác động của quy luật giá trị

CHƯƠNG 5: HỌC THUYẾT GIÁ TRỊ THẶNG DƯ

(5, 4)

5.1. Sự chuyển hoá của tiền tệ thành tư bản

5.1.1. Công thức chung của tư bản

5.1.2. Mâu thuẫn của công thức chung của tư bản

5.1.3. Hàng hoá sức lao động và tiền công trong chủ nghĩa tư bản

5.2. Sự sản xuất ra giá trị thặng dư

5.2.1. Sự thống nhất giữa quá trình sản xuất ra giá trị sử dụng và quá trình sản xuất ra giá trị thặng dư

5.2.2. Khái niệm tư bản, tư bản bất biến và tư bản khả biến

5.2.3. Tỷ suất giá trị thặng dư và khối lượng giá trị thặng dư

5.2.4. Hai phương pháp sản xuất giá trị thặng dư và giá trị thặng dư siêu ngạch

5.2.5. Sản xuất giá trị thặng dư - quy luật kinh tế tuyệt đối của chủ nghĩa tư bản.

5.2.6. Tuần hoàn và chu chuyển tư bản. Tư bản cố định và tư bản lưu động

5.3. Sự chuyển hoá của giá trị thặng dư thành tư bản - tích lũy tư bản

5.3.1. Thực chất và động cơ của tích lũy tư bản

5.3.2. Tích tụ và tập trung tư bản

5.3.3. Cấu tạo hữu cơ của tư bản

5.4. Các hình thái tư bản và các hình thức biểu hiện của giá trị thặng dư

5.4.1. Chi phí sản xuất tư bản chủ nghĩa. Lợi nhuận và tỷ suất lợi nhuận

5.4.2. Lợi nhuận bình quân và giá cả sản xuất

5.4.3. Sự phân chia giá trị thặng dư giữa các tập đoàn tư bản

CHƯƠNG 6: HỌC THUYẾT VỀ CHỦ NGHĨA TƯ BẢN ĐỘC QUYỀN VÀ CHỦ NGHĨA TƯ BẢN ĐỘC QUYỀN NHÀ NƯỚC (5, 4)

6.1. Chủ nghĩa tư bản độc quyền

6.1.1. Sự chuyển biến từ chủ nghĩa tư bản tự do cạnh tranh sang chủ nghĩa tư bản độc quyền

6.1.2. Năm đặc điểm kinh tế cơ bản của chủ nghĩa tư bản độc quyền

6.1.3. Sự hoạt động của quy luật giá trị và quy luật giá trị thặng dư trong giai đoạn chủ nghĩa tư bản độc quyền

6.2. Chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước

6.2.1. Nguyên nhân ra đời và bản chất của chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước

6.2.2. Những biểu hiện mới của chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước

6.3. Đánh giá chung về vai trò và giới hạn lịch sử của chủ nghĩa tư bản

6.3.1. Vai trò của chủ nghĩa tư bản đối với sự phát triển của nền sản xuất xã hội

6.3.2. Giới hạn lịch sử của chủ nghĩa tư bản

PHẦN THỨ 3

LÝ LUẬN CỦA CHỦ NGHĨA MÁC-LÊNIN VỀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

CHƯƠNG 7: SỨ MỆNH LỊCH SỬ CỦA GIAI CẤP CÔNG NHÂN VÀ CÁCH MẠNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA (5, 4)

7.1. Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân

7.1.1. Giai cấp công nhân và sứ mệnh lịch sử của nó

7.1.2. Điều kiện khách quan quy định sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân

7.2. Cách mạng xã hội chủ nghĩa

7.2.1. Cách mạng xã hội chủ nghĩa và nguyên nhân của nó

7.2.2. Mục tiêu, động lực và nội dung của cách mạng xã hội chủ nghĩa

7.2.3. Liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân trong cách mạng xã hội chủ nghĩa

7.3. Hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa

7.3.1. Xu thế tất yếu của sự ra đời hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa.

7.3.2. Các giai đoạn phát triển của hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa.

CHƯƠNG 8: NHỮNG VẤN ĐỀ CHÍNH TRỊ-XÃ HỘI CÓ TÍNH QUY LUẬT TRONG TIẾN TRÌNH CÁCH MẠNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA (6, 5)

8.1. Xây dựng nền dân chủ XHCN và nhà nước XHCN

8.1.1. Xây dựng nền dân chủ XHCN

8.1.2. Xây dựng nhà nước XHCN

8.2. Xây dựng nền văn hoá XHCN

8.2.1. Khái niệm nền văn hoá XHCN

8.2.2. Nội dung và phương thức xây dựng nền văn hoá XHCN

8.3. Giải quyết vấn đề dân tộc và tôn giáo

8.3.1. Vấn đề dân tộc và nguyên tắc cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin trong việc giải quyết vấn đề dân tộc

8.3.2. Vấn đề tôn giáo và nguyên tắc cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin trong việc giải quyết vấn đề tôn giáo

CHƯƠNG 9: CHỦ NGHĨA XÃ HỘI HIỆN THỰC VÀ TRIỂN VỌNG (6, 5)

9.1. Chủ nghĩa xã hội hiện thực

9.1.1. Cách mạng tháng Mười Nga và mô hình CNXH hiện thực đầu tiên trên thế giới.

9.1.2. Sự ra đời của hệ thống các nước XHCN và những thành tựu của nó

9.2. Sự khủng hoảng và sụp đổ của mô hình CNXH Xô viết và nguyên nhân của nó

9.2.1. Sự khủng hoảng và sụp đổ của mô hình CNXH Xôviết

9.2.2. Nguyên nhân dẫn đến khủng hoảng và sụp đổ của mô hình CNXH Xô Viết

9.3. Triển vọng của CNXH

9.3.1. Chủ nghĩa tư bản không phải là tương lai của xã hội loài người

9.3.2. CNXH - tương lai của loài người

4. Yêu cầu của môn học: Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn: Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên.

7. Trang thiết bị: Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.

- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%

- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

9. 1. Giáo trình chính:

B1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2012), *Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

B2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2012), *Giáo trình Kinh tế chính trị Mác-Lênin* (dùng cho khối ngành không chuyên kinh tế - quản trị kinh doanh), NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

B3. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2012), *Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

9. 2. Sách tham khảo:

T1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2008), *Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội.

T2. Đại học Quốc gia Hà Nội (2008), *Một số chuyên đề về Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin*, NXB Lý luận Chính trị, Hà Nội.

T3. Đảng Cộng sản Việt Nam (1991, 1996, 2001, 2006), *Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI, VII, VIII, IX, X*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

3. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

- Số tín chỉ: 2(21, 18)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Tư tưởng Hồ Chí Minh và Pháp luật
- Điều kiện tiên quyết: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1 & 2

1. Mô tả học phần

Học phần Tư tưởng HCM cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về:

+ Khái niệm Tư tưởng HCM, bản chất, đặc điểm, đối tượng và ý nghĩa của việc nghiên cứu TTHCM; quá trình hình thành, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh.

+ Các nội dung chủ yếu của tư tưởng HCM về vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc; về CNXH và con đường quá độ lên CNXH ở Việt Nam; về Đảng Cộng sản VN; về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; về dân chủ và xây dựng nhà nước của dân, do dân và vì dân; về văn hóa, đạo đức và xây dựng con người mới.

Năng lực đạt được: Sinh viên nâng cao tư duy lý luận, phẩm chất chính trị, đạo đức cách mạng, năng lực tổ chức hoạt động thực tiễn; biết vận dụng kiến thức đã học để lý giải, đánh giá được đúng đắn các hiện tượng xã hội và các vấn đề đặt ra trong cuộc sống; biết vận dụng lý luận vào thực tiễn để rèn luyện và hoàn thiện bản thân theo phong cách Hồ Chí Minh.

2. Mục tiêu học phần

2.1. Mục tiêu về kiến thức:

+ Cung cấp những kiến thức cơ bản về nguồn gốc, quá trình hình thành, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh

+ Cung cấp những kiến thức có tính hệ thống về những vấn đề cơ bản của đường lối cách mạng Việt Nam: Về dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc, về xây dựng Đảng, Nhà nước, về CNXH, và quá độ lên CNXH, về đoàn kết dân tộc và quốc tế, về dân chủ.

+ Cung cấp những kiến thức về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hóa Hồ Chí Minh; xây dựng nền tảng đạo đức con người mới XHCN.

2.2. Mục tiêu về kỹ năng: Giúp người học nâng cao tư duy lý luận, phẩm chất chính trị, đạo đức cách mạng, năng lực tổ chức hoạt động thực tiễn, khả năng vận dụng vào thực tiễn, giải quyết tốt những vấn đề biến đổi trong thực tiễn đặt ra. Luôn biết gắn lý luận với thực tiễn, học đi đôi với hành.

3. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG MỞ ĐẦU: ĐỐI TƯỢNG, PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU VÀ Ý NGHĨA HỌC TẬP MÔN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

1. Đối tượng nghiên cứu

1.1. Khái niệm tư tưởng và tư tưởng Hồ Chí Minh.

1.2. Đối tượng của môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh.

1.3. Mối quan hệ của môn học này với môn học Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin và môn Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam.

2. Phương pháp nghiên cứu:

2.1. Cơ sở phương pháp luận.

2.2. Các phương pháp cụ thể.

3. Ý nghĩa của việc học tập môn học đối với sinh viên

3.1. Nâng cao năng lực tư duy lý luận và phương pháp học tập, công tác.

3.2. Bồi dưỡng phẩm chất đạo đức cách mạng và rèn luyện bản lĩnh chính trị.

CHƯƠNG 1: (3, 2) CƠ SỞ, QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

1.1. Cơ sở hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh

1.1.1. Cơ sở khách quan

1.1.2. Nhân tố chủ quan

1.2. Quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh

1.2.1. Thời kỳ trước năm 1911: Hình thành tư tưởng yêu nước và chí hướng cứu nước.

1.2.2. Thời kỳ từ năm 1911 - 1920: Tìm thấy con đường cứu nước giải phóng dân tộc.

- 1.2.3. Thời kỳ từ năm 1921-1930: Hình thành cơ bản tư tưởng về cách mạng VN.
- 1.2.4. Thời kỳ từ 1930 - 1945: Vượt qua thử thách, kiên trì giữ vững lập trường CM.
- 1.2.5. Thời kỳ từ 1945 - 1969: Tư tưởng Hồ Chí Minh tiếp tục phát triển, hoàn thiện.

1.3. Giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh

- 2.3.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh soi sáng con đường giải phóng và phát triển dân tộc.
- 2.3.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh đối với sự phát triển thế giới.

CHƯƠNG 2: TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ VẤN ĐỀ DÂN TỘC VÀ CÁCH MẠNG GIẢI PHÓNG DÂN TỘC (3, 2)

2.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc

- 2.1.1. Vấn đề dân tộc thuộc địa.
- 2.1.2. Mối quan hệ giữa vấn đề dân tộc và vấn đề giai cấp.

2.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về cách mạng giải phóng dân tộc

- 2.2.1. Mục tiêu của cách mạng giải phóng dân tộc.
- 2.2.2. Cách mạng giải phóng dân tộc muốn thắng lợi phải đi theo con đường cách mạng vô sản.
- 2.2.3. Cách mạng giải phóng DT trong thời đại mới phải do Đảng Cộng sản lãnh đạo.
- 2.2.4. Lực lượng của cách mạng giải phóng dân tộc bao gồm toàn dân tộc.

CHƯƠNG 3: TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ CON ĐƯỜNG QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM (3, 2)

3.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

- 3.1.1. Tính tất yếu của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.
- 3.1.2. Đặc trưng của CNXH ở Việt Nam.
- 3.1.3. Quan điểm Hồ Chí Minh về động lực của CNXH ở Việt Nam.

3.2. Con đường, biện pháp quá độ lên CNXH ở Việt Nam

- 3.2.1. Con đường.
- 3.2.2. Biện pháp.

CHƯƠNG 4: TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM (3, 2)

4.1. Quan niệm của Hồ Chí Minh về vai trò và bản chất của Đảng CSVN

- 4.1.1. Về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam.
- 4.1.2. Vai trò của Đảng Cộng sản Việt Nam.
- 4.1.3. Bản chất của Đảng Cộng sản Việt Nam.

4.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng CSVN trong sạch, vững mạnh

- 4.2.1. Xây dựng Đảng - Quy luật tồn tại và phát triển của Đảng.
- 4.2.2. Nội dung công tác xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam.

CHƯƠNG 5: TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC VÀ ĐOÀN KẾT QUỐC TẾ (3, 2)

5.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc

- 5.1.1. Vai trò của đại đoàn kết dân tộc trong sự nghiệp cách mạng.
- 5.1.2. Nội dung của đại đoàn kết dân tộc.
- 5.1.3. Hình thức tổ chức khối đại đoàn kết dân tộc.

5.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết quốc tế.

- 5.2.1. Sự cần thiết xây dựng đoàn kết quốc tế.
- 5.2.2. Nội dung và hình thức đoàn kết quốc tế.
- 5.2.3. Nguyên tắc đoàn kết quốc tế.

CHƯƠNG 6: TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ DÂN CHỦ VÀ XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC CỦA DÂN, DO DÂN, VÌ DÂN (2, 2)

6.1. Quan điểm của Hồ Chí Minh về dân chủ

- 6.1.1. Quan niệm của Hồ Chí Minh về dân chủ
- 6.1.2. Dân chủ trong các lĩnh vực đời sống xã hội.
- 6.1.3. Thực hành dân chủ.

6.2. Quan điểm Hồ Chí Minh về xây dựng Nhà nước của dân, do dân, vì dân

- 6.2.1. Xây dựng Nhà nước thể hiện quyền làm chủ của nhân dân.

6.2.2. Quan điểm Hồ Chí Minh về sự thống nhất giữa bản chất giai cấp công nhân với tính nhân dân và tính dân tộc của Nhà nước.

6.2.3. Xây dựng Nhà nước có hiệu lực pháp lý mạnh mẽ.

CHƯƠNG 7: TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ VĂN HÓA, ĐẠO ĐỨC VÀ XÂY DỰNG CON NGƯỜI MỚI (2, 2)

7.1. Những quan điểm cơ bản của Hồ Chí Minh về văn hóa

7.1.1. Khái niệm văn hóa theo tư tưởng Hồ Chí Minh.

7.1.2. Quan điểm của Hồ Chí Minh về các vấn đề chung của văn hóa.

7.1.3. Quan điểm của Hồ Chí Minh về một số lĩnh vực chính của văn hóa.

7.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức

7.2.1. Nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức.

7.2.2. Sinh viên học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh.

7.3. Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng con người mới

7.3.1. Quan niệm Hồ Chí Minh về con người.

7.3.2. Quan điểm của Hồ Chí Minh về vai trò của con người và chiến lược “trồng người”.

4. Yêu cầu của môn học: Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn: Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên.

7. Trang thiết bị: Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.

- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%

- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

9.1. Giáo trình chính:

B1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2013), *Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

9.2. Sách tham khảo:

T1. Đảng cộng sản Việt Nam (1986), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn Quốc của Đảng Cộng sản Việt Nam lần thứ VI*, NXB Sự thật, Hà Nội.

T2. Đảng cộng sản Việt Nam (1991), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn Quốc của ĐCSVN lần thứ VII*, NXB Sự thật, Hà Nội.

T3. Đảng cộng sản Việt Nam (1996), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn Quốc của ĐCSVN lần thứ VIII*, NXB Sự thật, Hà Nội.

T4. Đảng cộng sản Việt Nam (2001), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn Quốc của ĐCSVN lần thứ IX*, NXB Sự thật, Hà Nội.

T5. Hội đồng Trung ương (2003), *Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

T6. Nhiều tác giả (2002), *Hồ Chí Minh toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

T7. Nhiều tác giả (2005), *Dạy và học môn Tư tưởng Hồ Chí Minh*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

T8. Nhiều tác giả (2007), *Học tập tấm gương đạo đức Bác Hồ*, NXB Thanh niên, Hà Nội.

T9. Nhiều tác giả (2008), *Một số chuyên đề về tư tưởng Hồ Chí Minh*, NXB Lý luận chính trị, Hà Nội.

4. ĐƯỜNG LỐI CÁCH MẠNG CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

- Số tín chỉ: 3 (32, 26)

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Đường lối cách mạng của ĐCSVN, Khoa Lý luận chính trị, trường Đại học Hồng Đức

- Điều kiện tiên quyết: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác- Lênin1 & 2

1. Mô tả học phần

Nội dung chủ yếu của môn học là cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản, có hệ thống về Sự ra đời của ĐCSVN, về đường lối chủ trương của Đảng trong hai cuộc cách mạng, cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và cách mạng xã hội chủ nghĩa, đặc biệt là đường lối của ĐCSVN trong thời kỳ đổi mới đất nước.

Năng lực đạt được: Sinh viên nhận thức được đầy đủ, sâu sắc quan điểm, chủ trương, chính sách của Đảng trên tất cả các lĩnh vực: kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội; vận dụng được kiến thức chuyên ngành giải quyết một cách chủ động, tích cực những vấn đề do thực tiễn đặt ra; Sinh viên cải thiện được niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng; xác định được định hướng phấn đấu theo mục tiêu lý tưởng của Đảng, góp phần vào quá trình xây dựng, phát triển nhân cách bản thân đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp CNH, HĐH đất nước.

2. Mục tiêu học phần

2.1. Mục tiêu về kiến thức:

Sinh viên nắm vững những nội dung cơ bản về đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, từ cách mạng DTDCND đến cách mạng XHCN, đặc biệt là đường lối đổi mới, công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Từ đó, sinh viên nhận thức được đường lối đúng đắn của Đảng là nhân tố đầu tiên quyết định mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam: từ cách mạng tháng Tám năm 1945 đến kháng chiến chống Pháp, kháng chiến chống Mỹ và nhất là thành tựu bước đầu trong sự nghiệp đổi mới đất nước hiện nay.

2.2. Mục tiêu về kỹ năng:

Sinh viên biết vận dụng kiến thức đã học để giải quyết một cách chủ động, tích cực những vấn đề do thực tiễn cuộc sống đặt ra trong từng lĩnh vực cụ thể theo đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật Nhà nước.

3. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG MỞ ĐẦU (2, 2)

ĐỐI TƯỢNG, NHIỆM VỤ VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU MÔN ĐƯỜNG LỐI CÁCH MẠNG CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

1. Đối tượng và nhiệm vụ nghiên cứu

1.1. Đối tượng nghiên cứu

1.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

2. Phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa của việc học tập môn học

2.1. Phương pháp nghiên cứu

2.2. Ý nghĩa của học tập môn học.

CHƯƠNG 1: SỰ RA ĐỜI CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM VÀ CƯƠNG LĨNH CHÍNH TRỊ ĐẦU TIÊN CỦA ĐẢNG (4, 3)

1.1. Hoàn cảnh lịch sử ra đời Đảng cộng sản Việt Nam

1.1.1. Hoàn cảnh quốc tế cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX

1.1.2. Hoàn cảnh trong nước

1.2. Hội nghị thành lập Đảng và cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng

1.2.1. Hội nghị thành lập Đảng

1.2.2. Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng (gồm các văn kiện: Chánh cương vắn tắt của Đảng; Sách lược vắn tắt của Đảng; Chương trình tóm tắt của Đảng)

1.2.3. Ý nghĩa lịch sử sự ra đời Đảng Cộng sản Việt Nam và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng

CHƯƠNG 2: ĐƯỜNG LỐI ĐẤU TRANH GIÀNH CHÍNH QUYỀN (1930-1945)

(4, 3)

2.1. Chủ trương đấu tranh từ năm 1930 đến năm 1939

2.1.1. Trong những năm 1930-1935

2.1.2. Trong những năm 1936-1939

2.2. Chủ trương đấu tranh từ năm 1939 đến năm 1945

2.2.1. Hoàn cảnh lịch sử và sự chuyển hướng chỉ đạo chiến lược của Đảng

2.2.2. Chủ trương phát động Tổng khởi nghĩa giành chính quyền.

CHƯƠNG 3: ĐƯỜNG LỐI KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP VÀ ĐẾ QUỐC MỸ XÂM LƯỢC (1945-1975) (5, 4)

3.1. Đường lối xây dựng, bảo vệ chính quyền và kháng chiến chống thực dân pháp xâm lược (1945-1954)

3.1.1. Chủ trương xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng (1945-1946)

3.1.2. Đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược và xây dựng chế độ dân chủ nhân dân (1946-1954)

3.1.3. Kết quả, ý nghĩa lịch sử, nguyên nhân thắng lợi và bài học kinh nghiệm

3.2. Đường lối kháng chiến chống mỹ, thống nhất đất nước (1954-1975)

3.2.1. Giai đoạn 1954-1964

3.2.2. Giai đoạn 1965-1975

3.2.3. Kết quả, ý nghĩa lịch sử, nguyên nhân thắng lợi và bài học kinh nghiệm.

CHƯƠNG 4: ĐƯỜNG LỐI CÔNG NGHIỆP HOÁ (5, 4)

4.1. Công nghiệp hoá thời kỳ trước đổi mới

4.1.1. Chủ trương của Đảng về công nghiệp hoá

4.1.2. Kết quả, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân

4.2. Công nghiệp hoá, hiện đại hoá thời kỳ đổi mới

4.2.1. Quá trình đổi mới tư duy về công nghiệp hoá

4.2.2. Mục tiêu, quan điểm công nghiệp hoá, hiện đại hoá

CHƯƠNG 5: ĐƯỜNG LỐI XÂY DỰNG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XHCN (4, 3)

5.1. Quá trình đổi mới nhận thức về kinh tế thị trường

5.1.1. Cơ chế quản lý kinh tế Việt Nam thời kỳ trước đổi mới

5.1.2. Sự hình thành tư duy của Đảng về kinh tế thị trường thời kỳ đổi mới

5.2. Tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta

5.2.1. Mục tiêu và quan điểm cơ bản

5.2.2. Một số chủ trương tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa

5.2.3. Kết quả, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân

CHƯƠNG 6: ĐƯỜNG LỐI XÂY DỰNG HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ (4, 3)

6.1. Đường lối xây dựng hệ thống chính trị thời kỳ trước đổi mới (1945-1985)

6.1.1. Hoàn cảnh lịch sử và chủ trương xây dựng hệ thống chính trị

6.1.2. Kết quả, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân

6.2. Đường lối xây dựng hệ thống chính trị thời kỳ đổi mới

6.2.1. Quá trình hình thành đường lối đổi mới hệ thống chính trị

6.2.2. Mục tiêu, quan điểm và chủ trương xây dựng hệ thống chính trị thời kỳ đổi mới.

CHƯƠNG 7: ĐƯỜNG LỐI XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NỀN VĂN HOÁ; GIẢI QUYẾT CÁC VẤN ĐỀ XÃ HỘI (4, 4)

7.1. Quá trình nhận thức và nội dung đường lối xây dựng và phát triển nền văn hoá

7.1.1. Thời kỳ trước đổi mới

7.1.2. Trong thời kỳ đổi mới

7.2. Quá trình nhận thức và chủ trương giải quyết các vấn đề xã hội

7.2.1. Thời kỳ trước đổi mới

7.2.2. Trong thời kỳ đổi mới

CHƯƠNG 8: ĐƯỜNG LỐI ĐỐI NGOẠI (4, 4)

8.1. Đường lối đối ngoại thời kỳ trước đổi mới (1975-1985)

- 8.1.1. Hoàn cảnh lịch sử
- 8.1.2. Chủ trương đối ngoại của Đảng
- 8.1.3. Kết quả, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân

8.2. Đường lối đối ngoại, hội nhập kinh tế quốc tế thời kỳ đổi mới.

- 8.2.1. Hoàn cảnh lịch sử và quá trình hình thành đường lối
- 8.2.2. Nội dung đường lối đối ngoại, hội nhập kinh tế quốc tế
- 8.2.3. Thành tựu, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân

4. Yêu cầu của môn học:

Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn:

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên.

7. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

9.1. Giáo trình chính:

B1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2015), *Giáo trình Lịch sử Đảng CSVN*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

B2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2012), *Giáo trình Đường lối cách mạng của ĐCSVN*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

9.2. Sách tham khảo:

T1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2008), *Đường lối cách mạng của ĐCSVN*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội.

T2. Đảng cộng sản Việt Nam (2001), *Văn kiện Đảng toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội

5. PHÁP LUẬT ĐẠI CƯƠNG

- Số tín chỉ: 2 (18, 12, 12)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Tư tưởng Hồ Chí Minh và Pháp luật
- Điều kiện tiên quyết: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin

1. Mô tả học phần

Giới thiệu những vấn đề cơ bản nhất về Nhà nước và pháp luật. Trên cơ sở đó, đi vào giới thiệu khái quát quy định pháp luật hiện hành của một số ngành luật cơ bản như ngành Luật Hiến pháp, Luật Hình sự, Luật Dân sự, Luật Hôn nhân và Gia đình, Luật Lao động, Luật Đất đai. . .

Năng lực đạt được: Sinh viên sử dụng được kiến thức đã học vào việc xử lý các vấn đề liên quan đến pháp luật tại nơi làm việc và trong cộng đồng dân cư; phân biệt được tính hợp pháp, không hợp pháp của các hành vi biểu hiện trong đời sống hàng ngày; tổ chức được các hoạt động góp phần thực hiện kỷ luật học đường, kỷ cương xã hội.

2. Mục tiêu học phần

2. 1. Mục tiêu về kiến thức:

Nắm được những kiến thức cơ bản về Nhà nước và Pháp luật Việt Nam đồng thời những quy định pháp luật chung, phổ biến trong đời sống của xã hội Việt Nam như Luật Lao động, Luật Dân sự, Luật Hôn nhân và Gia đình, Luật Hình sự...

2. 2. Mục tiêu về kỹ năng:

Kỹ năng vận dụng một số quy định của pháp luật vào thực tế cuộc sống, giải quyết được một số tình huống cơ bản trên cơ sở áp dụng quy định pháp luật.

3. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG 1: MỘT SỐ VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ NHÀ NƯỚC (2, 3)

1. Nguồn gốc nhà nước.
 1. 1. Một số quan điểm phi Mác-xít về nguồn gốc nhà nước.
 1. 1. 2. Quan điểm của học thuyết Mác-Lênin về nguồn gốc nhà nước.
1. 2. Bản chất, các dấu hiệu cơ bản và chức năng của nhà nước.
 1. 2. 1. Bản chất của nhà nước.
 1. 2. 2. Khái niệm và các dấu hiệu cơ bản của nhà nước.
 1. 2. 3. Chức năng của nhà nước.
1. 3. Nhà nước CHXHCN Việt Nam.
 1. 3. 1. Bản chất nhà nước CHXHCN Việt Nam.
 1. 3. 2. Chức năng của nhà nước ta.

CHƯƠNG 2: MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ PHÁP LUẬT (2, 3)

2. 1. Nguồn gốc, bản chất của pháp luật.
2. 3. Hình thức pháp luật.
2. 4. Quy phạm pháp luật và văn bản quy phạm pháp luật xhcn.
2. 5. Quan hệ pháp luật.
2. 6. Thực hiện pháp luật. Vi phạm pháp luật. Trách nhiệm pháp lý.
2. 7. Pháp chế XHCN.

CHƯƠNG 3: LUẬT HIẾN PHÁP (2, 3)

3. 1. Khái quát chung về luật hiến pháp.
 3. 1. 1. Định nghĩa Luật hiến pháp.
 3. 1. 2. Đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh
3. 2. Tổ chức bộ máy nhà nước CHXHCN Việt Nam.
 3. 2. 1. Khái quát về bộ máy nhà nước chxhcn Việt Nam
 3. 2. 2. Các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước ta
 3. 2. 3. Các cơ quan trong bộ máy nhà nước
3. 3. Các quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân.
 3. 3. 1. Các quyền và nghĩa vụ cơ bản về kinh tế - xã hội
 3. 3. 2. Các quyền và nghĩa vụ cơ bản về chính trị
 3. 3. 3. Các quyền và nghĩa vụ cơ bản về văn hóa, giáo dục

3. 3. 4. Các quyền và nghĩa vụ cơ bản về tự do dân chủ và tự do cá nhân

CHƯƠNG 4: LUẬT HÀNH CHÍNH

(2, 3)

4. 1. Khái quát chung về luật hành chính.

4. 1. 1. Định nghĩa Luật hành chính

4. 1. 2. Đối tượng điều chỉnh phương pháp điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh

4. 2. Quan hệ pháp luật hành chính, trách nhiệm hành chính

4. 2. 1. Quan hệ pháp luật hành chính

4. 2. 2. Trách nhiệm hành chính

4. 3. Vi phạm hành chính và xử lý vi phạm hành chính

4. 3. 1. Định nghĩa vi phạm hành chính

4. 3. 2. Xử lý vi phạm hành chính

4. 4. Cán bộ, công chức. Nghĩa vụ và quyền lợi của cán bộ công chức.

4. 4. 1. Khái niệm cán bộ, công chức

4. 4. 2. Nghĩa vụ và quyền lợi của cán bộ, công chức.

CHƯƠNG 5: LUẬT PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG

(2, 3)

5. 1. Khái niệm, đặc điểm của tham nhũng

5. 1. 1. Khái niệm tham nhũng

5. 1. 2. Đặc điểm của tham nhũng

5. 1. 3. Những hành vi tham nhũng theo quy định của pháp luật hiện hành

5. 2. Nguyên nhân, điều kiện làm phát sinh tham nhũng

5. 2. 1. Nguyên nhân khách quan

5. 2. 2. Nguyên nhân chủ quan

5. 3. Tác hại của tham nhũng

5. 3. 1. Chính trị

5. 3. 2. Kinh tế

5. 3. 3. Xã hội

5. 4. Các biện pháp phòng chống tham nhũng

5. 4. 1. Nhóm các biện pháp phòng ngừa tham nhũng

5. 4. 2. Nhóm các biện pháp phòng chống tham nhũng

CHƯƠNG 6: LUẬT DÂN SỰ - LUẬT HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH

(3, 3)

A. Luật dân sự.

6. 1. Khái quát chung về luật dân sự.

6. 1. 1. Định nghĩa luật dân sự

6. 1. 2. Đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh

6. 2. Nội dung cơ bản của luật dân sự.

6. 2. 1. Quyền sở hữu

6. 2. 2. Thừa kế.

6. 2. 3. Hợp đồng và trách nhiệm dân sự.

B. Luật hôn nhân và gia đình

6. 3. Khái quát chung về luật hôn nhân và gia đình.

6. 3. 1. Định nghĩa luật hôn nhân gia đình

6. 3. 2. Đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh

6. 4. Nội dung cơ bản.

6. 4. 1. Kết hôn.

6. 4. 2. Quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng, cha mẹ và con.

6. 4. 3. Chấm dứt hôn nhân.

CHƯƠNG 7: LUẬT HÌNH SỰ

(2, 3)

7. 1. Khái quát chung về luật hình sự.

7. 1. 1. Định nghĩa Luật hình sự

7. 1. 2. Đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh

7. 2. Tội phạm.

7. 2. 1. Khái niệm, đặc điểm của tội phạm.

- 7. 2. 2. Phân loại tội phạm.
- 7. 3. Hình phạt và các biện pháp tư pháp.
- 7. 3. 1. Hình phạt.
- 7. 3. 2. Các biện pháp tư pháp khác

CHƯƠNG 8: LUẬT LAO ĐỘNG

(3, 3)

- 8. 1. Khái quát chung về luật lao động.
- 8. 1. 1. Định nghĩa luật lao động
- 8. 1. 2. Đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh
- 8. 2. Những nội dung cơ bản.
- 8. 2. 1. Hợp đồng lao động.
- 8. 2. 2. Quyền, nghĩa vụ của người lao động và người sử dụng lao động.
- 8. 2. 3. Công đoàn.
- 8. 2. 4. Thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi.
- 8. 2. 5. Tiền lương và phụ cấp
- 8. 2. 6. Kỷ luật lao động. Trách nhiệm vật chất.

4. Phương pháp giảng dạy: Thuyết giảng; giới thiệu tình huống thực tế cho sinh viên phân tích và giải quyết; cho sinh viên làm việc, thảo luận theo nhóm.

5. Đánh giá:

- Chuyên cần: 10 %
- Kiểm tra giữa kỳ: 40 %
- Kiểm tra cuối kỳ: 50 %

6. Yêu cầu của môn học:

Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

7. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

8. Kế hoạch tư vấn:

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên.

9. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

9. 1. Giáo trình chính:

B1. Lê Minh Tâm (2014), *Giáo trình lý luận Nhà nước và Pháp luật*, NXB Công an nhân dân, Hà Nội.

B2. Lê Minh Toàn (2012), *Giáo trình pháp luật đại cương*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội

B3. Hoàng Thị Kim Quế (2010), *Giáo trình lý luận Nhà nước và Pháp luật*, NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội.

9. 2. Tài liệu tham khảo khác:

T1. Hoàng Thị Kim Quế (chủ biên) (2009), *Giáo trình lý luận Nhà nước và Pháp luật*, NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội

6. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

- Số tín chỉ: 02 (18, 24)
- Bộ môn phụ trách: Lịch sử
- Học phần tiên quyết: Không.

1. Mô tả học phần

Môn học trang bị cho sinh viên cái nhìn tổng quan về khoa học và nghiên cứu khoa học, từ đó xác định và mô tả được vấn đề nghiên cứu. Trang bị cho sinh viên phương pháp luận trong nghiên cứu khoa học, phương pháp thu thập, xử lý và phân tích thông tin thu thập được. Từ đó trình bày báo cáo nghiên cứu khoa học.

Năng lực đạt được: Sinh viên nghiên cứu độc lập một vấn đề khoa học thuộc lĩnh vực khoa học xã hội; xây dựng, chứng minh và trình bày được các quan điểm khoa học; trình bày được một báo cáo khoa học hoặc viết được một đề tài khoa học; vận dụng được kỹ năng nghiên cứu khoa học vào việc học tập ở bậc đại học.

2. Mục tiêu của học phần

2.1. Mục tiêu về kiến thức :

- Sinh viên hiểu và vận dụng được kiến thức cần thiết để nhận dạng một vấn đề nghiên cứu trong lĩnh vực kinh tế. Hiểu và áp dụng được các phương pháp trong phân tích vấn đề nghiên cứu.

- Sinh viên biết trình bày một báo cáo nghiên cứu khoa học.

2.2. Mục tiêu về kỹ năng:

- Có kỹ năng phát hiện, thiết lập vấn đề nghiên cứu kinh tế xã hội.
- Có kỹ năng thu thập, phân tích, xử lý thông tin kinh tế và thuyết trình.

2.3. Mục tiêu về thái độ:

- Sinh viên có thể chủ động đề xuất đề tài nghiên cứu khoa học, viết được (báo cáo thực tập tốt nghiệp, khóa luận tốt nghiệp, báo cáo đề tài nghiên cứu khoa học, ...). Chủ động tìm kiếm và thiết lập các vấn đề nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực kinh tế liên quan đến chuyên ngành học tập.

- Khơi gợi cho sinh viên hứng thú nghiên cứu khoa học.

2.4. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Có khả năng tự định hướng nghiên cứu, có trách nhiệm với việc học tập và nghiên cứu của bản thân. Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện các kế hoạch trong lĩnh vực kinh tế xã hội.

3. Nội dung học phần

Phần I. Nội dung về lý thuyết và thảo luận

CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ KHOA HỌC VÀ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC (2, 2)

- 1.1. Các khái niệm cơ bản về nghiên cứu khoa học
- 1.2. Các loại hình nghiên cứu khoa học
- 1.3. Nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực kinh tế
- 1.4. Nghiên cứu định lượng, nghiên cứu định tính và phối hợp
- 1.5. Các hình thức tổ chức nghiên cứu
- 1.6. Quy trình nghiên cứu

CHƯƠNG 2: XÁC ĐỊNH VÀ MÔ TẢ VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU (2, 1)

- 2.1. Xác định vấn đề nghiên cứu
- 2.2. Xác định mục tiêu nghiên cứu
- 2.3. Xác lập câu hỏi nghiên cứu
- 2.4. Xác lập giả thuyết nghiên cứu
- 2.5. Đặt tên đề tài nghiên cứu

CHƯƠNG 3: TỔNG QUAN TÀI LIỆU NGHIÊN CỨU VÀ XÂY DỰNG KHUNG LÝ THUYẾT (2, 2)

- 3.1. Tổng quan tài liệu nghiên cứu
- 3.2. Xây dựng khung lý thuyết, khung phân tích của đề tài

CHƯƠNG 4: PHƯƠNG PHÁP THU THẬP THÔNG TIN (3, 3)

4. 1. Nguồn thông tin
4. 2. Phương pháp thu thập thông tin sơ cấp
4. 3. Phương pháp điều tra chọn mẫu
4. 2. Phương pháp xây dựng bảng câu hỏi

CHƯƠNG 5: PHƯƠNG PHÁP XỬ LÝ THÔNG TIN (3, 3)

5. 1. Phương pháp tổng hợp số liệu điều tra
5. 2. Phương pháp phân tích thống kê mô tả
5. 3. Phương pháp phân tích định tính
5. 4. Phương pháp phân tích định lượng
5. 5. Kiểm định giả thuyết

CHƯƠNG 6: TRÌNH BÀY BÁO CÁO NGHIÊN CỨU KHOA HỌC (6, 3)

6. 1. Cấu trúc một số báo cáo khoa học
6. 2. Cách viết nội dung
6. 3. Cách viết trích dẫn và ghi tài liệu tham khảo

Phần II. Nội dung bài tập lớn, tiểu luận (0, 10)

Lựa chọn một vấn đề nghiên cứu khoa học liên quan đến chuyên ngành được đào tạo, xây dựng, trình bày và bảo vệ quan điểm.

4. Yêu cầu của môn học:

Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn:

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của sinh viên.

7. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

9. 1. Tài liệu bắt buộc

B1. Trần Văn Dũng (2012), *Bài giảng Phương pháp nghiên cứu khoa học*, Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh Thái Nguyên, Thái Nguyên.

B2. Vũ Cao Đàm (2012), *Phương pháp luận nghiên cứu khoa học*, NXB Khoa học Kỹ thuật, Hà Nội.

B3. Trần Tiến Khai (2014), *Phương pháp nghiên cứu kinh tế*, NXB Lao động Xã hội, Hà Nội.

9. 2. Tài liệu tham khảo:

T1. Vũ Cao Đàm (2005), *Đánh giá nghiên cứu khoa học*, NXB Khoa học Kỹ thuật, Hà Nội.

T2. Phạm Văn Quyết, Nguyễn Quý Thanh (2001), *Phương pháp nghiên cứu xã hội học*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.

T3. Đỗ Văn Thắng, Phan Thành Huân (2003), *Giáo trình SPSS (dành cho sinh viên khối ngành Khoa học Xã hội và Nhân văn)*, NXB Đại học Quốc gia, Tp. Hồ Chí Minh.

7. CƠ SỞ VĂN HÓA VIỆT NAM

- Số tín chỉ: 02 (18, 18, 6)
- Bộ môn phụ trách: Bộ môn Việt Nam học – Du lịch, Khoa Khoa học xã hội
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần gồm: Những tri thức liên quan đến văn hoá Việt Nam; phân vùng văn hóa Việt Nam; tiến trình văn hoá Việt Nam từ cội nguồn cho đến hiện đại; các thành tố của văn hóa Việt Nam; bản sắc văn hóa Việt Nam; các giá trị văn hoá truyền thống của dân tộc Việt Nam.

Năng lực đạt được: Sinh viên trình bày được những thành tố cơ bản của văn hóa; nhận diện, phân tích, đánh giá những hiện tượng văn hóa Việt Nam từ đó rút ra những đặc trưng truyền thống văn hóa dân tộc; vận dụng vào việc phân tích, giải thích các hiện tượng văn hóa trong đời sống hiện nay.

2. Mục tiêu của học phần

2. 1. Mục tiêu về kiến thức

-Nắm được một số khái niệm về văn hoá và những kiến thức cơ bản làm nền cho việc tiếp nhận những tri thức liên quan đến văn hoá Việt Nam.

-Trình bày được những vấn đề mấu chốt liên quan đến tiến trình văn hoá Việt Nam từ cội nguồn cho đến hiện đại.

2. 2. Mục tiêu về kỹ năng

- Xây dựng được những kiến thức chung nhất về văn hoá Việt Nam, những tiền đề cơ bản của văn hoá cũng như bản sắc văn hoá.

- Vận dụng được những vấn đề về lý thuyết và phương pháp luận để tiếp cận nghiên cứu văn hoá Việt Nam,

2. 3. Mục tiêu về thái độ người học

Sinh viên nhận thức rõ bản sắc văn hoá dân tộc, bản lĩnh của dân tộc, tin tưởng vào sự phát triển và sự trường tồn của văn hoá Việt Nam. Góp phần vào việc bảo tồn và kế thừa các giá trị văn hoá truyền thống của dân tộc.

3. Nội dung học phần

3. 1. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG 1: VĂN HOÁ - NHỮNG KHÁI NIỆM CƠ BẢN (4, 4)

1. Văn hoá học với tư cách là một chuyên ngành khoa học
 1. 1. 1. Khoa học về văn hoá có nhiều ngành
 1. 1. 2. Văn hoá học ra đời phân ra các ngành: Lịch sử văn hoá, Lý luận văn hoá, Địa lý văn hoá, Cơ sở văn hoá, Văn hoá ứng dụng và phát triển...
 1. 1. 3. Những thuật ngữ thường dùng trong bộ môn văn hoá học
 1. 2. Văn hoá
 1. 2. 1. Vấn đề thuật ngữ văn hoá
 1. 2. 2. Con người - chủ thể sáng tạo văn hoá
 1. 2. 3. Phân biệt văn hoá với văn minh, văn hiến, văn vật.
 1. 2. 4. Văn hoá với biểu tượng
 1. 3. Cấu trúc, đặc trưng và chức năng cơ bản của văn hoá
 1. 3. 1. Cấu trúc
 1. 3. 2. Đặc trưng và chức năng của văn hoá
 1. 4. Định vị văn hoá Việt Nam
 1. 4. 1. Không gian văn hoá Việt Nam
 1. 4. 2. Thời gian văn hoá Việt Nam
 1. 4. 3. Nguồn gốc dân tộc Việt - chủ thể văn hoá Việt Nam

CHƯƠNG 2: TIẾN TRÌNH VĂN HOÁ VIỆT NAM (2, 2)

2. 1. Tiến trình văn hoá Việt Nam
 2. 1. 1. Văn hoá Việt Nam thời tiền sử
 2. 1. 2. Văn hoá Việt Nam thời sơ sử

2. 1. 3. Thời kỳ Bắc thuộc và chống Bắc thuộc
2. 1. 4. Thời kỳ phong kiến toò chủ (Đại Việt)
2. 1. 5. Văn hoá Việt Nam thời Pháp thuộc và chống Pháp thuộc
2. 1. 6. Văn hoá Việt Nam từ sau cách mạng tháng Tám 1945
2. 2. Các đặc điểm của văn hóa Việt Nam khi giao lưu tiếp xúc với văn hóa nhân loại thời hiện đại?

CHƯƠNG 3: CÁC VÙNG VĂN HOÁ VIỆT NAM

(2, 2)

3. 1. Các vùng văn hóa Việt Nam
 3. 1. 1. Vấn đề phân vùng văn hoá và khái niệm vùng văn hoá
 3. 1. 2. Vấn đề phân vùng văn hoá ở Việt Nam
3. 2. Khái niệm vùng văn hoá
 3. 2. 1. Đặc trưng các vùng văn hoá Việt Nam
 3. 2. 2. Vùng văn hoá Đồng bằng Bắc bộ
 3. 2. 3. Vùng văn hoá Việt Bắc
3. 3. Vùng văn hoá Tây Bắc và miền núi Bắc bộ
3. 4. Vùng văn hoá duyên hải Bắc Trung bộ
3. 5. Vùng văn hoá duyên hải Trung và Nam Trung bộ
3. 6. Vùng văn hoá Trường Sơn - Tây Nguyên
3. 7. Vùng văn hoá Nam bộ

CHƯƠNG 4: VĂN HOÁ NHẬN THỨC

(2, 2)

4. 1. Văn hoá Việt Nam với Đông Nam Á
4. 2. Triết lí âm dương
 4. 2. 1. Nguyên lí âm dương
 4. 2. 1. Sự thâm thấu của triết lí âm dương trong văn hoá Việt Nam
4. 3. Tam tài - ngũ hành
4. 4. Lịch âm dương và hệ đếm can chi

CHƯƠNG 5: VĂN HOÁ TỔ CHỨC ĐỜI SỐNG

(2, 2)

5. 1. Tổ chức nông thôn
 5. 1. 1. Các hình thức tổ chức nông thôn
 5. 1. 2. Đặc điểm của làng Việt
5. 2. Tổ chức quốc gia
 5. 2. 1. Từ làng đến nước và việc quản lý xã hội
 5. 2. 2. Bộ máy nhà nước phong kiến Việt Nam và luật nước
 5. 2. 3. Các tầng lớp trong xã hội Việt Nam truyền thống
5. 3. Tổ chức đô thị
 5. 3. 1. Đô thị Việt Nam trong quan hệ với quốc gia
 5. 3. 2. Đô thị Việt Nam trong quan hệ với nông thôn
 5. 3. 3. Quy luật chung của tổ chức xã hội Việt Nam truyền thống

CHƯƠNG 6: VĂN HOÁ TÍN NGƯỠNG TÔN GIÁO

(2, 2, 2)

6. 1. Vấn đề tín ngưỡng, tôn giáo
6. 2. Tín ngưỡng
 6. 2. 1. Tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên
 6. 2. 2. Tín ngưỡng thờ thần
 6. 2. 3. Tín ngưỡng thờ Mẫu hay nguyên lí mẹ của văn hoá Việt Nam
 6. 2. 4. Tín ngưỡng phồn thực
6. 3. Tôn giáo.
 6. 3. 1. Phật giáo và văn hoá Việt Nam
 6. 3. 2. Nho giáo và văn hoá Việt Nam
 6. 3. 3. Đạo giáo và văn hoá Việt Nam
 6. 3. 4. Thiên chúa giáo với văn hoá Việt Nam
6. 4. Đặc trưng tín ngưỡng Việt Nam

CHƯƠNG 7: VĂN HOÁ ẨM THỰC, VĂN HOÁ MẶC, Ở VÀ ĐI LẠI(2, 2, 2)

- 7. 1. Văn hoá ẩm thực
 - 7. 1. 1. Cơ cấu bữa ăn
 - 7. 1. 2. Cách chế biến món ăn
 - 7. 1. 3. Cách ăn
 - 7. 1. 4. Uống, hút
- 7. 2. Văn hoá mặc
 - 7. 2. 1. Chất liệu may mặc
 - 7. 2. 2. Trang phục qua các thời đại và đặc trưng trong cách mặc
- 7. 3. Văn hoá ở và đi lại
 - 7. 3. 1. Đặc điểm ngôi nhà Việt Nam
 - 7. 3. 2. Đặc điểm điều kiện tự nhiên và tâm lý đi lại, phương tiện đi lại

CHƯƠNG 8: VĂN HOÁ GIÁO TIẾP, NGHỆ THUẬT VÀ PHONG TỤC CỔ TRUYỀN (2, 2, 2)

- 8. 1. Văn hoá giao tiếp
 - 8. 1. 1. Cơ tầng văn hoá nông nghiệp bản địa và sự thâm thấu trong văn hoá giao tiếp
 - 8. 1. 2. Đặc điểm, cách thức giao tiếp
 - 8. 1. 3. Nghệ thuật ngôn từ
- 8. 2. Văn hoá nghệ thuật
 - 8. 2. 1. Nghệ thuật trình diễn
 - 8. 2. 2. Nghệ thuật sân khấu
 - 8. 2. 3. Nghệ thuật tạo hình
 - 8. 2. 4. Nghệ thuật kiến trúc
- 8. 3. Phong tục
 - 8. 3. 1. Phong tục hôn nhân
 - 8. 3. 2. Phong tục tang ma.
 - 8. 3. 3. Phong tục lễ tết, lễ hội.

CHƯƠNG 9: TỔNG KẾT

(2, 2)

- 9. 1. Các biểu tượng văn hoá Việt Nam
- 9. 2. Bảo tồn và phát huy bản sắc dân tộc trong xu thế hội nhập và phát triển.
- 9. 3. Vấn đề nguồn lực con người

4. Yêu cầu của môn học:

Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn:

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của sinh viên.

7. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

9. 1. Giáo trình chính:

- B1. Trần Ngọc Thêm (2006), *Cơ sở văn hoá Việt Nam*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
- B1. Trần Ngọc Thêm (2006), *Cơ sở văn hoá Việt Nam*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
- B2. Trần Quốc Vượng (2005), *Cơ sở văn hoá Việt Nam*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

9.2.Sách tham khảo:

- T1. Phan Kế Bính (1985), *Việt Nam phong tục*, NXB Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
- T2. Nguyễn Văn Huyền (2005), *Văn minh Việt Nam*, NXB Hội nhà văn, Hà Nội.
- T3. Trần Ngọc Thêm (1997), *Tìm về bản sắc văn hóa Việt Nam*, NXB Tp. Hồ Chí Minh, Tp. Hồ Chí Minh.
- T4. Phan Ngọc (2006), *Bản sắc văn hoá Việt Nam*, NXB Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
- T5. Trần Quốc Vượng (Chủ biên) (1998), *Cơ sở văn hoá Việt Nam*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

8a. TÂM LÝ HỌC ĐẠI CƯƠNG

- Số tín chỉ: 02 (18, 24)
- Bộ môn phụ trách: Tâm lý học
- Học phần tiên quyết: Không.

1. Mô tả học phần

Học phần giới thiệu những kiến thức cơ bản về tâm lý học đại cương; những vấn đề về cơ sở tự nhiên, cơ sở xã hội của tâm lý; các quá trình nhận thức cảm tính, lý tính của con người; các thuộc tính tâm lý cơ bản của nhân cách và con đường hình thành, phát triển nhân cách; những sai lệch hành vi về mặt tâm lý trong sự phát triển nhân cách...

Năng lực đạt được: Sinh viên nhận diện được các hiện tượng tâm lý; hình thành, phát triển được tâm lý, nhân cách cho chính bản thân mình để phù hợp với cuộc sống cũng như hoạt động nghề nghiệp.

2. Mục tiêu

2.1. Mục tiêu về kiến thức:

- Nắm được hệ thống các khái niệm cơ bản của khoa học tâm lý và các phương pháp nghiên cứu trong tâm lý học.
- Hiểu được nguồn gốc nảy sinh, hình thành và phát triển tâm lý, ý thức.
- Hiểu được bản chất của các quá trình tâm lý của con người: Nhận thức; Xúc cảm – tình cảm; hành động.
- Nhận diện được các trạng thái tâm lý của con người.
- Hiểu được các thuộc tính tâm lý tạo nên cấu trúc nhân cách. Nắm được các yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành, phát triển nhân cách.

2.2. Mục tiêu về kỹ năng

- Phát triển năng lực nghiên cứu tài liệu: Phân tích, tổng hợp, so sánh, khái quát hoá.
- Hình thành, phát triển khả năng nhận diện các hiện tượng tâm lý, và áp dụng các tri thức đã học để giải quyết các vấn đề thực tiễn.
- Kỹ năng tham vấn, tư vấn.

2.3. Mục tiêu về thái độ

- Hình thành niềm say mê học tập, nghiên cứu môn học.
- Hình thành ý thức chủ động, tích cực trong việc tự học tập của bản thân.
- Hình thành động cơ đúng đắn trong học tập.
- Nâng cao ý thức trách nhiệm đối với các hoạt động của nhóm.

3. Nội dung học phần

CHƯƠNG 1: KHÁI QUÁT CHUNG VỀ TÂM LÝ HỌC (2, 0)

- 1.1. Sơ lược lịch sử tâm lý học
- 1.2. Bản chất của hiện tượng tâm lý
- 1.3. Phân loại hiện tượng tâm lý

CHƯƠNG 2: ĐỐI TƯỢNG, NHIỆM VỤ VÀ CÁC PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU (2, 3)

- 2.1. Đối tượng và nhiệm vụ nghiên cứu của tâm lý học.
- 2.2. Các nguyên tắc và phương pháp nghiên cứu tâm lý học

CHƯƠNG 3: CƠ SỞ TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI CỦA SỰ HÌNH THÀNH TÂM LÝ VÀ Ý THỨC (2, 3)

- 3.1. Cơ sở tự nhiên của sự hình thành và phát triển tâm lý, ý thức
- 3.2. Cơ sở xã hội của sự hình thành và phát triển tâm lý, ý thức
- 3.3. Sự hình thành và phát triển tâm lý, ý thức

CHƯƠNG 4: QUÁ TRÌNH NHẬN THỨC CẢM TÍNH (2, 3)

- 4.1. Cảm giác.
- 4.2. Tri giác

CHƯƠNG 5: QUÁ TRÌNH NHẬN THỨC LÝ TÍNH (2, 3)

- 5.1. Tư duy
- 5.2. Tưởng tượng.

CHƯƠNG 6: TRÍ NHỚ VÀ CHÚ Ý (2, 3)

6.1. Trí nhớ

6.2. Chú ý

CHƯƠNG 7: XÚC CẢM VÀ TÌNH CẢM (2, 3)

7.1. Khái quát chung về đời sống tình cảm

7.2. Các mức độ của xúc cảm – tình cảm

CHƯƠNG 8: Ý CHÍ (2, 3)

8.1. Khái niệm ý chí

8.2. Hành động ý chí

CHƯƠNG 9: NHÂN CÁCH (2, 3)

9.1. Khái quát chung về nhân cách

9.2. Các thuộc tính tâm lý của nhân cách

4. Yêu cầu của môn học

- Sinh viên phải tham đầy đủ các giờ học trên lớp theo qui định (80% trở lên).
- Có thái độ học tập tốt, tích cực tham gia các hoạt động học tập trên lớp như đọc hiểu, phát biểu ý kiến xây dựng bài, thảo luận nhóm.
- Hoàn thành tất cả các bài tập theo yêu cầu của giảng viên.
- Tham gia thi kiểm tra, đánh giá đầy đủ.

5. Phương pháp giảng dạy

Thuyết trình, thảo luận, làm việc theo nhóm

6. Kế hoạch tư vấn

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phân bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của sinh viên.

7. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

9. 1. Tài liệu bắt buộc:

B1. Bùi Văn Huệ (2010), *Giáo trình Tâm lý học*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.

B2. Nguyễn Xuân Thúc (2015), *Giáo trình Tâm lý học đại cương*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.

B3. Nguyễn Quang Uẩn (2014), *Giáo trình Tâm lý học đại cương*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.

9. 2. Tài liệu tham khảo

T1. Trần Trọng Thủy (1998), *Tâm lý học*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

T2. Trần Trọng Thủy (2002), *Bài tập thực hành tâm lý học*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.

8b. CÁC VẤN ĐỀ XÃ HỘI ĐƯƠNG ĐẠI

- Số tín chỉ: 02 (18, 24)
- Bộ môn phụ trách: Xã hội học
- Học phần tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Học phần các vấn đề đương đại trình bày những khái niệm cơ bản về vấn đề xã hội, sử dụng các lý thuyết giải thích nguyên nhân và điều kiện nảy sinh các vấn đề xã hội, tệ nạn xã hội, PPNC các vấn đề xã hội. Học phần cũng trình bày một số vấn đề xã hội chính trong xã hội Việt Nam hiện nay như: nghèo đói, ô nhiễm môi trường, mại dâm, ma túy, HIV/AIDS, tội phạm, bạo lực gia đình, xâm hại tình dục trẻ em, . . . Trong mỗi vấn đề được trình bày sẽ đi vào tìm hiểu: phạm vi, mức độ, tác động xã hội, những hoạt động và chương trình can thiệp phù hợp.

Năng lực đạt được: Sinh viên phân tích được nguồn gốc các vấn đề xã hội; định hướng được cách giải quyết các vấn đề xã hội đương đại.

2. Mục tiêu của học phần

2. 1. Mục tiêu về kiến thức

Người học ghi nhớ, mô tả và phân tích được khái niệm, thực trạng, lý giải được nguyên nhân của các tệ nạn xã hội, vấn đề xã hội. Đề xuất các giải pháp giải quyết vấn đề.

2. 2. Mục tiêu về kỹ năng:

Người học rèn luyện được những kỹ năng cần thiết trong việc nhận diện vấn đề xã hội, kỹ năng tư duy, phân tích, đánh giá các vấn đề xã hội liên quan đến đời sống của cá nhân, nhóm và cộng đồng xã hội, liên hệ thực tế để có hướng giải quyết các vấn đề.

2. 3. Mục tiêu về thái độ người học

Người học nhận thức được ý nghĩa và tầm quan trọng của môn học, từ đó không ngừng rèn luyện, bồi dưỡng, nâng cao ý thức, trách nhiệm của bản thân trong việc góp phần hạn chế và khắc phục một số vấn đề xã hội hiện nay.

3. Nội dung học phần

PHẦN 1: TỔNG QUAN VỀ VẤN ĐỀ XÃ HỘI

CHƯƠNG 1: KHÁI NIỆM, NGUỒN GỐC VÀ Ý NGHĨA CỦA VIỆC NGHIÊN CỨU CÁC VẤN ĐỀ XÃ HỘI (2, 0)

- 1.1. Khái niệm vấn đề xã hội
- 1.2. Nguồn gốc sự nảy sinh các vấn đề xã hội
- 1.3. Ý nghĩa của việc nghiên cứu vấn đề xã hội
- 1.4. Một số vấn đề xã hội ở Việt Nam

CHƯƠNG 2: MỘT SỐ LÝ THUYẾT TRONG PHÂN TÍCH VẤN ĐỀ XÃ HỘI (2, 3)

- 2.1. Lý thuyết mâu thuẫn của Lewis Coser
- 2.2. Thuyết hành vi lựa chọn của George Homans
- 2.3. Thuyết cấu trúc - chức năng của Robert Merton
- 2.4. Lý thuyết tương tác biểu trưng của Herbert Blumer

PHẦN 2: MỘT SỐ VẤN ĐỀ XÃ HỘI HIỆN NAY

CHƯƠNG 3: VẤN ĐỀ ĐÓI NGHÈO (2, 3)

- 3.1. Khái niệm nghèo đói
- 3.2. Đặc trưng của nghèo đói hiện nay
- 3.3. Tình hình nghèo đói hiện nay

CHƯƠNG 4: VẤN ĐỀ Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG (2, 3)

- 4.1. Khái niệm ô nhiễm môi trường
- 4.2. Các dạng ô nhiễm môi trường hiện nay
- 4.3. Tình trạng ô nhiễm môi trường hiện nay

PHẦN 3: MỘT SỐ VẤN ĐỀ TỆ NẠN XÃ HỘI HIỆN NAY

CHƯƠNG 5: VẤN ĐỀ MA TÚY (2, 3)

- 5.1. Khái niệm
- 5.2. Tình trạng nghiện ma túy hiện nay
- 5.3. Nguyên nhân

5.4. Hệ quả của nghiện ma túy	
5.5. Giải pháp cho vấn đề ma túy hiện nay	
CHƯƠNG 6: VẤN ĐỀ MẠI DÂM	(2, 3)
6.1. Khái niệm	
6.2. Tình trạng mại dâm hiện nay	
6.3. Nguyên nhân	
6.4. Hệ quả của vấn đề mại dâm	
6.5. Giải pháp cho vấn đề mại dâm hiện nay	
CHƯƠNG 7: Vấn đề HIV/AIDS	(2, 3)
7.1. Khái niệm	
7.2. Tình hình nhiễm HIV/ AIDS hiện nay	
7.3. Nguyên nhân của vấn đề HIV/ AIDS	
7.4. Hệ quả của HIV/AIDS	
7.5. Giải pháp cho vấn đề nhiễm HIV/ AIDS	
CHƯƠNG 8: BẠO LỰC GIA ĐÌNH	(2, 3)
8.1. Khái niệm	
8.2. Tình hình vấn đề bạo lực gia đình hiện nay	
8.3. Các dạng của bạo lực gia đình	
8.4. Nguyên nhân của bạo lực	
8.5. Hệ quả của bạo lực gia đình	
8.6. Một số giải pháp cho vấn đề bạo lực gia đình hiện nay	
CHƯƠNG 9: MỘT SỐ VẤN ĐỀ XÃ HỘI KHÁC	(2, 3)
9.1. Trẻ em lao động sớm	
9.2. Trẻ em vi phạm pháp luật	
9.3. Buôn bán phụ nữ và trẻ em	

4. Yêu cầu của môn học:

Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn:

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của sinh viên.

7. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

9. 1. Giáo trình bắt buộc

B1. Nguyễn Thị Oanh (2011), *An sinh xã hội và các vấn đề xã hội*, Khoa phụ nữ học, Đại học Mở bán công thành phố Hồ Chí Minh, Tp. Hồ Chí Minh.

B2. Vụ phát triển nhân lực Vùng Đông Á và Thái Bình Dương (2003), *Giải pháp cho vùng Đông Á và Thái Bình Dương trong phòng chống HIV/AIDS*.

9. 2. Tài liệu tham khảo

T1. Viện Khoa học Xã hội Việt Nam (2011), *Báo cáo nghèo đói năm 2011*.

T2. Viện Nghiên cứu Nhà nước và pháp luật (2012), *Những vấn đề lý luận và thực tiễn của việc đấu tranh phòng, chống các tệ nạn xã hội ở nước ta*, NXB Công an nhân dân, Hà Nội.

8c. KIẾN THỨC ĐỊA PHƯƠNG (TỈNH THANH HÓA)

- Số tín chỉ: 2 (15, 0, 30)
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Lịch sử, khoa KHXH, trường đại học Hồng Đức
- Điều kiện tiên quyết: không

1. Mục tả học phần:

Học phần giới thiệu khái quát về vị trí địa lý, đặc điểm về địa lý tự nhiên, dân cư, lịch sử, các di tích lịch sử - văn hoá, các nhân vật lịch sử tiêu biểu, các làng nghề thủ công truyền thống tiêu biểu, đặc điểm nền văn hoá vật chất và tinh thần của xứ Thanh. . . ; những định hướng phát triển kinh tế, những thách thức trên bước đường hiện đại hoá, công nghiệp hoá của Thanh Hoá.

Năng lực đạt được: Sinh viên phân tích, đánh giá được những kiến thức chung nhất của Thanh Hóa về lịch sử, địa lý, văn hóa...; giảng giải, thuyết trình được những kiến thức đại cương về Thanh Hóa.

2. Mục tiêu học phần

2. 1. Mục tiêu về kiến thức:

- Giải thích rõ ý nghĩa của việc nghiên cứu, tìm hiểu các kiến thức địa phương Thanh Hoá; Những nội dung kiến thức địa phương Thanh Hoá cần tìm hiểu đối với ngành học và đối với công tác sau này

- Nêu được đặc điểm địa lý tự nhiên, dân cư của Thanh Hóa, so sánh với các tỉnh khác

- Thống kê được lịch sử hình thành, sự phân chia hành chính và tên gọi của Thanh Hoá qua các thời kỳ lịch sử

- Giải thích rõ điều kiện hình thành, đặc điểm nền văn hóa vật thể và phi vật thể của Thanh Hóa

- Thống kê được các nghề và làng nghề truyền thống tiêu biểu của Thanh Hoá

- Mô tả được các vùng kinh tế, trung tâm kinh tế, các khu công nghiệp hiện nay của Thanh Hóa.

- Phân tích rõ những đóng góp to lớn của Thanh Hóa trong các cuộc kháng chiến chống xâm lược của dân tộc.

- Thống kê và mô tả khái quát các di tích lịch sử-văn hoá tiêu biểu của Thanh Hoá

- Thống kê và mô tả khái quát các danh thắng tiêu biểu của Thanh Hoá.

- Thống kê và nêu khái quát công trạng của các nhân vật lịch sử tiêu biểu của Thanh Hoá

- Thống kê và nêu khái quát công trạng các Danh nhân văn hóa tiêu biểu của Thanh Hoá

- Mô tả được các làng khoa bảng nổi tiếng của Thanh Hoá

- Lý giải rõ những vấn đề đương đại của Thanh Hoá trong giai đoạn phát triển tới

2. 2. Mục tiêu về kỹ năng:

- Rèn luyện năng lực phân tích, tổng hợp, đánh giá các tư liệu

- Bổ sung các kỹ năng trình bày một vấn đề, kỹ năng sưu tầm các nguồn tư liệu, kỹ năng sử dụng bản đồ, sơ đồ, lập bảng biểu

- Bước đầu biết vận dụng các PPNC liên ngành, PPNC khu vực học trong nghiên cứu, tìm hiểu các kiến thức địa phương Thanh Hóa

- Bồi dưỡng tình yêu, niềm tự hào về quê hương; nêu cao trách nhiệm trong việc xây dựng quê hương, đất nước.

- Biết ơn đối với những người có công với quê hương, đất nước.

- Có ý thức gìn giữ các di sản lịch sử, văn hoá

3. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG 1: MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG (1, 0)

1.1. Ý nghĩa của việc học tập, nghiên cứu Kiến thức địa phương Thanh Hoá

1.1.1. Đối với chương trình đào tạo

1.1.2. Đối với sau khi tốt nghiệp

1.2. Khái niệm Địa phương học, Khu vực học

- 1.2.1. Khái niệm địa phương học
- 1.2.2. Khái niệm khu vực học
- 1.3. Cơ sở phương pháp luận và các phương pháp nghiên cứu.
 - 1.3.1. Cơ sở phương pháp luận
 - 1.3.2. Phương pháp nghiên cứu
- 1.4. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu
 - 1.4.1. Đối tượng nghiên cứu
 - 1.4.2. Phạm vi nghiên cứu

CHƯƠNG 2: KHÁI QUÁT ĐỊA LÝ – LỊCH SỬ THANH HÓA (2, 0, 4)

- 2.1. Khái quát địa lý tự nhiên Thanh Hoá
 - 2.1.1. Vị trí địa lý
 - 2.1.2. Diện tích
 - 2.1.3. Địa hình (đất đai)
 - 2.1.4. Sông suối, hồ
 - 2.1.5. Biển
 - 2.1.6. Khí hậu, nắng, mưa, độ ẩm
 - 2.1.7. Khoáng sản, hệ sinh thái.
- 2.2. Đặc điểm về địa lý dân cư.
 - 2.2.1. Cơ cấu dân cư
 - 2.2.2. Cơ cấu dân tộc
- 2.3. Lịch sử hình thành, sự phân chia hành chính và tên gọi của Thanh Hoá qua các thời kỳ lịch sử.
 - 2.3.1. Lịch sử hình thành
 - 2.3.2. Sự phân chia hành chính và tên gọi của Thanh Hoá qua các thời kỳ lịch sử.

CHƯƠNG 3: ĐẶC ĐIỂM VĂN HÓA CỦA THANH HÓA (2, 0, 4)

- 3.1. Điều kiện hình thành và phát triển nền văn hoá Thanh Hoá
 - 3.1.1. Điều kiện tự nhiên
 - 3.1.2. Điều kiện lịch sử, chính trị-xã hội
- 3.2. Đặc điểm hình thành và phát triển của văn hoá Thanh Hoá
 - 3.2.1. Thanh Hoá là một trong những cái nôi của người nguyên thủy ở Việt Nam
 - 3.2.2. Sự phát triển của văn hoá Thanh Hoá gắn liền với sự phát triển của văn hoá dân tộc nhưng có những nét riêng
- 3.3. Đặc điểm văn hoá vật chất
 - 3.3.1. Về kiến trúc
 - 3.3.2. Về ẩm thực
 - 3.3.3. Về sản xuất nông nghiệp
 - 3.3.4. Về ngành nghề thủ công nghiệp
 - 3.3.5. Về tổ chức làng xã
 - 3.3.6. Về chợ làng, chợ huyện. . .
- 3.4. Đặc điểm nền văn hoá phi vật thể
 - 3.4.1. Lễ hội
 - 3.4.2. Phong tục, tập quán
 - 3.4.3. Tôn giáo, tín ngưỡng
 - 3.4.4. Giáo dục, khoa cử
 - 3.4.5. Văn hoá dân gian

CHƯƠNG 4: SỰ PHÁT TRIỂN KINH TẾ CỦA THANH HÓA QUA CÁC THỜI KỲ LỊCH SỬ (2, 0, 4)

- 4.1. Các nghề truyền thống và làng nghề truyền thống tiêu biểu của Thanh Hoá.
 - 4.1.1. Các nghề truyền thống tiêu biểu.
 - 4.1.2. Các làng nghề truyền thống tiêu biểu:
- 4.2. Các vùng kinh tế, trung tâm kinh tế, khu công nghiệp chủ yếu của Thanh Hoá hiện nay.
 - 4.2.1. Các vùng kinh tế.

- 4.2.2. Các khu công nghiệp
- 4.2.3. Khu kinh tế tổng hợp Nghi Sơn.
- 4.2.4. Năm chương trình kinh tế trọng điểm của Thanh Hoá từ 2006-2010.

CHƯƠNG 5: NHỮNG ĐÓNG GÓP TO LỚN CỦA THANH HÓA TRONG CÁC CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG XÂM LƯỢC CỦA DÂN TỘC (2, 0, 4)

- 5.1. Thời kỳ Bắc thuộc
- 5.2. Thời kỳ phong kiến tự chủ
- 5.3. Thời kỳ Pháp thuộc
- 5.4. Thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp
- 5.5. Thời kỳ kháng chiến chống Mỹ

CHƯƠNG 6: CÁC DI TÍCH LỊCH SỬ - VĂN HÓA VÀ DANH THẮNG TIÊU BIỂU CỦA THANH HÓA (2, 0, 5)

- 6.1. Di tích khảo cổ học
- 6.2. Di tích kiến trúc, mỹ thuật
- 6.3. Di tích tôn giáo
- 6.4. Di tích lịch sử cách mạng
- 6.5. Thắng cảnh thiên nhiên

CHƯƠNG 7: CÁC NHÂN VẬT LỊCH SỬ VÀ DANH NHÂN VĂN HÓA TIÊU BIỂU CỦA THANH HÓA (2, 0, 5)

- 7.1. Các nhân vật lịch sử có công trong sự nghiệp dựng nước và giữ nước
- 7.2. Danh nhân văn hoá
- 7.3. Các làng khoa bảng nổi tiếng

CHƯƠNG 8: NHỮNG VẤN ĐỀ ĐƯƠNG ĐẠI CỦA THANH HÓA (2, 0, 4)

- 8.1. Dân số Thanh Hoá: Tốc độ tăng dân số cao, tỷ lệ nam-nữ
- 8.2. Phát triển, hợp tác của Thanh Hoá
- 8.3. Tiềm năng và hạn chế của Thanh Hoá
- 8.4. Định hướng phát triển của Thanh Hoá.

4. Yêu cầu của môn học:

Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn:

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên.

7. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

9.1. Học liệu bắt buộc:

B1. Sở Văn hoá - Thể thao – Du lịch Thanh Hoá (2015), *Thanh Hoá, quê hương, đất nước, con người*, NXB Thanh Hoá, Thanh Hóa.

9.2. Tài liệu tham khảo

T1. Ban Nghiên cứu và Biên soạn Lịch sử Thanh Hoá (2002), *Lịch sử Thanh Hoá*, Tập 1, 2, 3, 4, 5, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội.

- T2. Hoàng Thanh Hải, Vũ Quý Thu (1996), *Lịch sử Thanh Hoá - Dừng trong các trường CĐSP và PT Thanh Hoá*, NXB Thanh Hoá, Thanh Hóa.
- T3. Tỉnh uỷ, HĐND, UBND tỉnh Thanh Hoá (2000), *Địa chí Thanh Hoá*, Tập 1, NXB Văn hoá Thông tin, Hà Nội.
- T4. Tỉnh uỷ, HĐND, UBND tỉnh Thanh Hoá (2002), *Địa chí Thanh Hoá*, Tập 2, NXB Văn hoá Thông tin, Hà Nội.
- T5. Lê Văn Trường (2002), *Địa lý Thanh Hoá*, Trường Đại học Hồng Đức, Thanh Hóa.

9. TIẾNG ANH 1

- Số tín chỉ: 4 (36, 24, 24)
- Bộ môn phụ trách: Bộ môn ngoại ngữ không chuyên – khoa Ngoại ngữ
- Điều kiện tiên quyết: không

1. Mô tả học phần

Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về ngữ pháp, từ vựng và các kỹ năng giao tiếp tiếng Anh: Nghe, Nói, Đọc. Từ kiến thức đã học, người học có thể tự học và nghiên cứu để nâng cao trình độ của mình, phục vụ cho công việc sau này.

Năng lực đạt được: Sinh viên đạt năng lực bậc 2. 2 theo KNLNNVN. Sinh viên hiểu và thực hành được các câu và cấu trúc được sử dụng thường xuyên liên quan đến nhu cầu giao tiếp với những chủ đề đơn giản, quen thuộc hằng ngày (như thông tin về gia đình, bản thân, hỏi đường, việc làm. . .); mô tả được đơn giản về bản thân, môi trường xung quanh và những vấn đề thuộc nhu cầu thiết yếu; tự học, xây dựng kế hoạch và làm việc nhóm; khai thác được thông tin bằng tiếng Anh trên Internet để phục vụ công việc học tập.

2. Mục tiêu của học phần

2. 1 Mục tiêu kiến thức:

- Nắm vững được kiến thức về ngữ pháp tiếng Anh cơ bản: Các thì, thể của động từ; Các trợ động từ; Các cấu trúc câu; Câu bị động; câu bị động; điều kiện...

- Giải thích và trình bày được một lượng từ vựng cần thiết dùng trong giao tiếp hàng ngày ở môi trường sống và làm việc: Những từ mà các doanh nhân thường dùng trong văn bản hợp đồng, tiếp thị, quảng cáo, triển khai kế hoạch hội nghị, sử dụng máy tính, viết thư giao dịch, kiểm toán...

2. 2 Mục tiêu kỹ năng:

- Nghe hiểu được ngôn ngữ nói ở mức độ chậm và đã được đơn giản hoá về những nhu cầu thiết yếu.

- Có khả năng vận dụng và thể hiện những thông tin đã học thuộc. Song, diễn đạt ngôn ngữ ở mức độ còn rời rạc nhưng có phần tự nhiên và linh hoạt.

- Đọc hiểu được những yết thị và ký hiệu, những bài viết ngắn và đơn giản về những chủ đề quen thuộc trong sinh hoạt, lao động hàng ngày.

- Có khả năng viết thông báo, kể lại sự kiện đơn giản, miêu tả người, địa điểm, các vật thể

- Có khả năng làm việc theo nhóm và tự học.

2. 3 Mục tiêu về thái độ người học:

Người học có thái độ tích cực tham gia vào các hoạt động trên lớp, chủ động chuẩn bị bài và làm bài tập ở nhà, trung thực trong kiểm tra, đánh giá.

3. Nội dung học phần

Nội dung của học phần giúp người học củng cố, luyện tập và thiết lập các kỹ năng giao tiếp tiếng Anh, đồng thời người học còn có khả năng tự học, tự nghiên cứu, có thái độ học tập tích cực, tham gia các hoạt động tự học ở nhà như làm bài tập nhóm, bài tập Portfolio, thực hành các kỹ năng nghe, nói, đọc và viết. Chẳng hạn, người học có thể học thuộc bài đối thoại ngắn theo từng cặp hoặc viết một đoạn văn tả về bức tranh nào đó trong phần nghe rồi học thuộc lòng... thông qua đó, giảng viên sẽ thực hiện việc kiểm tra- đánh giá thường xuyên quá trình tự học của họ được dễ dàng hơn.

CHƯƠNG 1: (1, 2, 2)

1. 1. Course Introduction
1. 2. Orientation
1. 3. Diagnostic test
1. 4. Basic grammar review

CHƯƠNG 2: UNIT – WORKS AND LEISURE (2, 2, 2)

2. 1. Grammar: auxiliary verbs, *so* and *neither*
2. 2. Listening: grammar focus on auxiliary verbs
2. 3. Reading: grammar focus on auxiliary verbs
2. 4. Speaking: making small talks, comparing stages of life

2. 5. Writing: describing a stage of life
- CHU'ONG 3: UNIT 2 – LANGUAGE AND SENSES (3, 2, 2)**
3. 1. Grammar: Tenses, stative verbs,
 3. 2. Listening: grammar focus on tenses
 3. 3. Reading: grammar focus on tenses
 3. 4. Speaking: talking about favorite words, talking about sensations
 3. 5. Writing: describing one of the senses
- CHU'ONG 4: UNIT 3 – MOVIES AND TELEVISION (3, 2, 2)**
4. 1. Grammar: Infinitives and gerunds
 4. 2. Listening: grammar focus on infinitives and gerunds
 4. 3. Reading: grammar focus on infinitives and gerunds
 4. 4. Speaking: a survey on movies, opinions about TV
 4. 5. Writing: a movie review
- CHU'ONG 5: UNIT – MEMORY (3, 3)**
5. 1. Grammar: participle and participle clauses
 5. 2. Listening: grammar focus on participle and participle clauses
 5. 3. Reading: grammar focus on participle and participle clauses
 5. 4. Speaking: describing your earliest memory
- CHU'ONG 6: UNIT 5 – FAVORITE OBJECTS AND HOW THINGS WORK (3, 2, 2)**
6. 1. Grammar: negation and parallel structures
 6. 2. Listening: grammar focus on negation and parallel structures
 6. 3. Reading: grammar focus on negation and parallel structures
 6. 4. Speaking: describing favorite things, discussing useful inventions
 6. 5. Writing: describing a new invention
- CHU'ONG 7: UNIT 6 – USING MONEY AND EXCHANGING SERVICES (3, 2, 2)**
7. 1. Grammar: comparisons
 7. 2. Listening: grammar focus on comparisons
 7. 3. Reading: grammar focus on comparisons
 7. 4. Speaking: describing types of friends
 7. 5. Writing: describing an interesting or unusual perso
- CHU'ONG 8: Unit 7 - USING MONEY AND EXCHANGING SERVICES (3, 2, 1)**
8. 1. Grammar: tag questions, agreement
 8. 2. Listening: grammar focus on agreement
 8. 3. Reading: grammar focus on agreement
 8. 4. Speaking: sayings about money
 8. 5. Writing: barter notices
- CHU'ONG 9: UNIT 8 - AGRICULTURE AND INDUSTRY, FOOD PREPARATION (3, 2, 1)**
9. 1. Grammar: relative clauses
 9. 2. Listening: grammar focus on relative clauses
 9. 3. Reading: grammar focus on relative clauses
 9. 4. Speaking: discussing local products
 9. 5. Writing: a cooking show script
- CHU'ONG 10: UNIT 9 – TRAVEL AND EXPLORATION (3, 2, 1)**
10. 1. Grammar: modification and word order
 10. 2. Listening: grammar focus on modification and word order
 10. 3. Reading: grammar focus on modification and word order
 10. 4. Speaking: discussing views on travelling
 10. 5. Writing: a personal travel story
- CHU'ONG 11: UNIT 10 – BELIEF AND FIRST EXPRESSIONS (3, 2, 1)**
11. 1. Grammar: First conditional, indefinite pronouns
 11. 2. Listening: grammar focus on indefinite pronouns
 11. 3. Reading: grammar focus on indefinite pronouns

11. 4. Speaking: discussing first impressions

CHƯƠNG 12: UNIT 11 – PHYSICAL AND ANIMAL WORLDS, GEOGRAPHY(3, 2, 1)

12. 1. Grammar: Voice, reported requests with ask, tell, want

12. 2. Listening & Reading : grammar focus on Voice

12. 3. Speaking: comparing landscapes, choosing an appropriate pet

12. 4. Writing: A story about a special characteristic of an animal

CHƯƠNG 13: UNIT 12 – OFFICE LIFE AND SOCIAL CUSTOMS (3, 2, 1)

13. 1. Grammar: second condition, making indirect questions, conjunctions and prepositions

13. 2. Listening & Reading : grammar focus on conjunctions and prepositions

13. 3. Speaking: “The *if* ... game”; -Writing: asking for and giving advice

CHƯƠNG 14: UNIT 13 - CLOSING THE COURSE (0, 0, 6)

14. 1. Submission of assignments

14. 2. Grammar revision

14. 3. Listening skills revision

4. Yêu cầu của môn học

- Sinh viên phải tham đầy đủ các giờ học trên lớp theo qui định (80% trở lên).

- Có thái độ học tập tốt, tích cực tham gia các hoạt động học tập trên lớp như đọc hiểu, phát biểu ý kiến xây dựng bài, thảo luận nhóm.

- Hoàn thành tất cả các bài tập theo yêu cầu của giảng viên.

- Tham gia thi kiểm tra, đánh giá đầy đủ.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, làm việc theo nhóm

6. Kế hoạch tư vấn

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của sinh viên.

7. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: Trọng số 30%.

- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%

- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

9. 1. Tài liệu bắt buộc

B1. Anne Taylor (2013), *Target TOEIC (second edition)*, NXB Trẻ, Tp. Hồ Chí Minh.

9. 2. Tài liệu tham khảo

T1. Therese Naber, Angela Blackwell, David McKeegan (2004), *Know how 2*, Oxford University Press.

10. TIẾNG ANH 2

- Số tín chỉ: 3 (27, 18, 18)
- Bộ môn phụ trách: Môn ngoại ngữ không chuyên – khoa Ngoại ngữ
- Điều kiện tiên quyết: Tiếng anh 1

1. Mô tả học phần

Chương trình tiếng Anh học phần 2 là chương trình thứ hai trong bốn chương trình đào tạo tiếng Anh dành cho tiếng Anh không chuyên bậc đại học và cao đẳng hệ chính quy. Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về:

- Những từ vựng được sử dụng trong các tình huống hàng ngày và để nói về các chủ đề quen thuộc như gia đình, sở thích, lĩnh vực quan tâm, công việc, du lịch, sự kiện đang diễn ra; Bên cạnh đó, sinh viên cũng được học cách cấu tạo và sử dụng các loại từ vựng như tính từ, trạng từ, đại từ, động từ tình thái, cụm động từ, cách kết hợp từ, quy tắc cấu tạo từ;
- Các kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết ở mức độ tiền trung cấp.

Năng lực đạt được: Sinh viên đạt năng lực bậc 3. 1 theo KNLNNVN. Theo đó, Sinh viên hiểu được các ý chính của một đoạn văn hay bài phát biểu chuẩn mực, rõ ràng về các chủ đề quen thuộc; xử lý được một số tình huống xảy ra khi đến khu vực có sử dụng ngôn ngữ đó; viết được đoạn văn đơn giản với các chủ đề quen thuộc hoặc cá nhân quan tâm; khả năng tổ chức và tham gia các hoạt động nhóm; thực hiện được các bài thuyết trình đơn giản; xây dựng được kế hoạch, khai thác và sử dụng được hiệu quả thông tin trên Internet bằng tiếng Anh cho học tập.

2. Mục tiêu của học phần

2. 1 Mục tiêu kiến thức:

- Trình bày được những kiến thức ngữ pháp tiếng Anh cơ bản đã học ở học phần Tiếng Anh 1 như: các thì, thể của động từ; trợ động từ; câu bị động; câu điều kiện... đồng thời người học tiếp thu được các kiến thức ngữ pháp mới như: mệnh đề quan hệ xác định - không xác định, lời nói trực tiếp, gián tiếp, câu hỏi đuôi, đảo ngữ...
- Nêu được một lượng từ vựng cần thiết dùng trong giao tiếp hàng ngày ở môi trường làm việc như văn bản hợp đồng, tiếp thị, quảng cáo, triển khai kế hoạch hội nghị, sử dụng máy tính, viết thư giao dịch, kiểm toán...

2. 2 Mục tiêu kỹ năng:

Kết thúc học phần này, người học cần đạt được những kỹ năng giao tiếp sau :

- Xây dựng được những câu hỏi cần thiết trong giao tiếp; có khả năng tạo ra và duy trì được những cuộc hội thoại đơn giản về các chủ đề đã học trong công việc và cuộc sống thường nhật ở môi trường thường xuyên giao tiếp với người nước ngoài. Ở trình độ này, người học còn mắc lỗi ngữ pháp, phát âm và sử dụng từ, nhưng không cản trở nhiều đến nội dung thông điệp.

- Nghe hiểu được những cuộc hội thoại đơn giản về những chủ đề đã học; hiểu được những thông báo đơn giản.

- Có thể đọc hiểu được những bài viết đơn giản phục vụ cho mục đích nắm bắt thông tin hoặc mở rộng kiến thức: những sự kiện xã hội, quảng cáo, những tiêu đề trên báo và những bài báo viết về những chủ đề quen thuộc; Có khả năng phán đoán nghĩa từ, câu trong văn cảnh cụ thể.

- Có khả năng viết một đoạn văn khoảng 80-100 từ về những chủ đề quen thuộc: mô tả địa điểm, kể về một kỳ nghỉ... (về những chủ đề đã học); có khả năng viết một lá thư ngắn, không nghi thức: ví dụ, viết thư cho bạn... hoặc viết một bưu thiếp. . .

- Có khả năng làm việc theo nhóm và tự học.

2. 3 Mục tiêu về thái độ người học:

Người học có thái độ tích cực tham gia vào các hoạt động trên lớp, chủ động chuẩn bị bài và làm bài tập ở nhà, trung thực trong kiểm tra, đánh giá.

3. Nội dung học phần

CHƯƠNG 1: UNIT 1 – FROM ME TO YOU

(3, 2, 1)

1. 1. Introduction
1. 2. Course Introduction

1. 3. Unit 1: From me to you
- CHƯƠNG 2: UNIT 2 – FROM ME TO YOU (CONTINUED) (2, 1, 1)**
2. 1. Grammar: tag questions
2. 2. Listening: A sociologist talks about gossip, an informal phone conversation
2. 3. Reading: *“In Touch”*
2. 4. Speaking: Conversation strategies
2. 5. ToEIC Listening strategies: Part 1: Photos
- CHƯƠNG 3: UNIT 3 – IN THE LIMELIGHT (3, 2, 1)**
3. 1. Topics: The performing arts
3. 2. Grammar: review of present perfect continuous/present perfect simple
3. 3. Listening: An opera singer
3. 4. Reading: *“Prince Eyangó”*
3. 5. Speaking: Talking about musicians
- CHƯƠNG 4: UNIT 4 - IN THE LIMELIGHT (CONTINUED) (2, 1, 1)**
4. 1. Grammar: questions with prepositions
4. 2. Listening: A TV game show
4. 3. Reading: *“The Writing Life”*
4. 4. Speaking: Talking about hobbies and working styles
4. 5. ToEIC Listening strategies: Part 2: Question-response
- CHƯƠNG 5: UNIT 5 – BY COINCIDENCE (3, 2, 1)**
5. 1. Topics: coincidence and connections
5. 2. Grammar: Past perfect
5. 3. Listening: *“Table for Two”*
5. 4. Reading: The story of Deborah and Josep/*“Six Degrees of Separation”*
5. 5. Speaking: Telling a story about a coincidence
5. 6. Writing: a story about a coincidence
- CHƯƠNG 6: UNIT – BY COINCIDENCE (CONTINUED) (2, 1, 1)**
6. 1. Grammar: Relative clauses (object)
6. 2. Listening: Confirmation/Song
6. 3. Speaking: Sending a package to people, Confirmation
6. 4. ToEIC Listening strategies: Part 3: Conversations
- CHƯƠNG 7: UNIT – A DAY’S WORK (2, 2, 1)**
7. 1. Topics: Job and work experience
7. 2. Grammar: Gerunds and infinitive
7. 3. Listening: People talking about their job/Dangerous job
7. 4. Reading: Extract from a book – *“Tis”*
7. 5. Speaking: Discussing important features in a job
- CHƯƠNG 8: UNIT – A DAY’S WORK (CONTINUED) (2, 1, 1)**
8. 1. Grammar: It.... +infinitive
8. 2. Reading: Extract from a book – *“Tis”*
8. 3. Speaking: Talking about workplace problems
8. 4. ToEIC Listening strategies: Part 4: Talks
- CHƯƠNG 9: UNIT 9 – THE NATURE OF THINGS (2, 2, 1)**
9. 1. Topics: Ecology and natural phenomena
9. 2. Grammar: passive: continuous and perfect form
9. 3. Listening: A park ranger
9. 4. Reading: *“Best-dressed penguins are wearing wool this year”*
9. 5. Speaking: Debating an environmental issue
9. 6. Writing: A letter to a newspaper
- CHƯƠNG 10: UNIT 10- THE NATURE OF THINGS (CONTINUED) (2, 1, 1)**
10. 1. Grammar: Time clauses (future)
10. 2. Listening: A news report about the weather

10. 3. Reading: *Volcano*
 10. 4. Speaking: Discussing places to live
 10. 5. ToEIC Reading Strategies: Part 5: Incomplete Sentences
- CHƯƠNG 11: UNIT 11 – MAKE YOUR MARK** (2, 2, 1)
11. 1. Topics: Heroes and fame
 11. 2. Grammar: Ability: *Could and able to*
 11. 3. Listening: Who do you admire
 11. 4. Reading: An article about folk tales
 11. 5. Speaking: describing someone you admire /Telling a folk tale
 11. 6. Writing: A folk tale
 11. 7. ToEIC Reading Strategies: Part 6: Text completion
- CHƯƠNG 12: UNIT 12 – MAKE YOUR MARK (CONTINUED)** (2, 1, 1)
12. 1. Grammar: First and second conditional
 12. 2. Listening: A survey about fame
 12. 3. ToEIC Reading Strategies: Part 7: Reading comprehension
- CHƯƠNG 13: UNIT 13** (0, 0, 6)
13. 1. Review of ToEIC listening Skills
 13. 2. Review of ToEIC Reading Skills
 13. 3. A real actual TOEIC test

4. Yêu cầu của môn học

- Sinh viên phải tham đầy đủ các giờ học trên lớp theo qui định (80% trở lên).
- Có thái độ học tập tốt, tích cực tham gia các hoạt động học tập trên lớp như đọc hiểu, phát biểu ý kiến xây dựng bài, thảo luận nhóm. . . .
- Hoàn thành tất cả các bài tập theo yêu cầu của giảng viên.
- Tham gia thi kiểm tra, đánh giá đầy đủ.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, làm việc theo nhóm

6. Kế hoạch tư vấn: Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp câu hỏi, vướng mắc của sinh viên.

7. Trang thiết bị: Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, loa đài và tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

9. 1. Tài liệu bắt buộc

B1. Angela Blackwell, Therese Naber, Gregory J. Manin (2014), *EnglishKnowHow 3 (Units 7-12)*, Oxford University Press.

9. 2. Tài liệu tham khảo

T1. Keil J. Anderson (1996), *Active Skills for Reading/ Book 2 (second edition)*, Person.

11. TIẾNG ANH 3

- Số tín chỉ: 3 (27, 18, 18)
- Bộ môn phụ trách: Một môn ngoại ngữ không chuyên – khoa Ngoại ngữ
- Điều kiện tiên quyết: Tiếng anh 2

1. Mô tả học phần

Trong học phần này, người học được cung cấp kiến thức về ngữ pháp, từ vựng và các kỹ năng giao tiếp tiếng Anh: Nghe, Nói, Đọc. Người học có khả năng sử dụng ngôn ngữ trong các tình huống của cuộc sống hàng ngày cũng như trong công việc. Với kiến thức đã học, người học có thể tự học và nghiên cứu để nâng cao trình độ chuyên môn của mình, phục vụ cho công việc sau này.

Năng lực đạt được: Sinh viên đạt được năng lực tiếng Anh bậc 3. 2 theo KNLNNVN. Theo đó, sinh viên hiểu được các ý chính của một đoạn văn hoặc bài phát biểu chuẩn mực, rõ ràng về các chủ đề quen thuộc; xử lý được hầu hết các tình huống xảy ra khi đến khu vực có sử dụng ngôn ngữ đó; viết đoạn được văn mô tả được những kinh nghiệm, sự kiện ...; xây dựng được kế hoạch tự học và làm việc nhóm tốt hơn; thực hiện được các bài thuyết trình đơn giản rõ ràng và chuẩn mực hơn; độc lập và sáng tạo trong tư duy.

2. Mục tiêu của học phần

2.1 Mục tiêu kiến thức

- Trình bày được những kiến thức ngữ pháp tiếng Anh đã học ở học phần Tiếng Anh 1 và Tiếng Anh 2, đồng thời mở rộng kiến thức ngữ pháp nâng cao.

- Nêu được vốn từ vựng cần thiết dùng trong giao tiếp hàng ngày ở môi trường làm việc như văn bản hợp đồng, tiếp thị, quảng cáo, triển khai kế hoạch hội nghị, sử dụng máy tính, viết thư giao dịch, kiểm toán...

2.2 Mục tiêu kỹ năng

- Có khả năng giao tiếp trong những tình huống thông thường của cuộc sống cũng như trong môi trường làm việc.

- Có khả năng nghe hiểu những cuộc hội thoại thông thường về những chủ đề đã học; hiểu được những thông báo trong công việc.

- Có khả năng đọc hiểu những bài viết phục vụ cho mục đích nắm bắt thông tin hoặc mở rộng kiến thức: những sự kiện xã hội, quảng cáo, những tiêu đề trên báo và những bài báo viết về những chủ đề quen thuộc; Có khả năng phán đoán nghĩa từ, câu trong văn cảnh cụ thể, có khả năng suy luận.

- Có khả năng viết một đoạn văn khoảng 80 -100 từ về những chủ đề thông thường trong cuộc sống. Có khả năng viết một lá thư ngắn, theo nghi thức.

- Có khả năng nâng cao vai trò làm việc theo nhóm và tự học.

2.3 Mục tiêu thái độ người học: Người học có thái độ tích cực tham gia vào các hoạt động trên lớp, chủ động chuẩn bị bài và làm bài tập ở nhà, trung thực trong kiểm tra, đánh giá.

3. Nội dung học phần

CHƯƠNG 1: UNIT 7 – BY DESIGN

(3, 2, 1)

- 1.1. Introduction
- 1.2. Course Introduction
- 1.3. Unit 7: By design

CHƯƠNG 2: UNIT 7 – BY DESIGN (CONTINUED)

(2, 1, 1)

- 2.1. Grammar: so/such...that
- 2.2. Listening: Features of cars
- 2.3. Reading: Read the description of Plaza Olavide
- 2.4. Speaking: Planning a public park, Role-play: Buying/selling a car
- 2.5. Writing: Describing a public place

CHƯƠNG 3: UNIT 8 - Special offer

(3, 2, 1)

- 3.1. Topics: Services and advertising
- 3.2. Grammar: have/get st done
- 3.3. Listening: An errand-running service
- 3.4. Vocabulary: damaged goods

3. 5. Speaking: Creating a service
 3. 6. Writing: A formal letter
- CHUÔNG 4: UNIT 8 - Special offer** (2, 1, 1)
 4. 1. Grammar: Verb +object + infinitive
 4. 2. Listening: Radio commercials
 4. 3. Reading: “*Motion Ads may make commute seem faster*”
 4. 4. Speaking: planning a radio commercial
 4. 5. Writing: Write a radio commercial for a product
- CHUÔNG 5: UNIT 9 - Mysteries and science** (3, 2, 1)
 5. 1. Topics: Unsolved mysteries and scientific explanation
 5. 2. Grammar: Possibilities
 5. 3. Listening: A surprising story
 5. 4. Reading: “*Mysteries of the Southwest*”
 5. 5. Speaking: Talking about a frightening or surprising experience
- CHUÔNG 6: UNIT 9 - Mysteries and science (continued)** (2, 1, 1)
 6. 1. Grammar: Noun clauses
 6. 2. Listening: A radio program about science
 6. 3. Reading: “*Unraveling the mysteries of fossils*”
 6. 4. Speaking: “*How much do you know about science*”
 6. 5. Pronunciation: Vowel sounds
- CHUÔNG 7: UNIT 10 - Mind your manners** (2, 2, 1)
 7. 1. Topics: Misunderstanding and manners
 7. 2. Grammar: Reported speech
 7. 3. Listening: Soap operas
 7. 4. Vocabulary: speaking verbs
 7. 5. Speaking: Language in action: Misunderstandings
- CHUÔNG 8: UNIT 10 - Mind your manners (continued)** (2, 1, 1)
 8. 1. Grammar: would have, should have
 8. 2. Listening: Are manners going out of styles?
 8. 3. Reading: “*The power of poetry*”
 8. 4. Speaking: Discussing good and bad manners
 8. 5. Writing: writing a haiku
- CHUÔNG 9: UNIT 11 - Make or bread** (2, 2, 1)
 9. 1. Topics: Justice and life decisions, crimes
 9. 2. Grammar: Third conditional
 9. 3. Listening: Unusual punishments
 9. 4. Reading: An article about a robbery
 9. 5. Speaking: Choosing and appropriate punishment
- CHUÔNG 10: UNIT 11 - Make or bread (continued)** (2, 1, 1)
 10. 1. Grammar: whatever, wherever, whoever...
 10. 2. Listening: Good advice
 10. 3. Reading: “*Point of view*”
 10. 4. Speaking: Gratitude
 10. 5. Writing: Describing a life-changing experience
- CHUÔNG 11: UNIT 12 - A laugh a day** (2, 2, 1)
 11. 1. Topics: Health and laughter, sickness and health
 11. 2. Grammar: Structure with there+be
 11. 3. Listening: A laughter club
 11. 4. Reading : “*Musician on call*”
 11. 5. Speaking: Discussing how lifestyle affects health
- CHUÔNG 12: UNIT 12 - A laugh a day (continued)** (2, 1, 1)
 12. 1. Grammar: Connectors

- 12. 2. Listening: Jokes
- 12. 3. Reading : “*Why do we laugh?*”
- 12. 4. Speaking: Practice telling jokes
- 12. 5. Writing: Learning English outside the classroom

CHƯƠNG 13:

(0, 0, 6)

- 13. 1. Review of Toeic listening Skills
- 13. 2. Review of Toeic Reading Skills
- 13. 3. A real actual TOEIC test

4. Yêu cầu của môn học

- Sinh viên phải tham đầy đủ các giờ học trên lớp theo qui định (80% trở lên).
- Có thái độ học tập tốt, tích cực tham gia các hoạt động học tập trên lớp như đọc hiểu, phát biểu ý kiến xây dựng bài, thảo luận nhóm.
- Hoàn thành tất cả các bài tập theo yêu cầu của giảng viên.
- Tham gia thi kiểm tra, đánh giá đầy đủ.

5. Phương pháp giảng dạy

Thuyết trình, thảo luận, làm việc theo nhóm

6. Kế hoạch tư vấn

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phân bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của SV.

7. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Học liệu

9. 1. Tài liệu bắt buộc

B1. Angela Blackwell, Therese Naber, Gregory J. Manin (2014), *EnglishKnowHow 3 (Units 7-12)*, Oxford University Press.

9. 2. Tài liệu tham khảo

T1. Keil J. Anderson (1996), *Active Skills for Reading/ Book 2 (second edition)*, Person

12. TIN HỌC ĐẠI CƯƠNG

- Số tín chỉ: 2 (10, 0, 40)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Tin học ứng dụng, khoa Công nghệ thông tin & Truyền thông, trường Đại học Hồng Đức
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Học phần giới thiệu tổng quan về các vấn đề của công nghệ thông tin, xử lý thông tin trên máy tính điện tử, tổng quan về máy tính; mạng máy tính và Internet; sử dụng hệ điều hành; sử dụng bộ phần mềm văn phòng (xử lý văn bản, xử lý bảng tính và trình chiếu).

Năng lực đạt được: Sinh viên sử dụng được máy tính một cách khoa học, có hệ thống; khai thác được các tài nguyên trong mạng Internet; sử dụng được thành thạo các phần mềm, ứng dụng văn phòng một cách hiệu quả để phục vụ việc học tập, nghiên cứu và làm việc.

2. Mục tiêu học phần

2. 1. Mục tiêu về kiến thức:

Sinh viên nắm được các kiến thức cơ bản nhất về công nghệ thông tin (CNTT), máy tính; sử dụng máy tính với hệ điều hành Windows; các khái niệm cơ bản về mạng máy tính và Internet; các phần mềm tiện ích thông dụng; các phần mềm soạn thảo văn bản, trình diễn văn bản và xử lý bảng tính.

2. 2. Mục tiêu về kỹ năng:

Sinh viên phải rèn luyện được các kỹ năng sử dụng máy tính với hệ điều hành Windows; kỹ năng sử dụng thư điện tử, Website, cách tìm kiếm, xử lý thông tin trên Internet; kỹ năng sử dụng các phần mềm tiện ích thông dụng, thiết thực; kỹ năng sử dụng các phần mềm soạn thảo văn bản, trình diễn văn bản và xử lý bảng tính để làm việc, học tập và nghiên cứu.

3. Nội dung chi tiết học phần:

Mô đun A1: CÁC KHÁI NIỆM CƠ BẢN VỀ CNTT

(2, 0)

1. 1. Thông tin và dữ liệu

1. 1. 1. Khái niệm thông tin, dữ liệu
1. 1. 2. Xử lý thông tin bằng máy tính
1. 1. 3. Khái niệm phần cứng, phần mềm

1. 2. Biểu diễn thông tin trong máy tính

1. 2. 1. Biểu diễn số trong các hệ đếm
1. 2. 2. Chuyển đổi số giữa các hệ đếm
1. 2. 3. Các phép toán đối với số nhị phân
1. 2. 4. Biểu diễn thông tin trong máy tính

1. 3. Hệ thống máy tính

1. 3. 1. Các bộ phận cơ bản của máy tính
1. 3. 2. Bộ xử lý trung tâm - CPU
1. 3. 3. Bộ nhớ
1. 3. 4. Các thiết bị nhập, xuất
1. 3. 5. Cấu hình cần biết khi mua máy tính

1. 4. Phần mềm và thuật toán

1. 4. 1. Phần mềm
1. 4. 2. Thuật toán

Mô đun A2: MÁY TÍNH VÀ HỆ ĐIỀU HÀNH

(2, 0, 3)

2. 1. Các thao tác cơ bản

2. 1. 1. Khởi động máy tính
2. 1. 2. Màn hình nền (desktop) và nút Start
2. 1. 3. Sử dụng bàn phím và chuột
2. 1. 4. Cửa sổ và các thao tác với cửa sổ
2. 1. 5. Tắt máy đúng kiểu

2. 2. Quản lý và khai thác máy tính

2. 2. 1. Tổ chức dữ liệu trên máy tính
2. 2. 2. Khai thác và sử dụng My Computer
2. 2. 3. Biểu tượng tệp tin, thư mục
2. 2. 4. Các thao tác cơ bản với tệp tin và thư mục
2. 2. 5. Sử dụng chương trình Windows Explorer
2. 2. 6. Chạy một chương trình ứng dụng

2. 3. Sử dụng máy tính

2. 3. 1. Cài đặt máy in và in tài liệu
2. 3. 2. Tìm kiếm tệp tin, thư mục
2. 3. 3. Nén dữ liệu
2. 3. 4. Xem thông tin về máy tính
2. 3. 5. Thiết lập Control Panel
2. 3. 6. Cài đặt, cập nhật, gỡ bỏ các chương trình ứng dụng
2. 3. 7. Một số phím tắt

2. 4. Tiếng Việt trên máy tính

2. 4. 1. Vấn đề mã hóa tiếng Việt
2. 4. 2. Kiểu gõ Telex
2. 4. 3. Các bộ gõ thông dụng
2. 4. 4. Chuyển đổi mã tiếng Việt
2. 4. 5. Cài đặt Unikey

2. 5. Một số phần mềm tiện ích

Mô đun A3: MẠNG MÁY TÍNH VÀ INTERNET

(1, 0, 2)

3. 1. Khái niệm mạng máy tính và Internet

3. 2. Một số thuật ngữ tiếng Anh khi sử dụng Internet

3. 3. Thư điện tử - Email

3. 3. 1. Khái niệm
3. 3. 2. Tên hộp thư điện tử
3. 3. 3. Thiết lập và sử dụng thư điện tử: gmail, yahoo

3. 4. Website, Blog, diễn đàn

3. 4. 1. Khái niệm WWW, Website, Blog, diễn đàn
3. 4. 2. Tên miền URL
3. 4. 3. Trang chủ (Home page)
3. 4. 4. Một số Website, Blog, diễn đàn thông dụng

3. 5. Tìm kiếm thông tin trên Internet

3. 5. 1. Vai trò của thông tin và tìm kiếm thông tin
3. 5. 2. Kỹ năng tìm kiếm thông tin với Google Search

3. 6. Các văn bản pháp luật quy định về sử dụng Internet

3. 7. Thuê bao kết nối Internet

Mô đun A4: PHẦN MỀM SOẠN THẢO VĂN BẢN

(2, 0, 15)

4. 1. Giới thiệu

4. 1. 1. Khởi động
4. 1. 2. Cửa sổ làm việc
4. 1. 3. Hệ thống trình đơn và các công cụ
4. 1. 4. Thoát khỏi

4. 2. Các thao tác cơ bản

4. 2. 1. Nhập và điều chỉnh văn bản
4. 2. 2. Thao tác trên một khối văn bản
4. 2. 3. Các thao tác cơ bản với file văn bản

4. 3. Định dạng và in ấn văn bản

4. 3. 1. Định dạng ký tự
4. 3. 2. Định dạng đoạn văn bản

- 4. 3. 3. Một số định dạng khác
 - 4. 3. 3. 1. Định dạng cột báo
 - 4. 3. 3. 2. Định dạng chữ cái to đầu đoạn
 - 4. 3. 3. 3. Định dạng đường viền
 - 4. 3. 3. 4. Định dạng ký tự đầu dòng
- 4. 3. 4. Định dạng trang in và in văn bản
- 4. 4. Chèn đối tượng vào văn bản**
 - 4. 4. 1. Chèn ký tự đặc biệt
 - 4. 4. 2. Chèn chữ nghệ thuật
 - 4. 4. 3. Chèn tranh
 - 4. 4. 4. Chèn các hình ảnh đồ họa
 - 4. 4. 5. Chèn công thức toán học
 - 4. 4. 6. Chèn biểu đồ
- 4. 5. Bảng biểu**
 - 4. 5. 1. Tạo bảng mới
 - 4. 5. 2. Hiệu chỉnh và định dạng bảng
 - 4. 5. 3. Sắp xếp dữ liệu trong bảng
- 4. 6. Một số xử lý khác**
 - 4. 6. 1. Tìm kiếm và thay thế văn bản
 - 4. 6. 2. Tạo và sử dụng AutoCorrect
 - 4. 6. 3. Chèn số trang
 - 4. 6. 4. Chèn Header and Footer
 - 4. 6. 5. Trộn văn bản

Mô đun A5: PHẦN MỀM TRÌNH DIỄN VĂN BẢN

(1, 0, 5)

5. 1. Giới thiệu

- 5. 1. 1. Khởi động
- 5. 1. 2. Cửa sổ làm việc
- 5. 1. 3. Hệ thống trình đơn và các công cụ
- 5. 1. 5. Các hướng dẫn thực hiện từng bước một
- 5. 1. 6. Các bước tạo một minh họa
- 5. 1. 7. Thoát khỏi

5. 2. Các thao tác với file trình diễn và với Slide

- 5. 2. 1. Các khái niệm cơ bản
- 5. 2. 2. Quy trình soạn thảo trình diễn
- 5. 2. 3. Các thao tác với file trình diễn

5. 3. Các thao tác với slide

- 5. 3. 1. Định dạng slide
- 5. 3. 2. Các thao tác với slide: chèn, sao chép, di chuyển, xóa
- 5. 3. 3. Trình bày slide
- 5. 4. Tạo hiệu ứng
 - 5. 4. 1. Thiết lập template
 - 5. 4. 2. Thiết lập hiệu ứng cho slide
 - 5. 4. 3. Thiết lập hiệu ứng cho từng đối tượng

5. 5. Trình chiếu slide và in ấn

- 5. 5. 1. Trình chiếu slide
- 5. 5. 2. Định dạng trang in và in file trình diễn

Mô đun A6: PHẦN MỀM XỬ LÝ BẢNG TÍNH

(2, 0, 15)

6. 1 Giới thiệu

- 6. 1. 1. Khởi động
- 6. 1. 2. Cửa sổ làm việc
- 6. 1. 3. Hệ thống trình đơn và các công cụ
- 6. 1. 5. Các thao tác với file bảng tính

- 6. 1. 7. Thoát khỏi
- 6. 2. Các thao tác với bảng tính**
 - 6. 2. 1. Nhập, sửa dữ liệu
 - 6. 2. 2. Các thao tác với vùng dữ liệu
- 6. 3. Định dạng bảng tính và in bảng tính**
 - 6. 3. 1. Định dạng dữ liệu
 - 6. 3. 1. 1. Các kiểu dữ liệu
 - 6. 3. 1. 2. Định dạng các kiểu dữ liệu
 - 6. 3. 1. 3. Căn chỉnh dữ liệu
 - 6. 3. 2. Định dạng trang in và in bảng tính
- 6. 4. Các hàm thông dụng**
 - 6. 4. 1. Nguyên tắc sử dụng hàm
 - 6. 4. 2. Một số hàm thông dụng: sum, average, round, %, max, min, rank, and, or, left, right, if, day 360, datevalue, vlookup, hlookup, countif, Dcount, sumif, Dsum, averageif, Daverage, ...
- 6. 5. Biểu đồ**
 - 6. 5. 1. Các bước xây dựng biểu đồ
 - 6. 5. 2. Hiệu chỉnh biểu đồ
- 6. 6. Quản trị dữ liệu bảng tính**
 - 6. 6. 1. Các khái niệm cơ bản
 - 6. 6. 2. Sắp xếp dữ liệu
 - 6. 6. 3. Trích lọc dữ liệu: AutoFilter, Advanced Filter
- 6. 7. Tính toán trên nhiều bảng tính**

4. Yêu cầu của môn học:

Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn:

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên.

7. Trang thiết bị:

Giờ lý thuyết thực hiện tại phòng chức năng có các thiết bị: máy tính, máy chiếu Projector, loa, Micro. Giờ thực hành chia nhóm, mỗi nhóm thực hành không quá 25 người được thực hiện tại phòng máy tính, mỗi người học được sử dụng một máy và mỗi phòng thực hành có tối thiểu 25 máy sẵn sàng hoạt động, có đầy đủ phần mềm cần thiết phục vụ cho nội dung thực hành. Bố trí lịch học đúng theo lịch trình cụ thể.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ: Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ: Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

9. 1. Giáo trình chính:

B1. Hồ Sĩ Đàm, Đào Kiến Quốc, Hồ Đắc Phương (2012), *Giáo trình tin học cơ sở*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.

B2. Bùi Thế Tâm (2010), *Giáo trình tin học văn phòng*, NXB Giao thông vận tải, Hà Nội.

9. 2. Giáo trình, sách tham khảo:

T1. Phạm Công Anh (2010), *Tin học cơ bản Microsoft Word, Excel, Powerpoint 2003, 2005*, NXB Văn hóa thông tin, Hà Nội.

13. MÔI TRƯỜNG VÀ CON NGƯỜI

- Số tín chỉ: 2 (18, 18, 6)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Thực vật học, khoa KHTN
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Học phần giới thiệu khái niệm môi trường, đối tượng, nhiệm vụ phương pháp nghiên cứu khoa học môi trường; Các nguyên lý cơ bản của sinh thái học và khoa học môi trường; Dân số và sự phát triển dân số; Nhu cầu và các hoạt động thoả mãn nhu cầu của con người; Tài nguyên thiên nhiên, ô nhiễm môi trường và bảo vệ môi trường; Phương hướng và chương trình hành động bảo vệ môi trường trên thế giới và Việt Nam; an toàn lao động trong du lịch.

Năng lực đạt được: Sinh viên biết phát hiện và giải quyết tốt các tình huống sinh thái, môi trường trong cuộc sống; tính toán, phân tích được mối quan hệ giữa dân số, tài nguyên và môi trường, từ đó đánh giá một cách định tính và định lượng các yếu tố này trong việc sử dụng tài nguyên và BVMT; xây dựng được kế hoạch và thực hiện tốt các kỹ năng về vệ sinh và an toàn lao động.

2. Mục tiêu học phần

2.1. Mục tiêu về kiến thức:

Học xong học phần này, người học nắm vững các khái niệm cơ bản về môi trường & con người; mối quan hệ tác động qua lại giữa dân số - tài nguyên - môi trường; các vấn đề toàn cầu; Chiến lược phát triển bền vững và Mục tiêu Thiên niên kỷ; nắm vững thực trạng môi trường và tài nguyên Việt Nam; hiểu và thực hiện Luật và chính sách môi trường của Nhà nước ta, . . .

2.2. Mục tiêu về kỹ năng:

Kết thúc học phần này, người học cần đạt được những kỹ năng sau:

-Có kỹ năng tính toán và phân tích các chỉ tiêu và môi trường, tài nguyên, dân số và các nhu cầu và đáp ứng nhu cầu của con người; kỹ năng phân tích và đánh giá ô nhiễm và các giải pháp phòng chống ô nhiễm môi trường.

-Có khả năng nâng cao vai trò làm việc theo nhóm và tự học.

3. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG 1: Khoa học môi trường và con người. Đối tượng môn học và nhiệm vụ môn học. Một số khái niệm cơ bản về khoa học môi trường. Nhận thức vấn đề môi trường trên thế giới và ở Việt Nam. (2, 3)

- 1.1. Sơ lược về khoa học môi trường và con người.
- 1.2. Đối tượng môn học và nhiệm vụ môn học.
- 1.3. Mối quan hệ giữa khoa học Môi trường và con người với các khoa học khác.
- 1.4. Một số khái niệm cơ bản.
- 1.5. Nhận thức vấn đề môi trường trên thế giới và ở Việt Nam.

CHƯƠNG 2: CÁC NGUYÊN LÝ SINH THÁI HỌC ỨNG DỤNG TRONG KHOA HỌC MÔI TRƯỜNG

- 2.1. Nhân tố sinh thái.
 - 2.1.1. Khái niệm chung.
 - 2.1.2. Các định luật có liên quan.
- 2.2. Ảnh hưởng của nhân tố sinh thái.
 - 2.2.1. Ảnh hưởng của các yếu tố sinh thái vô sinh lên đời sống sinh vật.
 - 2.2.2. Ảnh hưởng của các yếu tố sinh thái hữu sinh lên đời sống sinh vật.
- 2.3. Sự thích nghi của sinh vật.
 - 2.3.1. Thích nghi sinh lý học.
 - 2.3.2. Thích nghi kiểu hình.
 - 2.3.3. Thích nghi kiểu di truyền.
 - 2.3.4. Chọn lọc tự nhiên và thích nghi sinh thái học.
- 2.4. Quần thể và quần xã sinh vật.
 - 2.4.1. Khái niệm về quần thể và những đặc trưng của quần thể.

2.4.2. Quần xã sinh vật và những đặc trưng của quần xã.

2.5. Hệ sinh thái.

2.5.1. Định nghĩa và cấu trúc của hệ sinh thái.

2.5.2. Đặc trưng của hệ sinh thái.

2.6. Hệ sinh thái và con người.

2.6.1. Vị trí của con người trong hệ sinh thái.

2.6.2. Ảnh hưởng của thức ăn lên con người.

2.6.3. Tác động của con người lên hệ sinh thái qua các thời kỳ lịch sử.

CHƯƠNG 3: TÁC ĐỘNG CỦA GIA TĂNG DÂN SỐ ĐỐI VỚI SỰ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG (2, 3)

3.1. Số dân và sự gia tăng dân số

3.1.1. Tỷ lệ gia tăng tự nhiên.

3.1.2. Gia tăng cơ học

3.1.3. Tỷ lệ gia tăng dân số

3.2 Cấu trúc dân số

3.2.1. Lịch sử gia tăng dân số của nhân loại

3.2.2. Số dân trên Trái Đất

3.2.3 Các giai đoạn phát triển dân số.

3.3. Sự phân bố dân cư và di cư.

3.3.1. Sự phân bố dân cư.

3.3.2. Sự di cư.

3.4. Đặc điểm phát triển dân số Việt Nam.

3.4.1. Số dân Việt Nam trong lịch sử.

3.4.2. Gia tăng dân số.

3.4.3. Sự phân bố dân cư.

3.4.4. Kết cấu theo tuổi và theo giới.

3.4.5. Tỷ lệ phụ thuộc.

3.5. Quan hệ giữa dân số – tài nguyên – môi trường.

3.5.1. Dân số đối với sự phát triển kinh tế xã hội.

3.5.2. Dân số đối với các loại tài nguyên và môi trường.

CHƯƠNG 4: CÁC NHU CẦU VÀ HOẠT ĐỘNG THỎA MÃN CÁC NHU CẦU CON NGƯỜI (2, 2)

4.1. Nhu cầu lương thực – thực phẩm.

4.1.1. Nhu cầu dinh dưỡng và năng suất sinh học.

4.1.2. Những loại lương thực – thực phẩm chủ yếu của nhân loại.

4.2. Nhà ở của con người, quần áo và đi lại.

4.2.1. Nhu cầu nhà ở con người.

4.2.2. Quần áo.

4.2.3. Nhu cầu đi lại.

4.3. Nhu cầu về văn hóa, tín ngưỡng, xã hội, thể thao và du lịch.

4.3.1. Diễn trình lịch sử văn hóa thế giới.

4.3.2. Tiến trình văn hóa Việt Nam.

4.3.3. Nhu cầu về đời sống xã hội, văn hóa, văn minh.

4.3.4. Nhu cầu về du lịch, giải trí, thể thao của con người.

4.3.5. Nhu cầu về đời sống tâm linh, tín ngưỡng, tôn giáo.

4.4. Công nghiệp hóa và đô thị hóa.

4.4.1. Nguồn gốc của công nghiệp hóa và đô thị hóa.

4.4.2. Đô thị hóa ở thế kỷ XX và hiện nay.

4.4.3. Đặc trưng của công nghiệp hóa.

4.4.4. Các siêu đô thị hiện nay và vấn đề môi trường.

4.4.5. Sự phát triển đô thị, khu công nghiệp ở nước ta.

CHƯƠNG 5: THỰC TRẠNG KHAI THÁC VÀ SỬ DỤNG TÀI NGUYÊN (3, 2, 2)

- 5.1. Khái niệm và phân loại tài nguyên thiên nhiên,
- 5.1.1. Khái niệm tài nguyên thiên nhiên.
- 5.1.2. Phân loại tài nguyên thiên nhiên.
- 5.2. Tài nguyên khí hậu.
- 5.3. Tài nguyên rừng.
- 5.4. Tài nguyên đất.
- 5.5. Tài nguyên nước.
- 5.6. Tài nguyên biển và ven biển.
- 5.7. Tài nguyên khoáng sản.
- 5.8. Tài nguyên năng lượng.
- 5.9 Sự đa dạng sinh học.

CHƯƠNG 6: VẤN ĐỀ Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG (3, 2, 2)

- 6.1. Ô nhiễm môi trường không khí. .
- 6.2. Ô nhiễm đất.
- 6.3. Ô nhiễm môi trường nước.
- 6.4. Những hình thức ô nhiễm môi trường khác.

CHƯƠNG 7: BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG (3, 2, 2)

- 7.1. Những vấn đề toàn cầu.
- 7.1.1. Vấn đề dân số.
- 7.1.2. Sự nóng lên của Trái đất và lỗ thủng tầng ozon.
- 7.1.3. Vấn đề lương thực và phát triển nông nghiệp.
- 7.1.4. Vấn đề năng lượng.
- 7.1.5. Vấn đề phát triển công nghiệp.
- 7.1.6. Sức khỏe và định cư.
- 7.1.7. Các đại dương và biển.
- 7.1.8. Bảo vệ sự đa dạng sinh học.
- 7.1.9. Những vấn đề khác.
- 7.2. Hiện trạng tài nguyên, môi trường Việt Nam.
- 7.2. 1. Thực trạng môi trường Việt Nam trong những năm gần đây.
- 7.2. 2. Những thách thức đối với môi trường trong thời gian tới.
- 7.2. 3. Các nhiệm vụ và giải pháp cơ bản.
- 7.3. Chiến lược phát triển bền vững.
- 7.3.1. Chương trình hành động về bảo vệ môi trường.
- 7.3.2. Sự phát triển bền vững.
- 7.3.3. Mục tiêu phát triển Thiên niên kỷ.
- 7.4. Luật và chính sách môi trường Việt Nam.
- 7.4.1. Chính sách về tài nguyên môi trường.
- 7.4.2. Cơ sở thực hiện và nguyên tắc xây dựng Luật bảo vệ môi trường Việt Nam.
- 7.4.3. Nội dung cơ bản của Luật bảo vệ môi trường Việt Nam.

4. Yêu cầu của môn học:

Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn:

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên.

7. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ: Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ: Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo

9. 1. Tài liệu bắt buộc

B1. Lê Văn Khoa (chủ biên) (2011), *Khoa học môi trường*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

B2. Trần Quốc Huy, Mai Duy Lục (2011), *Môi trường và con người*, Tài liệu lưu hành nội bộ, Trường Đại học Hồng Đức, Thanh Hóa.

B3. Lê Văn Trường, Nguyễn Kim Tiến (đồng chủ biên) (2006), *Giáo dục môi trường*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

9. 2. Tài liệu tham khảo

T1. Douvigneud M. Tanghe (1978), *Sinh quyển và vị trí con người*, NXB Khoa học Kỹ thuật, Hà Nội.

14. TỔNG QUAN DU LỊCH

- Số tín chỉ: 3 (27, 27, 9)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Việt Nam học – Du lịch
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Học phần giới thiệu kiến thức tổng quan về ngành dịch vụ du lịch, bao gồm các lĩnh vực: lữ hành, khách sạn và nhà hàng. Người học sẽ cùng tìm hiểu đặc điểm của nghề dịch vụ du lịch, các tài nguyên du lịch và các xu hướng phát triển mới của ngành du lịch, các tác động của du lịch đến kinh tế, môi trường và ngược lại; các vấn đề về tổ chức và hoạch định chính sách trong du lịch. Bên cạnh đó, kinh nghiệm phát triển du lịch từ các quốc gia sẽ được chia sẻ.

Năng lực đạt được: Sinh viên trình bày được tổng quan về lý luận, lịch sử và thực tiễn du lịch thế giới và Việt Nam; xác định được xu hướng phát triển du lịch trong nước và trên thế giới; báo cáo, thuyết trình được tổng quan về tình hình du lịch Việt Nam và thế giới đương đại.

2. Mục tiêu học phần

2. 1. Mục tiêu về kiến thức

- Trình bày được các quan điểm, khái niệm cơ bản trong du lịch;
- Trình bày được sự hình thành và phát triển du lịch, những xu hướng phát triển của ngành dịch vụ du lịch trong tương lai

- Nhận thức được các động cơ nảy sinh du lịch và các hình thức du lịch;
- Trình bày được điều kiện để phát triển du lịch;
- Trình bày được Sự tác động qua lại giữa du lịch với các lĩnh vực khác;
- Nắm bắt được kinh nghiệm phát triển du lịch từ các mô hình thành công trên thế giới

2. 2. Mục tiêu về kỹ năng

- Thuyết trình về một chủ đề trước tập thể
- Phân tích các chỉ tiêu thống kê du lịch
- Phân tích được các tác động của môi trường vĩ mô đến ngành dịch vụ du lịch;

2. 3. Mục tiêu về thái độ

- Nâng cao lòng yêu nghề, tích cực chuẩn bị năng lực và điều kiện để trở thành hướng dẫn viên du lịch trong tương lai.
- Hình thành thái độ trung thực, có trách nhiệm trong công việc và trong quan hệ xã hội.
- Xây dựng tác phong lịch sự, hoà nhã, linh hoạt, biết lắng nghe và chia sẻ...

3. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG 1: KHÁI QUÁT VỀ HOẠT ĐỘNG DU LỊCH (3, 3, 0)

- 1.1. Các khái niệm cơ bản về Du lịch
- 1.2. Lịch sử hình thành phát triển du lịch thế giới và Việt Nam
- 1.3. Vai trò của du lịch đối với nền kinh tế xã hội

CHƯƠNG 2: ĐIỀU KIỆN ẢNH HƯỞNG ĐẾN SỰ PHÁT TRIỂN DU LỊCH (3, 3, 0)

- 2.1. Những điều kiện hình thành nhu cầu du lịch
- 2.2. Những điều kiện hình thành cung du lịch

CHƯƠNG 3: CÁC LOẠI HÌNH DU LỊCH (3, 3, 0)

- 3.1. Căn cứ theo môi trường tài nguyên
- 3.2. Căn cứ theo phạm vi lãnh thổ
- 3.3. Căn cứ theo vị trí địa lý
- 3.4. Căn cứ theo phương thức hợp đồng
- 3.5. Căn cứ theo phương tiện vận chuyển
- 3.6. Căn cứ theo mục đích chuyến đi

CHƯƠNG 4: MỐI TƯƠNG TÁC GIỮA GIỮA DU LỊCH VÀ CÁC LĨNH VỰC KHÁC (4, 4, 0)

- 4.1. Về mặt kinh tế
- 4.2. Về mặt văn hóa

- 4.3. Về mặt xã hội
- 4.4. Về mặt môi trường
- 4.5. Du lịch với hòa bình chính trị

CHƯƠNG 5: TÍNH THỜI VỤ TRONG DU LỊCH (3, 3, 0)

- 5.1. Khái niệm về tính thời vụ
- 5.2. Các nhân tố ảnh hưởng đến tính thời vụ
- 5.3. Ảnh hưởng của tính thời vụ đến hoạt động du lịch
- 5.4. Các biện pháp làm giảm ảnh hưởng của tính thời vụ

CHƯƠNG 6: TỔ CHỨC LÃNH THỔ DU LỊCH (3, 3, 0)

- 6.1. Điểm du lịch
- 6.2. Trung tâm du lịch
- 6.3. Tiểu vùng du lịch
- 6.4. Á vùng du lịch

CHƯƠNG 7: CÁC XU HƯỚNG PHÁT TRIỂN CỦA DU LỊCH HIỆN NAY (4, 4, 0)

- 7.1. Xu hướng của cầu DL
- 7.2. Xu hướng phát triển của cung du lịch

CHƯƠNG 8: MỘT SỐ VẤN ĐỀ DU LỊCH VIỆT NAM (4, 4, 0)

- 8.1. Tài nguyên du lịch Việt Nam
- 8.2. Một số nhân tố tác động đến du lịch Việt Nam
- 8.3. Tình hình phát triển du lịch Việt Nam

CHƯƠNG 9: THỰC TẾ TẠI MỘT ĐIỂM DU LỊCH ĐỊA PHƯƠNG (0, 0, 9)

4. Yêu cầu của môn học

Học viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của học viên.

7. Trang thiết bị

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học:

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

9. Tài liệu tham khảo

9.1. Tài liệu bắt buộc

- B1. Trần Thị Mai (chủ biên) (2015), *Giáo trình tổng quan du lịch*, NXB Lao động, Hà Nội.
- B2. Đào Ngọc Cảnh (2011), *Giáo trình Tổng quan du lịch*. NXB Đại học Cần Thơ, Cần Thơ.

9.2. Tài liệu tham khảo

- T1. Nguyễn Minh Tuệ (chủ biên) (2005), *Địa lý du lịch Việt Nam*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
- T2. Tổng cục Du lịch (2002), *Non nước Việt Nam*, NXB Văn hóa Thông tin, Hà Nội.

15. LỊCH SỬ VIỆT NAM

- Số tín chỉ: 2 (18, 18, 6)
- Bộ môn phụ trách: Lịch sử
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Môn học cung cấp cho sinh viên không chuyên ngành những kiến thức cơ bản về tiến trình phát triển của Lịch sử Việt Nam. Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về xã hội Việt Nam từ thời nguyên thủy cho đến quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội trong giai đoạn hiện nay.

Năng lực đạt được: Sinh viên trình bày khái quát được tiến trình lịch sử Việt Nam; sử dụng được kiến thức lịch sử Việt Nam trong hoạt động thuyết minh hướng dẫn tại di tích lịch sử, bảo tàng. . .

2. Mục tiêu

2. 1. Mục tiêu về kiến thức:

Qua những hoạt động học tập trong học phần, sinh viên sẽ: Nắm được kiến thức cơ bản của Lịch sử Việt Nam từ nguồn gốc đến nay.

2. 2. Mục tiêu về kỹ năng:

Thông qua những hoạt động học tập trong học phần, sinh viên có thể:

- Phát triển khả năng tự nghiên cứu, thao tác tư duy độc lập, sáng tạo trong việc học tập, nghiên cứu Lịch sử.
- Phát triển tư duy phê phán, năng lực phân tích, tổng hợp một vấn đề lịch sử.

2. 3. Mục tiêu về thái độ:

Thông qua những hoạt động học tập trong học phần, sinh viên sẽ:

- Phát triển khả năng hợp tác trong làm việc tập thể.
- Yêu nghề, tận tụy

3. Nội dung học phần

CHƯƠNG 1: VIỆT NAM THỜI NGUYÊN THỦY (3, 4)

- 1.1. Thời kỳ bầy người nguyên thủy
- 1.2. Thời kỳ công xã thị tộc

CHƯƠNG 2: THỜI DỰNG NƯỚC VÀ GIỮ NƯỚC (THỜI ĐẠI HÙNG VƯƠNG – AN DƯƠNG VƯƠNG) (3, 4)

- 2.1. Thời đại các vua Hùng dựng nước
- 2.2. Nước Âu Lạc thời An Dương Vương

CHƯƠNG 3: ĐẠI BẮC THUỘC VÀ CUỘC ĐẤU TRANH GIÀNH ĐỘC LẬP (179 TR.CN – 938) (3, 4)

- 3.1. Sự thống trị của các triều đại phong kiến phương Bắc
- 3.2. Những cuộc đấu tranh giành độc lập

CHƯƠNG 4: THỜI ĐẠI XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ QUỐC GIA PHONG KIẾN ĐỘC LẬP (938-1958) (3, 2, 2)

- 4.1. Nước Đại Việt từ thế kỷ X – XIV
- 4.2. Nước Đại Việt từ 1400 – 1527
- 4.3. Nước Đại Việt từ thế kỷ XVI đến giữa thế kỷ XIX

CHƯƠNG 5: THỜI KỲ ĐẤU TRANH CHỐNG THỰC DÂN PHÁP XÂM LƯỢC (1858- 1945) (3, 2, 2)

- 5.1. Cuộc chiến tranh buổi đầu chống thực dân Pháp xâm lược
- 5.2. Phong trào yêu nước và Cách mạng đầu thế kỷ XX.
- 5.3. Phong trào Cách mạng Việt Nam từ sau chiến tranh thế giới lần thứ Nhất đến năm 1930.

CHƯƠNG 5: THỜI KỲ CHIẾN TRANH CÁCH MẠNG VÀ XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI TỪ 1945 ĐẾN NAY (3, 2, 2)

- 6.1. Cách mạng Việt Nam 1945-1954.
- 6.2. Cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954-1975)

6.3. Lịch sử Việt Nam từ sau 1975 đến nay

4. Yêu cầu của môn học

Trong quá trình học phải tích cực, chủ động nghiên cứu bài, thảo luận và làm bài tập luyện tập để rèn luyện kỹ năng và kiểm tra kiến thức đã học.

Đảm bảo tham gia ít nhất đạt 80% số tiết học lý thuyết và 80% số tiết bài tập, thảo luận; Làm đầy đủ các bài tập theo yêu cầu của giảng viên.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của sinh viên.

7. Trang thiết bị

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo

9.1. Tài liệu bắt buộc

B1. Lê Quý Đôn (1993), *Đại Việt thông sử*, NXB Đồng Tháp.

B2. Lê Mậu Hãn (chủ biên) (2013), *Đại cương Lịch sử Việt Nam*, NXB Giáo dục.

B3. Đinh Xuân Lâm (chủ biên) (2010), *Đại cương Lịch sử Việt Nam (tập 2)*, NXB Giáo dục.

9.2. Tài liệu tham khảo

T1. Ngô Sĩ Liên (1967), *Đại Việt sử ký toàn thư*, NXB KHXH.

T2. Trương Hữu Quýnh (chủ biên) (1998), *Đại cương Lịch sử Việt Nam*, NXB Giáo dục.

16. HÁN NÔM

- Số tín chỉ: 02 (18, 0, 24)
- Bộ môn phụ trách: Bộ môn Văn học Việt Nam
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Học phần Hán Nôm nhằm giới thiệu về các loại hình Hán Nôm du lịch: thơ, văn, chiếu, truyện, kí (lưu đề) và các hệ thống hoành phi, câu đối, văn bia ở các di tích lịch sử. Ở mỗi thể loại, sẽ điếm qua về đặc điểm loại hình, các tác phẩm tiêu biểu. Các hiện tượng ngữ pháp của Hán cổ như kết cấu định ngữ, kết cấu củ vị, kết cấu động bổ; các hư từ cơ bản như *chi, kỳ, giả, dã* sẽ được giới thiệu lồng ghép trong mỗi bài học.

Năng lực đạt được: Sinh viên khai thác, sử dụng được văn tự Hán Nôm ở mức độ đơn giản.

2. Mục tiêu học phần

2.1. Mục tiêu về kiến thức

- Trình bày được kiến thức cơ bản về chữ Hán, chữ Nôm: nguồn gốc, sự hình thành, quá trình phát triển; kết cấu, hình thể; cách thể hiện; bộ thủ; những kiến thức về tự, từ và câu trong Hán Văn cổ.

- Trình bày được kiến thức chung về các loại hình Hán Nôm du lịch: tên di tích, hoành phi, câu đối, văn bia. . . .

- Nhận biết được đặc trưng của mỗi thể loại văn học: (chiếu, truyện, kí); Văn bản Hán Nôm du lịch (Hoành phi, câu đối, văn bia)

2.2. Mục tiêu về kỹ năng

- Sinh viên biết viết chữ Hán đúng nét, đủ nét, theo quy tắc bút thuận.

- Đọc và phiên âm, dịch nghĩa được các văn bản Hán Văn; hệ thống các hoành phi, câu đối, văn bia được học.

- Đọc và dịch các thư tịch cổ, các tác phẩm văn chương, hệ thống văn bia, câu đối ở đình chùa, miếu mạo. . v. v. . .

- Phân tích được các hiện tượng ngữ pháp xuất hiện trong các văn bản Hán văn được học.

2.3. Mục tiêu về thái độ

Sinh viên có quan điểm khoa học trong học tập và nghiên cứu Hán Nôm; biết trân trọng, giữ gìn và phát huy các giá trị văn hóa, lịch sử truyền thống.

3. Nội dung học phần

- Phần 1. Đại cương về chữ Hán

CHƯƠNG 1: VĂN TỰ HÁN – NGUỒN GỐC, HÌNH THỂ, KẾT CẤU (1,0,1)

- 1.1. Nguồn gốc
- 1.2. Hình thể
- 1.3. Kết cấu

CHƯƠNG 2: VĂN TỰ HÁN – CÁCH THỂ HIỆN CẤU (1, 0, 2)

- 2.1. Các nét cơ bản
- 2.2. Quy tắc bút thuận
- 2.3. Tính cân đối của chữ

CHƯƠNG 3: BỘ THỦ CẤU (1,0,1)

- 3.1. Vai trò của bộ thủ với việc học chữ Hán
- 3.2. Phân biệt một số bộ thủ có hình thể giống nhau và các bộ có nhiều hình thể

CHƯƠNG 4: TỰ, TỪ VÀ CÂU TRONG HÁN VĂN CỔ CẤU (1,0,2)

- 4.1. Từ tự đến từ
- 4.2. Nghĩa của từ trong Hán văn cổ
- 4.3. Từ từ đến câu

PHẦN 2: TIẾP CẬN VĂN BẢN HÁN

CHƯƠNG 5: NHÓM VĂN BẢN CỔ HỌC TINH HOA CẤU (1,0,2)

- 5.1. Tu thân, tề gia, trị quốc

5.2. Tam nhân hành

5.3. Bất hiếu giả ngu

CHƯƠNG 6: NHÓM VĂN BẢN KHẮC TẠI DI TÍCH CẤU (1,0,2)

6.1. Trưng Nữ Vương miếu bi

6.2. Quán Sứ tự công đức bi kí

6.3. Ngọc Sơn Đệ Quân từ kí

CHƯƠNG 7: LƯU ĐỀ Ở CÁC DI TÍCH LỊCH SỬ - VĂN HÓA (2, 0, 2)

7.1. Lưu đề của Trần Nhân Tông

7.2. Lưu đề của Nguyễn Sưởng

7.3. Lưu đề của Phạm Sư Mạnh

7.4. Lưu đề ở chùa Đọi của Lê Thánh Tông

7.5. Lưu đề ở núi Dục Thúy

PHẦN 3: DI TÍCH VÀ CÁC THỂ LOẠI VĂN BẢN TẠI DI TÍCH

CHƯƠNG 8: TÊN DI TÍCH CẤU (2, 0, 2)

8.1. Tên di tích, cách viết tên di tích và vị trí ghi tên di tích

8.2. Các loại hình di tích

8.3. Kết cấu cú pháp tên di tích

8.4. Yếu tố chung và yếu tố hạn định trong tên di tích.

CHƯƠNG 9: HOÀNH PHI – ĐẠI TỰ CẤU (2, 0, 2)

9.1. Khái niệm và cách bố trí Hoành phi – đại tự

9.2. Các nội dung thường gặp trong hoành phi – đại tự

9.3. Phân loại hoành phi – đại tự theo số lượng từ

CHƯƠNG 10: CÂU ĐỐI CẤU (1, 0, 2)

10.1. Những vấn đề chung về câu đối

10.2. Phân loại câu đối theo chủ đề

CHƯƠNG 11: VĂN BIA VÀ CÁCH ĐỌC VĂN BIA CẤU (2, 0, 2)

11.1. Văn bia

11.2. Hướng dẫn cách đọc văn bia

PHẦN 4: ĐẠI CƯƠNG VỀ CHỮ NÔM

CHƯƠNG 12: CÁC VẤN ĐỀ TRONG CHỮ NÔM CẤU (1, 0, 2)

12.1. Cách đọc Hán Việt Việt hóa

12.2. Cách đọc chính âm

CHƯƠNG 13: CẤU TRÚC CỦA CHỮ NÔM (2, 0, 2)

13.1. Loại chữ Nôm vay mượn chữ Hán

13.2. Loại chữ Nôm tự tạo

13.3. Loại chữ Nôm đặc biệt

13.4. Chữ Nôm viết tắt

4. Yêu cầu của môn học:

Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn:

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên.

7. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học:

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: Trọng số 30%.

- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%

- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

9. Tài liệu tham khảo chính:

9. 1. Tài liệu bắt buộc

B1. Đặng Đức Siêu (2007), *Ngữ văn Hán Nôm T1, T2*, NXB ĐH. Sư phạm Hà Nội

B2. Phạm Văn Khoái (2007), *Giáo trình Hán Nôm dành cho du lịch*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.

B3. Trương Thìn (2010), *Mẫu Hoành phi, câu đối thường dùng*, NXB Thời Đại, Hà Nội.

9. 2. Tài liệu tham khảo

T1. Nguyễn Ngọc San (2013), *Lý thuyết chữ Nôm, văn Nôm*, NXB Đại học Sư phạm Hà Nội, Hà Nội.

17. HỆ THỐNG DI TÍCH - DANH THẮNG VIỆT NAM

- Số tín chỉ: 2(18, 18, 6)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Việt Nam học – Du lịch
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Học phần giới thiệu những kiến thức cơ bản, hệ thống về: cơ sở hình thành các loại hình văn hóa vật thể ở Việt Nam; những thành tố cơ bản của hệ thống di tích và danh thắng Việt Nam; vấn đề quản lý, bảo tồn và phát huy tác dụng của các di tích và danh thắng, đặc biệt nhấn mạnh trong lĩnh vực phát triển kinh tế du lịch. Học phần cũng trang bị cho người học những kỹ năng, phương pháp nghiên cứu chuyên ngành cơ bản.

Năng lực đạt được: Sinh viên phân biệt được hệ thống các di tích danh thắng ở Việt Nam; sử dụng và khai thác được giá trị của hệ thống di tích – danh thắng Việt Nam để phục vụ phát triển du lịch và kinh tế - xã hội địa phương và trong hoạt động thuyết minh, hướng dẫn du lịch.

2. Mục tiêu học phần

2. 1. Mục tiêu về kiến thức

- Lý giải và phân biệt được các khái niệm văn hóa, di tích, danh thắng; mối quan hệ giữa các khái niệm; ý nghĩa của các di tích danh thắng đối với đời sống cộng đồng nói chung và đối với phát triển kinh tế du lịch nói riêng.

- Trình bày tổng quan các thành tố tiêu biểu trong hệ thống di tích và danh thắng ở Việt Nam.

- Mô tả khái quát các di tích và danh thắng ở nước ta.

- Nhận thức được các điều kiện tự nhiên, lịch sử, tộc người trong việc hình thành các loại hình di tích danh thắng

2. 2. Mục tiêu về kỹ năng

- Kỹ năng phân tích, tổng hợp, so sánh

- Kỹ năng thuyết trình

- Kỹ năng làm việc nhóm

- Kỹ năng nghiên cứu văn hóa

2. 3. Mục tiêu về thái độ

- Say sưa trong nghiên cứu khoa học, trong học tập.

- Có ý thức cập nhật các tri thức khoa học

- Tôn trọng các di sản văn hóa của dân tộc và nhân loại

3. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG 1: KHÁI NIỆM VÀ PHÂN LOẠI DI TÍCH LỊCH SỬ VÀ DANH THẮNG (3, 4, 0)

1. 1. Khái niệm và đặc điểm

1. 2. Phân loại

CHƯƠNG 2: DI TÍCH KHẢO CỔ HỌC (3, 4, 0)

2. 1. Những vấn đề chung về di tích khảo cổ học

2. 2. Các loại di tích khảo cổ học

CHƯƠNG 3: DI TÍCH LỊCH SỬ (4, 4, 2)

3. 1. Những vấn đề chung về di tích lịch sử

3. 2. Các loại di tích lịch sử

CHƯƠNG 4: DI TÍCH KIẾN TRÚC NGHỆ THUẬT (4, 4, 2)

4. 1. Những vấn đề chung về di tích kiến trúc nghệ thuật

4. 2. Các loại di tích kiến trúc nghệ thuật

CHƯƠNG 5: DANH LAM THẮNG CẢNH (4, 4, 2)

5. 1. Những vấn đề chung về danh lam thắng cảnh

5. 2. Các loại danh lam thắng cảnh

5. 3. Một số Danh lam thắng cảnh tiêu biểu Việt Nam

4. Yêu cầu của môn học:

Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn:

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên.

7. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học:

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

9. Tài liệu tham khảo chính:

9. 1. Tài liệu bắt buộc:

B1. Nguyễn Thị Minh Ngọc (Chủ biên) (2012), *Hệ thống di tích lịch sử văn hóa và danh thắng Việt Nam*, NXB Lao động, Hà Nội.

9. 2. Tài liệu tham khảo

T1. Tổng cục Du lịch (2002), *Non nước Việt Nam*, NXB Văn hóa Thông tin, Hà Nội.

T2. Dương Văn Sáu (2008), *Di tích lịch sử văn hóa và danh thắng Việt Nam*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.

18. CÁC DÂN TỘC VIỆT NAM

- Số tín chỉ: 2 (18, 18, 6)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Việt Nam học – Du lịch
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Học phần tập trung giới thiệu các vấn đề cơ bản của dân tộc học dưới các góc độ: lịch sử tộc người, văn hóa tộc người, kinh tế tộc người, dân số tộc người. Phần kiến thức cơ bản gồm các nội dung: Những vấn đề chung về các dân tộc ở Việt Nam; vấn đề lịch sử tộc người, dân số và phân bố dân cư; đặc điểm kinh tế, văn hóa, xã hội tộc người; các dân tộc thuộc các ngữ hệ Nam Á, Thái, Hán – Tạng và Nam Đảo tại Việt Nam.

Năng lực đạt được: Sinh viên phân biệt được bản sắc văn hóa các dân tộc Việt Nam; khai thác được bản sắc văn hóa các dân tộc trong các hoạt động bảo tồn bản sắc văn hóa, hướng dẫn du lịch, phát triển cộng đồng...

2. Mục tiêu học phần

2.1. Mục tiêu về kiến thức

Qua học phần này Sinh viên nắm được hệ thống kiến thức cơ bản về:

- Trình bày kiến thức về Lịch sử tộc người, dân số và phân bố dân cư
- Nhận thức được tính đa dạng của các dân tộc ở Việt Nam và trên thế giới
- Trình bày kiến thức về Các tộc người thuộc các ngữ hệ khác nhau ở Việt nam
- Trình bày kiến thức về Đặc điểm kinh tế - xã hội các tộc người ở Việt nam
- Trình bày kiến thức về Đặc trưng văn hóa tộc người ở Việt Nam

2.2. Mục tiêu về kỹ năng

- Kỹ năng bậc cao về các lĩnh vực chuyên sâu về dân tộc học
- Các kỹ năng mềm như thuyết trình, làm việc nhóm, tư duy độc lập

3. Nội dung học phần

CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ CÁC DÂN TỘC Ở VIỆT NAM (2, 0)

- 1.1. Xung quanh việc sử dụng khái niệm dân tộc ở Việt Nam
- 1.2. Xung quanh các tiêu chí xác định tộc người
- 1.3. Đối tượng, nhiệm vụ và mục đích nghiên cứu của học phần

CHƯƠNG 2: ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, LỊCH SỬ TỘC NGƯỜI, DÂN SỐ VÀ PHÂN BỐ DÂN CƯ (2, 3)

- 2.1. Điều kiện tự nhiên
- 2.2. Đặc điểm của lịch sử tộc người
- 2.3. Dân số và phân bố dân cư

CHƯƠNG 3: ĐẶC ĐIỂM KINH TẾ TRUYỀN THỐNG CÁC DÂN TỘC Ở VIỆT NAM (2, 3)

- 3.1. Các loại hình kinh tế truyền thống
- 3.2. Vị trí của kinh tế truyền thống của các tộc người
- 3.3. Những biến đổi của kinh tế trong thời kì hiện đại

CHƯƠNG 4: ĐẶC ĐIỂM XÃ HỘI TRUYỀN THỐNG CÁC DÂN TỘC Ở VIỆT NAM (2, 1)

- 4.1. Các tộc người thiểu số ở phía Bắc
- 4.2. Các tộc người thiểu số ở phía Nam
- 4.3. Đặc điểm xã hội của người Kinh
- 4.4. Những biến đổi hiện nay

CHƯƠNG 5: ĐẶC ĐIỂM VĂN HÓA TRUYỀN THỐNG CÁC DÂN TỘC Ở VIỆT NAM (2, 2, 1)

- 5.1. Xung quanh khái niệm văn hóa và văn hóa tộc người
- 5.2. Đặc điểm văn hóa sản xuất
- 5.3. Đặc điểm văn hóa đảm bảo đời sống
- 5.4. Đặc điểm văn hóa chuẩn mực xã hội
- 5.5. Đặc điểm văn hóa nhận thức

CHƯƠNG 6: CÁC TỘC NGƯỜI THUỘC NGŨ HỆ NAM Á Ở VIỆT NAM (2, 2, 1)

- 6.1. Nhóm ngôn ngữ Việt – Mường
- 6.2. Nhóm ngôn ngữ Môn – Khơ Me
- 6.3. Nhóm ngôn ngữ Mông – Dao
- 6.4. Nhóm hỗn hợp

CHƯƠNG 7: CÁC TỘC NGƯỜI THUỘC NGŨ HỆ THÁI Ở VIỆT NAM (2, 2, 1)

- 7.1. Người Thái
- 7.2. Người Tày, Nùng
- 7.3. Người Lào, Lự, Bố Y
- 7.4. Người Giáy

CHƯƠNG 8: CÁC TỘC NGƯỜI THUỘC NGŨ HỆ HÁN TẠNG Ở VIỆT NAM (2, 2, 1)

- 8.1. Nhóm ngôn ngữ Hoa
- 8.2. Nhóm ngôn ngữ Tạng – Miến

CHƯƠNG 9: CÁC TỘC NGƯỜI THUỘC NGŨ HỆ NAM ĐẢO Ở VIỆT NAM (2, 2, 1)

- 9.1. Người Cham
- 9.2. Người Gia Rai
- 9.3. Người Êđê
- 9.4. Người Churu, Raglai

4. Yêu cầu của môn học:

Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn:

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên.

7. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học:

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

9. Tài liệu tham khảo chính:

9. 1. Tài liệu bắt buộc:

B1. Lê Sỹ Giáo (chủ biên) (1998), *Dân tộc học đại cương*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

9. 2. Tài liệu tham khảo

T1. Viện Dân tộc học (1978), *Các dân tộc ít người ở Việt Nam (các tỉnh phía bắc)*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội.

T2. Viện Dân tộc học (1984), *Các dân tộc ít người ở Việt Nam (các tỉnh phía Nam)*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội.

19-21. Chọn 3 trong 6 học phần sau

a. VĂN HÓA ẨM THỰC VIỆT NAM

- Số tín chỉ: 2 (18, 18, 6)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Việt Nam học – Du lịch
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Môn học cung cấp những hiểu biết cơ bản về Văn hoá ẩm thực Việt Nam, mối quan hệ giữa điều kiện tự nhiên và văn hóa ẩm thực Việt Nam. Trình bày một số nguyên tắc cơ bản trong chế biến món ăn truyền thống của người Việt. Đồng thời, phân biệt được khẩu vị ẩm thực của từng vùng miền trên đất nước Việt Nam

Năng lực đạt được: Sinh viên phân tích được những yếu tố ảnh hưởng tới ẩm thực và văn hoá ẩm thực của Việt Nam; phân biệt được khẩu vị ẩm thực của các vùng miền Việt Nam; xây dựng được thực đơn cũng như trong tổ chức phục vụ ăn uống trong quá trình hướng dẫn du lịch; chế biến được các món ăn cơ bản theo văn hóa truyền thống của các dân tộc Việt Nam.

2. Mục tiêu Học phần

2. 1. Mục tiêu về kiến thức

- Trình bày được những nét đặc trưng trong văn hóa ẩm thực Việt Nam và các quốc gia trên thế giới
- Phân tích được tập quán và khẩu vị ăn uống của các quốc gia thuộc các khu vực khác nhau trên thế giới
- Phân tích được đặc điểm ẩm thực của các tôn giáo trên thế giới và các kiêng kỵ
- Nắm bắt được xu hướng ẩm thực của du khách trong bối cảnh mới

2. 2. Mục tiêu về kỹ năng

- Kỹ năng xây dựng thực đơn cho các đoàn khách từ các vùng văn hóa khác nhau
- Kỹ năng thuyết trình
- Kỹ năng giao tiếp và ứng xử
- Kỹ năng làm việc nhóm và làm việc độc lập

2. 3. Mục tiêu về thái độ

- Tinh thần, thái độ làm việc nghiêm túc, chuẩn mực sẽ được phát huy khi tham gia học phần.
- Tạo dựng tinh thần trách nhiệm đối với đơn vị, đối với xã hội và quan trọng nhất là trách nhiệm đối với công việc trực tiếp đảm nhiệm.

3. Nội dung chi tiết môn học

CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ VĂN HÓA ẨM THỰC

- 1.1. Khái niệm: văn hóa, ẩm thực, văn hóa ẩm thực
- 1.2. Định nghĩa về ẩm thực qua các góc độ: văn hóa, kinh tế, y tế, xã hội, khoa học-công nghệ, ca dao tục ngữ.
- 1.3. Đặc điểm văn hóa ẩm thực Việt Nam
- 1.4. Vai trò của văn hóa ẩm thực trong kinh doanh nhà hàng, khách sạn
- 1.5. Mối quan hệ giữa ẩm thực và du lịch

CHƯƠNG 2: NÉT ĐẶC TRƯNG TRONG VĂN HÓA ẨM THỰC VIỆT NAM (6, 6, 4)

- 2.1. Mối quan hệ giữa điều kiện tự nhiên và văn hóa ẩm thực Việt Nam
- 2.2. Phong cách ẩm thực của người Việt Nam
- 2.3. Trình tự ăn uống, dụng cụ ăn uống
- 2.4. Tổ chức bữa ăn
- 2.5. Nghệ thuật nấu bếp của người Việt nam
- 2.6. Ba cách ăn của người Việt (khoa học, dân chủ, toàn diện)
- 2.7. Nhu cầu giao tiếp và ứng xử trong ăn uống của người Việt

CHƯƠNG 3: ẨM THỰC CÁC VÙNG MIỀN

- 3.1. Ẩm thực miền Bắc

3.2. Ẩm thực miền Trung

3.3. Ẩm thực miền Nam

CHƯƠNG 4: TẬP QUÁN VÀ KHẨU VỊ ĂN UỐNG CỦA CÁC KHU VỰC TRÊN THẾ GIỚI (3, 4)

- 3.1. Tập quán và khẩu vị ăn uống chung khu vực Châu Á
- 3.2. Tập quán và khẩu vị ăn uống của một số quốc gia khu vực châu Á
- 3.3. Tập quán và khẩu vị ăn uống chung của khu vực Âu - Mỹ
- 3.4. Tập quán và khẩu vị ăn uống của một số quốc gia trong khu vực Âu - Mỹ
- 3.5. Tập tục ăn kiêng của các dân tộc trên thế giới
- 5.1. Mối liên hệ giữa Văn hóa ẩm thực và Văn hóa du lịch

4. Yêu cầu của môn học

Học viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí thời gian để thẩm định, đánh giá bài thực hành của học viên

7. Trang thiết bị

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học:

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

9. Tài liệu tham khảo

9. 1. Tài liệu bắt buộc

B1. Nguyễn Nguyệt Cầm (2014), *Giáo trình Văn hoá ẩm thực*, NXB Hà Nội, Hà Nội.

B2. Xuân Huy (2012), *Văn hoá ẩm thực và món ăn Việt Nam*, NXB Trẻ, Tp. Hồ Chí Minh.

B3. Mai Khôi (2000), *Văn hoá ẩm thực Việt Nam – Bắc – Trung – Nam*, NXB Trẻ, Tp. Hồ Chí Minh.

9. 2. Tài liệu tham khảo

T1. Trần Văn Thêm (1996), *Tổng quan văn hoá ẩm thực – Cơ sở văn hoá*, NXB Tp. Hồ Chí Minh, Tp. Hồ Chí Minh.

b. TÍN NGƯỠNG, TÔN GIÁO, LỄ HỘI VIỆT NAM

- Số tín chỉ: 2 (18, 18, 6)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Việt Nam học – Du lịch
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Học phần giới thiệu những kiến thức cơ bản, hệ thống về các vấn đề liên quan đến văn hoá, tín ngưỡng, tôn giáo, lễ hội ở Việt Nam. Kết thúc học phần, sinh viên có kiến thức, kỹ năng, phương pháp nghiên cứu chuyên ngành cơ bản.

Năng lực đạt được: Sinh viên hướng dẫn, giải thích được về các hiện tượng tôn giáo, tín ngưỡng và lễ hội dân gian ở Việt Nam truyền thống và hiện tại.

2. Mục tiêu học phần

2. 1. Mục tiêu về kiến thức

- Trình bày kiến thức cơ bản về văn hoá phi vật thể, trong đó cụ thể như: tín ngưỡng, tôn giáo, lễ hội.

- Nhận thức được các vấn đề thuộc lĩnh vực Di sản văn hoá Việt Nam.

2. 2. Mục tiêu về kỹ năng

- Kỹ năng phân tích, phân loại, tổng hợp, so sánh để phân biệt được các loại hình tín ngưỡng, tôn giáo, lễ hội.

- Sử dụng tư liệu tín ngưỡng, tôn giáo, lễ hội vào việc học tập môn Lịch sử cổ trung đại Việt Nam, Dân tộc học, Di sản văn hoá truyền thống Việt Nam, Cơ sở văn hoá Việt Nam. . .

- Vận dụng các phương pháp luận NCKH trong học tập và nghiên cứu khoa học.

2. 3. Mục tiêu về thái độ

- Có thái độ đúng trong học tập, say sưa học tập, rèn luyện.

- Say sưa trong nghiên cứu khoa học, trong học tập, có ý thức cập nhật các tri thức khoa học.

- Có ý thức tôn trọng, giữ gìn các di sản văn hoá của dân tộc và nhân loại, trân trọng những thành quả lao động của quá khứ, tự hào về những thành tựu văn hoá mà người xưa đã tạo dựng nên. Trên cơ sở đó góp phần củng cố bền chặt mối quan hệ ruột thịt giữa các dân tộc ở nước ta.

3. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG 1: DẪN LUẬN (2, 0)

- 1.1. Tầm quan trọng của học phần: mục tiêu, đối tượng, nhiệm vụ, ý nghĩa...
- 1.2. Tổng quan tình hình nghiên cứu về tín ngưỡng, tôn giáo, lễ hội
- 1.3. Xung quanh khái niệm văn hoá
- 1.4. Nguồn gốc của văn hoá

CHƯƠNG 2: MỘT SỐ VẤN ĐỀ TÍN NGƯỠNG Ở VIỆT NAM (2, 3)

- 2.1. Nguồn gốc của tín ngưỡng
- 2.2. Các hình thức tín ngưỡng

CHƯƠNG 3: MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ NGUỒN GỐC TÔN GIÁO VÀ TÔN GIÁO SƠ KHAI (2, 3)

- 3.1. Nguồn gốc của tôn giáo
- 3.2. Các hình thái biểu hiện của tôn giáo sơ khai

CHƯƠNG 4: MỘT SỐ TÔN GIÁO TIÊU BIỂU Ở VIỆT NAM (2, 3)

- 4.1. Phật giáo
- 4.2. Đạo giáo
- 4.3. Thiên chúa giáo
- 4.4. Nho giáo (tư tưởng triết học)
- 4.5. Một số tôn giáo khác (Đạo Cao Đài, Đạo Hoà Hảo...)
- 4.6. Tôn giáo trong xã hội hiện đại

CHƯƠNG 5: TỔNG QUAN VỀ VĂN HÓA PHI VẬT THỂ, LỄ TỤC VÀ LỄ HỘI Ở VIỆT NAM (2, 2, 2)

- 5.2. Nội hàm di sản văn hoá phi vật thể

5.3. Lễ tục và lễ hội

CHƯƠNG 6: CƠ SỞ HÌNH THÀNH LỄ HỘI TRUYỀN THỐNG Ở VIỆT NAM (2,3)

6.1. Những đặc điểm về môi trường tự nhiên ở Việt Nam

6.2. Đặc điểm cơ bản về vị trí địa lý Việt Nam

6.3. Đặc điểm về môi trường xã hội truyền thống Việt Nam trong lịch sử

6.4. Những đặc điểm lịch sử Việt Nam trong tiến trình lịch sử dựng nước và giữ nước

6.5. Đặc trưng của lễ hội truyền thống Việt Nam

CHƯƠNG 7: LỊCH SỬ LỄ HỘI TRUYỀN THỐNG VIỆT NAM VÀ VẤN ĐỀ PHÂN LOẠI LỄ HỘI Ở VIỆT NAM (2, 2)

7.1. Tiến trình lịch sử lễ hội truyền thống Việt Nam

7.2. Tình hình phân loại lễ hội ở Việt Nam hiện nay

CHƯƠNG 8: LỄ HỘI TRUYỀN THỐNG CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ Ở VIỆT NAM. (2, 2, 2)

8.1. Cơ sở hình thành lễ hội các dân tộc thiểu số ở Việt Nam

8.2. Lễ hội mùa xuân

8.3. Lễ hội mùa hè

8.4. Lễ hội mùa thu

8.5. Lễ hội mùa đông

8.6. Giá trị của lễ hội truyền thống các dân tộc thiểu số ở Việt Nam

CHƯƠNG 9: TỔNG QUAN LỄ HỘI NGƯỜI VIỆT Ở BẮC BỘ, Ý NGHĨA VÀ GIÁ TRỊ XÃ HỘI (2, 2, 2)

9.1. Khái quát lễ hội của người Việt (Kinh) (Dân tộc đa số và các dân tộc thiểu số)

9.2. Lễ hội của người Việt ở Bắc Bộ

9.3. Tính chất và chức năng và ý nghĩa của lễ hội

4. Yêu cầu của môn học:

Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn:

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên.

7. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học:

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.

- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%

- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

9. Tài liệu tham khảo chính:

9. 1. Tài liệu bắt buộc

B1. Lê Sỹ Giáo (chủ biên) (2003), *Dân tộc học đại cương*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

B2. Đỗ Quang Hưng (2008), *Đào Duy Anh, Nguyễn Văn Huyền bàn về tôn giáo*, NXB Chính trị Hành Chính, Hà Nội.

B3. Hoàng Lương (2002), *Lễ hội truyền thống của các dân tộc thiểu số ở miền Bắc Việt Nam*, NXB Văn hoá dân tộc, Hà Nội.

9. 2. Tài liệu tham khảo

T1. Trần Ngọc Thêm (2004), *Tìm về bản sắc văn hoá Việt Nam*, NXB Tổng hợp, Tp. Hồ Chí Minh.

T2. Lê Trung Vũ (chủ biên) (1992), *Lễ hội cổ truyền*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội.

c. PHONG TỤC TẬP QUÁN VIỆT NAM

- Số tín chỉ: 2 (18, 18, 6)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Việt Nam học – Du lịch
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về phong tục tập quán Việt Nam. Cung cấp các kiến thức về các tín ngưỡng dân gian trong đời sống tâm linh của người Việt. Đồng thời tìm hiểu các lễ hội tiêu biểu nhằm tăng thêm sự hiểu biết về một nền văn hóa đa dạng đậm đà bản sắc của dân tộc Việt Nam.

Năng lực đạt được: hiểu được các phong tục tập quán tiêu biểu của người Việt và các dân tộc thiểu số ở Việt Nam. Từ đó có sự áp dụng vào cuộc sống, phân biệt được đâu là những thuần phong mỹ tục cần được bảo lưu, và đâu là những hủ tục cần phải loại bỏ trong cuộc sống.

2. Mục tiêu học phần

2. 1. Kiến thức:

- Nắm được kiến thức nền về phong tục tập quán, tín ngưỡng dân gian trong đời sống tâm linh của người Việt Nam.
- Nắm được kiến thức về lễ tết, lễ hội dân gian Việt Nam
- Nhận biết được những nét đặc trưng cơ bản của nền văn hóa dân tộc thông qua các phong tục tập quán, tín ngưỡng dân gian.
- Phân biệt được các loại hình lễ hội, nắm được những nét đặc trưng cơ bản của từng loại hình lễ hội tiêu biểu.

2. 2. Về kỹ năng:

- Rèn luyện kỹ năng thuyết minh, thuyết trình 1 vấn đề học thuật trước đám đông.
- Vận dụng kiến thức môn học để phát triển nghề nghiệp sau này. Kết hợp các lễ hội theo từng thời gian cụ thể để xây dựng chương trình du lịch đặc sắc, hấp dẫn.
- Có khả năng làm việc theo nhóm, có khả năng tự học, tự nghiên cứu.

2. 3. Về thái độ

- Tăng thêm lòng đam mê nghề nghiệp, mong muốn trở thành 1 hướng dẫn viên có năng lực sau khi ra trường.
- Qua tìm hiểu các phong tục tập quán lễ hội Việt Nam làm tăng thêm lòng tự hào dân tộc, thêm yêu quê hương đất nước ngày hôm nay và tăng thêm lòng biết ơn đối với cha ông đi trước.

3. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG 1: PHONG TỤC TẬP QUÁN (6, 6, 0)

1. 1 Khái quát về phong tục tập quán Việt Nam Khái niệm
1. 2. Một số phong tục tập quán cổ truyền tiêu biểu của Việt Nam
 1. 2. 1. Thờ cúng tổ tiên
 1. 2. 2. Tang ma
 1. 2. 3. Cưới hỏi
 1. 2. 4 Tục ăn trầu, nhuộm răng
 1. 2. 5. Tục hút thuốc Lào
 1. 2. 6. Xem ngày kén giờ
 1. 2. 7. Việc tế tự
 1. 2. 8. Lệ khánh điệu, lệ kính biêu
 1. 2. 9. Các việc kiêng kỵ

CHƯƠNG 2: TÍN NGƯỠNG DÂN GIAN (6, 6, 0)

2. 1. Khái quát về tín ngưỡng Việt Nam
 2. 1. 1. Khái niệm
 2. 1. 2. Đặc điểm
 2. 1. 3. Phân loại

2. 2. Các loại tín ngưỡng Việt Nam 4
2. 2. 1. Tín ngưỡng phồn thực
2. 2. 2. Tín ngưỡng sùng bái tự nhiên
2. 2. 3. Tín ngưỡng sùng bái con người
2. 2. 4. Tín ngưỡng sùng bái thần linh

CHƯƠNG 3: LỄ HỘI (6, 6, 6)

3. 1. Khái quát lễ hội Việt Nam
3. 1. 1. Khái niệm Nguồn gốc của lễ hội
3. 1. 2 Chức năng của lễ hội
3. 1. 3. Ý nghĩa của lễ hội
3. 2. Cấu trúc của lễ hội
3. 3. Các loại hình lễ hội
3. 3. 1. Lễ tết cổ truyền
3. 3. 2. Tết Nguyên Đán
3. 3. 3. Tết Trung Thu
3. 3. 4. Tết Đoan Ngọ
3. 3. 5. Giỗ tổ Hùng Vương
3. 3. 6. Lễ hội tín ngưỡng dân gian
3. 3. 7. Lễ hội tôn giáo

4. Yêu cầu của môn học

Học viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn:

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của học viên.

7. Trang thiết bị

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học:

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

9. Tài liệu tham khảo

9. 1. Tài liệu bắt buộc

B1. Phan Kế Bính (2005), *Việt Nam phong tục*, NXB Văn học, Hà Nội.

B2. Đinh Gia Khánh, Lê Hữu Tầng (Chủ biên) (1993), *Lễ hội truyền thống trong đời sống xã hội hiện đại*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội.

9. 2. Tài liệu tham khảo

T1. Đào Duy Anh (2006), *Việt Nam văn hoá sử cương*, NXB Văn hoá Thông tin, Hà Nội.

T2. Nhất Thanh (2001), *Đất lề quê thói (Phong tục Việt Nam)*, NXB Văn hóa Thông tin, Hà Nội.

T3. Trần Ngọc Thêm (1997), *Tìm về bản sắc văn hoá Việt Nam*, NXB Tp. Hồ Chí Minh, Tp. Hồ Chí Minh.

T4. Lê Trung Vũ (Chủ biên) (1992), *Lễ hội cổ truyền Việt Nam*. NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội.

T5. Trần Quốc Vượng (Chủ biên) (1998), *Cơ sở văn hoá Việt Nam*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

d. LỊCH SỬ VĂN MINH THẾ GIỚI

- Số tín chỉ: 2 (18, 18, 6)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Lịch sử
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Nội dung cơ bản của học phần bao gồm : phần phương đông sẽ trình bày những thành tựu của các nền văn minh và sự đóng góp của họ vào nền văn minh nhân loại. Phần Phương Tây trình bày quá trình phát triển của văn minh phương tây qua các thời kỳ lịch sử

Năng lực đạt được: Sinh viên phân biệt được văn minh với các khái niệm khác; giải thích được về khoa học; thuyết trình được về sự phát triển và thành tựu cơ bản của các nền văn minh trong lịch sử xã hội loài người.

2. Mục tiêu học phần

2. 1. Mục tiêu về kiến thức:

- Trình bày kiến thức cơ bản về văn minh phương Đông và phương Tây
- Vận dụng và lĩnh hội được kiến thức về các nền văn minh lớn trên thế giới.

2. 2. Mục tiêu về kỹ năng:

- Phát triển khả năng tự nghiên cứu, thao tác tư duy độc lập, sáng tạo trong việc học tập, nghiên cứu Lịch sử và công tác giảng dạy Lịch sử sau này.

- Phát triển tư duy phê phán, năng lực phân tích, tổng hợp một vấn đề tộc người trong quá trình phát triển của các nền văn minh.

2. 3. Mục tiêu về thái độ:

Thông qua những hoạt động học tập trong học phần, sinh viên sẽ:

- Có ý thức trong việc phát triển khả năng hợp tác trong làm việc tập thể.

- Yêu nghề, tận tụy với sự nghiệp giáo dục, có ý chí đấu tranh vì sự tiến bộ của khoa học và giáo dục.

3. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG 1: VĂN MINH PHƯƠNG ĐÔNG (3, 4)

1. 1. Khái niệm

1. 2. Các cách tiếp cận văn minh

CHƯƠNG 2: VĂN MINH AI CẬP (3, 5)

2. 1. Cơ sở của nền văn minh

2. 2. Những thành tựu chủ yếu

CHƯƠNG 3: VĂN MINH AN ĐỘ (4, 3, 2)

3. 1. Cơ sở của nền văn minh

3. 2. Những thành tựu chủ yếu

CHƯƠNG 4: VĂN MINH TRUNG QUỐC (4, 3, 2)

4. 1. Cơ sở hình thành

4. 2. Những thành tựu chủ yếu

CHƯƠNG 5: VĂN MINH PHƯƠNG TÂY (4, 3, 2)

5. 1 Văn minh Hy Lạp- La Mã

5. 2 Văn minh phương Tây thời Trung đại

5. 3 Văn minh công nghiệp

5. 4 Văn minh thế kỷ XX

4. Yêu cầu của môn học

Học viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận

5. Phương pháp giảng dạy: Sử dụng giáo án điện tử kết hợp thuyết giảng, trao đổi, thảo luận.

6. Kế hoạch tư vấn

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của học viên.

7. Trang thiết bị

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học:

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

9. Tài liệu tham khảo

9. 1. Tài liệu bắt buộc

B1. Lê Phụng Hoàng (2015), *Lịch sử văn minh thế giới*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

B2. Lương Ninh (2008), *Lịch sử văn hóa thế giới*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

B3. Vũ Dương Ninh (Chủ biên) (2002), *Lịch sử văn minh thế giới*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

9. 2. Tài liệu tham khảo

T1. Đặng Đức An (2001), *Những mẩu chuyện Lịch sử văn minh thế giới*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

T2. Almanach (1999), *Những nền văn minh thế giới*, NXB Văn hóa Thông tin, Hà Nội.

T3. Phạm Cao Dương (1972), *Nhập môn Lịch sử các nền văn minh thế giới*, Tập 2, Tủ sách phổ thông sử học Sài Gòn.

T4. Lê Phụng Hoàng, Hà Bích Liên, Trần Hồng Ngọc (2007), *Các công trình kiến trúc nổi tiếng trong Lịch sử thế giới cổ trung đại*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

T5. Will Durant (2000), *Lịch sử văn minh Trung Quốc*, NXB Văn hóa Thông tin, Hà Nội.

T6. Will Durant (2000), *Lịch sử văn minh A Rập*, NXB Văn hóa Thông tin, Hà Nội.

e. VĂN HÓA ĐÔNG NAM Á

- Số tín chỉ: 2 (18, 18, 6)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Việt Nam học – Du lịch
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Học phần cung cấp cho Sinh viên một số kiến thức cơ bản của văn hoá Đông Nam Á như: văn hoá khu vực Đông Nam Á; nhóm chủng tộc; nhóm ngôn ngữ; chữ viết; ngành nghề, địa lý, khí hậu; các giai đoạn “đột biến văn hoá”. . . . ; giúp nắm vững những vấn đề mấu chốt liên quan đến vấn đề văn hóa dân tộc của các nước trong khu vực.

Năng lực đạt được: Sinh viên đánh giá, trình bày được tổng quan về đặc điểm văn hóa của các nước Đông Nam Á; phân biệt được đặc điểm đặc trưng trong văn hóa từng quốc gia trong khu vực; sử dụng được kiến thức về văn hóa các nước Đông Nam Á phục vụ cho hoạt động thuyết minh, hướng dẫn du lịch.

2. Mục tiêu học phần

2. 1. Về kiến thức:

- Trình bày tổng quan các thành tố tiêu biểu trong nền văn hóa khu vực Đông Nam Á
- Nắm vững những vấn đề mấu chốt liên quan đến tiến trình văn hoá Đông nam Á từ cội nguồn cho đến hiện đại.

2. 2. Mục tiêu về kỹ năng:

- Kỹ năng thuyết trình
- Kỹ năng làm việc nhóm
- Kỹ năng nghiên cứu văn hóa

2. 3. Mục tiêu về thái độ:

- Say sưa trong nghiên cứu khoa học, trong học tập.
- Có ý thức cập nhật các tri thức khoa học
- Nhận thức rõ và tôn trọng bản sắc văn hoá dân tộc

3. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG 1: KHU VỰC VĂN HÓA ĐÔNG NAM Á (2, 2)

- 1.1. Thử xác định khu vực văn hoá Đông Nam Á
- 1.2. Đặc điểm địa lý ảnh hưởng đến văn hoá Đông Nam Á
- 1.3. Các con đường di chuyển của cư dân ở Đông Nam
- 1.4. Quá trình nhận biết về khu vực Đông Nam Á

CHƯƠNG 2: CÁC NHÓM CHỦNG TỘC VÀ NGÔN NGỮ ĐÔNG NAM Á (2, 2)

- 2.1. Các nhóm chủng tộc thế giới và Đông Nam Á
- 2.2. Các nhóm ngôn ngữ thế giới và Đông Nam Á
- 2.3. Các ngữ hệ chính ở Đông Nam Á
- 2.4. Tiếng nói và chữ viết chính thức của các quốc gia Đông Nam Á

CHƯƠNG 3: ĐẤT ĐAI VÀ VĂN HÓA NÔNG NGHIỆP ĐÔNG NAM Á (2, 2)

- 3.1. Sự ra đời của nông nghiệp trên thế giới
- 3.2. Sự ra đời của nông nghiệp ở Đông Nam Á
- 3.3. Vai trò văn hoá của cây lúa

CHƯƠNG 4: GIÓ MÙA VÀ VĂN HÓA NÔNG NGHIỆP ĐÔNG NAM Á (2, 2)

- 4.1. Đời sống của Châu Á gió mùa
- 4.2. Gió mùa và mùa mưa
- 4.3. So sánh nông nghiệp gió mùa Châu Á – Đông Nam Á với nông nghiệp phương Tây
- 4.4. Nông nghiệp gió mùa và văn hoá Đông Nam Á

CHƯƠNG 5: GIÓ MÙA VÀ VĂN HÓA THƯƠNG NGHIỆP ĐÔNG NAM Á (2, 2)

- 5.1. Gió mùa và đường buôn trên biển
- 5.2. Đường buôn trên biển với Đông Nam Á
- 5.3. Những nơi đường buôn đã đi qua Đông Nam Á
- 5.4. Những ảnh hưởng của văn hoá thương nghiệp

CHƯƠNG 6: VĂN HÓA BẢN ĐỊA ĐÔNG NAM Á (2, 2, 2)

- 6.1. Nhận thức về văn hoá bản địa Đông Nam Á
- 6.2. Sơ đồ của Coedès về văn hoá bản địa Đông Nam Á
- 6.3. Những yếu tố khác của văn hoá bản địa Đông Nam Á
- 6.4. Văn hoá bản địa của một số dân tộc
- 6.5. Các tín ngưỡng bản địa Đông Nam Á

CHƯƠNG 7: ĐÔNG NAM Á VÀ VĂN HÓA ĐÔNG NAM Á (2, 2, 2)

- 7.1. Sự thay đổi trong quan niệm về thế giới phương Tây;
- 7.2. Những quan niệm về phạm vi khu vực Đông Nam Á;
- 7.3. Những nét văn hoá Đông Nam Á.

CHƯƠNG 8: QUÁ TRÌNH NHẬN THỨC VỀ KHU VỰC ĐÔNG NAM Á (2, 2)

- 8.1. Thời kỳ đột biến văn hoá thứ nhất;
- 8.2. Thời kỳ đột biến văn hoá thứ hai;
- 8.3. Thời kỳ đột biến văn hoá thứ ba.

4. Yêu cầu của môn học:

Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn:

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên.

7. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học:

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

9. Tài liệu tham khảo chính:

9. 1. Tài liệu bắt buộc

B1. Mai Ngọc Chừ (1999), *Văn hóa Đông Nam Á*, NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội.

B2. Nguyễn Tấn Đắc (chủ biên) (2010), *Văn hoá Đông Nam Á*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội.

9. 2. Tài liệu tham khảo

T1. Ngô Văn Doanh (1997), *Phong tục các dân tộc Đông Nam Á*, NXB Văn hóa Dân tộc, Hà Nội.

f. KỸ THUẬT ĐÀM PHÁN

- Số tín chỉ: 2 (15, 0, 30)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Việt Nam học – Du lịch
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Học phần trang bị những kiến thức cần thiết và kỹ năng cơ bản về đàm phán trong kinh doanh, cũng như dựa vào những nguyên tắc để đàm phán hiệu quả. Nội dung chính tập trung vào mục đích đàm phán, phân tích kết quả đàm phán dựa vào lợi ích và mối quan hệ, các hình thức đàm phán, và những kỹ năng đàm phán.

Năng lực đạt được: Sinh viên thực hiện thành thạo qui trình đàm phán và thương lượng trong du lịch

2. Mục tiêu học phần

2. 1. Kiến thức

- Hiểu rõ tầm quan trọng và tiến trình của công việc đàm phán trong kinh doanh.
- Phân tích các phương án đàm phán dựa trên khía cạnh lợi ích và mối quan hệ trong những tình huống cụ thể.

- Vận dụng những kỹ năng cần thiết trong quá trình đàm phán.

2. 2. Về kỹ năng:

- Vận dụng tốt các kiến thức và kỹ năng để thực hiện đàm phán hiệu quả.
- Làm việc nhóm và giải quyết vấn đề trên cơ sở vận dụng những kiến thức đàm phán.

2. 3. Thái độ

- Tác phong học tập và nghiên cứu nghiêm túc, tích cực thảo luận và tư duy.
- Có tinh thần trách nhiệm trong tổ chức, làm việc nhóm.

3. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ ĐÀM PHÁN (5, 0, 10)

- 1.1. Khái niệm, mục đích, vai trò của đàm phán
- 1.2. Đặc điểm của đàm phán
- 1.3. Ảnh hưởng của văn hóa dân tộc, văn hóa tổ chức và tính cách cá nhân tới đàm phán
1. 4. Nguyên tắc cơ bản và sai lầm thường gặp trong đàm phán
- 1.5. Kỹ năng của một nhà đàm phán

CHƯƠNG 2: KỸ THUẬT ĐÀM PHÁN (5, 0, 10)

2. 1. Các kiểu đàm phán
- 2.2. Tiến trình đàm phán
2. 3. Kỹ thuật đàm phán trong kinh doanh
3. 4. Tình huống

CHƯƠNG 3: MỘT SỐ BÀI HỌC ĐÀM PHÁN (5, 0, 10)

3. 1. Đàm phán với ai, quản lý thời gian
3. 2. Giao tiếp
3. 3. Tạo lòng tin
3. 4. Tình huống

4. Yêu cầu của môn học

Học viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn:

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của học viên.

7. Trang thiết bị

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học:

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

9. Tài liệu tham khảo

9. 1. Tài liệu bắt buộc

B1. Đoàn Thị Hồng Vân (2011), *Giao tiếp trong kinh doanh và cuộc sống*, NXB Trẻ Thành phố Hồ Chí Minh, Hồ Chí Minh.

B2. Đoàn Thị Hồng Vân (2009), *Đàm phán trong kinh doanh quốc tế*, Nxb. Lao động - Xã hội, Hà Nội.

B3. Đoàn Thị Hồng Vân (2006), *Giáo trình đàm phán trong kinh doanh*, Tài liệu lưu hành nội bộ ĐH Bình Dương.

9. 2. Tài liệu tham khảo

T1. *Negotiating Skills For Managers Management* (2002), S. Cohen, Mc. Graw-Hill.

T2. *Nghệ thuật đàm phán: cách tiếp cận của trường đại học Harvard trong 10 câu hỏi*,

M. A. *Bercoff* (2002), NXB Lao động Marketing places, Philip Kotler, D. H, Haider, I Rein.

T3. Hoàng Xuân Việt (2004), *Nghệ thuật thuyết phục*, NXB Mũi Cà Mau, Cà Mau.

22. TUYẾN VÀ ĐIỂM DU LỊCH VIỆT NAM

- Số tín chỉ: 3 (27, 36)
- Bộ môn quản lý: Việt Nam học – Du lịch
- Điều kiện tiên quyết: Hệ thống di tích – danh thắng Việt Nam

1. Mô tả học phần

Môn học giới thiệu kiến thức địa lý, văn hoá, xã hội, lịch sử, môi trường du lịch cùng những vấn đề liên quan đến tuyến-điểm du lịch của Việt Nam làm cơ sở để thiết kế các chương trình du lịch và phục vụ cho hoạt động thuyết minh hướng dẫn du lịch.

Năng lực đạt được: Sinh viên xây dựng được các chương trình du lịch dựa vào hệ thống các tuyến, điểm, khu du lịch và hạ tầng cơ sở du lịch ở các địa phương và trong cả nước; dự báo được điểm, tuyến du lịch trọng điểm thu hút khách phù hợp với các yếu tố như vùng du lịch, đối tượng khách, khí hậu, thời tiết. . . ; xác định được các dịch vụ và đặc điểm các tuyến, điểm phục vụ cho hoạt động hướng dẫn du lịch.

2. Mục tiêu của học phần

2. 1. Mục tiêu về kiến thức:

- Trình bày được kiến thức cơ bản về các tuyến-điểm du lịch chính của Việt Nam.
- Nhận thức rõ các điểm du lịch nổi tiếng và quan trọng của Việt Nam.
- Trình bày các tuyến du lịch chính của Việt Nam và nội dung thuyết minh trên từng tuyến.
- Nhận thức được kiến thức văn hóa, xã hội, lịch sử, địa lý, tôn giáo... có liên quan đến các điểm du lịch của Việt Nam.

2. 2. Mục tiêu về kỹ năng:

- Kỹ năng thuyết minh các tuyến điểm du lịch chính của Việt Nam, đặc biệt là khu vực đồng bằng sông Cửu Long
- Kỹ năng viết một nội dung thuyết minh về một điểm du lịch cụ thể
- Kỹ năng thiết kế 1 chương trình du lịch
- Kỹ năng quan sát, ghi chú, đề xuất cho những thay đổi (nếu có) của tuyến điểm, hoặc thiết kế tuyến điểm mới
- Kỹ năng giao tiếp và ứng xử với khách du lịch, đồng nghiệp
- Kỹ năng thuyết trình
- Kỹ năng làm việc nhóm

3. Nội dung học phần:

CHƯƠNG 1: LÝ LUẬN CHUNG (3, 6)

1. 1. Khái niệm tuyến, điểm du lịch
1. 2. Các nhân tố hình thành tuyến và điểm du lịch
1. 3. Phân vùng du lịch Việt Nam

CHƯƠNG 2: TUYẾN ĐIỂM DU LỊCH VÙNG DU LỊCH BẮC BỘ (5, 6)

2. 1. Đặc điểm chung
2. 2. Cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch
2. 3. Các sản phẩm du lịch đặc trưng và các địa bàn hoạt động du lịch chủ yếu của vùng
2. 4. Các tuyến điểm du lịch của vùng du lịch Bắc Bộ

CHƯƠNG 3: TUYẾN ĐIỂM DU LỊCH VÙNG DU LỊCH BẮC TRUNG BỘ(5, 6)

3. 1. Đặc điểm chung
3. 2. Cơ sở hạ tầng du lịch
3. 3. Cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch
3. 4. Các sản phẩm du lịch đặc trưng và các địa bàn hoạt động du lịch chủ yếu của vùng
3. 5. Các tuyến điểm du lịch của vùng du lịch Bắc Trung Bộ

CHƯƠNG 4: TUYẾN ĐIỂM DU LỊCH VÙNG DU LỊCH NAM TRUNG BỘ (5, 6)

4. 1. Đặc điểm chung
4. 2. Cơ sở hạ tầng du lịch
4. 3. Cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch
4. 4. Các sản phẩm du lịch đặc trưng và các địa bàn hoạt động du lịch chủ yếu của vùng

4. 5. Các tuyến điểm du lịch của vùng du lịch Nam Trung Bộ

CHƯƠNG 5: TUYẾN ĐIỂM DU LỊCH VÙNG DU LỊCH TÂY NGUYÊN (5, 6)

5. 1. Đặc điểm chung

5. 2. Cơ sở hạ tầng du lịch

5. 3. Cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch

5. 4. Các sản phẩm du lịch đặc trưng và các địa bàn hoạt động du lịch chủ yếu của vùng

5. 5. Các tuyến điểm du lịch của vùng du lịch Tây Nguyên

CHƯƠNG 6: TUYẾN ĐIỂM DU LỊCH VÙNG DU LỊCH ĐÔNG VÀ TÂY NAM BỘ (5, 6)

6.1. Đặc điểm chung

6.2. Cơ sở hạ tầng du lịch

6.3. Cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch

6.4. Các sản phẩm du lịch đặc trưng và các địa bàn hoạt động du lịch chủ yếu của vùng

6.5. Các tuyến điểm du lịch của vùng du lịch Đông và Tây Nam Bộ

4. Yêu cầu của môn học:

Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành nội dung tiểu luận, dự thi đầy đủ các Chương kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn:

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên.

7. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: Trọng số 30%.

- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%

- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính

9. 1. Tài liệu bắt buộc

B1. Vũ Tuấn Cảnh (1999), *Địa lý Du lịch*, NXB Tp. Hồ Chí Minh, Tp. Hồ Chí Minh.

B2. Nguyễn Minh Tuệ (Chủ biên) (2010), *Địa lý du lịch Việt Nam*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

B3. Bùi Thị Hải Yến (2006), *Tuyến điểm du lịch*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

9. 2. Tài liệu tham khảo

T1. Phạm Trung Lương (2000), *Tài nguyên và môi trường du lịch Việt Nam*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

T2. Trung tâm công nghệ thông tin du lịch (2004), *Bản đồ du lịch Việt Nam (Vietnam Travel Atlats)*, NXB Văn hóa Thông tin, Hà Nội.

23. TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG DU LỊCH VIỆT NAM

- Số tín chỉ: 2 (18, 18, 6)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Việt Nam học – Du lịch
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Học phần hệ thống lại các kiến thức về điều kiện về tài nguyên du lịch và môi trường du lịch tại Việt Nam. Qua đó. Sinh viên nhận thức được tiềm năng và thực trạng phát triển du lịch, phân tích được định hướng, giải pháp khai thác, bảo vệ tài nguyên và môi trường du lịch Việt Nam theo hướng phát triển bền vững.

Năng lực đạt được: Sinh viên giới thiệu được các tài nguyên du lịch và môi trường phát triển của ngành du lịch Việt Nam, vận dụng sáng tạo được các điều kiện đó vào nghề du lịch.

2. Mục tiêu học phần

2. 1. Kiến thức:

2. 1. Mục tiêu về kiến thức

- SV trình bày và phân tích được đặc điểm và vai trò của tài nguyên và môi trường du lịch Việt Nam.

- Thực trạng khai thác và bảo vệ tài nguyên và môi trường du lịch Việt Nam.

- Đánh giá được thực trạng khai thác và bảo vệ tài nguyên và môi trường du lịch Việt Nam.

- Phân tích và vận dụng sáng tạo được định hướng và giải pháp khai thác, bảo vệ tài nguyên và môi trường du lịch Việt Nam theo hướng phát triển bền vững.

2. 2. Về kỹ năng:

- Có khả năng vận dụng kiến thức để thiết kế tours tuyến du lịch, có khả năng lập kế hoạch và tổ chức thực hiện tours tuyến du lịch.

- Có khả năng xử lý các tình huống thường gặp liên quan đến việc lập kế hoạch và tổ chức tours tuyến du lịch, thuyết trình du lịch trong thực tế. - Kỹ năng giao tiếp và ứng xử.

- Kỹ năng giải quyết vấn đề.

- Kỹ năng thuyết trình.

- Kỹ năng lập kế hoạch và tổ chức công việc.

- Kỹ năng quản lý nhóm.

2. 3. Về thái độ

- Bình tĩnh và tự tin trong quá trình vận dụng kiến thức để thiết kế tours tuyến du lịch, lập kế hoạch và tổ chức thực hiện tours tuyến du lịch.

- Có ý thức, trách nhiệm về việc tuyên truyền, bảo vệ, gìn giữ và phát triển tài nguyên và môi trường du lịch Việt Nam trong cộng đồng.

- Có đạo đức, thái độ phục vụ và tác phong chuyên nghiệp của một hướng dẫn viên du lịch thực thụ.

- Có ý thức, trách nhiệm, tác phong nhanh nhạy, linh hoạt và quyết đoán trong quá trình xử lý các tình huống có liên quan đến công việc thực tế.

3. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG 1: MỘT SỐ NỘI DUNG CHUNG

(3, 3, 0)

1. 1. Tài nguyên du lịch

1. 2. Môi trường du lịch

1. 3. Mối quan hệ giữa du lịch và môi trường

1. 4. Sức ép môi trường

1. 5. Du lịch bền vững

CHƯƠNG 2: NHỮNG NHÂN TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG DU LỊCH VIỆT NAM

(3, 3, 0)

2. 1. Vị trí địa lý và đặc điểm tự nhiên

2. 2. Đặc điểm kinh tế - xã hội

CHƯƠNG 3: TÀI NGUYÊN DU LỊCH VIỆT NAM

(4, 4, 0)

3. 1. Tài nguyên du lịch tự nhiên
3. 2. Tài nguyên du lịch nhân văn
3. 3. Thực trạng khai thác và bảo vệ tài nguyên du lịch Việt Nam
3. 4. Đánh giá chung về thực trạng khai thác và bảo vệ tài nguyên du lịch Việt Nam
- 3.5. Khảo sát và đánh giá thực tế tài nguyên du lịch tại một địa phương

CHƯƠNG 4: MÔI TRƯỜNG DU LỊCH VIỆT NAM (4, 4, 0)

4. 1. Môi trường du lịch Việt Nam
4. 2. Thực trạng môi trường du lịch Việt Nam
4. 3. Đánh giá chung về thực trạng khai thác và bảo vệ môi trường du lịch Việt Nam
- 4.4. Khảo sát và đánh giá thực tế môi trường du lịch tại một tuyến/điểm du lịch

CHƯƠNG 5: ĐỊNH HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP KHAI THÁC, BẢO VỆ TÀI NGUYÊN DU LỊCH VIỆT NAM THEO HƯỚNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG (4, 4, 6)

5. 1. Định hướng khai thác và bảo vệ tài nguyên và môi trường du lịch Việt Nam theo hướng phát triển bền vững
5. 2. Giải pháp khai thác và bảo vệ tài nguyên và môi trường du lịch Việt Nam theo hướng phát triển bền vững

4. Yêu cầu của môn học

Học viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành nội dung tiểu luận

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn:

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của học viên.

7. Trang thiết bị

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học:

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

9. Tài liệu tham khảo

9. 1. Tài liệu bắt buộc

B1. Phạm Trung Lương (2000), *Tài nguyên và môi trường du lịch Việt Nam*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

B3. Tổng Công ty Du lịch (2005), *Non nước Việt Nam*, NXB Hà Nội, Hà Nội.

B2. Bùi Thị Hải Yến (Chủ biên) (2009), *Tài nguyên du lịch*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

9. 2. Tài liệu tham khảo

T1. Nguyễn Văn Huyền (1995), *Góp phần nghiên cứu văn hoá Việt Nam*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội.

T2. Nhiều tác giả (1999), *Văn hóa các dân tộc thiểu số ở Việt Nam*, NXB Văn hóa dân tộc, Hà Nội.

T3. Nguyễn Minh Tuệ (Chủ biên) (2010), *Địa lý du lịch Việt Nam*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

T4. Trần Ngọc Thêm (1997), *Tìm về bản sắc văn hoá Việt Nam*, NXB Tp. Hồ Chí Minh, Tp. Hồ Chí Minh.

T5. Trần Quốc Vượng (Chủ biên) (1998), *Cơ sở văn hoá Việt Nam*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

24. TIẾNG ANH DU LỊCH 1

- Số tín chỉ: 3 (27, 0, 36)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Việt Nam học – Du lịch
- Điều kiện tiên quyết: Tiếng Anh 1, 2, 3

1. Mô tả học phần

Học phần cung cấp cho người học kiến thức ngữ pháp, từ vựng, cấu trúc tiếng Anh cơ bản được sử dụng trong khách sạn, nhà hàng. Học phần được chia thành các chủ đề là các tình huống giao tiếp trong nhà hàng khách sạn như: đặt giữ chỗ khách sạn, nhà hàng, làm thủ tục check in, check out và thành toán cho khách. Ngoài ra, người học còn được thực tập giải quyết các tình huống thực tế trong ngành nhà hàng và khách sạn bằng tiếng Anh.

Năng lực đạt được: Sinh viên giao tiếp được cơ bản với khách khi phục vụ tại các bộ phận trong nhà hàng, khách sạn như bộ phận lễ tân, bộ phận buồng phòng, bàn, bar.

2. Mục tiêu của học phần

2.1. Mục tiêu về kiến thức:

- Nắm vững kiến thức cơ bản về nghề phục vụ nhà hàng và khách sạn;
- Nắm vững vốn từ vựng, thuật ngữ chuyên ngành du lịch khách sạn;
- Sử dụng và phát triển vốn từ vựng chuyên ngành du lịch để có thể đọc hiểu tài liệu tham khảo hoặc nghe giảng các chủ đề trong lĩnh vực này;
- Sử dụng và phát triển kiến thức về ngữ pháp, cấu trúc câu và cấu tạo từ vựng trong tiếng Anh

2.2. Mục tiêu về kỹ năng:

- Trau dồi kỹ năng giao tiếp cao cấp gồm nghe, nói, đọc, viết tiếng Anh và xử lý những tình huống thông thường trong thực tiễn liên quan đến lĩnh vực khách sạn, nhà hàng.
- Củng cố kỹ năng thuyết trình và tham gia các hoạt động nhóm

2.3. Mục tiêu về thái độ:

- Thái độ tự tin và linh hoạt khi tham gia vào các cuộc thảo luận và làm việc nhóm;
- Nhận thức được vai trò, thái độ và hành vi người làm dịch vụ du lịch;
- Ý thức tự học, tự nghiên cứu;
- Ý thức đóng góp cho sự phát triển của ngành học nói riêng và của cộng đồng nói chung.

3. Nội dung học phần:

CHƯƠNG 1: JOBS IN A HOTEL AND RESTAURANT (3, 0, 4)

- 1.1. Positions in a hotel
- 1.2. Duties of each job

CHƯƠNG 2: MAKING A RESERVATION (3, 0, 4)

- 2.1. Accepting a booking
- 2.2. Reserving room for a third party
- 2.3. Introducing hotel room and service
- 2.4. Refusing a room reservation

CHƯƠNG 3: HOTEL CHECK IN (3, 0, 4)

- 3.1. Standard procedure for checking in
- 3.2. Chance arrival
- 3.3. Filling out the registration card

CHƯƠNG 4: PROVIDING HOTEL SERVICES AND FACILITIES (3, 0, 4)

- 4.1. Mail, fax and phone call
- 4.2. Depositing service, lost and found
- 4.3. Cleaning room and supplying items
- 4.4. Laundry service

CHƯƠNG 5: CHECKING OUT (3, 0, 4)

- 5.1. Standard procedure for checking out
- 5.2. Dealing with bill problem

CHƯƠNG 6: RECEIVING GUESTS IN A RESTAURANT (3, 0, 4)

- 6.1. Welcoming and seating guests

6.2. Asking where the guest prefers to sit

6.3. Recommending a table

CHƯƠNG 7: TAKING ORDER

(3, 0, 4)

7.1. Explaining the dishes on menu

7.2. Recommending dishes and beverage

7.3. Serving meal

CHƯƠNG 8: PROBLEMS AND REQUESTS WHILE DINING

(3, 0, 4)

8.1. Problems about food

8.2. Problems about service

8.3. Other problems

CHƯƠNG 9: SETTING THE BILL IN RESTAURANT

(3, 0, 4)

9.1. Standard bill payment

9.2. Accepting cash and giving change

9.3. Accepting credit cards

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm, đóng vai.

6. Kế hoạch tư vấn:

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của sinh viên.

7. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: Trọng số 30%.

- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%

- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

9. 1. Tài liệu bắt buộc

B1. Frank Levin (2016), *English for tourism and restaurant 1*, NXB Tổng hợp, Tp. HCM

B2. Frank Levin (2016), *English for tourism and restaurant 2*, NXB Tổng hợp, Tp.

HCM

9. 2. Tài liệu tham khảo

T1. Nguyễn Quang (2013), *English course for tourism*, NXB Đại học Sư phạm, Tp. HCM.

25. TIẾNG ANH DU LỊCH 2

- Số tín chỉ: 3 (27, 0, 36)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Việt Nam học – Du lịch
- Điều kiện tiên quyết: Tiếng Anh 1, 2, 3

1. Mô tả học phần

Học phần cung cấp cho người học kiến thức ngữ pháp, từ vựng, cấu trúc tiếng Anh cơ bản được sử dụng trong hoạt động kinh doanh lễ hành, trong đó có hoạt động hướng dẫn du lịch. Học phần được chia thành các chủ đề là các tình huống giao tiếp trong du lịch như: Chuẩn bị trước chuyến đi, thủ tục xuất – nhập cảnh sân bay, phục vụ khách vui chơi giải trí, thuyết minh – hướng dẫn cho khách theo chủ đề. Ngoài ra, người học còn được thực hành giải quyết các tình huống thực tế trong hoạt động hướng dẫn du lịch bằng tiếng Anh.

Năng lực đạt được: Sinh viên thành thạo trong giao tiếp thông thường bằng tiếng Anh với du khách và đối tác trong hoạt động lễ hành.

2. Mục tiêu học phần

2. 1. Về kiến thức:

Học phần giúp sinh viên:

- Nắm vững kiến thức cơ bản về nghề hướng dẫn viên du lịch và kinh doanh lễ hành;
- Nắm vững vốn từ vựng, thuật ngữ chuyên ngành kinh doanh dịch vụ lễ hành;
- Sử dụng và phát triển vốn từ vựng chuyên ngành du lịch để có thể đọc hiểu tài liệu tham khảo hoặc nghe giảng các chủ đề trong lĩnh vực này;
- Sử dụng và phát triển kiến thức về ngữ pháp, cấu trúc câu và cấu tạo từ vựng trong tiếng Anh

2. 2. Mục tiêu về kỹ năng:

- Trau dồi kỹ năng giao tiếp cao cấp gồm nghe, nói, đọc, viết tiếng Anh và xử lý những tình huống thông thường trong thực tiễn liên quan đến lĩnh vực kinh doanh lễ hành và hướng dẫn du lịch.
- Củng cố kỹ năng thuyết trình và tham gia các hoạt động nhóm

2. 3. Mục tiêu về thái độ:

Học phần giúp sinh viên có:

- Hình thành thái độ tự tin và linh hoạt khi tham gia vào các cuộc thảo luận và làm việc nhóm;
- Nhận thức được vai trò, thái độ và hành vi người làm dịch vụ du lịch;
- Ý thức tự học, tự nghiên cứu;
- Ý thức đóng góp cho sự phát triển của ngành học nói riêng và của cộng đồng nói chung.

3. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG 1: BEFORE THE TRIP	(3, 0, 4)
1.1. Planning your trip	
1.2. Confirming your trip	
CHƯƠNG 2: AT THE AIRPORT	(3, 0, 4)
2.1. Departure procedures	
2.2. Boarding the plane	
CHƯƠNG 3: BEING ONBOARD	(3, 0, 4)
3.1. Before taking off	
3.2. During the flight	
3.3. Before landing	
CHƯƠNG 4: ARRIVAL	(3, 0, 4)
4.1. Going through immigration	
4.2. Airport services	
CHƯƠNG 5: SHOPPING	(3, 0, 4)
5.1. Clothes and Shoes	
5.2. Jewelry and Accessories	
5.3. Comestics and Electrical Appliances	

CHƯƠNG 6: ENTERTAINMENT (3, 0, 4)

- 6.1. Sightseeing
- 6.2. Culture events
- 6.3. Amusement parks
- 6.4. Attending a sport event
- 6.5. Casinos and night clubs

CHƯƠNG 7: CITY – CHƯƠNG TRÌNH GUIDE 1 (3, 0, 4)

- 7.1. Thanh Hoa Museum
- 7.2. Hau Le's Temple

CHƯƠNG 8: CITY – CHƯƠNG TRÌNH GUIDE 2 (3, 0, 4)

- 7.3. Ham Rong Brigde
- 7.4. Ma River

CHƯƠNG 9: PROBLEMS AND REQUESTS WHILE TRAVELING (3, 0, 4)

- 8.1. Food and Medical Problems
- 8.2. Lost or Stolen property
- 8.3. Other problems

4. Yêu cầu của môn học

Học viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của học viên.

7. Trang thiết bị

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo

9. 1. Tài liệu bắt buộc

B1. Kiwi Cheng, Owain Mckimm (2016), *Specialized English for Tourism*, NXB Tổng hợp, Tp. HCM.

B2. Nguyễn Quang (2013), *English course for tourism*, NXB ĐH Sư phạm, Tp. HCM.

9. 2. Tài liệu tham khảo

T1. VTOS (2013), *Tiêu chuẩn kỹ năng nghề du lịch Việt Nam: Nghề hướng dẫn du lịch*.

26. ĐỊA LÝ DU LỊCH VIỆT NAM

- Số tín chỉ: 2 (18, 18, 6)
- Bộ môn phụ trách: Bộ môn Địa lý Kinh tế - Xã hội và PP dạy học Địa lý
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về vai trò, vị trí của kinh tế Việt Nam trong hệ thống kinh tế thế giới; những thuận lợi và thách thức; các đặc điểm về nguồn lực cho phát triển du lịch Việt Nam: vị trí, tài nguyên thiên nhiên và con người Việt Nam; tổ chức lãnh thổ các ngành, các vùng kinh tế Việt Nam, sự phát triển và chuyên dịch cơ cấu nền kinh tế Việt Nam theo hướng công nghiệp hoá - hiện đại hoá và hội nhập quốc tế; những định hướng, chiến lược phát triển kinh tế Việt Nam đến năm 2020 tầm nhìn 2030.

Năng lực đạt được: Sinh viên giải quyết được các vấn đề kinh tế - xã hội ở Việt Nam; phân tích, đánh giá các nguồn lực phát triển kinh tế du lịch của Việt Nam; áp dụng được kiến thức đã học vào hoạt động hướng dẫn, thuyết minh du lịch.

2. Mục tiêu của học phần

2. 1. Mục tiêu về kiến thức

- Hiểu các quan điểm, lý thuyết, các vấn đề cơ bản về hệ thống lãnh thổ du lịch, tài nguyên du lịch, đặc điểm ba vùng du lịch Việt Nam; Phân tích, tổng hợp và có năng lực giải quyết các vấn đề liên quan đến không gian trong hoạt động du lịch, tác động của du lịch và môi trường, xu hướng của du lịch trong thời kỳ mới.

2. 2. Mục tiêu về kỹ năng

- Tính toán, xử lý và phân tích được các số liệu thống kê, các chỉ số cơ cấu, chỉ số tăng trưởng, tốc độ tăng trưởng. Nhận xét và giải thích được các bảng số liệu, biểu đồ.
- Phân tích và giải thích được các lược đồ trong Atlas Địa lý Việt Nam.

2. 3. Mục tiêu về thái độ người học

Giúp cho sinh viên có nhận thức đúng đắn về các nguồn lực phát triển kinh tế của Việt Nam; thực trạng phát triển và phân bố các ngành, các vùng kinh tế; định hướng phát triển và tổ chức không gian lãnh thổ của Việt Nam.

3. Nội dung học phần

CHƯƠNG 1: ĐỐI TƯỢNG, NHIỆM VỤ VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU (1, 1)

- 1.1. Đối tượng nghiên cứu
- 1.2. Nhiệm vụ nghiên cứu
- 1.3. Phương pháp nghiên cứu

CHƯƠNG 2: CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN SỰ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN DU LỊCH (2, 2)

- 2.1. Tài nguyên du lịch
- 2.2. Các nhân tố kinh tế - xã hội và chính trị
- 2.3. Cơ sở hạ tầng và vật chất kĩ thuật

CHƯƠNG 3: LỊCH SỬ PHÁT TRIỂN VÀ TỔ CHỨC LÃNH THỔ DU LỊCH (3, 3, 0)

- 3.1. Lịch sử và xu hướng phát triển du lịch trên thế giới
- 3.2. Tổ chức lãnh thổ du lịch

CHƯƠNG 4: TIỀM NĂNG VÀ THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN DU LỊCH VIỆT NAM (3, 3, 0)

- 4.1. Tiềm năng phát triển du lịch Việt Nam
- 4.2. Thực trạng phát triển du lịch Việt Nam

CHƯƠNG 5: VÙNG DU LỊCH BẮC BỘ (3, 3, 2)

- 5.1. Khái quát về vùng du lịch Bắc bộ
- 5.2. Tài nguyên du lịch
- 5.3. Các sản phẩm du lịch đặc trưng và địa bàn hoạt động du lịch chủ yếu
- 5.4. Các điểm du lịch có ý nghĩa quốc gia và quốc tế
- 5.5. Các tuyến du lịch quan trọng của vùng

CHƯƠNG 6: VÙNG DU LỊCH BẮC TRUNG BỘ (3, 3, 2)

- 6.1. Khái quát về vùng du lịch Bắc Trung Bộ
- 6.2. Tài nguyên du lịch
- 6.3. Các sản phẩm du lịch đặc trưng và địa bàn hoạt động du lịch chủ yếu
- 6.4. Các điểm du lịch có ý nghĩa quốc gia và quốc tế
- 6.5. Các tuyến du lịch quan trọng của vùng

CHƯƠNG 7: VÙNG DU LỊCH NAM TRUNG BỘ VÀ NAM BỘ (3, 3, 2)

- 7.1. Khái quát về vùng du lịch Nam Trung Bộ và Nam Bộ
- 7.2. Tài nguyên du lịch
- 7.3. Các sản phẩm du lịch đặc trưng và địa bàn hoạt động du lịch chủ yếu
- 7.4. Các điểm du lịch có ý nghĩa quốc gia và quốc tế
- 7.5. Các tuyến du lịch quan trọng của vùng

4. Yêu cầu của môn học:

Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn:

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của sinh viên.

7. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

9.1. Tài liệu bắt buộc

B1. Vũ Tuấn Cảnh, Lê Thông (1999), *Địa lý Du lịch*, NXB Tp. Hồ Chí Minh, Tp. HCM

B2. Nguyễn Minh Tuệ (chủ biên) (2010), *Địa lý du lịch Việt Nam*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

B3. Lê Thông (Chủ biên) (2011), *Giáo trình địa lý kinh tế xã hội Việt Nam*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.

9.2. Tài liệu tham khảo

T1. Phạm Trung Lương (2000), *Tài nguyên và môi trường du lịch Việt Nam*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

T 2. Bùi Thị Hải Yến (2005), *Tuyến điểm du lịch Việt Nam*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

27. THỰC HÀNH TUYẾN, ĐIỂM DU LỊCH 1

- Số tín chỉ: 2(0, 0, 60)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Việt Nam học – Du lịch
- Điều kiện tiên quyết: Tuyển điểm du lịch Việt Nam

1. Mô tả học phần

Học phần này vừa giúp cho sinh viên làm quen với thực tế vừa tạo điều kiện cho sinh viên thu thập thông tin về du lịch. Mục đích của học phần nhằm trang bị cho những hiểu biết thực tế về các tuyến điểm du lịch và việc tổ chức hoạt động du lịch tại các tỉnh miền Bắc. Trên cơ sở đó, sinh viên vận dụng kiến thức đa học vào thực tế, bước đầu thấy được những đặc điểm và yêu cầu đối với người hướng dẫn viên du lịch.

Năng lực đạt được: Sinh viên xây dựng được nội dung thuyết minh cơ bản phục vụ cho hoạt động thuyết minh, hướng dẫn du lịch trên các tuyến du lịch của vùng du lịch Trung du và miền núi phía Bắc, Đồng Bằng sông Hồng và duyên hải Đông Bắc; xây dựng được các chương trình du lịch dựa vào hệ thống các tuyến, điểm, khu du lịch và hạ tầng cơ sở du lịch ở các địa phương và trong cả nước; dự báo được điểm, tuyến du lịch trọng điểm thu hút khách phù hợp với các yếu tố như vùng du lịch, đối tượng khách, khí hậu, thời tiết...; xác định được các dịch vụ và đặc điểm các tuyến, điểm phục vụ cho hoạt động hướng dẫn du lịch

2. Mục tiêu học phần

2. 1. Mục tiêu về kiến thức:

-Nắm vững kiến thức cơ bản về đặc điểm vùng du lịch trung du miền núi phía bắc và đồng bằng sông Hồng và duyên hải Đông Bắc;

-Nắm vững nội dung của các điểm du lịch nổi tiếng và quan trọng của hai vùng du lịch: trung du miền núi phía bắc và đồng bằng sông Hồng và duyên hải Đông Bắc;

-Nắm vững các tuyến du lịch chính của Việt Nam và nội dung thuyết minh trên từng tuyến.

- Nắm vững các kiến thức văn hóa, xã hội, lịch sử, địa lý, tôn giáo... có liên quan đến các điểm du lịch của 2 vùng du lịch trung du miền núi phía bắc và đồng bằng sông Hồng và duyên hải Đông Bắc.

2. 2. Mục tiêu về kỹ năng:

-Thành thực kỹ năng thuyết minh các tuyến điểm du lịch

- Kỹ năng viết một nội dung thuyết minh về một điểm du lịch cụ thể

- Kỹ năng thiết kế 1 chương trình du lịch

- Kỹ năng quan sát, ghi chú, đề xuất cho những thay đổi (nếu có) của tuyến điểm, hoặc thiết kế tuyến điểm mới

- Kỹ năng giao tiếp và ứng xử với khách du lịch, đồng nghiệp

- Kỹ năng thuyết trình

- Kỹ năng làm việc nhóm

2. 3. Mục tiêu về thái độ

- Tinh thần phục vụ khách: luôn coi việc làm cho khách hài lòng là niềm vui của mình. Không quá coi trọng lợi nhuận kinh tế trong phục vụ khách.

- Có khả năng vận dụng kỹ năng sống trong học tập, rèn luyện và làm chủ bản thân; phát huy trí tuệ và năng lực trong ứng xử, làm việc nhóm, thiết lập mối quan hệ cộng đồng tốt đẹp và ngày càng tự hoàn thiện bản thân.

3. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung 1: Xây dựng và thực hành hướng dẫn tuyến điểm du lịch Hòa Bình - Sơn La - Điện Biên (0, 0, 8)

Nội dung 2: Xây dựng và thực hành hướng dẫn tuyến điểm du lịch Lào Cai – Yên Bái – Phú Thọ (0, 0, 7)

Nội dung 3: Xây dựng và thực hành hướng dẫn tuyến điểm du lịch Phú Thọ - Vĩnh Phúc (0, 0, 7)

Nội dung 4: Xây dựng và thực hành hướng dẫn tuyến điểm du lịch Tuyên Quang - Thái Nguyên – Lạng Sơn (0, 0, 8)

Nội dung 5: Xây dựng và thực hành hướng dẫn tuyến điểm du lịch Hà Giang – Cao Bằng – Bắc Cạn (0, 0, 7)

Nội dung 6: Xây dựng và thực hành hướng dẫn tuyến điểm du lịch tại Hà Nội và phụ cận (0, 0, 8)

Nội dung 7: Xây dựng và thực hành hướng dẫn tuyến điểm du lịch Quảng Ninh – Hải Phòng (0, 0, 8)

Nội dung 8: Xây dựng và thực hành hướng dẫn tuyến điểm du lịch Ninh Bình (0, 0, 7)

4. Yêu cầu của môn học

Học viên phải tham dự đầy đủ chuyên thực địa, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành báo cáo.

5. Phương pháp giảng dạy: Giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm và lựa chọn các doanh nghiệp có uy tín, chất lượng, đảm bảo đạt được các mục tiêu đề ra.

6. Kế hoạch tư vấn

Trong quá trình sinh viên thực hành tại các doanh nghiệp, giảng viên luôn sát sao theo dõi và sẵn sàng giải đáp bất cứ thắc mắc nào của sinh viên.

7. Trang thiết bị

Do cơ sở kinh doanh hỗ trợ hành cung cấp.

8. Phương pháp đánh giá môn học:

- Hoạt động trên thực địa: Trọng số 30% ;
- Báo cáo thu hoạch thực tế: Trọng số 20%,
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm 10

9. Tài liệu tham khảo

9. 1. Tài liệu bắt buộc:

B1. Trung tâm công nghệ thông tin du lịch (2004), *Bản đồ du lịch Việt Nam (Vietnam Travel Atlats)*, NXB Văn hóa Thông tin, Hà Nội.

B2. Nguyễn Minh Tuệ, Lê Thông, Vũ Tuấn Cảnh (2005), *Địa lý du lịch*, NXB Tp. Hồ Chí Minh, Tp. Hồ Chí Minh.

B3. Bùi Thị Hải Yến (2006), *Tuyến Điểm Du Lịch Việt Nam*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

9. 2. Tài liệu tham khảo:

T1. Thủ tướng Chính phủ (2013), *Quy hoạch phát triển du lịch Duyên hải Đông Bắc và đồng bằng sông Hồng đến năm 2020, tầm nhìn 2030*.

T2. Thủ tướng Chính phủ (2013), *Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng Trung du và Miền núi phía Bắc đến năm 2020*.

28. THỰC HÀNH TUYẾN, ĐIỂM DU LỊCH 2

- Số tín chỉ: 2(0, 0, 60)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Việt Nam học – Du lịch
- Điều kiện tiên quyết: Tuyển điểm du lịch Việt Nam

1. Mô tả học phần

Học phần này vừa giúp cho sinh viên làm quen với thực tế vừa tạo điều kiện cho sinh viên thu thập thông tin về du lịch. Mục đích của học phần nhằm trang bị cho những hiểu biết thực tế về các tuyến điểm du lịch và việc tổ chức hoạt động du lịch tại các tỉnh thuộc vùng du lịch Bắc Trung Bộ, duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên. Trên cơ sở đó, sinh viên vận dụng kiến thức đã học vào thực tế, bước đầu thấy được những đặc điểm và yêu cầu đối với người hướng dẫn viên du lịch.

Năng lực đạt được: Sinh viên xây dựng được nội dung thuyết minh cơ bản phục vụ cho hoạt động thuyết minh, hướng dẫn du lịch trên các tuyến du lịch của khu vực miền Trung – Tây Nguyên; xây dựng được các chương trình du lịch dựa vào hệ thống các tuyến, điểm, khu du lịch và hạ tầng cơ sở du lịch ở các địa phương và trong cả nước; dự báo được điểm, tuyến du lịch trọng điểm thu hút khách phù hợp với các yếu tố như vùng du lịch, đối tượng khách, khí hậu, thời tiết. . . ; xác định được các dịch vụ và đặc điểm các tuyến, điểm phục vụ cho hoạt động hướng dẫn du lịch

2. Mục tiêu học phần

2. 1. Mục tiêu về kiến thức:

- Nắm vững kiến thức cơ bản về các tuyến - điểm du lịch chính của khu vực Miền Trung và Tây Nguyên;
- Nắm vững nội dung của các điểm du lịch nổi tiếng và quan trọng của khu vực Miền Trung và Tây Nguyên;
- Nắm vững các tuyến du lịch chính của khu vực Miền Trung và Tây Nguyên và nội dung thuyết minh trên từng tuyến.
- Nắm vững các kiến thức văn hóa, xã hội, lịch sử, địa lý, tôn giáo... có liên quan đến các tuyến và điểm du lịch của khu vực Miền Trung và Tây Nguyên.

2. 2. Mục tiêu về kỹ năng:

- Thành thực kỹ năng thuyết minh các tuyến điểm du lịch chính của khu vực Miền Trung và Tây Nguyên;
- Kỹ năng viết một nội dung thuyết minh về một điểm du lịch cụ thể
- Kỹ năng thiết kế 1 chương trình du lịch
- Kỹ năng quan sát, ghi chú, đề xuất cho những thay đổi (nếu có) của tuyến điểm, hoặc thiết kế tuyến điểm mới cho các lịch trình đến khu vực miền Trung và Tây Nguyên
- Kỹ năng giao tiếp và ứng xử với khách du lịch, đồng nghiệp
- Kỹ năng thuyết trình
- Kỹ năng làm việc nhóm

2. 3. Mục tiêu về thái độ

- Tinh thần phục vụ khách: luôn coi việc làm cho khách hài lòng là niềm vui của mình. Không quá coi trọng lợi nhuận kinh tế trong phục vụ khách.
- Có khả năng vận dụng kỹ năng sống trong học tập, rèn luyện và làm chủ bản thân; phát huy trí tuệ và năng lực trong ứng xử, làm việc nhóm, thiết lập mối quan hệ cộng đồng tốt đẹp và ngày càng tự hoàn thiện bản thân.

3. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung 1. Xây dựng và thực hành hướng dẫn tuyến điểm du lịch Thanh Hóa – Nghệ An – Hà Tĩnh (0, 0, 8)

Nội dung 2. Xây dựng và thực hành hướng dẫn tuyến điểm du lịch Quảng Bình - Quảng Trị - Thừa Thiên Huế (0, 0, 8)

Nội dung 3. Xây dựng và thực hành hướng dẫn tuyến điểm du lịch Thừa Thiên Huế - Đà Nẵng - Quảng Nam (0, 0, 8)

Nội dung 4. Xây dựng và thực hành hướng dẫn tuyến điểm du lịch Đà Nẵng – Quảng Nam – Quảng Ngãi - Bình Định - Phú Yên - Khánh Hòa (0, 0, 8)

Nội dung 5. Xây dựng và thực hành hướng dẫn tuyến điểm du lịch Khánh Hòa – Ninh Thuận - Bình Thuận (0, 0, 10)

Nội dung 6. Xây dựng và thực hành hướng dẫn tuyến điểm du lịch tại Tây Nguyên (0, 0, 8)

Nội dung 7. Xây dựng và thực hành hướng dẫn tuyến điểm du lịch duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên (0, 0, 10)

4. Yêu cầu của môn học

Học viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành nội dung tiểu luận

5. Phương pháp giảng dạy: Giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm và lựa chọn các doanh nghiệp có uy tín, chất lượng, đảm bảo đạt được các mục tiêu đề ra.

6. Kế hoạch tư vấn

Học viên phải tham dự đầy đủ chuyên thực địa, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành **Chương** báo cáo.

7. Trang thiết bị: Do cơ sở kinh doanh lữ hành cung cấp.

8. Phương pháp đánh giá môn học:

- Hoạt động trên thực địa: 30% ;
- Báo cáo thu hoạch thực tế: 20%,
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm 10

9. Tài liệu tham khảo

9. 1. Tài liệu bắt buộc

B1. Trung tâm công nghệ thông tin du lịch (2004), *Bản đồ du lịch Việt Nam (Vietnam Travel Atlats)*, NXB Văn hóa Thông tin, Hà Nội.

B2. Nguyễn Minh Tuệ, Lê Thông, Vũ Tuấn Cảnh (2005), *Địa lý du lịch*, NXB Tp. Hồ Chí Minh, Tp. Hồ Chí Minh.

9. 2. Tài liệu tham khảo

T1. Thủ tướng Chính phủ (2013), *Quyết định phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Bắc Trung Bộ đến năm 2020, tầm nhìn 2030.*

T2. Thủ tướng Chính phủ (2013), *Thuyết minh tổng hợp quy hoạch tổng thể phát triển du lịch duyên hải Nam Trung Bộ đến năm 2020, tầm nhìn 2030.*

T3. Thủ tướng Chính phủ (2013), *Quyết định phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Tây Nguyên đến năm 2020, tầm nhìn 2030.*

29. NGHỆ THUẬT GIAO TIẾP TRONG DU LỊCH

- Số tín chỉ: 3 (27, 18, 18)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Việt Nam học – Du lịch
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả môn học

Học phần đề cập đến các cơ sở tâm lý của du khách, đặc điểm tâm lý của du khách; những vấn đề chung của giao tiếp trong du lịch, những kỹ năng trong giáo tiếp du lịch, những phẩm chất cần có của người hướng dẫn viên du lịch.

Năng lực đạt được: Sinh viên phân tích được tâm lý và hành vi của các đối tượng khách du lịch và những chỉ dẫn về giao tiếp văn minh trong hoạt động hướng dẫn du lịch; nhận biết, thông hiểu và vận dụng được những kiến thức cơ bản của Tâm lý học và tâm lý khách du lịch trong nghiên cứu tâm lý khách du lịch; thực hiện được các kỹ năng giao tiếp cơ bản đối với khách du lịch.

2. Mục tiêu học phần

2. 1. Mục tiêu về kiến thức

- Nhận biết được các khái niệm, các kiến thức cơ bản của tâm lý học, các hiện tượng tâm lý xã hội trong du lịch.
- Hiểu được đặc điểm tâm lý du khách trong công tác du lịch.
- Vận dụng được các kỹ năng giao tiếp văn minh của người hướng dẫn viên du lịch.
- Phân tích, tổng hợp, đánh giá để giải quyết tốt các tình huống xảy ra trong công tác du lịch.

2. 2. Mục tiêu về kỹ năng

- Kỹ năng lắng nghe
- Kỹ năng giao tiếp và ứng xử
- Kỹ năng đàm phán
- Kỹ năng thuyết trình
- Kỹ năng làm việc nhóm
- Kỹ năng lập kế hoạch và tổ chức công việc
- Kỹ năng giải quyết vấn đề
- Kỹ năng ra quyết định
- Kỹ năng sử dụng ngôn ngữ

3. Nội dung chi tiết môn học

CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG CỦA TÂM LÝ HỌC DU KHÁCH (4, 3, 0)

- 1.1. Khái quát về tâm lý du khách
- 1.2. Hành vi tiêu dùng du lịch
- 1.3. Nhu cầu động cơ của khách du lịch
- 1.4. Tâm trạng và cảm xúc của khách du lịch
- 1.5. Sở thích của khách du lịch
- 1.6. Phân loại khách du lịch

CHƯƠNG 2: TÂM LÝ DU KHÁCH THEO LỨA TUỔI, GIỚI TÍNH, NGHỀ NGHIỆP (4, 3, 3)

- 2.1. Tâm lý du khách theo lứa tuổi
- 2.2. Tâm lý du khách theo giới tính
- 2.3. Tâm lý du khách theo nghề nghiệp

CHƯƠNG 3: MỘT SỐ HIỆN TƯỢNG TÂM LÝ XÃ HỘI ẢNH HƯỞNG ĐẾN DU LỊCH (4, 3, 3)

- 3.1. Phong tục tập quán
- 3.2. Tôn giáo
- 3.3. Dân tộc

CHƯƠNG 4: TÂM LÝ DU KHÁCH THEO QUỐC GIA VÀ CHÂU LỤC (5, 3, 3)

- 4.1. Tâm lý du khách châu Á
- 4.2. Tâm lý du khách Châu Âu

- 4.3. Tâm lý du khách Châu Mỹ
- 4.4. Tâm lý du khách Châu Phi
- 4.5. Tâm lý du khách Châu Úc

CHƯƠNG 6: NGHỆ THUẬT GIAO TIẾP TRONG HOẠT ĐỘNG DU LỊCH (5,3,6)

- 6.1. Các giai đoạn của quá trình giao tiếp
- 6.2. Nguyên tắc trong giao tiếp
- 6.3. Phong cách giao tiếp
- 6.4. Kỹ năng giao tiếp
- 6.5. Kỹ năng xử lý các mối quan hệ
- 6.6. Kỹ năng giải quyết tình huống trong giao tiếp
- 6.7. Một số nghi thức giao tiếp cơ bản trong hoạt động du lịch

4. Yêu cầu của môn học:

Học viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn:

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phân bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của học viên.

7. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học:

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

9. Tài liệu tham khảo

9.1. Tài liệu bắt buộc

B1. Nguyễn Văn Đính (Chủ biên) (1996), *Tâm lý và nghệ thuật giao tiếp, ứng xử trong kinh doanh*, Nxb Thống kê, Hà Nội.

B2. Nguyễn Văn Đính, Nguyễn Văn Mạnh (2009), *Giáo trình Tâm lý và nghệ thuật giao tiếp, ứng xử trong kinh doanh du lịch*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội.

B3: Hồ Lý Long (2008), *Giáo trình tâm lý khách du lịch*, Nxb Lao động Xã hội, Hà Nội.

9.2. Tài liệu tham khảo

T1. Trần Thúy Anh (Chủ biên) (2004), *Ứng xử văn hoá trong du lịch*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.

T2. Nguyễn Bá Dương (Chủ biên) (2000), *Tâm lý học quản lý dành cho người lãnh đạo*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

T3. Tạ Thị Hồng Hạnh (2009), *Hành vi khách hàng*, NXB Trường Đại học Mở, TP Hồ Chí Minh.

T4. Mã Nghĩa Hiệp (Chủ biên) (1998), *Tâm lý học tiêu dùng*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.

T5. Nguyễn Văn Lê (1997), *Tâm lý học du lịch*, NXB Trẻ, Tp. Hồ Chí Minh, Tp. Hồ Chí Minh.

30. PHÁT TRIỂN DU LỊCH BỀN VỮNG

- Số tín chỉ: 2 (18, 18, 6)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Việt Nam học – Du lịch
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về một vấn đề khoa học du lịch cho sinh viên: vấn đề phát triển du lịch bền vững. Đây là nội dung cấp thiết quan trọng trong giai đoạn hiện nay của ngành du lịch Việt Nam: phát triển làm sao đáp ứng được nhu cầu du lịch của hiện tại mà không làm tổn hại đến nhu cầu du lịch trong tương lai. Bên cạnh việc cung cấp các khái niệm cơ bản về du lịch, du lịch bền vững, phát triển du lịch bền vững học phần còn cung cấp những nội dung về phát triển du lịch bền vững ở những vùng du lịch nhạy cảm: vùng núi, vùng biển, vùng sinh thái hoang sơ. Cuối cùng học phần cung cấp các công cụ và định hướng cho việc lập quy hoạch các điểm, khu du lịch nhằm đạt đến mục tiêu phát triển bền vững.

Năng lực đạt được: Sinh viên phân tích, đề xuất và vận dụng được các giải pháp hạn chế những tác động tiêu cực do du lịch gây ra. Thực hiện được các qui tắc ứng xử văn minh trong du lịch

2. Mục tiêu học phần

2. 1. Về kiến thức

- Nắm vững các kiến thức cơ bản và các vấn đề liên quan về Du lịch, Du lịch bền vững, Phát triển bền vững và Phát triển du lịch bền vững trong phạm vi ngành du lịch Việt Nam.

- Nắm vững các kiến thức về phát triển du lịch bền vững ở các vùng sinh thái nhạy cảm: vùng bờ biển, vùng núi và vùng sinh thái hoang sơ.

- Nắm vững các kiến thức về định hướng và các công cụ tăng cường du lịch bền vững

- Vận dụng những kiến thức và công cụ phát triển bền vững để hoạch định những chiến lược phù hợp trong quá trình lập kế hoạch phát triển cho các điểm du lịch.

2. 2. Về kỹ năng

- Kỹ năng phân tích và đánh giá một vấn đề khoa học du lịch

- Kỹ năng viết bài báo cáo khoa học về vấn đề phát triển du lịch bền vững

- Kỹ năng quan sát, ghi chú, đề xuất cho những thay đổi (nếu có) về vấn đề phát triển bền vững ở các điểm tuyến du lịch

- Kỹ năng giao tiếp và ứng xử với khách du lịch, đồng nghiệp

- Kỹ năng thuyết trình

- Kỹ năng làm việc nhóm

2. 3. Về thái độ

- Nghiêm túc trong học tập và làm việc nhóm

- Yêu nghề, đam mê công việc

3. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG 1: CÁC VẤN ĐỀ LIÊN QUAN ĐẾN PHÁT TRIỂN DU LỊCH BỀN VỮNG (6, 6, 0)

1. 1. Khái niệm Phát triển bền vững, Phát triển du lịch bền vững

1. 2. Ý nghĩa của việc phát triển du lịch bền vững

1. 3. Các thành phần của du lịch bền vững

1. 4. 10 nguyên tắc (10R) trong tiếp cận phát triển du lịch bền vững

1. 5. Bộ tiêu chuẩn phát triển du lịch bền vững

1. 6. Các nguyên tắc cơ bản của phát triển du lịch bền vững trong mối quan hệ với tài nguyên môi trường

CHƯƠNG 2: PHÁT TRIỂN DU LỊCH BỀN VỮNG Ở CÁC VÙNG SINH THÁI NHẠY CẢM (6, 6, 6)

2. 1 Vùng sinh thái nhạy cảm

2. 2 Phát triển du lịch bền vững ở vùng bờ biển

2. 3 Phát triển du lịch bền vững ở miền núi

2. 4 Phát triển du lịch bền vững ở vùng sinh thái hoang sơ

CHƯƠNG 3: ĐỊNH HƯỚNG VÀ CÁC CÔNG CỤ TĂNG CƯỜNG DU LỊCH BỀN VỮNG (6, 6, 0)

3. 1 Định hướng du lịch bền vững

3. 2 Các công cụ tăng cường du lịch bền vững

4. Yêu cầu của môn học

Học viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn:

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của học viên.

7. Trang thiết bị

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học:

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.

- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%

- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

9. Tài liệu tham khảo

9. 1. Tài liệu bắt buộc

B1. Nguyễn Đình Hoà, Vũ Văn Hiếu (2001), *Du lịch bền vững*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.

9. 2. Tài liệu tham khảo

T1. Trần Đức Thanh (2003), *Nhập môn khoa học du lịch*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.

T2. Nguyễn Văn Thung (2005), *Hỏi và đáp về Luật du lịch năm 2005*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

31- 33. Chọn 3 trong 6 học phần sau

a. VĂN HÓA DU LỊCH

- Số tín chỉ: 2 (18, 18, 6)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Việt Nam học – Du lịch
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Học phần trình bày một cách hệ thống những kiến thức cơ bản về văn hóa du lịch, du lịch văn hóa, mối liên hệ giữa văn hóa với du lịch. Môn học tập hợp những kiến thức liên ngành khoa học (văn hóa, lịch sử, địa lý, giao tiếp ứng xử...) - những thành tố cơ bản hợp thành đặc trưng của văn hóa du lịch - Ngoài ra còn góp phần phác thảo một mô hình về văn hóa du lịch để ứng dụng vào phát triển du lịch ở nước ta.

Năng lực đạt được: Sinh viên chủ động điều khiển, kiểm soát được các hành vi ứng xử của các đối tượng tham gia hoạt động du lịch theo chuẩn mực chung.

2. Mục tiêu học phần

2. 1. Mục tiêu về kiến thức:

SV hiểu biết cơ bản về kiến thức văn hoá du lịch và việc vận dụng các kiến thức đó trong hoạt động lễ hành, khách sạn, dịch vụ, khai thác tài nguyên nhằm tạo sản phẩm du lịch nói chung, du lịch văn hoá nói riêng có sức hấp dẫn cao; Hiểu biết các nền văn hóa khác nhau của Việt Nam và thế giới.

2. 2. Mục tiêu về kỹ năng:

- Kỹ năng tiếp cận vấn đề, giải quyết vấn đề một cách khoa học
- Tìm kiếm, xử lý các nguồn tài liệu cần thiết cho học tập nghiên cứu
- Phân tích, đánh giá, so sánh, tổng hợp, khái quát và vận dụng kiến thức đang học vào cuộc sống.

2. 3. Mục tiêu về thái độ:

- Bồi dưỡng năng lực nhận diện và phát huy “tài nguyên du lịch” để phát triển du lịch.
- Có ý thức trau dồi và bổ khuyết kiến thức để trở thành người HDV giỏi

3. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG I: NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ VĂN HÓA VÀ DU LỊCH (2-0)

- 1.1. Về khái niệm du lịch
 - 1.1.1. Du lịch là gì
 - 1.1.2. Về việc nghiên cứu và phát triển du lịch
 - 1.1.3. Đào tạo nhân lực cho ngành du lịch
- 1.2. Về khái niệm văn hóa du lịch và du lịch văn hóa
 - 1.2.1. Khái niệm văn hóa
 - 1.2.2. Văn hóa du lịch
 - 1.2.3. Du lịch văn hóa và văn hóa du lịch ở Việt Nam
 - 1.2.4. Mối quan hệ giữa văn hóa và du lịch
- 1.3. Tài nguyên du lịch ở Việt Nam

CHƯƠNG II: DU LỊCH SINH THÁI Ở VIỆT NAM (2-3)

- 2.1. Vị thế Địa – văn hóa Việt Nam
- 2.2. Vai trò của thiên nhiên và môi trường sinh thái trong hoạt động du lịch
- 2.3. Biển – một lợi thế lớn của Việt Nam trong hoạt động du lịch
- 2.4. Hang động – địa hình ở Việt Nam trong hoạt động du lịch

CHƯƠNG III: BỨC KHẮM VĂN HÓA TỘC NGƯỜI Ở VIỆT NAM VỚI HOẠT ĐỘNG DU LỊCH (2-3)

- 3.1. Giới thiệu chung
- 3.2. Bức khảm tộc người ở Việt Nam
- 3.3. Văn hóa tộc người với hoạt động du lịch

CHƯƠNG IV: GIÁ TRỊ CỦA LỊCH SỬ VĂN HÓA DÂN TỘC TRONG HOẠT ĐỘNG DU LỊCH (2-2-1)

- 4.1. Nền tảng văn hóa Việt Nam
- 4.2. Tóm tắt lịch sử phát triển văn hóa Việt Nam
- 4.3. Các nền văn hóa cổ góp phần làm nên giá trị phát triển văn hóa du lịch

CHƯƠNG V: VĂN HÓA TỔ CHỨC CỘNG ĐỒNG TRONG HOẠT ĐỘNG DU LỊCH (2-2-1)

- 5.1. Làng xã Việt Nam – chìa khóa của văn hóa tổ chức cộng đồng
- 5.2. Các loại hình làng xã Việt Nam góp phần phát triển du lịch

CHƯƠNG VI: VĂN HÓA TÂM LINH VỚI HOẠT ĐỘNG DU LỊCH (2-2-1)

- 6.1. Tín ngưỡng dân gian – nguồn gốc của lễ hội dân gian
- 6.2. Lễ hội dân gian và vai trò của lễ hội dân gian trong hoạt động du lịch
- 6.3. Phật giáo và vai trò của Phật giáo trong hoạt động du lịch ở Việt Nam

CHƯƠNG VII: VĂN HÓA ẨM THỰC VIỆT NAM TRONG HOẠT ĐỘNG DU LỊCH (2-2-1)

- 7.1. Văn hóa ẩm thực Việt Nam
- 7.2. Ẩm thực 3 miền Bắc – Trung – Nam

CHƯƠNG VIII: CÁC LOẠI HÌNH NGHỆ THUẬT TRONG HOẠT ĐỘNG DU LỊCH (2-2-1)

- 8.1. Nghệ thuật truyền thống Việt Nam
- 8.2. Một số loại hình nghệ thuật truyền thống Việt Nam phát triển du lịch

CHƯƠNG IX: VĂN HÓA ỨNG XỬ GIAO TIẾP TRONG HOẠT ĐỘNG DU LỊCH (2-2-1)

- 9.1. Giao tiếp ứng xử của người Việt
- 9.2. Giao tiếp ứng xử trong hoạt động du lịch
- 9.3. Phong tục tập quán và giao tiếp ứng xử của một số nước trên thế giới

4. Yêu cầu của môn học

Học viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành nội dung tiểu luận

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của học viên.

7. Trang thiết bị

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo

9.1. Tài liệu bắt buộc

B1. Trần Ngọc Thêm (1996), *Tìm về bản sắc văn hoá Việt Nam*, NXB Tp. Hồ Chí Minh, Tp. Hồ Chí Minh.

B2. Trần Diễm Thúy (2010), *Văn hóa du lịch*, NXB Văn hoá Thông tin, Hà Nội.

B3. Dương Văn Sáu (2017), *Văn hóa du lịch*, NXB Lao động, Hà Nội.

9.2. Tài liệu tham khảo

T1. Trần Thuý Anh (2000), *Thế ứng xử xã hội cổ truyền của người Việt Bắc Bộ*, NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội.

T2. Đinh Trung Kiên (1999), *Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch*, NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội.

T3. Trần Ngọc Thêm (1997), *Tìm về bản sắc văn hoá Việt Nam*, NXB Tp. Hồ Chí Minh, Tp. Hồ Chí Minh.

b. VĂN HÓA DOANH NGHIỆP

- Số tín chỉ: 2 (18, 18, 6)
- Bộ môn phụ trách: Quản trị kinh doanh
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Học phần được xây dựng theo hướng ứng dụng phát huy tối đa vai trò của người học để họ được trải nghiệm, phân tích những tình huống thực tế về văn hoá, đạo đức, từ đó rút ra **Chương học** để ứng dụng vào thực tiễn hoạt động du lịch.

Năng lực đạt được: Sinh viên có thể phân tích và xây dựng được chuẩn mực văn hoá doanh nghiệp du lịch, xây dựng được tiêu chuẩn đạo đức cho nhân viên, doanh nghiệp và ứng dụng được trong thực tiễn kinh doanh.

2. Mục tiêu học phần

2.1. Mục tiêu về kiến thức

Qua học phần này SV nắm được hệ thống kiến thức cơ bản về:

- Triết lý trong kinh doanh
- Đạo đức trong kinh doanh
- Chuẩn mực văn hoá trong doanh nghiệp du lịch

2.2. Mục tiêu về kỹ năng

- Xây dựng được tiêu chuẩn đạo đức cho nhân viên
- Kỹ năng ứng xử và giao tiếp với đồng nghiệp
- Kỹ năng xử lý tình huống và giao tiếp với khách hàng

2.3. Mục tiêu về thái độ

- Tinh thần, thái độ làm việc nghiêm túc, chuẩn mực sẽ được phát huy khi tham gia học phần.

- Tạo dựng tinh thần trách nhiệm đối với đơn vị, đối với xã hội và quan trọng nhất là trách nhiệm đối với công việc trực tiếp đảm nhiệm.

3. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ VĂN HÓA KINH DOANH (4, 6)

- 1.1. Khái quát chung về văn hóa
- 1.2. Khái quát chung về văn hóa kinh doanh

CHƯƠNG 2: TRIẾT LÝ KINH DOANH (4, 4, 2)

- 2.1. Khái niệm về triết lý và triết lý kinh doanh
- 2.2. Nội dung triết lý kinh doanh của doanh nghiệp
- 2.3. Vai trò của triết lý doanh đối với doanh nghiệp du lịch
- 2.4. Cách thức xây dựng triết lý kinh doanh của doanh nghiệp du lịch

CHƯƠNG 3: ĐẠO ĐỨC KINH DOANH DU LỊCH (5, 4, 2)

- 3.1. Khái niệm & vai trò của đạo đức kinh doanh du lịch
- 3.2. Các vấn đề đạo đức trong kinh doanh du lịch
- 3.3. Nghĩa vụ trong trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp du lịch
- 3.4. Phương pháp và công cụ phân tích đạo đức kinh doanh
- 3.5. Đạo đức trong các hoạt động kinh doanh du lịch

CHƯƠNG 4: VĂN HÓA DOANH NGHIỆP (5, 4, 2)

- 4.1. Khái niệm và đặc điểm văn hoá doanh nghiệp du lịch
- 4.2. Các nhân tố cấu thành văn hóa doanh nghiệp du lịch
- 4.3. Các dạng văn hoá doanh nghiệp
- 4.4. Tác động của văn hóa doanh nghiệp đối với sự phát triển DNDL
- 4.5. Các nhân tố tác động đến văn hóa doanh nghiệp
- 4.6. Cách thức xây dựng văn hóa DNDL

4. Yêu cầu của môn học:

Học viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành nội dung tiểu luận

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn:

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phân bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của học viên.

7. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ: Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ: Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo

9.1. Tài liệu bắt buộc

B1. Dương Thị Liễu (2013), *Giáo trình Văn hóa doanh nghiệp*. NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội.

B2. Dương Thị Liễu (2012), *Giáo trình Văn hóa Kinh doanh*, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội.

9.2. Tài liệu tham khảo

T1. Nguyễn Mạnh Quân (2012), *Giáo trình Đạo đức kinh doanh và văn hoá công ty*, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội.

c. LUẬT DU LỊCH

- Số tín chỉ: 2 (18, 18, 6)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Việt Nam học – Du lịch
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Môn học này sẽ giúp cho những sinh viên ngành du lịch có được kiến thức pháp lý cơ bản về những vấn đề liên quan đến lĩnh vực du lịch và hoạt động du lịch bao gồm quản lý nhà nước về du lịch, quản lý về hoạt động kinh doanh du lịch, quy chế pháp lý đối với hướng dẫn viên du lịch và các lao động phục vụ trong ngành du lịch, quyền và nghĩa vụ pháp lý của khách du lịch.

Năng lực đạt được: Sinh viên vận dụng thành thạo các quy định của pháp luật trong hoạt động du lịch như việc ký kết hợp đồng du lịch, áp dụng tiêu chuẩn du lịch, giải quyết tranh chấp. . . ; quản lý, giám sát được hoạt động của các tổ chức, doanh nghiệp du lịch hoạt động theo đúng pháp luật Việt Nam và tiêu chuẩn kỹ năng nghề.

2. Mục tiêu học phần

2. 1. Mục tiêu về kiến thức

Kết thúc học phần sinh viên nắm được các kiến thức:

- Khái quát về sự ra đời cũng như sự cần thiết cần thiết có Luật điều chỉnh trong lĩnh vực du lịch;

- Quy định về các loại tài nguyên du lịch hiện nay Luật hiện hành. Bên cạnh đó tìm hiểu các quy định về điều kiện công nhận các điểm du lịch, khu du lịch, tuyến du lịch và đô thị du lịch

- Quyền và nghĩa vụ của khách du lịch

- Quy định về hoạt động kinh doanh du lịch

- Điều kiện để được cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch. Những điều mà hướng dẫn viên được làm và không được làm

- Những hành vi vi phạm trong lĩnh vực du lịch và cách thức xử lý

2. 2. Mục tiêu về kỹ năng

- Vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết vấn đề. Phân tích tổng hợp đánh giá các quy định của Luật

- Kỹ năng thuyết trình; kỹ năng tìm kiếm, tổng hợp, phân tích và đánh giá thông tin; kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông;

2. 3. Mục tiêu về thái độ

- Tuân thủ quy định của pháp luật, ý thức trách nhiệm và đạo đức tác phong nghề nghiệp khi thực các nghiệp vụ sau này

3. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG 1: KHÁI QUÁT CHUNG VỀ LUẬT DU LỊCH (3, 4)

1.1. Khái niệm du lịch và Luật du lịch

1.2. Hệ thống pháp luật về du lịch của Việt Nam

1.3. Quản lý nhà nước về du lịch

CHƯƠNG 2 : TÌM HIỂU CÁC QUY ĐỊNH VỀ KHU DU LỊCH, ĐIỂM DU LỊCH, TUYẾN DU LỊCH, ĐÔ THỊ DU LỊCH VÀ KHÁCH DU LỊCH (3, 4)

2.1. Khái niệm về điểm du lịch, khu du lịch, tuyến du lịch, đô thị du lịch

2.2. Điều kiện công nhận điểm du lịch, khu du lịch, tuyến du lịch, đô thị du lịch và ý nghĩa

CHƯƠNG 3 : QUY CHẾ PHÁP LÝ ĐỐI VỚI KHÁCH DU LỊCH (3, 4)

3.1. Khái niệm và phân loại khách du lịch

3.2. Địa vị pháp lý của khách du lịch nội địa

3.3. Địa vị pháp lý của khách du lịch quốc tế (khách du lịch nước ngoài du lịch tại Việt Nam và khách du lịch là người Việt Nam đi du lịch ở nước ngoài)

CHƯƠNG 4 : TÌM HIỂU NHỮNG QUY ĐỊNH VỀ KINH DOANH DU LỊCH (3, 2, 2)

4.1. Khái quát về các loại hình doanh nghiệp kinh doanh du lịch

4.2. Quy chế pháp lý đối với thành lập, tổ chức và hoạt động của doanh nghiệp kinh doanh một số ngành nghề đặc thù trong ngành du lịch

CHƯƠNG 5: QUY ĐỊNH VỀ LAO ĐỘNG TRONG LĨNH VỰC DU LỊCH VÀ HƯỚNG DẪN DU LỊCH (3, 2, 2)

5.1. Những vấn đề chung về luật lao động Việt Nam

5.2. Địa vị pháp lý của hướng dẫn viên du lịch

CHƯƠNG 6: XỬ LÝ VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC DU LỊCH (3, 2, 2)

6.1. Hành vi vi phạm trong lĩnh vực du lịch

6.2. Xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực du lịch

4. Yêu cầu của môn học

Học viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành nội dung tiểu luận

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của học viên.

7. Trang thiết bị

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.

- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%

- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo

9. 1. Tài liệu bắt buộc

B1. *Luật du lịch* (2017), Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

B2. *Nghị định 92/2007/NĐ-CP của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Du lịch.*

B3. *Nghị định 180/2013/NĐ-CP của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 92/2007/NĐ-CP ngày 01/06/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Du lịch.*

9. 2. Tài liệu tham khảo

T1. *Nghị định 158/2013/NĐ-CP của Chính phủ về việc quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa, thể thao, du lịch và quảng cáo.*

T2. *Thông tư 89/2009/TT-BVHTTDL của Bộ Văn hoá - Thể thao và Du lịch hướng dẫn thực hiện Nghị định số 92/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 06 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Du lịch về kinh doanh lữ hành, chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp du lịch nước ngoài tại Việt Nam, hướng dẫn du lịch và xúc tiến du lịch.*

d. QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ DU LỊCH

- Số tín chỉ: 2 (18, 18, 6)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Việt Nam học – Du lịch
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Môn học này sẽ giúp cho những sinh viên ngành du lịch có được kiến thức pháp lý cơ bản về những vấn đề liên quan đến lĩnh vực du lịch và hoạt động du lịch bao gồm quản lý nhà nước về du lịch, quản lý về hoạt động kinh doanh du lịch, quy chế pháp lý đối với hướng dẫn viên du lịch và các lao động phục vụ trong ngành du lịch, quyền và nghĩa vụ pháp lý của khách du lịch.

Năng lực đạt được: Sinh viên vận dụng thành thạo các quy định của pháp luật trong hoạt động du lịch như việc ký kết hợp đồng du lịch, áp dụng tiêu chuẩn du lịch, giải quyết tranh chấp. . . ; quản lý, giám sát được hoạt động của các tổ chức, doanh nghiệp du lịch hoạt động theo đúng pháp luật Việt Nam và tiêu chuẩn kỹ năng nghề.

2. Mục tiêu của học phần:

2. 1. Mục tiêu về kiến thức:

Khái quát nội dung cơ bản về quản lý nhà nước trong lĩnh vực du lịch; những quy định hiện hành về hoạt động du lịch hiện nay; các quy định về điều kiện công nhận các điểm du lịch, khu du lịch, tuyến du lịch và đô thị du lịch; Quyền và nghĩa vụ của khách du lịch; Quy định về hoạt động kinh doanh du lịch; Điều kiện để được cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch. Những điều mà hướng dẫn viên được làm và không được làm; Những hành vi vi phạm trong lĩnh vực du lịch và cách thức xử lý.

2. 2. Mục tiêu về kỹ năng:

- Vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết vấn đề quản lý nhà nước về du lịch. Phân tích tổng hợp áp dụng các quy định của nhà nước về du lịch
- Kỹ năng thuyết trình; kỹ năng tìm kiếm, tổng hợp, phân tích và đánh giá thông tin; kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông;

3. Nội dung học phần:

CHƯƠNG 1: QUẢN LÝ CHIẾN LƯỢC DU LỊCH (3, 4)

1. 1. Chiến lược phát triển du lịch
1. 2. Quy hoạch phát triển du lịch

CHƯƠNG 2: HỆ THỐNG VĂN BẢN PHÁP LUẬT VÀ TIÊU CHUẨN VỀ DU LỊCH (3, 4)

2. 1. Luật Du lịch và các văn bản pháp luật về du lịch
2. 2. Các tiêu chuẩn trong hoạt động du lịch

CHƯƠNG 3: THÔNG TIN DU LỊCH (3, 2, 2)

3. 1. Tuyên truyền, giáo dục pháp luật về du lịch
3. 2. Hệ thống thông tin du lịch

CHƯƠNG 4: ĐÀO TẠO NGUỒN NHÂN LỰC DU LỊCH (3, 2, 2)

4. 1. Đào tạo nguồn nhân lực
4. 2. Ứng dụng khoa học công nghệ trong du lịch

CHƯƠNG 5: XÁC ĐỊNH KHU, ĐIỂM, TUYẾN VÀ ĐÔ THỊ DU LỊCH (3, 2, 2)

5. 1. Cơ sở xác định
5. 2. Các bước công nhận

CHƯƠNG 6: HỢP TÁC QUỐC TẾ VỀ DU LỊCH (3, 4)

6. 1. Hợp tác quốc tế
6. 2. Xúc tiến du lịch

4. Yêu cầu của môn học:

Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành nội dung tiểu luận, dự thi đầy đủ các Chương kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn:

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phân bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên.

7. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.

- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%

- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu học tập:

9. 1. Tài liệu bắt buộc

B1. *Luật du lịch 2005.*

B2. *Nghị định 92/2007/NĐ-CP của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Du lịch.*

B3. *Nghị định 180/2013/NĐ-CP của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 92/2007/NĐ-CP ngày 01/06/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Du lịch.*

9. 2. Tài liệu tham khảo

T1. *Nghị định 158/2013/NĐ-CP của Chính phủ về việc quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa, thể thao, du lịch và quảng cáo.*

T2. *Thông tư 89/2009/TT-BVHTTDL của Bộ Văn hoá - Thể thao và Du lịch hướng dẫn thực hiện Nghị định số 92/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 06 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Du lịch về kinh doanh lữ hành, chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp du lịch nước ngoài tại Việt Nam, hướng dẫn du lịch và xúc tiến du lịch.*

T3. *Thông tư 88/2008/TT-BVHTTDL của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch về việc hướng dẫn thực hiện Nghị định số 92/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Du lịch về lưu trú du lịch điểm du lịch, tuyến du lịch, đô thị du lịch và khách du lịch.*

e. MARKETING DU LỊCH

- Số tín chỉ: 2 (15, 0, 30)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Việt Nam học – Du lịch
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Học phần cung cấp cho học viên các kiến thức cơ bản và cơ sở lý luận về marketing du lịch, môi trường marketing du lịch, thị trường du lịch và việc lựa chọn, định vị thị trường mục tiêu, marketing mix của các doanh nghiệp du lịch.

Năng lực đạt được: Sinh viên xác định được đặc điểm thị trường khách du lịch; đánh giá được vai trò của các kênh phân phối; phân tích và đề xuất được chiến lược marketing cho một đơn vị kinh doanh dịch vụ du lịch cụ thể trên thị trường; sử dụng được linh hoạt lí thuyết về Marketing trong du lịch.

2. Mục tiêu học phần

2. 1. Kiến thức

- Nhận thức đúng nội dung hoạt động của marketing du lịch, những yếu tố tác động và đặc điểm khác biệt của marketing du lịch so với các ngành khác
- Nắm bắt và vận dụng được các nội dung của công cụ xúc tiến hỗn hợp trong hoạt động kinh doanh.

2. 2. Về kỹ năng

- Phân tích và lựa chọn thị trường mục tiêu cho doanh nghiệp du lịch,
- Đưa ra những chính sách định vị sản phẩm cho các khúc thị trường mục tiêu
- Xây dựng chiến lược marketing cho sản phẩm du lịch
- Hoạch định, phân tích và quản lý sản phẩm
- Áp dụng các chiến lược giá cho sản phẩm du lịch
- Phân tích, đánh giá, lựa chọn các kênh phân phối hiệu quả trong du lịch
- Thiết kế được các kênh phân phối hiệu quả trong du lịch

2. 3. Thái độ

- Tinh thần, thái độ làm việc nghiêm túc, chuẩn mực sẽ được phát huy khi tham gia học phần.
- Tạo dựng tinh thần trách nhiệm đối với đơn vị, đối với xã hội và quan trọng nhất là trách nhiệm đối với công việc trực tiếp đảm nhiệm.

3. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ MARKETING DU LỊCH (2, 0)

- 1.1. Các khái niệm cơ bản về marketing
- 1.2. Một số đặc trưng của marketing du lịch
- 1.3. Môi trường marketing du lịch

CHƯƠNG 2: PHÂN LOẠI THỊ TRƯỜNG, LỰA CHỌN THỊ TRƯỜNG MỤC TIÊU VÀ ĐỊNH VỊ THỊ TRƯỜNG CỦA DOANH NGHIỆP DU LỊCH (2, 0, 4)

- 2.1. Thị trường du lịch
- 2.2. Phân đoạn thị trường
- 2.3. Lựa chọn thị trường mục tiêu
- 2.4. Định vị thị trường của doanh nghiệp du lịch

CHƯƠNG 3: CHIẾN LƯỢC MARKETING CỦA TỔ CHỨC DOANH NGHIỆP DU LỊCH (2, 0, 4)

- 3.1. Tổng quan về chiến lược marketing du lịch
- 3.2. Quy trình xây dựng chiến lược marketing du lịch
- 3.3. Các loại chiến lược marketing điển hình
- 3.4. Sự vận dụng chiến lược marketing trong các giai đoạn của chu kỳ sống sản phẩm
- 3.5. Các chiến lược marketing dựa trên vị thế của doanh nghiệp

CHƯƠNG 4: CHIẾN LƯỢC SẢN PHẨM DU LỊCH CỦA DOANH NGHIỆP DU LỊCH (2, 0, 6)

- 4.1. Hoạch định, phân tích, quản lý sản phẩm của doanh nghiệp du lịch

- 4.2. 2. Quyết định nhãn hiệu sản phẩm
- 4.3. 3. Phát triển sản phẩm mới
- 4.4. 4. Chu kì sống của sản phẩm (product life cycle)

CHƯƠNG 5: CHIẾN LƯỢC GIÁ CỦA DOANH NGHIỆP DU LỊCH (2, 0, 6)

- 5.1. Bản chất của giá cả
- 5.2. Những nhân tố tác động đến việc định giá của một doanh nghiệp du lịch
- 5.3. Các phương pháp xác định giá cơ bản

CHƯƠNG 6: CHIẾN LƯỢC PHÂN PHỐI CỦA DOANH NGHIỆP DU LỊCH (2, 0, 4)

- 6.1. Bản chất và tầm quan trọng của chiến lược phân phối
- 6.2. Cấu trúc và tổ chức kênh phân phối trong du lịch
- 6.3. Lựa chọn và quản lý kênh phân phối.

CHƯƠNG 7: CHIẾN LƯỢC XÚC TIẾN HỖN HỢP CỦA DOANH NGHIỆP DU LỊCH (3, 0, 6)

- 7.1. Khái quát về xúc tiến hỗn hợp trong du lịch
- 7.2. Quảng cáo
- 7.3. Xây dựng chiến lược xúc tiến hỗn hợp trong du lịch

4. Yêu cầu của môn học

Học viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành nội dung tiểu luận

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn:

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của học viên.

7. Trang thiết bị

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học:

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

9. Tài liệu tham khảo

9. 1. Tài liệu bắt buộc

B1. Trần Minh Đạo (Chủ biên) (2006), *Giáo trình Marketing căn bản*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội.

B2. Nguyễn Văn Mạnh (chủ biên) (2009), *Giáo trình marketing du lịch*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội.

B3. Trần Ngọc Nam (chủ biên) (2005), *Marketing du lịch*, NXB Tp. Hồ Chí Minh, Tp. Hồ Chí Minh.

9. 2. Tài liệu tham khảo

T1. Lưu Văn Nghiêm (2001), *Marketing trong kinh doanh dịch vụ*, NXB Thống kê, Hà Nội.

T2. Philip Kotler (2002), *Marketing căn bản*, NXB Thống kê, Hà Nội.

f. XÚC TIẾN VÀ BÁN SẢN PHẨM DU LỊCH

- Số tín chỉ: 2 (15, 0, 30)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Việt Nam học – Du lịch
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Học phần giới thiệu các thành phần cơ bản của hoạt động quản trị xúc tiến du lịch cũng như sự tác động qua lại giữa các yếu tố trong chương trình xúc tiến du lịch. Cách thức để phân tích các quyết định chiêu thị quan trọng

Năng lực đạt được: Sinh viên xác định được đặc điểm thị trường khách du lịch; Thiết lập các mục tiêu & ngân sách chiêu thị; Xây dựng và thực hiện được chiến lược và biện pháp quảng cáo, PR, bán hàng, kích thích tiêu thụ.

2. Mục tiêu học phần

2. 1. Kiến thức:

- Hiểu rõ đặc điểm của hoạt động xúc tiến du lịch
- Biết cách thức quản trị hoạt động quảng cáo
- Biết cách chào hàng cá nhân
- Biết xây dựng chương trình khuyến mại
- Biết cách thức hoạt động PR

2. 2. Về kỹ năng:

- Tư duy sáng tạo và tự tin
- Vận dụng lý thuyết vào thực tế
- Làm việc nhóm tốt
- Trình bày trước đám đông

2. 3. Về thái độ

- Hiểu rõ và vận dụng được kiến thức về xúc tiến du lịch vào thực tế
- Có ý thức, trách nhiệm trong công việc
- Có đạo đức trong kinh doanh
- Tác phong nghề nghiệp đúng chuẩn mực, chuyên nghiệp

3. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG 1: TIẾP THỊ VÀ CHIÊU THỊ (2, 0, 0)

1. 1. Khái niệm chiến lược chiêu thị
1. 2. Tác động qua lại giữa Chiêu thị & các thành phần khác trong Marketing-Mix
1. 3. Môi trường của Chiêu thị
1. 4. Giới thiệu khái quát các các yếu tố trong chiến lược chiêu thị

CHƯƠNG 2: TỔNG QUAN QUẢN TRỊ CHIÊU THỊ (2, 0, 0)

2. 1. Khi nào xây dựng các chương trình chiêu thị?
2. 2. Chuẩn bị tổ chức để thực hiện chiêu thị
2. 3. Các quyết định chiêu thị

CHƯƠNG 3: THIẾT LẬP CÁC MỤC TIÊU VÀ NGÂN SÁCH CHIÊU THỊ (2, 0, 6)

3. 1. Thiết lập các mục tiêu chiêu thị
3. 2. Các mục tiêu & hỗn hợp chiêu thị
3. 3. Xác định ngân sách chiêu thị
3. 4. Các kỹ thuật định lượng dùng trong hoạch định NS

CHƯƠNG 4: QUẢNG CÁO (3, 0, 6)

4. 1. Tổng quan về quản trị quảng cáo
4. 2. Mục tiêu quảng cáo & Quyết định ngân sách
4. 3. Chiến lược & thực hiện chiến lược thông điệp
4. 4. Hoạch định phương tiện
4. 5. Đánh giá việc thực hiện chương trình

CHƯƠNG 5: BÁN HÀNG TRỰC TIẾP (2, 0, 6)

5. 1. Vai trò của bán hàng trực tiếp
5. 2. Hoạt động bán hàng

- 5. 3. Quá trình bán hàng
- 5. 4. Đánh giá & kiểm soát các nỗ lực bán hàng
- 5. 5. Cải thiện kết quả bán hàng

CHƯƠNG 6: QUAN HỆ CÔNG CHÚNG (PR) (2, 0, 6)

- 6. 1. Vai trò của PR
- 6. 2. Các đặc điểm của PR
- 6. 3. Xác định đối tượng PR
- 6. 4. Quy trình PR và Các công cụ PR

CHƯƠNG 7 : KÍCH THÍCH TIÊU THỤ (2, 0, 6)

- 7. 1. Mục đích của khuyến mại
- 7. 2. Các nhân tố ảnh hưởng đến hình thức khuyến mại & sử dụng khuyến mại
- 7. 3. Khuyến mại đối với người tiêu dùng
- 7. 4. Khuyến mại đối với trung gian & nhân viên bán hàng

4. Yêu cầu của môn học

Học viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành nội dung tiểu luận

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn:

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phân bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của học viên.

7. Trang thiết bị

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học:

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

9. Tài liệu tham khảo

9. 1. Tài liệu bắt buộc

- B1. Amand Dayan (2012), *Nghệ thuật quảng cáo*, NXB Thế giới, Hà Nội.
- B2. Amand Dayan (2002), *Nghệ thuật quảng cáo*, NXB Thế giới, Hà Nội.
- B3. Lê Hoàng Quân (1999), *Nghệ thuật quảng cáo và tiếp thị*, NXB Khoa học Kỹ thuật, Hà Nội.

9. 2. Tài liệu tham khảo

- T1. Huỳnh Văn Tòng (2009), *Kỹ thuật quảng cáo*, NXB Tp. Hồ Chí Minh, Tp. Hồ Chí Minh.
- T2. Trương Tiếp Trương, Thái Quân (2004), *Sự thật về quảng cáo*, NXB Tổng hợp, Tp. Hồ Chí Minh.
- T3. Quốc Hội (2012), *Luật quảng cáo*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

34. TỔ CHỨC SỰ KIỆN VÀ DU LỊCH MICE

- Số tín chỉ: 3 (15, 0, 60)
- Bộ môn quản lý: Việt Nam học – Du lịch
- Điều kiện tiên quyết: Tổng quan du lịch

1. Mô tả học phần

Học phần giới thiệu những kiến thức cơ bản về du lịch MICE và hoạt động tổ chức sự kiện: những khái niệm, đặc điểm, cách phân loại, môi trường và điều kiện phát triển du lịch MICE, tình hình hoạt động và quy trình tổ chức du lịch MICE, tổ chức sự kiện ở Việt Nam và thế giới. Từ đó giúp sinh viên có khả năng sáng tạo, thực hiện công tác tổ chức sự kiện và du lịch MICE trong thực tế.

Năng lực đạt được: Sinh viên phân biệt được các loại hình sự kiện; thành thạo quy trình tổ chức 1 số sự kiện phổ biến như: Hội thảo; họp báo; đại hội khách hàng; giới thiệu, triển lãm sản phẩm, teambuilding...; hình thành được tư duy sáng tạo, chủ động trong hoạt động tổ chức sự kiện.

2. Mục tiêu học phần

2. 1. Mục tiêu về kiến thức

- Trình bày được các khái niệm cơ bản về sự kiện. Xác định được vai trò và các loại hình sự kiện
- Trình bày được khái niệm và các yếu tố ảnh hưởng đến tổ chức hoạt động du lịch MICE
- Thành thạo quy trình tổ chức sự kiện, các chất liệu và hiệu ứng thường sử dụng trong sự kiện
- Áp dụng được các ứng dụng và công cụ truyền thông để quảng bá cho sự kiện

2. 2. Mục tiêu về kỹ năng

- Xác định được mục tiêu của sự kiện
- Lập được bản kế hoạch (proposal) nội dung chương trình, timeline (diễn biến thời gian), kịch bản chi tiết và kịch bản lời dẫn (MC Script)
- Phân công nhân sự trong sự kiện một cách hợp lý
- Soạn thảo công văn xin phép tổ chức chương trình và kỹ năng xây dựng mối quan hệ với chính quyền địa phương
- Làm việc nhóm, triển khai ý tưởng

2. 3. Mục tiêu về thái độ

- Hiểu được sự kiện đòi hỏi phải đam mê, sáng tạo, uy tín, trách nhiệm, có tinh thần đội nhóm, kiến thức xã hội rộng. . .
- Tự đánh giá khả năng của mình có thể phù hợp với công việc sự kiện hay không
- Nghiêm túc, chuyên nghiệp và hiểu được giá trị của nghề sự kiện

3. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG 1: KHÁI QUÁT VỀ TỔ CHỨC SỰ KIỆN VÀ DU LỊCH MICE (3, 0)

- 1.1. Khái quát chung về hoạt động tổ chức sự kiện
- 1.2. Phân loại sự kiện
- 1.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến tổ chức sự kiện
- 1.4. Các bước tổ chức sự kiện
- 1.5. Khái quát về du lịch MICE

CHƯƠNG 2: HÌNH THÀNH CHỦ ĐỀ, LẬP CHƯƠNG TRÌNH VÀ DỰ TOÁN NGÂN SÁCH SỰ KIỆN (2, 0, 6)

- 2.1. Nghiên cứu các yếu tố có liên quan đến sự kiện
- 2.2. Hình thành chủ đề sự kiện
- 2.3. Lập chương trình và kế hoạch tổng thể tổ chức sự kiện (Lập Proposal)
- 2.4. Lập dự toán ngân sách tổ chức sự kiện
- 2.5. Đàm phán và tiến hành ký kết hợp đồng với nhà đầu tư sự kiện

CHƯƠNG 3: LẬP KẾ HOẠCH TỔ CHỨC SỰ KIỆN (2, 0, 6)

- 3.1. Khái quát về kế hoạch tổ chức sự kiện
- 3.2. Nội dung lập kế hoạch tổ chức sự kiện

CHƯƠNG 4: ĐIỀU HÀNH THỰC HIỆN TỔ CHỨC SỰ KIỆN (2, 0, 6)

- 4.1. Chuẩn bị tổ chức sự kiện
- 4.2. Trong quá trình diễn ra sự kiện

CHƯƠNG 5: QUẢN TRỊ HẬU CẦN TỔ CHỨC SỰ KIỆN (3, 0, 6)

- 5.1. Khái quát về quản trị hậu cần tổ chức sự kiện
- 5.2. Quy trình chung trong quản trị hậu cần trong tổ chức sự kiện
- 5.3. Cung ứng các dịch vụ vận chuyển và tổ chức đưa đón khách
- 5.4. Cung ứng dịch vụ lưu trú
- 5.5. Cung ứng dịch vụ ăn uống
- 5.6. Tổ chức mạng lưới thông tin, liên lạc trong sự kiện
- 5.7. Cung ứng các dịch vụ theo yêu cầu của khách VIP và các phương tiện truyền thông

CHƯƠNG 6: CÁCH THỨC HUẤN LUYỆN NHÂN VIÊN TRONG DU LỊCH MICE VÀ TỔ CHỨC SỰ KIỆN (3, 0, 6)

- 6.1. Yêu cầu đối với lễ tân
- 6.2. Thực hành

CHƯƠNG 7. THỰC HÀNH TỔ CHỨC SỰ KIỆN (0, 0, 30)

4. Yêu cầu của môn học

Học viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành nội dung tiểu luận

5. Phương pháp giảng dạy:

- Kết hợp giảng lý thuyết với thảo luận nhóm, phân tích tình huống, xây dựng dự án, làm bài tập và trình bày trước lớp;
- Hướng dẫn thực hành thông qua xem video và làm mẫu trên lớp;
- Hướng dẫn thực hành trực tiếp tại các nhà hàng, khách sạn.

6. Kế hoạch tư vấn

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của học viên.

7. Trang thiết bị

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo

9.1. Tài liệu bắt buộc

B1. Cao Đức Hải (2010), *Giáo trình quản lý lễ hội và sự kiện*, NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội

B2. Lưu Văn Nghiêm (2007), *Tổ chức sự kiện*, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội.

B2. Nguyễn Thị Mỹ Thanh (2015), *Quản trị Tổ chức sự kiện và Lễ hội*, NXB Lao động Xã hội, Hà Nội.

9.2. Tài liệu tham khảo

T1. Allen et al (2010), *Festival and special Event management* (4th), Wiley Australia Tourism

T2. Bowdin et al (2006), *Event Management* (2rd), Routledge, Great Britain.

T3. Chloe Lau (2013), *MICE industry*, Hong Kong Polytechnic University.

T4. Getz, Donald (2012), *Event studies: discourses and future directions*, Event Management.

T5. Howard Hughes (2001), *Arts, Entertainment and Tourism*, ButterworthHeinemann.

35. TỔ CHỨC HƯỚNG DẪN DU LỊCH

- Số tín chỉ: 4 (30, 0, 60)
- Bộ môn quản lý: Việt Nam học – Du lịch
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Học phần cung cấp đầy đủ cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nghiệp vụ, kỹ năng hành nghề cũng như quy trình tổ chức hướng dẫn khách du lịch theo hình thức tổ chức chuyên đi, phương pháp hướng dẫn tuyến, phương pháp hướng dẫn tham quan theo chuyên đề, phương pháp trả lời câu hỏi, đối thoại với khách, phương pháp xử lý tình huống, phong cách hướng dẫn, động tác, cử chỉ, ngôn ngữ, nghệ thuật diễn đạt... và một số kỹ năng cần thiết khác của hướng dẫn viên.

Năng lực đạt được: Sinh viên phân tích được cấu trúc một chương trình du lịch; thành thạo các kỹ năng của một người hướng dẫn viên du lịch như lập kế hoạch dẫn đoàn, thuyết minh, hoạt náo, chủ động xây dựng mối quan hệ với khách du lịch và các cơ sở dịch vụ, điểm đến.

2. Mục tiêu của học phần:

2. 1. Mục tiêu về kiến thức:

- Cung cấp cho sinh viên cái nhìn tổng quát về hoạt động hướng dẫn, nghề hướng dẫn và hướng dẫn viên du lịch

- Nắm được những yêu cầu cần có của hướng dẫn viên về các mặt kiến thức: các kiến thức cơ bản về địa lý, cảnh quan, văn hóa của đất nước, kiến thức về kỹ năng nghiệp vụ. Đồng thời nắm được những yêu cầu về phẩm chất, đức tính của người hướng dẫn.

- Có được kiến thức tổng quát về những công việc cần làm trong quá trình thực hiện một chương trình du lịch với vai trò là một người hướng dẫn.

- Giúp cho sinh viên hiểu được cái khái niệm về tham quan cũng như các yếu tố cấu thành cơ bản của tham quan. Đồng thời, giúp sinh viên hiểu được nội dung công việc chuẩn bị hướng dẫn tham quan, từ đó có thể tổ chức tốt công tác hướng dẫn tham quan với nhiều hình thức khác nhau.

- Giúp sinh viên nắm được những yêu cầu và cách thức xây dựng một nội dung thuyết minh theo tuyến. Những lưu ý trong kỹ thuật thuyết minh sẽ giúp sinh viên tránh được một số lỗi trong quá trình thuyết minh. Đó cũng là một lợi thế khi tiến hành thực tập và tác nghiệp.

- Nắm được những yêu cầu chung khi xử lý những tình huống trong hoạt động du lịch, vận dụng vào việc giải quyết những tình huống cụ thể.

- Có kiến thức cũng như nắm được một số kỹ năng cần thiết để tạo nên sự thành công của nghề hướng dẫn (Kỹ năng hoạt náo, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng ứng xử...)

2. 2. Mục tiêu về kỹ năng:

- Thông qua học phần, sinh viên nắm những được những mảng kiến thức cơ bản cho nghề nghiệp thông qua việc tiếp nhận các thông tin một cách chọn lọc và thường xuyên cập nhật những thông tin mới thuộc các lĩnh vực: Lịch sử, địa lý, kinh tế, văn hóa – xã hội, luật pháp...

- Giúp sinh viên nhận thức và hình thành các kỹ năng về chuyên môn nghiệp vụ: cách thiết kế một chương trình du lịch, các bước để tổ chức hoạt động hướng dẫn...

- Đưa ra một số nhóm tình huống xảy ra theo tầng suất từ thấp đến cao trong hoạt động du lịch, giúp sinh viên hình thành các kỹ năng giải quyết tình huống. Từ đó nắm được những nguyên tắc cơ bản và có thể áp dụng được trong thực tế.

- Giúp sinh viên rèn luyện các kỹ năng bao gồm kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng lập kế hoạch, tổ chức công việc, kỹ năng thuyết minh và biên tập tư liệu, kỹ năng hoạt náo.

2. 3. Mục tiêu về thái độ:

- Có ý thức dân tộc, ý thức bảo vệ an ninh quốc gia. Trung thành với sự nghiệp xây dựng đất nước, có niềm tự hào dân tộc, biết bảo vệ các bí mật quốc gia liên quan đến kinh tế, chính trị.

- Tính trung thực: ngay thẳng với cấp trên, đồng nghiệp và khách. Nêu cao tinh thần trách nhiệm, không chạy theo lợi ích cá nhân, không chiều theo đòi hỏi cá nhân của khách trái với phong tục và pháp luật Việt Nam.

- Tính lịch sự, tế nhị: thể hiện tính hiếu khách, phong cách văn minh và ứng xử có văn hóa với mọi người. Giữ gìn và nâng cao truyền thống văn minh, bản sắc văn hóa dân tộc Việt Nam.

- Tính hoà đồng, hợp tác với nhiều người, với nhiều bộ phận để thực hiện tốt mục tiêu phục vụ khách.

- Tinh thần phục vụ khách: luôn coi việc làm cho khách hài lòng là niềm vui của mình. Không quá coi trọng lợi nhuận kinh tế trong phục vụ khách.

- Có khả năng vận dụng kỹ năng sống trong học tập, rèn luyện và làm chủ bản thân; phát huy trí tuệ và năng lực trong ứng xử, làm việc nhóm, thiết lập mối quan hệ cộng đồng tốt đẹp và ngày càng tự hoàn thiện bản thân.

3. Nội dung học phần:

CHƯƠNG 1: HOẠT ĐỘNG HƯỚNG DẪN DU LỊCH VÀ HƯỚNG DẪN VIÊN DU LỊCH (3, 0, 0)

- 1.1. Hoạt động hướng dẫn du lịch
- 1.2. Đặc điểm nghề hướng dẫn Hướng dẫn viên du lịch

CHƯƠNG 2: NHỮNG YÊU CẦU VÀ PHẨM CHẤT CẦN CÓ Ở HƯỚNG DẪN VIÊN DU LỊCH (4, 0, 10)

- 2.1. Những yêu cầu chung
- 2.2. Yêu cầu về kiến thức và chuyên môn nghiệp vụ
- 2.3. *Yêu cầu về kỹ năng* giao tiếp và khả năng ngôn ngữ

CHƯƠNG 3: QUY TRÌNH HƯỚNG DẪN DU LỊCH (5, 0, 10)

- 3.1. Công tác chuẩn bị
- 3.2. Đón khách
- 3.3. Tổ chức hoạt động vận chuyển
- 3.4. Tổ chức các hoạt động phục vụ khách
- 3.5. Hoạt động tiễn khách

CHƯƠNG 4: PHƯƠNG PHÁP HƯỚNG DẪN THAM QUAN DU LỊCH (5, 0, 10)

- 4.1. Tham quan du lịch
- 4.2. Phương pháp hướng dẫn tham quan du lịch
- 4.3. Hướng dẫn tham quan du lịch theo tuyến điểm

CHƯƠNG 5: BIÊN TẬP TƯ LIỆU VÀ TUYẾT MINH DU LỊCH (5, 0, 10)

- 5.1. Biên tập tư liệu cho nội dung thuyết minh du lịch
- 5.2. Phương pháp thuyết minh du lịch
- 5.3. Những lưu ý về kỹ thuật thuyết minh

CHƯƠNG 6: XỬ LÝ TÌNH HUỐNG TRONG HOẠT ĐỘNG HƯỚNG DẪN DU LỊCH (5, 0, 10)

- 6.1. Nguyên tắc chung
- 6.2. Trả lời câu hỏi và giải quyết những yêu cầu của đoàn khách
- 6.3. Một số tình huống và sự cố thường gặp

CHƯƠNG 7: HOẠT NÁO TRONG DU LỊCH (3, 0, 10)

- 7.1. Sự cần thiết của hoạt náo trong hoạt động du lịch
- 7.2. Yêu cầu về tổ chức thực hiện
- 7.3. Các hình thức thực hiện

4. Yêu cầu của môn học:

Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành nội dung tiểu luận, dự thi đầy đủ các chương, kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn:

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên.

7. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

9.1. Tài liệu bắt buộc

B1. Đinh Trung Kiên (2006), *Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch*, NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội.

B2. Dự án EU (2013), *Tiêu chuẩn Kỹ năng nghề du lịch Việt Nam (VTOS)*, *Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch*.

B3. Bùi Thanh Thủy (2012), *Nghiệp vụ Hướng dẫn Du lịch*, NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội.

9.2. Tài liệu tham khảo

T1. Nguyễn Văn Đính (Chủ biên) (1995), *Giáo trình tâm lý và nghệ thuật ứng xử trong kinh doanh du lịch*, NXB Thống kê, Hà Nội.

T2. Nguyễn Cường Hiền (1994), *Nghệ thuật hướng dẫn du lịch*, NXB Văn hóa, Hà Nội.

T3. Nguyễn Cường Hiền (2001), *101 tình huống đối với hướng dẫn viên du lịch*, NXB Văn hóa dân tộc, Hà Nội.

T4. Đoàn Hương Lan (Chủ biên) (2007), *Giáo trình Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội.

T5. Nguyễn Văn Quảng (2006), *Để trở thành hướng dẫn viên du lịch giỏi*, NXB Trẻ, Tp. Hồ Chí Minh.

T6. Nguyễn Bích San (Chủ biên) (2000), *Cẩm nang hướng dẫn du lịch*, NXB Văn hóa Thông tin, Hà Nội.

36. NGHIỆP VỤ KHÁCH SẠN CƠ BẢN

- Số tín chỉ: 3 (27, 0, 36)
- Bộ môn quản lý: Việt Nam học – Du lịch
- Điều kiện tiên quyết: Tổng quan du lịch

1. Mô tả học phần

Học phần trang bị cho sinh viên ngành du lịch hiểu rõ về yêu cầu của nghề nhà hàng, khách sạn và các tiêu chuẩn, tiêu trí và yêu cầu của một nhân viên trong ngành phục vụ. Đặc biệt, trang bị cho sinh viên kiến thức chuyên môn về tổ chức, đón tiếp và phục vụ khách tại khách sạn đáp ứng các yêu cầu về chất lượng, an toàn, an ninh, chu đáo và lịch sự.

Năng lực đạt được: Sinh viên chăm sóc và phục vụ khách hàng, có khả năng nắm bắt tâm lý khách hàng trong quá trình phục vụ. Thiết lập được các quy trình thực hiện công việc trong các lĩnh vực: tiếp tân, phục vụ buồng hợp lí khoa học và đúng tiêu chuẩn qui định

2. Mục tiêu học phần

2. 1. Mục tiêu về kiến thức:

- Nắm vững các bước tiến hành trong việc tiếp đón và phục vụ khách từ thời gian trước khi khách đến khách sạn cho đến khi khách rời khỏi khách sạn.
- Trang bị cho học viên sinh viên kiến thức chuyên môn về tổ chức, đón tiếp và phục vụ khách lưu trú tại khách sạn, đáp ứng các yêu cầu về chất lượng, an toàn, an ninh, chu đáo và lịch sự.
- Trang bị những kiến thức cơ bản về vai trò, tổ chức quản lí bộ phận buồng/phòng, các loại trang thiết bị, dụng cụ của bộ phận buồng/phòng; các cách bảo quản trang thiết bị cũng như đảm bảo vệ sinh và độ bền của từng loại trang thiết bị.
- Cung cấp những kiến thức cơ bản về quy trình phục vụ buồng/phòng, những nguyên tắc cần lưu ý khi phục vụ buồng/phòng đặc biệt là kiến thức về vệ sinh và xử lí chất thải.
- Hiểu rõ khái niệm cơ bản về bán hàng, tiếp thị và xúc tiến thương mại, biết cách áp dụng chúng trong bối cảnh của bộ phận lễ tân.
- Thiết lập được các quy trình thực hiện công việc trong các lĩnh vực: tiếp tân, phục vụ buồng, phục vụ bàn/bar hợp lí, khoa học và đúng tiêu chuẩn quy định.

2. 2. Mục tiêu về kỹ năng:

- Vận hành đúng phương pháp đối với các trang thiết bị, dụng cụ trong khách sạn.
- Thực hành đúng và thành thạo kỹ năng nghề nghiệp trong việc tổ chức đón tiếp, đưa tiễn, phục vụ khách tại các bộ phận lễ tân, phục vụ buồng.
- Thể hiện khả năng liên lạc và phối hợp hiệu quả các bộ phận khác có liên quan trong quá trình phục vụ khách lưu trú tại khách sạn.
- Nắm và kiểm tra hiệu số lượt khách ra vào khách sạn tạo điều kiện cho khách có kế hoạch đặt phòng lưu trú trước và đảm bảo có chỗ khi khách đến khách sạn.
- Hiểu và áp dụng quy trình đón tiếp, phục vụ khách lưu trú, thủ tục thanh toán ăn uống và lưu trú tại khách sạn.

2. 3. Mục tiêu về thái độ:

- Có ý thức dân tộc, ý thức bảo vệ an ninh quốc gia. Trung thành với sự nghiệp xây dựng đất nước, có niềm tự hào dân tộc, biết bảo vệ các bí mật quốc gia liên quan đến kinh tế, chính trị.
- Tính trung thực: ngay thẳng với cấp trên, đồng nghiệp và khách. Nêu cao tinh thần trách nhiệm, không chạy theo lợi ích cá nhân, không chiều theo đòi hỏi cá nhân của khách trái với phong tục và pháp luật Việt Nam.
- Tính lịch sự, tế nhị: thể hiện tính hiếu khách, phong cách văn minh và ứng xử có văn hóa với mọi người. Giữ gìn và nâng cao truyền thống văn minh, bản sắc văn hóa dân tộc Việt Nam.
- Tính hoà đồng, hợp tác với nhiều người, với nhiều bộ phận để thực hiện tốt mục tiêu phục vụ khách.
- Tinh thần phục vụ khách: luôn coi việc làm cho khách hài lòng là niềm vui của mình. Không quá coi trọng lợi nhuận kinh tế trong phục vụ khách.

- Có khả năng vận dụng kỹ năng sống trong học tập, rèn luyện và làm chủ bản thân; phát huy trí tuệ và năng lực trong ứng xử, làm việc nhóm, thiết lập mối quan hệ cộng đồng tốt đẹp và ngày càng tự hoàn thiện bản thân.

3. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung I. Nghiệp vụ lễ tân

CHƯƠNG 1: GIỚI THIỆU BỘ PHẬN LỄ TÂN (3, 0, 4)

- 1.1. Giới thiệu chung
- 1.2. Cơ cấu tổ chức khách sạn
- 1.3. Cơ cấu tổ chức của khối lưu trú.
- 1.4. Cơ cấu tổ chức và sơ đồ bố trí mặt bằng của bộ phận lễ tân.
- 1.5. Vai trò và nhiệm vụ của các chức danh tại bộ phận lễ tân.
- 1.6. Các yêu cầu tuyển dụng đối với nhân viên lễ tân
- 1.7. Thuật ngữ chuyên ngành lễ tân khách sạn
- 1.8. Danh mục các thiết bị và tài liệu được sử dụng tại Bộ phận lễ tân
- 1.9. Chu trình phục vụ khách

CHƯƠNG 2: ĐẶT BUỒNG (4, 0, 4)

- 2.1. Khái niệm và mục đích của đặt buồng trước
- 2.2. Các loại buồng trong khách sạn
- 2.3. Các loại mức giá buồng
- 2.4. Các nguồn đặt buồng
- 2.5. Các phương tiện nhận đặt buồng
- 2.6. Hệ thống nhận đặt buồng tiêu chuẩn của bộ phận lễ tân
- 2.7. Các vấn đề liên quan đến đặt buồng
- 2.8. Quy trình tiếp nhận và xử lý các yêu cầu đặt buồng
- 2.9. Hồ sơ khách hàng

CHƯƠNG 3: THỦ TỤC NHẬN BUỒNG VÀ ĐĂNG KÝ KHÁCH (3, 0, 4)

- 3.1. Tầm quan trọng của việc làm thủ tục nhận buồng và đăng ký
- 3.2. Quy trình nhận buồng và đăng ký đối với khách đã đặt buồng trước
- 3.3. Quy trình làm thủ tục nhận buồng cho các đối tượng khách khác
- 3.4. Cung cấp dịch vụ hành lý và trợ giúp cá nhân

CHƯƠNG 4: GIAO TIẾP VỚI KHÁCH LƯU TRÚ TẠI KHÁCH SẠN (4, 0, 6)

- 4.1. Giao tiếp tại bộ phận lễ tân
- 4.2. Sử dụng điện thoại tại nơi làm việc
- 4.3. Xử lý thư của khách
- 4.4. Tiếp nhận và xử lý tin nhắn
- 4.5. Xử lý cung cấp dịch vụ thông tin và phúc đáp yêu cầu của khách
- 4.6. Quy trình đổi phòng
- 4.7. Xử lý tài sản thất lạc
- 4.8. Xử lý phàn nàn của khách

CHƯƠNG 5: THANH TOÁN CHI PHÍ CỦA KHÁCH VÀ THU NGÂN (4, 0, 4)

- 5.1. Các nguyên tắc thanh toán
- 5.2. Các phương thức thanh toán
- 5.3. Quy trình thanh toán và tiền khách
- 5.4. Cung cấp dịch vụ đổi tiền
- 5.5. Kiểm toán đêm
- 5.6. Bàn giao ca

CHƯƠNG 6: TIẾP THỊ VÀ BÁN HÀNG TẠI BỘ PHẬN LỄ TÂN (2, 0, 4)

- 7.1. Vai trò của bộ phận lễ tân trong công việc bán hàng và tiếp thị
- 7.2. Hiểu biết về quá trình bán hàng
- 7.3. Thực hành các kỹ năng bán hàng cho nhân viên lễ tân

Nội dung II. NGHIỆP VỤ BUỒNG/PHÒNG

CHƯƠNG 7: GIỚI THIỆU BỘ PHẬN PHỤC VỤ BUỒNG (3, 0, 4)

8. 1. Giới thiệu chung
8. 2. Cơ cấu tổ chức khách sạn và bộ phận buồng/ phòng.
8. 3. Vai trò bộ phận buồng/phòng trong khách sạn.

CHƯƠNG 8: QUY TRÌNH KỸ THUẬT PHỤC VỤ BUỒNG (4, 0, 6)

9. 1. Quy trình làm vệ sinh buồng khách
9. 2. Sắp xếp xe đẩy để chuẩn bị dọn buồng cho khách
- 9.3. Dọn buồng khách
- 9.4. Dọn vệ sinh khu vực chung, các thiết bị và tiện nghi
- 9.5. Xử lý việc giặt là cho khách

4. Yêu cầu của môn học

Học viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành nội dung tiểu luận

5. Phương pháp giảng dạy:

- Kết hợp giảng lý thuyết với thảo luận nhóm, phân tích tình huống, xây dựng dự án, làm bài tập và trình bày trước lớp;
- Hướng dẫn thực hành thông qua xem video và làm mẫu trên lớp;
- Hướng dẫn thực hành trực tiếp tại các nhà hàng, khách sạn.

6. Kế hoạch tư vấn

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của học viên.

7. Trang thiết bị

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo

9. 1. Tài liệu bắt buộc

B1. Nguyễn Văn Mạnh, Hoàng Thị Lan Hương (2013), *Quản trị kinh doanh khách sạn*, NXB ĐH Kinh tế Quốc dân, Hà Nội.

B2. Nguyễn Thị Tú (2005), *Nghiệp vụ phục vụ khách sạn*, NXB Thống kê, Hà Nội.

B35. Hội đồng cấp chứng chỉ nghiệp vụ du lịch (2005), *Giáo trình kỹ năng khách sạn*, NXB Thanh Niên, Hà Nội.

B4. Hội đồng cấp chứng chỉ nghiệp vụ du lịch (2005), *Giáo trình nghiệp vụ lễ tân*, NXB Thanh Niên, Hà Nội.

9. 2. Tài liệu tham khảo

T1. Phạm Thị Cúc (2005), *Giáo trình lý thuyết nghiệp vụ lễ tân*, NXB Hà Nội, Hà Nội.

T2. Nguyễn Văn Dung (2013), *Quản trị đầu tư nhà hàng khách sạn*, NXB Giao thông Vận tải, Hà Nội.

T3. Dự án EU (2013), *Tiêu chuẩn kỹ năng nghề du lịch Việt Nam (VTOS): Nghề Phục vụ buồng*.

T4. Dự án EU (2013), *Tiêu chuẩn kỹ năng nghề du lịch Việt Nam (VTOS): Nghề lễ tân khách sạn*.

37. NGHIỆP VỤ PHỤC VỤ NHÀ HÀNG

- Số tín chỉ: 3 (27, 0, 36)
- Bộ môn quản lý: Việt Nam học – Du lịch
- Điều kiện tiên quyết: Tổng quan du lịch

1. Mô tả học phần

Học phần cung cấp cho học viên các kiến thức tổng quan về nghiệp vụ nhà hàng như trang thiết bị phục vụ nhà hàng, các mô hình kinh doanh dịch vụ ăn uống, trang phục, vệ sinh cá nhân, tác phong chuyên nghiệp và vệ sinh an toàn thực phẩm. Bên cạnh đó, học viên được thực hành chuyên sâu trong việc thiết kế thực đơn và tính giá thành. Học viên cũng sẽ được cung cấp cụ thể các kiểu phục vụ và thực hành kỹ năng bán hàng và xử lý tình huống thường gặp trong nghề phục vụ nhà hàng

Năng lực đạt được: Sinh viên thiết lập được các quy trình thực hiện công việc trong lĩnh vực phục vụ nhà hàng một cách hợp lý khoa học và đúng tiêu chuẩn qui định; thành thạo các thao tác nghiệp vụ phục vụ khách hàng; và đảm bảo được quy định về an toàn, vệ sinh trong dịch vụ ăn uống.

2. Mục tiêu Học phần

2. 1. Mục tiêu về kiến thức

- Nắm vững kiến thức về nhà hàng, mô hình kinh doanh ẩm thực và các dịch vụ liên quan đến ẩm thực
- Trình bày được Giải thích được sự đa dạng về thực đơn trong kinh doanh ẩm thực
- Mô tả được vai trò và trách nhiệm công việc cho từng vị trí trong nhà hàng và mô hình kinh doanh ăn uống
- Phân biệt sự khác nhau của các loại thiết bị, dụng cụ trong nhà hàng và cách thức sử dụng thiết bị dụng cụ nhà hàng

2. 2. Mục tiêu về kỹ năng

- Kỹ năng thiết kế thực đơn, set up bàn và phục vụ khách ăn uống
- Kỹ năng giao tiếp với khách và xử lý các tình huống trong nhà hàng.

2. 3. Mục tiêu về thái độ

- Tinh thần phục vụ khách: luôn coi việc làm cho khách hài lòng là niềm vui của mình.

Không quá coi trọng lợi nhuận kinh tế trong phục vụ khách.

- Có khả năng vận dụng kỹ năng sống trong học tập, rèn luyện và làm chủ bản thân; phát huy trí tuệ và năng lực trong ứng xử, làm việc nhóm, thiết lập mối quan hệ cộng đồng tốt đẹp và ngày càng tự hoàn thiện bản thân.

3. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG 1: GIỚI THIỆU VỀ DỊCH VỤ PHỤC VỤ ĂN UỐNG (5, 0, 0)

- 1.1. Tổng quan về nhà hàng và ngành dịch vụ ăn uống
- 1.2. Các mô hình kinh doanh dịch vụ ăn uống
- 1.3. Nhà hàng và phân loại nhà hàng
- 1.4. Vệ sinh an toàn thực phẩm

CHƯƠNG 2: XÂY DỰNG KẾ HOẠCH THỰC ĐƠN CHO NHÀ HÀNG (5, 0, 9)

- 2.1. Khái niệm và phân loại thực đơn
- 2.2. Lựa chọn các món ăn cho thực đơn
- 2.3. Tính chi phí thực phẩm cho món ăn trong thực đơn
- 2.4. Xác định giá bán cho thực đơn
- 2.5. Thiết kế và trình bày thực đơn

CHƯƠNG 3: CÁC CÔNG VIỆC CHUẨN BỊ (5, 0, 9)

- 3.1. Vệ sinh phòng ăn
- 3.2. Các trang thiết bị nhà hàng
- 3.3. Vệ sinh và cất trữ đồ sứ, thủy tinh và dao đĩa
- 3.4. Chuẩn bị vệ sinh cá nhân
- 3.5. Sắp đặt và chuẩn bị phục vụ
- 3.6. Bày bàn trong nhà hàng

CHƯƠNG 4: NHỮNG KỸ NĂNG VÀ KIẾN THỨC PHỤC VỤ BÀN (6, 0, 9)

- 4.1. Vai trò của bạn trong ngành phục vụ
- 4.2. Quan tâm nhu cầu của khách
- 4.3. Nghiệp vụ phục vụ bàn
- 4.4. Sử dụng khay
- 4.5. Bưng bê và thu dọn
- 4.6. Phục vụ theo món, theo suất và phục vụ kiểu gia đình
- 4.7. Quy trình phục vụ Alacarte

Chương 5: NHỮNG KỸ NĂNG VÀ KIẾN THỨC PHỤC VỤ ĐỒ UỐNG (6, 0, 9)

- 5.1. Khái quát về đồ uống
- 5.2. Phục vụ rượu và những đồ uống có cồn
- 5.3. Phục vụ những loại đồ uống không cồn
- 5.4. Phục vụ tại quầy Bar

4. Yêu cầu của môn học

Học viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành nội dung tiểu luận

5. Phương pháp giảng dạy:

- Kết hợp giảng lý thuyết với thảo luận nhóm, phân tích tình huống, xây dựng dự án, làm bài tập và trình bày trước lớp;
- Hướng dẫn thực hành thông qua xem video và làm mẫu trên lớp;
- Hướng dẫn thực hành trực tiếp tại các nhà hàng, khách sạn.

6. Kế hoạch tư vấn

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí thời gian để thẩm định, đánh giá nội dung thực hành của học viên

7. Trang thiết bị

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện. Ngoài ra, cần có phòng thực hành đủ rộng với các trang thiết bị tối thiểu để sinh viên thực hành nghiệp vụ phục vụ khách ăn uống và pha chế.

8. Phương pháp đánh giá môn học:

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

9. Tài liệu tham khảo

9. 1. Tài liệu bắt buộc:

B1. Vũ An Dân (2009), *Quản trị dịch vụ ăn uống và nhà hàng*, NXB Thanh niên, Hà Nội.

B2. Nguyễn Thị Tú (2010), *Nghiệp vụ phục vụ khách sạn*, NXB Thống kê, Hà Nội.

B3. Nguyễn Văn Mạnh, Hoàng Thị Lan Hương (2013), *Quản trị kinh doanh khách sạn*, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội.

9. 2. Tài liệu tham khảo:

T1. Dự án EU (2013), *Tiêu chuẩn kỹ năng nghề du lịch Việt Nam (VTOS), Nghề phục vụ nhà hàng*.

38. THIẾT KẾ VÀ ĐIỀU HÀNH TOUR

- Số tín chỉ: 4(30, 0, 60)
- Bộ môn quản lý: Việt Nam học – Du lịch
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Học phần trang bị cho người học những nội dung cơ bản của chương trình du lịch (tour), kết cấu chương trình du lịch cũng như những yêu cầu đối với các chương trình du lịch. Bên cạnh đó học phần cung cấp kiến thức về tổ chức và hoạt động của công ty du lịch; những kiến thức và kỹ năng xây dựng, thiết kế, tổ chức bán và thực hiện chương trình du lịch.

Năng lực đạt được: Sinh viên hiểu, phân tích được nội dung chương trình du lịch phù hợp với tuyến điểm du lịch. Hình thành kỹ năng phân tích giá và định giá cho chương trình du lịch phù hợp với nhu cầu của khách du lịch. Biết tổ chức, quản lý và điều hành thực hiện chương trình du lịch.

2. Mục tiêu học phần

2.1. Về kiến thức

Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về công ty du lịch, công ty lữ hành, Các chương trình du lịch, quy trình xây dựng, thiết kế một chương trình du lịch, định giá thành, giá bán tour du lịch. Tổ chức xúc tiến và bán tour du lịch, tổ chức thực hiện tour du lịch, quản lý chất lượng thực hiện chương trình du lịch.

2.2. Về kỹ năng

- Rèn luyện kỹ năng phân tích và xử lý thông tin, khai thác giá trị của các tài nguyên du lịch và thiết kế tour, kết nối các tuyến điểm du lịch phù hợp với thời gian và nhu cầu của khách hàng.

- Phát triển kỹ năng đánh giá, phân tích, định lượng chương trình du lịch.

- Tạo lập khả năng tư duy độc lập, xây dựng và thực hiện sản phẩm du lịch hoàn chỉnh.

- Hình thành kỹ xảo nâng cao chất lượng sản phẩm du lịch cho công ty lữ hành, tạo sức cạnh tranh trên thị trường.

2.3. Về thái độ

- Yêu cầu sinh viên có ý thức học tập tích cực, chủ động trau dồi kiến thức.

- Có tình yêu, đam mê với môn học và nghề nghiệp mình đang theo đuổi.

3. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG 1. THIẾT KẾ TOUR DU LỊCH (10, 0, 20)

1.1 Khái niệm, đặc điểm, phân loại tour du lịch

1.1.1. Khái niệm tour du lịch

1.1.2. Đặc điểm tour du lịch

1.1.3. Phân loại tour du lịch

1.2 Thiết kế tour du lịch

1.2.2. Nghiên cứu nhu cầu thị trường

1.2.3. Khả năng cung ứng của nhà cung cấp

1.2.4. Khả năng và vị trí của doanh nghiệp lữ hành

1.2.5. Mục đích và ý tưởng

1.2.6. Tuyến hành trình cơ bản

1.2.7. Xây dựng phương án lưu trú

1.2.8. Chi tiết hóa chương trình du lịch

1.3. Giới thiệu một số tour du lịch hấp dẫn

1.3.1. Tour du lịch Việt Nam

1.3.2. Tour du lịch Quốc Tế

CHƯƠNG 2. XÁC ĐỊNH GIÁ CỦA CHƯƠNG TRÌNH DU LỊCH (7,0,20)

2.1. Xác định giá thành của chương trình du lịch

2.2. Xác định giá bán của chương trình du lịch

2.3. Các quy định của chương trình du lịch

CHƯƠNG 3. ĐIỀU HÀNH TOUR DU LỊCH (8,0,10)

- 3.1. Điều hành tour
- 3.2. Thực hiện công việc đặt giữ chỗ
- 3.3. Điều động phương tiện vận chuyển và hướng dẫn viên
- 3.4. Đặt cọc và thanh toán
- 3.5. Hồ sơ đoàn khách
- 3.6. Xử lý việc hủy bỏ và hoàn tiền

CHƯƠNG 4. QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG TOUR DU LỊCH (5, 0, 10)

- 4.1. Khái niệm chất lượng và quản lý chất lượng tour du lịch
- 4.2. Các yếu tố ảnh hưởng tới chất lượng tour du lịch
- 4.3. Các biện pháp bảo đảm và nâng cao chất lượng tour du lịch
- 4.4. Hệ thống các chỉ tiêu đánh giá chất lượng tour du lịch

4. Yêu cầu của môn học

Học viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành nội dung tiểu luận

5. Phương pháp giảng dạy:

- Kết hợp giảng lý thuyết với thảo luận nhóm, phân tích tình huống, xây dựng dự án, làm bài tập và trình bày trước lớp;
- Hướng dẫn thực hành thông qua xem video và làm mẫu trên lớp;
- Hướng dẫn thực hành trực tiếp tại các cơ sở kinh doanh lữ hành

6. Kế hoạch tư vấn

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của học viên.

7. Trang thiết bị

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo

9. Tài liệu tham khảo

9. 1. Tài liệu bắt buộc:

B2. Đinh Trung Kiên, Nguyễn Quang Vinh (2007), *Giáo trình nghiệp vụ lữ hành*, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Hà Nội.

B3. Nguyễn Văn Mạnh, Nguyễn Văn Đính (2009), *Kinh doanh dịch vụ lữ hành*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội.

9. 2. Tài liệu tham khảo

T1. Trịnh Xuân Dũng (Chủ biên) (1999), *Một số vấn đề về nghiệp vụ lữ hành*, Trường TH Nghiệp vụ Du lịch Hà Nội, Hà Nội.

T2. Trần Ngọc Nam và Hoàng Anh (2009), *Cẩm nang nghiệp vụ tiếp thị du lịch*, NXB Lao động, Hà Nội.

T3. Trần Nhạn (2002), *Giáo trình nghiệp vụ kinh doanh du lịch lữ hành*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

T4. *Nghị Định 92/2007/NĐ- CP ngày 01/06/2007.*

T5. *Nghị Định 149/2007/NĐ- CP ngày 09/10/2007.*

T6. Nguyễn Văn Mạnh, Phạm Hồng Chương (2005), *Giáo trình quản trị kinh doanh lữ hành*, NXB Khoa học Kỹ thuật, Hà Nội.

T8. Tổng cục Du lịch (2005), *Luật du lịch*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

39. NGHIỆP VỤ CHẾ BIẾN SẢN PHẨM ĂN UỐNG

- Số tín chỉ: 4 (30, 0, 60)
- Bộ môn quản lý: Việt Nam học – Du lịch
- Điều kiện tiên quyết: Tổng quan du lịch

1. Mô tả học phần

Học phần cung cấp sinh viên những khái niệm cơ bản về nguyên liệu chế biến và sự biến đổi các chất trong quá trình chế biến, kỹ thuật chế biến và kiểm tra chất lượng sản phẩm ăn uống, các phương pháp chế biến cơ bản, các phương pháp trang trí và phương pháp kiểm tra đánh giá chất lượng sản phẩm ăn uống.

Năng lực đạt được: Sinh viên tổ chức được đội ngũ nhân sự cơ bản trong bộ phận bếp; phân biệt được các món ăn Á, Âu; chế biến được các món ăn cơ bản trong cơ sở dịch vụ ăn uống; xây dựng thành thạo các thực đơn ẩm thực; kiểm soát được vấn đề vệ sinh an toàn thực phẩm.

2. Mục tiêu học phần

2. 1. Về kiến thức:

- Sinh viên ghi nhớ, phân tích sự biến đổi các chất trong quá trình chế biến nguyên liệu, rút ra những biện pháp tăng cường những biến đổi có lợi, hạn chế các tổn thất không cần thiết khi chế biến sản phẩm.

- Sinh viên nắm rõ qui trình, kiến thức xây dựng thực đơn, kỹ thuật và nghệ thuật chế biến.

2. 2. Mục tiêu về kỹ năng:

- Sinh viên sử dụng được những kỹ năng, thao tác kỹ thuật cần thiết cho việc chế biến nguyên liệu thực phẩm,

- Kỹ năng xây dựng thực đơn

- Kỹ năng kiểm tra chất lượng sản phẩm một cách hiệu quả.

3. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ NGUYÊN LIỆU CHẾ BIẾN SẢN PHẨM ĂN UỐNG

(3, 0, 0)

1.1. Khái quát về nguyên liệu

1.2. Đặc điểm của nguyên liệu

CHƯƠNG 2: LỰA CHỌN VÀ BẢO QUẢN NGUYÊN LIỆU (3, 0, 5)

2.1. Lựa chọn nguyên liệu

2.2. Bảo quản nguyên liệu

CHƯƠNG 3: SỰ BIẾN ĐỔI CÁC CHẤT PROTEIN, GLUXIT, LIPTI TRONG CHẾ BIẾN SẢN PHẨM ĂN UỐNG (3, 0, 5)

3.1. Sự biến đổi protein trong chế biến

3.2. Sự biến đổi gluxit trong chế biến

3.3. Biến đổi của lipit trong chế biến

CHƯƠNG 4: SỰ BIẾN ĐỔI CỦA VITAMIN, MÀU SẮC, MÙI VỊ, TRONG CHẾ BIẾN SẢN PHẨM ĂN UỐNG (3, 0, 5)

4.1. Sự biến đổi của vitamin trong chế biến

4.2. Sự biến đổi màu sắc trong chế biến

4.3. Sự tạo thành mùi vị trong quá trình chế biến

CHƯƠNG 5: ĐẠI CƯƠNG VỀ CÁC PHƯƠNG PHÁP CHẾ BIẾN (5, 0, 5)

5.1. Khái quát chung về các phương pháp chế biến

5.2. Sơ chế nguyên liệu

5.3. Các phương pháp chế biến nhiệt

5.4. Các phương pháp chế biến khác

CHƯƠNG 6: KỸ THUẬT CHẾ BIẾN SẢN PHẨM ĂN UỐNG (5, 0, 20)

6.1. Khái niệm chung về các món ăn

6.2. Phân loại món ăn

6.3. Kỹ thuật chế biến các món ăn

6.4. Kỹ thuật pha chế đồ uống

CHƯƠNG 7: TRANG TRÍ SẢN PHẨM ĂN UỐNG, XÂY DỰNG THỰC ĐƠN (5, 0, 10)

- 7.1. Trang trí sản phẩm ăn uống
- 7.2. Xây dựng thực đơn
- 7.3. Khái niệm chung về thực đơn
- 7.4. Phân loại thực đơn
- 7.5. Các nguyên tắc xây dựng thực đơn
- 7.6. Phương pháp xây dựng thực đơn

CHƯƠNG 8: KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM ĂN UỐNG (3, 0, 5)

- 8.1. Khái niệm về chất lượng sản phẩm ăn uống
- 8.2. Các dạng giám định để kiểm tra chất lượng sản phẩm ăn uống
- 8.3. Kiểm tra chất lượng sản phẩm ăn uống bằng phương pháp cảm quan

4. Yêu cầu của môn học:

Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành nội dung tiểu luận, dự thi đầy đủ các **Chương** kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy:

- Kết hợp giảng lý thuyết với thảo luận nhóm, phân tích tình huống, xây dựng dự án, làm bài tập và trình bày trước lớp;
- Hướng dẫn thực hành thông qua xem video và làm mẫu trên lớp;
- Hướng dẫn thực hành trực tiếp tại các nhà hàng, khách sạn.

6. Kế hoạch tư vấn:

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên.

7. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học:

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

9. Tài liệu tham khảo chính:

9. 1. Tài liệu bắt buộc:

B1. Lê Thanh Xuân (2008), *Công nghệ chế biến sản phẩm ăn uống*, NXB Đại học Thương mại, Hà Nội.

9. 1. Tài liệu tham khảo

T1. Dự án EU (2013), *Tiêu chuẩn kỹ năng nghề du lịch Việt Nam (VTOS), Nghề chế biến món ăn*.

40-45. Chọn 5 trong 9 học phần sau

a. DU LỊCH SINH THÁI

- Số tín chỉ: 2 (18, 15, 9)
- Bộ môn quản lý: Việt Nam học – Du lịch
- Điều kiện tiên quyết: Tổng quan du lịch

1. Mô tả học phần

Học phần giới thiệu các khái niệm cơ bản, cơ sở lí luận về du lịch và du lịch sinh thái, tài nguyên du lịch sinh thái, sinh thái môi trường, quy hoạch phát triển du lịch sinh thái, phát triển du lịch bền vững, hệ thống các khu bảo tồn thiên nhiên, khu dự trữ sinh quyển và vườn quốc gia ở Việt Nam. Bên cạnh đó giới thiệu một số vấn đề kinh tế về du lịch sinh thái.

Năng lực đạt được: Sinh viên phân biệt được du lịch sinh thái với các loại hình du lịch khác; phân tích được đặc điểm tài nguyên du lịch sinh thái ở Việt Nam; xây dựng, tổ chức và thực hiện được các chương trình du lịch sinh thái; thành thạo nguyên tắc quy hoạch, phát triển du lịch sinh thái một cách bền vững.

2. Mục tiêu học phần

2. 1. Mục tiêu về kiến thức

- Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về du lịch sinh thái (DLST) và quản lý các dự án DLST tại các khu du lịch, khu bảo tồn, Vườn quốc gia.

2. 2. Mục tiêu về kỹ năng

Học phần giúp sinh viên rèn luyện các kỹ năng:

- Trang bị các phương pháp, kỹ năng để có thể tham gia xây dựng các quy hoạch, kế hoạch quản lý, phát triển DLST, làm việc tại các khu du lịch, khu bảo tồn, Vườn quốc gia.

- Cách tiếp cận vấn đề, giải quyết vấn đề một cách khoa học

- Tìm kiếm, xử lý các nguồn tài liệu cần thiết cho học tập nghiên cứu

- Phân tích, đánh giá, so sánh, tổng hợp, khái quát và vận dụng kiến thức đang học vào cuộc sống.

2. 3. Mục tiêu về thái độ

- Nhận thức được tầm quan trọng của môn học.

- Xây dựng và phát huy tối đa tinh thần tự học thông qua đọc thêm sách, các tài liệu trên mạng internet. . .

- Thực hiện nghiêm túc thời gian biểu, làm việc và nộp báo cáo đúng hạn.

- Tự giác trong học tập và trung thực trong thi cử.

- Phát huy tối đa khả năng sáng tạo khi thực hiện các hoạt động trên lớp cũng như ở nhà.

- Tham gia tích cực và có tinh thần xây dựng vào các hoạt động trên lớp.

3. Nội dung học phần

CHƯƠNG 1: NHỮNG KHÁI NIỆM CƠ BẢN (3, 3, 0)

1.1. Khái niệm về du lịch sinh thái.

1.2. Đặc trưng cơ bản của du lịch sinh thái

1.3. Phát triển du lịch sinh thái và bảo tồn thiên nhiên

CHƯƠNG 2: CÁC TÀI NGUYÊN DU LỊCH SINH THÁI (3, 3, 0)

2.1. Khái niệm tài nguyên du lịch sinh thái

2.2. Các tài nguyên du lịch sinh thái cơ bản

2.3. Khu bảo tồn thiên nhiên, nơi bảo tồn các hệ sinh thái và phát triển DLST

2.4. Đặc điểm của tài nguyên du lịch sinh thái

CHƯƠNG 3: MỘT SỐ VẤN ĐỀ KINH TẾ CỦA DU LỊCH SINH THÁI (3, 3, 0)

3.1. Ảnh hưởng của DLST tới hoạt động kinh tế-xã hội và môi trường

3.2. Phân đóng góp của du lịch sinh thái trong chi phí và lợi nhuận của các khu thiên nhiên

3.3. Phí sử dụng và tạo thu nhập.

3.4. Du lịch sinh thái và việc tăng những lợi ích địa phương.

3.5. Vấn đề thiết kế, phát triển và vận hành cơ sở vật chất, phương tiện phục vụ du lịch sinh thái

3.6. Thị trường và cơ cấu ngành du lịch sinh thái

CHƯƠNG 4: QUY HOẠCH VÀ XÂY DỰNG CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN DU LỊCH SINH THÁI CÁC KBTTN (3, 3, 0)

4.1. Đánh giá cơ hội và thách thức

4.2. Nguyên tắc quy hoạch.

4.3. Quy hoạch và xây dựng chiến lược phát triển DLST

4.4. Các nguyên tắc về sự tham gia của cộng đồng địa phương và người dân bản địa

CHƯƠNG 5: VẤN ĐỀ QUẢN LÝ THAM QUAN VÀ HƯỚNG DẪN DU LỊCH SINH THÁI CÁC KBTTN (3, 3, 0)

5.1. Quản lý tham quan và du lịch sinh thái các KBTTN

5.2. Hướng dẫn du lịch sinh thái các KBTTN thiên nhiên

CHƯƠNG 6: MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ DU LỊCH SINH THÁI Ở VIỆT NAM (3, 0, 9)

6.1. Đánh giá chung về tiềm năng, lợi thế và hạn chế của hoạt động du lịch sinh thái tại các KBTTN.

6.2. Du lịch sinh thái ở các vùng du lịch

6.3. Thực hành: xây dựng một số chương trình về DLST

4. Yêu cầu của môn học

Học viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành nội dung tiểu luận.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí thời gian để thẩm định, đánh giá nội dung thực hành của học viên

7. Trang thiết bị

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học:

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: Trọng số 30%.

- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%

- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

9. Tài liệu tham khảo

9. 1. Tài liệu bắt buộc

B1. Cục Kiểm lâm & Tổ chức phát triển bền vững Tây Ban Nha (FUNDESO) (2002), *Cẩm nang quản lý và phát triển du lịch sinh thái ở các khu bảo tồn thiên nhiên phía bắc Việt Nam*.

B2. Phạm Trung Lương (2002), *Du lịch sinh thái: Những vấn đề lý luận và thực tiễn phát triển ở Việt Nam*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

9. 2. Tài liệu tham khảo

T1. Lê Huy Bá, Thái Lê Nguyên (2006), *Du lịch sinh thái*, NXB Khoa học Kỹ thuật, Hà Nội.

T2. WWF (2006), *Sổ tay nhận biết một số loài thực vật rừng quý hiếm ở Việt Nam*.

T3. WWF (2000), *Giới thiệu một số loài thú của Đông Dương và Thái Lan*, NXB Khoa học Kỹ thuật.

T4. Nguyễn Minh Tuệ (1997), *Địa lý Du lịch*, NXB Tp. Hồ Chí Minh, Tp. Hồ Chí Minh.

T5. Sam H. Ham (2001), *Diễn giải môi trường*, NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội.

b. DU LỊCH CỘNG ĐỒNG & HOMESTAY

- Số tín chỉ: 2 (18, 15, 9)
- Bộ môn quản lý: Việt Nam học – Du lịch
- Điều kiện tiên quyết: Tổng quan du lịch

1. Mô tả học phần

Học phần DLCĐ và Homestay nghiên cứu những kiến thức cơ bản về DLCĐ và homestay như khái niệm DLCĐ, homestay, các hình thức, nguyên tắc hoạt động và những tác động của phát triển DLCĐ, kinh doanh homestay đến kinh tế, xã hội và môi trường. Mối quan hệ giữa phát triển DLCĐ và homestay. Đặc biệt, học phần giúp cho sinh viên rèn luyện kỹ năng tổ chức quy trình phát triển mô hình DLCĐ, tổ chức kinh doanh và quản lý homestay hiệu quả. Ngoài ra, học phần còn giúp sinh viên nghiên cứu những nội dung học kinh nghiệm thực tiễn phát triển DLCĐ và homestay tại một số quốc gia trên thế giới và Việt Nam

Năng lực đạt được: Sinh viên nhận dạng được DLCĐ, du lịch Homestay, từ đó phân tích so sánh loại hình du lịch này với những mô hình du lịch khác; phân tích các hình thức khác nhau của DLCĐ, Homestay. Xác định được thị trường mục tiêu cũng như chủ thể kinh doanh DLCĐ, Homestay; Có khả năng phân tích, đánh giá những điều kiện phát triển DLCĐ, Homestay, những tác động tiêu cực của loại hình du lịch này đến kinh tế xã hội.

2. Mục tiêu học phần

2. 1. Mục tiêu về kiến thức:

- Nhận dạng được những loại hình kinh doanh của DLCĐ, các tác nhân chính trong phát triển DLCĐ.
- Nắm được các bước cần thiết để triển khai mô hình DLCĐ;
- Nắm vững được những kiến thức cơ bản về homestay
- Nắm được các tiêu chuẩn phổ biến của dịch vụ homestay, những điều kiện cần thiết để dịch vụ homestay thành công;
- Nắm được những nguyên tắc và quy trình thực hiện dịch vụ homestay, cung cấp những kiến thức cần thiết để tổ chức kinh doanh và quản lý homestay hiệu quả.
- Hiểu được những nội dung học thực tiễn về kinh doanh homestay tại một số nước trên thế giới và Việt Nam.

2. 2. Mục tiêu về kỹ năng:

- Phân tích so sánh DLCĐ với những mô hình du lịch khác; phân tích các hình thức khác nhau của DLCĐ. Xác định được thị trường mục tiêu cũng như chủ thể kinh doanh DLCĐ;
- Phân tích, đánh giá những điều kiện phát triển DLCĐ, những tác động tiêu cực của DLCĐ đến kinh tế xã hội. Từ đó, lập kế hoạch và tổ chức hoạt động DLCĐ phù hợp;
- Thiết kế mô hình kinh doanh của DLCĐ. Phân tích đánh giá các tác nhân chính của DLCĐ; Thiết kế quy trình triển khai mô hình DLCĐ;
- Nhận dạng được homestay, những tiêu chuẩn phổ biến của homestay. Phân tích, đánh giá mối quan hệ giữa phát triển DLCĐ và homestay;
- Phân tích, đánh giá những điều kiện cần thiết để dịch vụ homestay thành công;
- Thiết kế tổ chức kinh doanh và quản lý homestay hiệu quả. Thiết kế quy trình phục vụ và rèn luyện kỹ năng phục vụ khi khách lưu trú tại homestay đảm bảo an toàn và hài lòng khách;

2. 3. Mục tiêu về thái độ:

- Ý thức được tầm quan trọng DLCĐ, các hình thức của DLCĐ, điều kiện phát triển, mục tiêu, định hướng cũng những tác động tiêu cực của DLCĐ;
- Hiểu được vai trò những loại hình kinh doanh của DLCĐ, có thái độ nghiêm túc khi đánh giá các tác nhân chính trong phát triển DLCĐ;
- Hiểu được các bước cần thiết để triển khai mô hình DLCĐ;
- Ý thức được giá trị của kinh doanh homestay, có thái độ khách quan khi xem xét mối quan hệ giữa phát triển DLCĐ và homestay;

- Hiểu được các tiêu chuẩn phổ biến của dịch vụ homestay; Tập trung nghiên cứu theo chiều sâu khi đánh giá những điều kiện cần thiết để dịch vụ homestay thành công;
- Ý thức được quy trình phục vụ dịch vụ homestay, có thái độ khách quan, khoa học để tổ chức kinh doanh và quản lý homestay hiệu quả;
- Có thái độ khách quan khi nghiên cứu kinh nghiệm thực tiễn homestay tại một số nước trên thế giới và Việt Nam;
- Có ý thức trách nhiệm trong bảo vệ môi trường, cùng với lợi ích của cộng đồng địa phương khi tổ chức mô hình DLCĐ và homestay;

3. Nội dung chi tiết học phần

PHẦN 1. DU LỊCH CỘNG ĐỒNG

CHƯƠNG 1: DLCĐ VÀ CÁC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA DLCĐ (6, 5, 0)

1. 1. Khái niệm DLCĐ
1. 2. Điều kiện phát triển DLCĐ
1. 3. Định hướng phát triển DLCĐ
1. 4. Các hình thức của DLCĐ
1. 5. Mục tiêu phát triển DLCĐ
1. 6. Những tác động tiêu cực của DLCĐ
1. 7. Những loại hình kinh doanh của DLCĐ
1. 8. Chủ thể kinh doanh của DLCĐ
1. 9. Thị trường mục tiêu của DLCĐ
1. 10. Vai trò của chính quyền đối với DLCĐ
1. 11. Các tác nhân chính trong phát triển DLCĐ

CHƯƠNG 2: CÁC BƯỚC CẦN THIẾT ĐỂ TRIỂN KHAI MÔ HÌNH DLCĐ (6, 5, 0)

2. 1. Kiểm tra các điều kiện phù hợp để phát triển
2. 2. Phát triển quy trình và cơ cấu quản lý DLCĐ
2. 3. Phát triển năng lực địa phương nhằm xây dựng và duy trì du lịch bền vững
2. 4. Phát triển và tiếp thị sản phẩm DLCĐ
2. 5. Giám sát và đánh giá

Phần II. HOMESTAY

CHƯƠNG 3: NHỮNG NGUYÊN TẮC VÀ QUY TRÌNH XÂY DỰNG DỊCH VỤ HOMESTAY VÀ TIẾP THỊ, KINH DOANH DỊCH VỤ HOMESTAY (6, 5, 0)

3. 1. Homestay là gì?
- 3.2. Homestay trọng tâm của DLCĐ
- 3.3. Homestay trong DLCĐ tại một số nước châu Á.
- 3.4. Homestay cho khách du lịch tại các nước Âu - Mỹ - Úc
- 3.5. Các tiêu chuẩn căn bản phổ biến của dịch vụ Homestay
- 3.6. Những điều kiện cần thiết để dịch vụ homestay thành công
- 3.7. Nguyên tắc và quy trình thực hiện dịch vụ homestay – Những kỹ năng và kiến thức cần thiết để tổ chức kinh doanh, và quản lý.
- 3.8. Homestay tại Việt Nam

CHƯƠNG 4: THỰC HÀNH (0, 0, 9)

- 4.1. Xây dựng các chương trình du lịch cộng đồng tại Thanh Hóa
- 4.2. Thực địa tại địa phương
- 4.3. Viết báo cáo thu hoạch

4. Yêu cầu của môn học

Học viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành nội dung tiểu luận

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của học viên.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

7. Trang thiết bị

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

9. Tài liệu tham khảo

9. 1. Tài liệu bắt buộc

B1. Võ Quế (2006), *Du lịch cộng đồng: Lý thuyết và vận dụng*, NXB Khoa học Kỹ thuật, Hà Nội.

B2. Bùi Thị Hải Yến (2012), *Du lịch cộng đồng*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

9. 2. Tài liệu tham khảo

T1. Tổ chức Phát triển Hà Lan (SNV) (2009), *Bộ công cụ quản lý và giám sát du lịch cộng đồng*.

T2. ILO, UNESCO (2010), *Hướng dẫn hỗ trợ lập kế hoạch phát triển du lịch cộng đồng*.

c. THUYẾT MINH DU LỊCH

- Số tín chỉ: 2 (15, 0, 30)
- Bộ môn quản lý: Việt Nam học – Du lịch
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về thuyết minh du lịch tại điểm; giúp sinh viên nhận thức được vai trò của công việc này và phân biệt được các loại hình thuyết minh du lịch. Từ đó, sinh viên có điều kiện rèn luyện kỹ năng xây dựng nội dung thuyết minh; rèn luyện kỹ năng, phương pháp thuyết minh phù hợp và ứng dụng nó vào trong công tác hướng dẫn du lịch của mình.

Năng lực đạt được: Sinh viên xây dựng được nội dung thuyết minh hấp dẫn cho các đối tượng khách du lịch, thực hiện thành thạo hoạt động thuyết minh tại điểm.

2. Mục tiêu học phần

2. 1. Kiến thức:

- Có kiến thức về công việc thuyết minh du lịch tại điểm
- Phân biệt được các văn bản thuyết minh du lịch để phục vụ cho công tác hướng dẫn du lịch.
- Vận dụng các nguyên tắc khi thuyết minh du lịch.
- Phân tích, tổng hợp và đánh giá được tình huống thực tế để lựa chọn phương pháp thuyết minh du lịch phù hợp.

2. 2. Về kỹ năng:

- Suu tầm thông tin khoa học, chính xác cần thiết cho nội dung các nội dung thuyết minh du lịch cần viết.
- Kỹ năng xây dựng văn bản thuyết minh du lịch.
- Kỹ năng thuyết minh du lịch.
- Kỹ năng giao tiếp và ứng xử.
- Kỹ năng thuyết trình, nói trước đám đông.
- Kỹ năng làm việc nhóm.
- Kỹ năng tìm kiếm, tổng hợp, phân tích và đánh giá thông tin.
- Kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông
- Kỹ năng sử dụng ngôn ngữ.
- Kỹ năng tự học.

2. 3. Về thái độ

- Có tinh thần học tập nghiêm túc, chấp hành tốt các yêu cầu của môn học.
- Có thái độ đúng đắn về công việc thuyết minh du lịch.
- Có ý thức, trách nhiệm, tác phong nghề nghiệp của người hướng dẫn viên du lịch.
- Luôn rèn luyện và trao dồi các kỹ năng xây dựng nội dung thuyết minh và phương pháp thuyết minh du lịch.

3. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG 1: MỞ ĐẦU VỀ THUYẾT MINH DU LỊCH (3, 0, 0)

1. 1. Khái niệm
1. 2. Vai trò của thuyết minh trong hướng dẫn du lịch
1. 3. Các loại hình thuyết minh du

CHƯƠNG 2: XÂY DỰNG NỘI DUNG THUYẾT MINH DU LỊCH (4, 0, 10)

2. 1. Nguyên tắc xây dựng nội dung thuyết minh du lịch
2. 2. Kết cấu nội dung thuyết minh du lịch
2. 3. Yêu cầu của nội dung thuyết minh du lịch

CHƯƠNG 3: THỰC HIỆN THUYẾT MINH DU LỊCH (4, 0, 10)

3. 1. Nguyên tắc thuyết minh
3. 2. Các phương pháp thuyết minh du lịch
3. 3. Các kỹ năng cần thiết trong quá trình thuyết minh

CHƯƠNG 4: THỰC HÀNH THUYẾT MINH DU LỊCH (4, 0, 10)

4. 1. Thực hành giao tiếp du lịch
4. 2. Thực hành xây dựng nội dung thuyết minh
4. 3. Thực hành thực hiện nội dung thuyết minh
4. 4. Thực hành phối hợp thuyết minh và các kỹ năng hướng dẫn du lịch

4. Yêu cầu của môn học

Học viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành nội dung tiểu luận

5. Phương pháp giảng dạy:

- Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.
- Quan sát, tìm hiểu thực tế, nghe thuyết minh viên trình bày về các điểm du lịch, thực tập thuyết minh tại điểm tham quan.
- Thuyết minh và thực hành tình huống tại lớp, tại điểm du lịch

6. Kế hoạch tư vấn:

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của học viên.

7. Trang thiết bị

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học:

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

9. Tài liệu tham khảo

9. 1. Tài liệu bắt buộc:

B1. Dự án EU (2013), *Tiêu chuẩn kỹ năng nghề du lịch Việt Nam: Điều hành du lịch và đại lý lữ hành*.

B2. Đinh Trung Kiên, Nguyễn Quang Vinh (2007), *Giáo trình nghiệp vụ lữ hành*, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Hà Nội.

B3. Nguyễn Văn Mạnh, Nguyễn Văn Đính (2009), *Kinh doanh dịch vụ lữ hành*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội.

9. 2. Tài liệu tham khảo

T1. Trịnh Xuân Dũng (Chủ biên) (1999), *Một số vấn đề về nghiệp vụ lữ hành*, Trường TH Nghiệp vụ Du lịch Hà Nội, Hà Nội.

T2. Trần Ngọc Nam và Hoàng Anh (2009), *Cẩm nang nghiệp vụ tiếp thị du lịch*, NXB Lao động, Hà Nội.

T3. Trần Nhạn (2002), *Giáo trình nghiệp vụ kinh doanh du lịch lữ hành*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

T4. *Nghị Định 92/2007/NĐ- CP ngày 01/06/2007.*

T5. *Nghị Định 149/2007/NĐ- CP ngày 09/10/2007.*

T6. Nguyễn Văn Mạnh, Phạm Hồng Chương (2005), *Giáo trình quản trị kinh doanh lữ hành*, NXB Khoa học Kỹ thuật, Hà Nội.

T7. Tổng cục Du lịch (2005), *Luật du lịch*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

d. DU LỊCH TÔN GIÁO VÀ TÂM LINH

- Số tín chỉ: 2 (18, 15, 9)
- Bộ môn quản lý: Việt Nam học – Du lịch
- Điều kiện tiên quyết: Tổng quan du lịch

1. Mô tả học phần

Học phần cung cấp những vấn đề lý luận cơ bản về tôn giáo, tín ngưỡng như các khái niệm chủ yếu; các tài nguyên văn hóa và di sản văn hóa tôn giáo, tín ngưỡng chủ yếu được khai thác trong du lịch; các loại hình và sản phẩm du lịch văn hoá tôn giáo, tín ngưỡng; những yêu cầu, nguyên tắc tổ chức, quản lý, khai thác các giá trị văn hoá tôn giáo, tín ngưỡng vào hoạt động kinh doanh du lịch; tôn giáo, tín ngưỡng và sự phát triển du lịch bền vững. Phát huy giá trị văn hoá tôn giáo, tín ngưỡng trong hội nhập và phát triển thông qua hoạt động du lịch. Bảo tồn văn hoá tôn giáo, tín ngưỡng trong du lịch.

Năng lực đạt được: Sinh viên xây dựng và thực hiện được các chương trình du lịch tại các điểm du lịch tôn giáo tâm linh.

2. Mục tiêu học phần

2. 1. Về kiến thức:

- Hiểu biết cơ bản về tôn giáo, tín ngưỡng và việc vận dụng các kiến thức đó trong hoạt động lễ hành, khách sạn, dịch vụ, khai thác tài nguyên nhằm tạo sản phẩm du lịch văn hoá nói chung, du lịch tôn giáo tín ngưỡng nói riêng có sức hấp dẫn cao;
- Hiểu biết các tôn giáo, tín ngưỡng khác nhau của Việt Nam và thế giới;
- Lý giải được các vấn đề tâm linh tôn giáo liên quan đến du lịch.

2. 2. Về kỹ năng:

- Kỹ năng thuyết minh các điểm du lịch tâm linh tôn giáo chính của Việt Nam;
- Kỹ năng viết một nội dung thuyết minh về một điểm du lịch tâm linh tôn giáo cụ thể;
- Kỹ năng thiết kế 1 chương trình du lịch tâm linh tôn giáo;
- Kỹ năng quan sát, ghi chú, đề xuất cho những thay đổi (nếu có) cho điểm du lịch tâm linh tôn giáo;
- Kỹ năng giao tiếp và ứng xử với khách du lịch, đồng nghiệp;
- Kỹ năng thuyết trình;
- Kỹ năng làm việc nhóm.

2. 3. Về thái độ

- Nghiêm túc trong học tập và làm việc nhóm;
- Hình thành lối sống lành mạnh, hành vi ứng xử chuyên nghiệp.

3. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG 1: LÝ LUẬN CHUNG (3, 0, 0)

1. 1. Khái niệm tâm linh, tôn giáo, du lịch tâm linh tôn giáo
1. 2. Nhân tố hình thành các điểm du lịch tâm linh tôn giáo
1. 3. Hệ thống các điểm du lịch tâm linh tôn giáo tại Việt Nam

CHƯƠNG 2: DU LỊCH TÂM LINH TÔN GIÁO TẠI VÙNG DU LỊCH BẮC BỘ (5, 5, 0)

2. 1. Khái quát về hệ thống tâm linh tôn giáo
2. 2. Điều kiện phát triển loại hình du lịch tâm linh tôn giáo
2. 3. Các điểm du lịch tâm linh tôn giáo
2. 4. Các sản phẩm du lịch tâm linh tôn giáo

CHƯƠNG 3: DU LỊCH TÂM LINH TÔN GIÁO TẠI VÙNG DU LỊCH TRUNG BỘ (5, 5, 0)

3. 1. Khái quát về hệ thống tâm linh tôn giáo
3. 2. Điều kiện phát triển loại hình du lịch tâm linh tôn giáo
3. 3. Các điểm du lịch tâm linh tôn giáo
3. 4. Các sản phẩm du lịch tâm linh tôn giáo

CHƯƠNG 4: DU LỊCH TÂM LINH TÔN GIÁO TẠI VÙNG DU LỊCH NAM BỘ (5, 5, 0)

4. 1. Khái quát về hệ thống tâm linh tôn giáo

- 4. 2. Điều kiện phát triển loại hình du lịch tâm linh tôn giáo
- 4. 3. Các điểm du lịch tâm linh tôn giáo
- 4. 4. Các sản phẩm du lịch tâm linh tôn giáo

CHƯƠNG 5: THỰC HÀNH (0, 0, 9)

- 4.1. Khảo sát một số điểm du lịch tôn giáo tâm linh tại Thanh Hóa
- 4.2. Viết báo cáo thu hoạch

4. Yêu cầu của môn học

Học viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành, thực địa (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành nội dung tiểu luận.

5. Phương pháp giảng dạy

Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

- Kết hợp giảng lý thuyết với thảo luận nhóm, phân tích tình huống, xây dựng dự án, làm bài tập và trình bày trước lớp;
- Hướng dẫn thực hành thông qua xem video và làm mẫu trên lớp;
- Hướng dẫn thực địa tại các điểm du lịch tôn giáo tâm linh tại địa phương.

6. Kế hoạch tư vấn

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phân bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của học viên.

7. Trang thiết bị

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

9. Tài liệu tham khảo

9. 1. Tài liệu bắt buộc

- B1. Trung tâm thông tin du lịch (2005), *Non nước Việt Nam*, NXB Hà Nội, Hà Nội.
- B2. Nguyễn Đăng Duy (2001), *Các hình thái tín ngưỡng, tôn giáo ở Việt Nam*, NXB Văn hoá Thông tin, Hà Nội.
- B3. Mai Thanh Hải (1998), *Tôn giáo thế giới và Việt Nam*, NXB Công an nhân dân, Hà Nội.
- B4. Dương Văn Sáu (2004), *Lễ hội Việt Nam trong sự phát triển du lịch*, Trường Đại học Văn hóa Hà Nội, Hà Nội.
- B5. Nguyễn Minh Tuệ (2005), *Địa lý Du lịch*, NXB TP Hồ Chí Minh.

9. 2. Tài liệu tham khảo

- T1. Đào Duy Anh (2006), *Việt Nam văn hoá sử cương*, NXB Văn hoá Thông tin, Hà Nội.
- T2. Trần Thúy Anh (2010), *Ứng xử văn hóa trong du lịch*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- T3. Nguyễn Duy Hình (2003), *Người Việt Nam với Đạo giáo*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- T4. Trần Trọng Kim (1992), *Nho giáo*, NXB Tp. Hồ Chí Minh, Tp. Hồ Chí Minh.
- T5. Hữu Ngọc (Chủ biên) (1995), *Từ điển văn hoá cổ truyền Việt Nam*, NXB Thế giới, Hà Nội.
- T6. Nguyễn Tài Thư (1988), *Lịch sử Phật giáo Việt Nam*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- T7: Trung tâm công nghệ thông tin (2004), *Bản đồ du lịch Việt Nam*, NXB Văn hóa thông tin.

e. DU LỊCH LÀNG NGHỀ

- Số tín chỉ: 2 (18, 15, 9)
- Bộ môn quản lý: Việt Nam học – Du lịch
- Điều kiện tiên quyết: Tổng quan du lịch

1. Mô tả học phần

Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về làng nghề và du lịch làng nghề; tiềm năng phát triển du lịch làng nghề Việt Nam; hiện trạng, định hướng và giải pháp phát triển du lịch làng nghề Việt Nam.

Năng lực đạt được: Sinh viên xây dựng và thực hiện được các chương trình du lịch tại các làng nghề.

2. Mục tiêu học phần

2. 1. Kiến thức:

- Nắm được các khái niệm cơ bản về làng nghề và du lịch, du lịch làng nghề, không gian văn hóa làng nghề, hoạt động trải nghiệm của du khách trong du lịch làng nghề, v. v.
- Phân tích được mối quan hệ giữa làng nghề và du lịch làng nghề trên lãnh thổ Việt Nam. Những tiềm năng du lịch làng nghề và những định hướng, giải pháp trong phát triển du lịch làng nghề ở Việt Nam.
- Khảo sát và mô tả về một điểm du lịch làng nghề hoặc một làng nghề có triển vọng phát triển du lịch cụ thể tại Việt Nam. Đề xuất những chương trình du lịch từ kết quả khảo sát.

2. 2. Về kỹ năng:

- Hình thành và phát triển kỹ năng học trên lớp và tự học ở nhà theo quan điểm dạy học tích cực.

- Bước đầu hình thành kỹ năng làm việc nhóm thông qua một số bài tập cụ thể
- Rèn luyện kỹ năng thuyết trình về một chủ đề trước tập thể.

2. 3. Về thái độ

- Nâng cao lòng yêu nghề, tích cực chuẩn bị năng lực và điều kiện để trở thành hướng dẫn viên du lịch trong tương lai.
- Hình thành thái độ trung thực, có trách nhiệm trong công việc và trong quan hệ xã hội.
- Xây dựng tác phong lịch sự, hoà nhã, linh hoạt, đúng mực, biết lắng nghe và chia sẻ...

3. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG 1: NGHỀ VÀ LÀNG NGHỀ CỔ TRUYỀN Ở VIỆT NAM (6, 5, 0)

2. 1. Khái niệm nghề, làng nghề thủ công truyền thống
2. 2. Đặc điểm nghề, làng nghề thủ công Việt Nam
- 2.3. Phát triển làng nghề trong bối cảnh CNH, HĐH

CHƯƠNG 2: CÁC LOẠI LÀNG NGHỀ CỔ TRUYỀN VIỆT NAM (6, 5, 0)

- 3.1. Nhóm làng nghề sản xuất công cụ - khí dụng,
- 3.2. Nhóm làng nghề sản xuất vật liệu – trang trí
- 3.3. Nhóm làng nghề sản xuất vật liệu – may mặc,
- 3.4. Nhóm làng nghề sản xuất vật liệu – xây dựng
- 3.5. Nhóm làng nghề sản xuất ẩm thực phẩm
- 3.6. Nhóm nghề kim hoàn

CHƯƠNG 3: DU LỊCH LÀNG NGHỀ VIỆT NAM (6, 5, 0)

- 4.1. Khái niệm, vai trò của loại hình du lịch làng nghề
- 4.2. Tiềm năng và thực trạng phát triển du lịch làng nghề ở Việt Nam
4. 3. Một số điểm du lịch làng nghề tiêu biểu

CHƯƠNG 4: KHẢO SÁT MỘT LÀNG NGHỀ Ở ĐỊA PHƯƠNG (0, 0, 9)

5. 1. Tiềm năng và thực trạng phát triển du lịch làng nghề địa phương
5. 3. Xây dựng mô hình du lịch làng nghề phục vụ phát triển kinh tế xã hội

4. Yêu cầu của môn học

Học viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành nội dung tiểu luận

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

- Kết hợp giảng lý thuyết với thảo luận nhóm, phân tích tình huống, xây dựng dự án, làm bài tập và trình bày trước lớp;
- Hướng dẫn thực hành thông qua xem video và làm mẫu trên lớp;
- Hướng dẫn thực địa tại các làng nghề tại địa phương.

6. Kế hoạch tư vấn:

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của học viên.

7. Trang thiết bị

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học:

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

9. Tài liệu tham khảo

9. 1. Tài liệu bắt buộc

B1. Bùi Văn Vượng (2002), *Làng nghề thủ công truyền thống Việt Nam*, NXB Văn hóa thông tin, Hà Nội.

B2. Phạm Côn Sơn (2004), *Làng nghề truyền thống Việt Nam*, NXB Văn hóa dân tộc, Hà Nội.

B3. Dương Bá Phượng (2001), *Bảo tồn và phát triển các làng nghề trong quá trình công nghiệp hóa*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.

9. 2. Tài liệu tham khảo

T1. PGS.TS. Trương Minh Hằng (Chủ biên) (2013), *Tổng tập nghề và làng nghề truyền thống Việt Nam (6 tập)*, Nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà Nội

T2. Vũ Quốc Tuấn (2011), *Làng nghề trong công cuộc phát triển đất nước*, Nhà xuất bản Tri thức, Hà Nội

T3. Dương Bá Phượng (2001), *Bảo tồn và phát triển các làng nghề trong quá trình công nghiệp hóa*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.

T4. Trần Minh Yên (2004), *Làng nghề truyền thống trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.

T5. Mai Thế Hón (2003), *Phát triển làng nghề trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa*, NXB Chính trị Quốc gia Hà Nội.

f. KINH DOANH DU LỊCH TRỰC TUYẾN

- Số tín chỉ: 2 (18, 15, 9)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Việt Nam học – Du lịch
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Học phần cung cấp cho sinh viên một cái nhìn rộng về chủ đề kinh doanh điện tử trong du lịch và khách sạn. Môn học này bao gồm tất cả các chủ đề quan trọng trong lĩnh vực này và tạo ra sự hiểu biết về các kết nối và nội dung giữa các chủ đề thương mại điện tử khác nhau.

Năng lực đạt được: Sinh viên phân tích được xu hướng và các vấn đề chính trong kinh doanh du lịch điện tử, vai trò của các công cụ trực tuyến khác nhau trong chiến lược tiếp thị và quản lý công nghệ thông tin và truyền thông. Qua đó, sinh viên có thể phân tích và đánh giá các giải pháp và quyết định kinh doanh điện tử hiện tại, đề xuất và lên kế hoạch các bước phát triển kinh doanh điện tử cho một công ty trong lĩnh vực du lịch và khách sạn.

2. Mục tiêu học phần

2. 1. Mục tiêu về kiến thức:

- Biết các ứng dụng công nghệ hiện đại về Du lịch điện tử
- Biết được ảnh hưởng của công nghệ thông tin truyền thông đến lĩnh vực du lịch
- Biết cách xây dựng các hoạt động truyền thông khác nhau trong ngành du lịch
- Biết cách thử nghiệm và sử dụng các trang web hoặc ứng dụng trên điện thoại di động
- Biết cách lập kế hoạch, vận hành và đánh giá các hoạt động liên quan đến du lịch trực tuyến.
- Nhận thức được vai trò quan trọng của truyền thông và công nghệ thông tin truyền thông trong ngành du lịch và khách sạn

2. 2. Mục tiêu về kỹ năng:

- Phân tích và xử lý dữ liệu khai thác từ internet
- Xây dựng các hoạt động truyền thông khác nhau trong ngành du lịch
- Sử dụng các trang web hoặc ứng dụng trên điện thoại di động
- Lập kế hoạch, vận hành và đánh giá các hoạt động liên quan đến du lịch trực tuyến.
- Khai thác những thông tin từ các trang mạng xã hội.

2. 3. Mục tiêu về thái độ:

- Ý thức được những ảnh hưởng của internet, website để từ đó có trách nhiệm trong việc sử dụng và khai thác chúng phục vụ cho việc học tập.
- Nâng cao nhận thức về việc sử dụng những trang mạng xã hội trong việc học tập.
- Nắm bắt được xu hướng phát triển của người học trong thế kỷ 21 để có những thay đổi và thích hợp

3. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG 1: CUỘC CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP 4. 0 VÀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TRỰC TUYẾN (4, 0, 0)

- 1.1. Cách mạng công nghiệp 4. 0
 - 1.1.1. Khái niệm
 - 1.1.2. Lịch sử ra đời
 - 1.1.3. Vai trò
- 1.2. Kinh doanh trực tuyến
 - 1.2.1. Khái niệm
 - 1.2.2. Vai trò
 - 1.2.3. Các hình thức kinh doanh trực tuyến

CHƯƠNG 2: NHỮNG NGUYÊN TẮC CỦA VIỆC KINH DOANH TRỰC TUYẾN (4, 0, 10)

- 2.1. Thương hiệu và văn hóa doanh nghiệp
 - 2.1.1. Khái niệm, Vai trò của thương hiệu
 - 2.1.2. Khái niệm, Vai trò của văn hóa doanh nghiệp

- 2.1.3. Xác định thương hiệu, sản phẩm, dịch vụ của doanh nghiệp
- 2.2. Nghiên cứu thị trường và đối thủ cạnh tranh
 - 2.2.1. Nghiên cứu sản phẩm, dịch vụ có liên quan
 - 2.2.2. Thông tin, xu hướng, dung lượng và biến động của thị trường
 - 2.2.3. Định vị bản thân hay xác định yếu tố khác biệt
- 2.3. Một số nguyên tắc kinh doanh trực tuyến
 - 2.3.1. Sở hữu trí tuệ và phẩm chất đạo đức
 - 2.3.2. Quản lý quan hệ khách hàng
 - 2.3.3. Tìm kiếm nhân sự và đối tác trực tuyến
 - 2.3.4. Quản lý thông tin và tri thức trong doanh nghiệp

CHƯƠNG 3: CÁC CÔNG CỤ KINH DOANH TRỰC TUYẾN (5, 0, 10)

- 3.1. Marketing trực tuyến
 - 3.1.1. Website
 - 3.1.2. Blog
 - 3.1.3. Mạng xã hội
 - 3.1.4. Sàn giao dịch
 - 3.1.5. Email
 - 3.1.6. Diễn đàn
 - 3.1.7. Các công cụ tìm kiếm
 - 3.1.8. Quảng cáo Banner
 - 3.1.9. Kết hợp marketing truyền thống và Marketing hiện đại
- 3.2. Đo lường hiệu quả chiến lược marketing trực tuyến
 - 3.2.1. Những tiêu chí đánh giá
 - 3.2.2. Một số phương pháp đo lường

CHƯƠNG 4: MỘT SỐ PHƯƠNG PHÁP BÁN HÀNG TRỰC TUYẾN (5, 0, 10)

- 4.1. Quy trình bán hàng trực tuyến
- 4.2. Nghiệp vụ bán hàng trực tuyến trên một số công cụ cơ bản
 - 4.2.1. Website
 - 4.2.2. Sàn giao dịch điện tử
 - 4.2.3. Mạng xã hội
 - 4.2.4. Các ứng dụng B2S khác
- 4.3. Một số kỹ năng cần thiết
 - 4.3.1. Chiến lược nội dung
 - 4.3.2. Chiến lược chọn từ khóa
 - 4.3.3. Chăm sóc khách hàng trực tuyến
 - 4.3.4. Một số lỗi thường gặp trong giao tiếp với khách hàng trực tuyến
 - 4.3.5. Đào tạo nhân viên trực tuyến

4. Yêu cầu của môn học

Học viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành nội dung tiểu luận

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của học viên.

7. Trang thiết bị

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo

9. 1. Tài liệu bắt buộc:

B1. Dương Thị Liễu (cb) (2013), *Văn hóa kinh doanh*, Nxb Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội.

B2. Nguyễn Đăng Tuấn Minh (2014), *Kinh doanh trực tuyến*, Nxb Trẻ.

9. 2. Tài liệu tham khảo:

T1. Bộ ngoại giao Hoa Kỳ (2007), *Nguyên tắc kinh doanh (Ấn phẩm của chương trình Thông tin Quốc tế)*.

T2. Christopher P Cooper, Colin Michael Hall (2015), *Contemporary Tourism*. Routledge.

T3. Dimitrios Buhalis (2003), *E- Tourism: Information technology for strategic tourism management, 1st edition*, Pearson.

h. KINH DOANH DỊCH VỤ DU LỊCH BỔ SUNG TRONG DU LỊCH

- Số tín chỉ: 2 (18, 15, 9)
- Bộ môn quản lý: Việt Nam học – Du lịch
- Điều kiện tiên quyết: Tổng quan du lịch

1. Mô tả học phần

Học phần giới thiệu khái niệm về dịch vụ bổ sung trong kinh doanh du lịch; điều kiện áp dụng các dịch vụ bổ sung nhằm thỏa mãn nhu cầu của khách và kéo dài thời gian du lịch của khách; nguyên tắc hoạt động và kỹ năng phục vụ cơ bản tại các cơ sở dịch vụ bổ sung trong du lịch như: vận tải, vui chơi giải trí, mua sắm, chăm sóc sắc đẹp, bán hàng lưu niệm, trung tâm du khách. . .

Năng lực đạt được: Sinh viên xác định được các loại hình dịch vụ bổ sung; thành thạo các thao tác nghiệp vụ trong phục vụ khách du lịch sử dụng các dịch vụ bổ sung.

2. Mục tiêu học phần

2. 1. Mục tiêu về kiến thức

- Hiểu kiến thức cơ bản về các vấn đề liên quan ngành kinh doanh dịch vụ nói chung và dịch vụ bổ sung trong du lịch nói riêng; áp dụng linh hoạt các nguyên tắc, kỹ năng trong việc cung cấp dịch vụ có chất lượng, thỏa mãn yêu cầu của khách hàng; áp dụng linh hoạt, phân tích tổng hợp các loại hình kinh doanh dịch vụ bổ sung tiêu biểu trong lĩnh vực khách sạn và lữ hành.

2. 2. Mục tiêu về kỹ năng

- Rèn luyện kỹ năng làm việc độc lập, lập kế hoạch, tạo động lực làm việc; khả năng làm việc với đồng nghiệp; phân loại, tiếp cận và chăm sóc khách hàng; áp dụng linh hoạt kiến thức, ngoại ngữ chuyên ngành, công nghệ thông tin và các loại máy móc vào thực tiễn nghề nghiệp; kỹ năng giao tiếp ngôn ngữ và phi ngôn ngữ; xử lý tình huống và các vấn đề đa văn hóa...

2. 3. Mục tiêu về thái độ

- Hình thành lối sống lành mạnh, hành vi ứng xử chuyên nghiệp, tự tin, nhạy bén khi giao tiếp trong môi trường làm việc có yếu tố nước ngoài, tâm huyết với nghề nghiệp và công việc, tận tâm với khách hàng. . .

3. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG 1: NHỮNG HIỂU BIẾT CƠ BẢN VỀ DỊCH VỤ BỔ SUNG (3, 3, 0)

- 1.1. Một số khái niệm cơ bản
 - 1.1.1. Khái niệm dịch vụ
 - 1.1.2. Dịch vụ chính
 - 1.1.3. Dịch vụ bổ sung
 - 1.1.4. Kinh doanh dịch vụ bổ sung
- 1.2. Đặc điểm của dịch vụ và dịch vụ bổ sung
 - 1.2.1. Đặc điểm của dịch vụ
 - 1.2.2. Đặc điểm của dịch vụ bổ sung
- 1.3. Vai trò, chức năng, đặc điểm của kinh doanh dịch vụ bổ sung
- 1.4. Sự ra đời và phát triển của kinh doanh dịch vụ bổ sung trong du lịch trên giới và ở Việt Nam.

CHƯƠNG 3: TỔ CHỨC KINH DOANH DỊCH VỤ BỔ SUNG TRONG LĨNH VỰC LỮ HÀNH (3, 2, 3)

- 2.1. Phân loại dịch vụ bổ sung trong lữ hành
 - 2.1.1. Phân loại theo đơn vị cung cấp dịch vụ
 - 2.1.2. Phân loại theo nơi khách tiêu dùng dịch vụ
 - 2.1.3. Phân loại theo đặc điểm của dịch vụ
- 2.2. Điều kiện xây dựng và phát triển kinh doanh dịch vụ bổ sung trong lữ hành
 - 2.2.1. Lợi ích của kinh doanh dịch vụ bổ sung trong lữ hành
 - 2.2.2. Một số vấn đề của kinh doanh dịch vụ bổ sung hiện nay
- 2.3. Yêu cầu về tổ chức và quản lý kinh doanh dịch vụ bổ sung trong lữ hành

CHƯƠNG 3: TỔ CHỨC KINH DOANH DỊCH VỤ BỔ SUNG TRONG LĨNH VỰC KHÁCH SẠN (3, 2, 3)

- 3.1. Phân loại dịch vụ bổ sung trong khách sạn
- 3.2. Điều kiện xây dựng và phát triển kinh doanh dịch vụ bổ sung trong khách sạn
- 3.3. Một số loại hình kinh doanh dịch vụ bổ sung trong khách sạn

CHƯƠNG 4: QUẢN TRỊ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ BỔ SUNG TRONG DU LỊCH (3, 2, 0)

- 4.1. Chất lượng dịch vụ
 - 4.1.1. Khái niệm chất lượng dịch vụ
 - 4.1.2. Vai trò của chất lượng dịch vụ
 - 4.1.3. Các chỉ tiêu đánh giá chất lượng dịch vụ
 - 4.1.4. Thái độ quyết định chất lượng dịch vụ
 - 4.1.5. Môi trường vật chất xung quanh dịch vụ
 - 4.1.6. Các phương pháp đo lường chất lượng dịch vụ
- 4.2. Quản trị chất lượng dịch vụ
 - 4.2.1. Khái niệm quản trị chất lượng dịch vụ
 - 4.2.2. Chức năng cơ bản của quản trị chất lượng dịch vụ
 - 4.2.3. Nguyên tắc của quản trị chất lượng dịch vụ
 - 4.2.4. Đặc điểm cơ bản của quản trị chất lượng dịch vụ

CHƯƠNG 5: TỔNG QUAN VỀ KINH DOANH GIẢI TRÍ (3, 3, 0)

- 5.1. Định nghĩa ngành giải trí và sơ lược về ngành giải trí
- 5.2. Các loại hình dịch vụ
- 5.3. Xu hướng của ngành kinh doanh giải trí
- 5.4. Các vị trí cơ bản trong kinh doanh giải trí
- 5.5. Mô tả những thách thức đối với ngành giải trí

CHƯƠNG 6: CASINO, CÁC DỊCH VỤ VUI CHƠI GIẢI TRÍ VÀ THỂ THAO BIỂN (3, 3, 3)

- 6.1. Các vấn đề về kinh doanh casino trên thế giới, trong khu vực và Việt Nam
 - 6.1.1. Một số khái niệm cơ bản
 - 6.1.2. Lịch sử ngành công nghiệp sòng bạc
 - 6.1.3. Tổ chức hoạt động casino
- 6.2. Tổ chức kinh doanh các dịch vụ vui chơi giải trí
 - 6.2.1. Các trò chơi dịch vụ tại các công viên giải trí, công viên chuyên đề, các khu giải trí tổng hợp
 - 6.2.2. Các hoạt động nghệ thuật
 - 6.2.3. Các hoạt động giải trí về đêm
 - 6.3. Tổ chức kinh doanh các dịch vụ thể thao bãi biển và trên biển
 - 6.3.1. Các loại hình dịch vụ thể thao bãi biển và trên biển
 - 6.3.2. Điều kiện kinh doanh các dịch vụ thể thao bãi biển và trên biển ở Việt Nam
 - 6.3.2. Thực trạng kinh doanh các dịch vụ thể thao bãi biển và trên biển ở Việt Nam

4. Yêu cầu của môn học

Học viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành nội dung tiểu luận

5. Phương pháp giảng dạy:

- Kết hợp giảng lý thuyết với thảo luận nhóm, phân tích tình huống, xây dựng dự án, làm bài tập và trình bày trước lớp;
- Hướng dẫn thực hành thông qua xem video và làm mẫu trên lớp;
- Hướng dẫn thực hành trực tiếp tại các cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch bổ sung (nhà hàng, khách sạn, phòng vé, ...).

6. Kế hoạch tư vấn

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phân bố thời gian để thẩm định, đánh giá nội dung thực hành của học viên

7. Trang thiết bị

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học:

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

9. Tài liệu tham khảo

9.1. Tài liệu bắt buộc

B1. Thái Hà (2006), *Thái độ quyết định chất lượng dịch vụ*, NXB Từ điển Bách khoa, Hà Nội.

B2. Phạm Xuân Hậu (2001), *Quản trị chất lượng dịch vụ khách sạn - du lịch*, NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội.

9.2. Tài liệu tham khảo

T1. Vũ Hương Lan, (2012), Bài tập dịch tổng hợp môn kinh doanh dịch vụ bổ sung trong du lịch, Đại học quốc gia Hà Nội, Đại học KHXX và Nhân Văn Hà Nội, Khoa Du lịch (Tài liệu lưu hành nội bộ)

T2. Trịnh Xuân Dũng (2005), *Quản trị kinh doanh khách sạn*, NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội

T3. Trương Minh Long, Song Kim (2004), *Phong cách quản lý khách sạn hiện đại*, NXB Giao thông vận tải, Hà Nội

T4. Nguyễn Văn Mạnh, Hoàng Thị Lan Hương (2002), *Giáo trình quản trị kinh doanh khách sạn*, NXB Lao động Xã hội, Hà Nội.

T5. Dennis L. Foster (2001), *Công nghệ du lịch*, NXB Thống kê, Hà Nội.

T6. Nguyễn Quyết Thắng (2014), *Giáo trình quản trị kinh doanh khách sạn: từ lý thuyết đến thực tiễn*, NXB Tài chính, Hà Nội.

T7. Jack D. Ninemeier, Joe Perdue, *Discovering Hospitality and Tourism: The world's Greatest Industry* (2nd Edition), 2007.

46. THỰC TẬP NGHIỆP VỤ DU LỊCH

- Số tín chỉ: 5TC (0, 0, 150)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Việt Nam học – Du lịch
- Điều kiện tiên quyết: Sinh viên tích lũy tối thiểu được 100 tín chỉ

1. Mô tả học phần

Học phần này nhằm tạo điều kiện cho sinh viên trực tiếp làm việc tại các công ty du lịch, các cơ sở kinh doanh lưu trú ăn uống để rèn luyện và nâng cao các kỹ năng nghề nghiệp thông qua các hoạt động cụ thể tại cơ sở thực tập. Sinh viên thực tập được tìm hiểu các hoạt động nghiệp vụ của doanh nghiệp, được bố trí tham gia hướng dẫn du lịch qua một số chương trình du lịch cụ thể của công ty và làm các công việc khác như thiết kế tour, nhân viên văn phòng, nhân viên tiếp thị du lịch, đặt chỗ các dịch vụ du lịch, v.v...

Năng lực đạt được: Hoàn thiện năng lực làm việc cho sinh viên chuẩn bị tốt nghiệp đối với các nghề: quản lý nhà nước về văn hóa, du lịch, lễ hành, khách sạn, nhà hàng...

2. Mục tiêu

2.1. Về kiến thức

- Cọ xát với thực tế, gắn kết những kiến thức đã học ở giảng đường với việc trải nghiệm thực tế, - Trải nghiệm về các nghiệp vụ du lịch, nhà hàng - khách sạn và các khu nghỉ dưỡng, kinh doanh của các nhà hàng - khách sạn.

- Nắm vững thông tin, quy trình làm việc với các nhà cung cấp như đặt vé máy bay, đặt phòng khách sạn, thuê xe... và các dịch vụ bổ sung trong kinh doanh lễ hành nhưng thủ tục xin cấp visa, hộ chiếu, thủ tục xuất nhập cảnh...

2.2. Về kỹ năng:

- Kỹ năng tổ chức các chương trình du lịch, bao gồm các kỹ năng đặt các dịch vụ du lịch như: xe, phòng nghỉ, đặt vé tham quan, thuê hướng dẫn viên, ăn uống... tại những điểm du lịch đã được kiên tập.

- Kỹ năng xử lý những tình huống bất ngờ có thể xảy ra trên suốt tuyến hành trình.

- Kỹ năng lựa chọn các nhà cung cấp dịch vụ du lịch và kỹ năng tính giá của chương trình du lịch.

- Kỹ năng thương lượng với các nhà cung cấp dịch vụ, kỹ năng giao tiếp

- Kỹ năng làm việc nhóm

- Kỹ năng tổ chức,

- Kỹ năng hoạt náo

- Kỹ năng tìm kiếm thông tin tại các địa điểm du lịch

- Kỹ năng quản lý thời gian

- Kỹ năng viết báo cáo...

2.3. Về thái độ

- Hình thành lối sống lành mạnh, hành vi ứng xử chuyên nghiệp, thể hiện được sự trung thực, tâm huyết và đáng tin cậy trong công việc; có khả năng chủ động thực hiện công việc, biết chia sẻ thông tin với đồng nghiệp và tuân thủ luật pháp.

3. Nội dung học phần

PHẦN 1: THỰC TẬP TẠI CÁC CÔNG TY DU LỊCH

PHẦN 2: VIẾT BÁO CÁO THU HOẠCH

4. Yêu cầu của môn học

- Sinh viên tham gia đầy đủ các buổi thực tập theo sự phân công của cơ sở kinh doanh du lịch trong thời gian ít nhất 2 tháng.

5. Phương pháp giảng dạy:

- Các công ty du lịch sẽ bố trí công việc cho sinh viên trong thời gian thực tập: tìm hiểu các chương trình du lịch, thiết kế tour, phụ tour, và các công việc văn phòng khác.

6. Kế hoạch tư vấn

- Giảng viên bố trí ít nhất 1 buổi tư vấn trước khi sinh viên đến cơ sở thực tập.

- Giảng viên có trách nhiệm giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của học viên trong suốt quá trình.

7. Trang thiết bị: Do doanh nghiệp du lịch cung cấp.

8. Phương pháp đánh giá môn học:

- Đánh giá kết quả thực tập từ công ty: 70% ;
- Báo cáo thu hoạch thực tập: 30%
- Thang điểm 10

9. Tài liệu tham khảo

9.1. Tài liệu bắt buộc

- B1. VTCB (2009), *Điều hành du lịch*, Hà Nội.
- B2. VTCB (2009), *Nghiệp vụ đặt giữ chỗ.*, Hà Nội.
- B3. VTCB (2009), *Đại lý du lịch*, Hà Nội.

9.2. Tài liệu tham khảo

- T1. Đinh Trung Kiên, Nguyễn Quang Vinh (2007), *Giáo trình nghiệp vụ lữ hành*, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Hà Nội.
- T2. Trần Nhuận (2000), *Giáo trình nghiệp vụ kinh doanh du lịch lữ hành*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- T3. Benedict Kaune (2000), *Kỹ nghệ du lịch*, NXB Thanh niên, Hà Nội.
- T4. Denis L. Foster (2001), *Công nghệ du lịch*, NXB Thống kê, Hà Nội.

47. HỌC PHẦN THAY THẾ KHÓA LUẬN: KINH DOANH LỮ HÀNH

- Số tín chỉ: 3 (27, 18, 18)

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Việt Nam học – Du lịch

- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Học phần hệ thống lại các kiến thức liên quan tới Kinh tế du lịch, Pháp luật du lịch, tổ chức hướng dẫn du lịch, thuyết minh du lịch, tuyển điểm du lịch, điều hành tour, . . . Học phần học còn chỉ ra phương pháp tiếp cận hệ thống trong nghiên cứu kinh doanh du lịch và phương pháp hoạch định chiến lược kinh doanh của doanh nghiệp du lịch.

Năng lực đạt được: Sinh viên điều hành và kiểm tra, giám sát được các bộ phận cũng như các hoạt động cơ bản của doanh nghiệp lữ hành; xây dựng được chiến lược điển hình vào thực tiễn kinh doanh của doanh nghiệp; giải quyết được các vấn đề then chốt trong lĩnh vực kinh doanh lữ hành, đặc biệt là nguồn nhân lực và dịch vụ.

2. Mục tiêu học phần

2.1. Mục tiêu về kiến thức

Nắm chắc được kiến thức cơ bản về thị trường du lịch để giải thích được những biến động (về lượng khách, về giá cả, v. v. .) của thị trường cụ thể và có đối sách tích cực đối với những biến động này; Những vấn đề pháp lý cơ bản liên quan đến hoạt động du lịch, như thành lập doanh nghiệp du lịch và đăng ký kinh doanh, quyền lợi và trách nhiệm của chủ sở hữu doanh nghiệp du lịch, quyền lợi và trách nhiệm của khách; Tổ chức doanh nghiệp du lịch (lữ hành, khách sạn, sự kiện); Quản lý chất lượng và quản lý rủi ro; Hoạch định chiến lược kinh doanh của doanh nghiệp lữ hành.

2.2. Mục tiêu về kỹ năng

- Củng cố kỹ năng làm việc độc lập và làm việc theo nhóm.
- Củng cố kỹ năng tính toán, kỹ năng vận dụng lý thuyết.
- Hình thành kỹ năng vận dụng linh hoạt kiến thức vào thực tiễn, tìm tòi, phát hiện cái mới, sử dụng ngoại ngữ chuyên ngành, hình thành nhóm làm việc hiệu quả, kỹ năng giao tiếp, thuyết trình.

2.3. Mục tiêu về thái độ

- Yêu nghề, mong muốn gắn bó với nghề
- Tinh thần phục vụ khách: luôn coi việc làm cho khách hài lòng là niềm vui của mình. Không quá coi trọng lợi nhuận kinh tế trong phục vụ khách.
- Có khả năng vận dụng kỹ năng sống trong học tập, rèn luyện và làm chủ bản thân; phát huy trí tuệ và năng lực trong ứng xử, làm việc nhóm, thiết lập mối quan hệ cộng đồng tốt đẹp và ngày càng tự hoàn thiện bản thân.

3. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG 1: CÁC NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA KINH DOANH LỮ HÀNH (5, 3, 0)

- 1.1. Khái quát về lịch sử phát triển kinh doanh lữ hành
- 1.2. Định nghĩa kinh doanh lữ hành và phân loại kinh doanh lữ hành
- 1.3. Vai trò, chức năng, lợi ích của kinh doanh lữ hành
- 1.4. Hệ thống sản phẩm của kinh doanh lữ hành
- 1.5. Thị trường khách của KDLH
- 1.6. Cơ cấu tổ chức và quản trị nhân lực của doanh nghiệp lữ hành

CHƯƠNG 2: QUAN HỆ GIỮA NHÀ CUNG CẤP VỚI DOANH NGHIỆP LỮ HÀNH (5, 3, 4)

- 2.1. Nhà cung cấp của doanh nghiệp lữ hành
- 2.2. Doanh nghiệp lữ hành – kênh phân phối sản phẩm cho nhà cung cấp
- 2.3. Các hình thức quan hệ của doanh nghiệp lữ hành với nhà cung cấp
- 2.4. Một số vấn đề trong quan hệ giữa doanh nghiệp LH với nhà cung cấp

CHƯƠNG 3: TỔ CHỨC KINH DOANH CỦA ĐẠI LÝ LỮ HÀNH (5, 4,

- 3.1. Khái niệm và phân loại đại lý lữ hành
- 3.2. Hệ thống dịch vụ của đại lý lữ hành

3.3. Tổ chức quản lý kinh doanh đại lý lữ hành

CHƯƠNG 4: XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH DU LỊCH (6, 4, 6)

4.1. Định nghĩa và phân loại chương trình du lịch

4.2. Quy trình xây dựng một chương trình du lịch trọn gói

4.3. Giới thiệu một số chương trình du lịch

4.4. Xác định giá thành, giá bán và các quy định của một chương trình du lịch

4.5. Thực hành xây dựng một chương trình du lịch trọn gói

CHƯƠNG 5: TỔ CHỨC XÚC TIẾN HỖN HỢP, BÁN VÀ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH DU LỊCH (6, 4, 4)

5.1. Tổ chức xúc tiến hỗn hợp chương trình du lịch

5.2. Tổ chức bán các chương trình du lịch trọn gói

5.3. Tổ chức thực hiện các chương trình du lịch tại doanh nghiệp lữ hành

5.4. Tổ chức các hoạt động sau khi kết thúc chuyến đi của khách

4. Yêu cầu của môn học

Học viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành nội dung tiểu luận

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của học viên.

7. Trang thiết bị

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo: Bao gồm các tài liệu đã được học ở các học phần

9. 1. Tài liệu bắt buộc

B1. Nguyễn Văn Mạnh, Phạm Hồng Chương (2009), *Giáo trình quản trị kinh doanh lữ hành*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội.

B2. Nguyễn Văn Đính, Phạm Hồng Chương (2000), *Giáo trình quản trị kinh doanh lữ hành*, NXB Thống kê, Hà Nội.

9. 2. Tài liệu tham khảo

T1. Dự án EU (2013), *Tiêu chuẩn kỹ năng nghề du lịch Việt Nam: Nghề Điều hành du lịch và đại lý lữ hành*

T2. Nguyễn Văn Đính, Nguyễn Văn Mạnh (1996) , *Tâm lý và nghệ thuật giao tiếp ứng xử trong kinh doanh du lịch*, NXB Thống kê, Hà Nội

T3. Luật Du lịch Việt Nam (2005), NXB Chính trị quốc gia Hà Nội

T4. Trần Nhật (2002), *Giáo trình nghiệp vụ kinh doanh du lịch lữ hành*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội

48. HỌC PHẦN THAY THẾ KHÓA LUẬN: THIẾT KẾ VÀ PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM DU LỊCH

- Số tín chỉ: 3 (18, 18, 36)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Việt Nam học – Du lịch
- Điều kiện tiên quyết:

1. Mô tả học phần

Học phần hệ thống lại các kiến thức về tài nguyên du lịch và những sản phẩm du lịch đặc thù của các vùng miền và của từng lĩnh vực nghề của ngành du lịch. Bên cạnh đó là những kiến thức về thị trường du lịch và những hành vi khách du lịch trong giai đoạn mới. Qua đó, sinh viên nhận thức được tiềm năng và thực trạng phát triển du lịch, phân tích được định hướng, giải pháp khai thác, phát triển các sản phẩm du lịch Việt Nam nhằm quảng bá giới thiệu hình ảnh của địa phương/quốc gia theo hướng phát triển bền vững.

Năng lực đạt được: Sinh viên nắm được những kiến thức và kỹ năng cơ bản nhất về phân tích thị trường du lịch, đối thủ cạnh tranh, các trung gian, đối tác,...; từ đó có khả năng thiết kế những sản phẩm du lịch mới, lạ, độc đáo, phù hợp với các nhóm khách hàng và có khả năng ứng dụng trong thực tiễn.

2. Mục tiêu học phần

2. 1. Kiến thức:

2. 1. Mục tiêu về kiến thức

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có thể:

- Giải thích được tầm quan trọng của việc tiến hành phân tích thị trường sản phẩm
- Giải thích được cách thức phân tích và phát triển một sản phẩm
- Đánh giá được giá trị, vị trí của sản phẩm trên thị trường
- Phát triển được một sản phẩm du lịch phù hợp với thị trường.

2. 2. Về kỹ năng:

- Có khả năng vận dụng kiến thức để phân tích và phát triển một sản phẩm du lịch cụ thể thuộc một trong các nhóm nghề của ngành du lịch
- Có khả năng xử lý các tình huống thường gặp liên quan đến việc lập kế hoạch và tổ chức phát triển sản phẩm du lịch
- Kỹ năng giao tiếp và ứng xử
- Kỹ năng giải quyết vấn đề
- Kỹ năng thuyết trình
- Kỹ năng lập kế hoạch và tổ chức công việc
- Kỹ năng quản lý nhóm

2. 3. Về thái độ

- Bình tĩnh và tự tin trong quá trình vận dụng kiến thức để thiết kế, phát triển sản phẩm từ ý tưởng
- Có ý thức, trách nhiệm về việc tuyên truyền, bảo vệ, gìn giữ và phát triển tài giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc, của địa phương thông qua ý nghĩa, thông điệp về sản phẩm
- Có đạo đức, thái độ phục vụ và tác phong chuyên nghiệp
- Có ý thức, trách nhiệm, tác phong nhanh nhạy, linh hoạt và quyết đoán trong quá trình xử lý các tình huống có liên quan đến công việc thực tế.

3. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG 1: MỘT SỐ NỘI DUNG CHUNG

(6, 9, 0)

1.1. Sản phẩm du lịch

1.1.1. Khái niệm

1.1.2. Phân loại

1.1.3. Vai trò của sản phẩm du lịch

1.1.4. Đặc điểm của sản phẩm du lịch

1.2. Phát triển sản phẩm du lịch

1.2.1. Khái niệm

- 1.2.2. Tiêu chuẩn thành công của việc phát triển sản phẩm du lịch
- 1.2.3. Các bên tham gia phát triển sản phẩm du lịch
- 1.2.4. Những thách thức của quá trình phát triển sản phẩm du lịch

CHƯƠNG 2: THỊ TRƯỜNG DU LỊCH (4, 3, 6)

- 2.1. Khái niệm
- 2.2. Phân đoạn thị trường khách du lịch
- 2.3. Đặc điểm, xu hướng nhu cầu của khách du lịch

CHƯƠNG 3: PHÁT TRIỂN CÁC SẢN PHẨM DU LỊCH CÓ GIÁ TRỊ THƯƠNG MẠI (4, 3, 15)

- 3.1. Khái niệm
- 3.2. Lựa chọn phát triển sản phẩm du lịch
- 3.3. Các nhân tố tác động đến sự hình thành sản phẩm du lịch
- 3.4. Phân tích SWOT
- 3.5. Quy trình phát triển sản phẩm du lịch

CHƯƠNG 4: ĐÁNH GIÁ TÍNH BỀN VỮNG CỦA SẢN PHẨM DU LỊCH (4, 3, 15)

- 4.1. Những yêu cầu của các bên liên quan đối với sản phẩm du lịch
- 4.2. Các tiêu chí đánh giá sản phẩm đáp ứng yêu cầu
- 4.3. Điều phối và xây dựng mạng lưới tiêu thụ sản phẩm du lịch

4. Yêu cầu của môn học

Học viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành nội dung tiểu luận

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

Địa điểm thực hành: Phòng học, Sảnh nhà A5, Công ty Du lịch Quốc tế Hữu Nghị, Khách sạn Mường Thanh

6. Kế hoạch tư vấn:

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phân bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của học viên.

7. Trang thiết bị

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học:

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

9. Tài liệu tham khảo

9. 1. Tài liệu bắt buộc

B1. Nguyễn Văn Mạnh (chủ biên) (2009), *Giáo trình marketing du lịch*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội.

B2. Nguyễn Văn Mạnh, Phạm Hồng Chương (2009), *Giáo trình quản trị kinh doanh lễ hành*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội.

9. 2. Tài liệu tham khảo

T1. Trần Nhạn (2002), *Giáo trình nghiệp vụ kinh doanh du lịch lễ hành*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội

T2. Dự án EU (2013), *Tiêu chuẩn Kỹ năng nghề du lịch Việt Nam (VTOS)*, *Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch*.

T3. Dự án EU (2013), *Tiêu chuẩn kỹ năng nghề du lịch Việt Nam (VTOS): Nghề Phục vụ buồng*.

T4. Dự án EU (2013), *Tiêu chuẩn kỹ năng nghề du lịch Việt Nam (VTOS): Nghề lễ tân khách sạn*.

10. Dự kiến đơn vị giảng dạy

TT	Tên học phần	Bộ môn
1	Những NLCB của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	NLCB
2	Những NLCB của chủ nghĩa Mác-Lênin 2	NLCB
3	Tư tưởng HCM	TT.HCM
4	Đường lối CM của ĐCSVN	ĐLCM
5	Pháp luật đại cương	LLCT-L
6	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Lịch sử
7	Kỹ thuật soạn thảo văn bản	LLVH&PPDHN
8	Tâm lý học đại cương	TL
9	Các vấn đề xã hội đương đại	XHH
10	Kiến thức địa phương (tỉnh Thanh Hóa)	LS
11	Tiếng Anh 1	NN KC
12	Tiếng Anh 2	NN KC
13	Tiếng Anh 3	NN KC
14	Tin học	Tin UD
15	Môi trường và con người	TVH
16	Cơ sở văn hóa Việt Nam	VNH-DL
17	Lịch sử Việt Nam	LS
18	Hán Nôm	VHVN
19	Hệ thống di tích – danh thắng Việt Nam	VNH-DL
20	Các dân tộc Việt Nam	VNH-DL
21	Lịch sử văn minh thế giới	LS
22	Văn hóa Đông Nam Á	VNH-DL
23	Văn hóa và nghệ thuật ẩm thực Việt Nam	VNH-DL
24	Tín ngưỡng, tôn giáo và lễ hội truyền thống ở Việt Nam	VNH-DL
25	Phong tục tập quán Việt Nam	VNH-DL
26	Kỹ thuật đàm phán	VNH-DL
27	Tổng quan du lịch	VNH-DL
28	Kinh tế du lịch	Kinh tế
29	Tiếng Anh du lịch 1	VNH-DL
30	Tiếng Anh du lịch 2	VNH-DL
31	Địa lý du lịch Việt Nam	ĐLKT
32	Tâm lý du khách và nghệ thuật giao tiếp	VNH-DL
33	Phát triển du lịch bền vững	VNH-DL
34	Văn hóa du lịch	VNH-DL
35	Văn hóa doanh nghiệp du lịch	Kinh tế
36	Pháp luật về du lịch	VNH-DL
37	Quản lý nhà nước về du lịch	VNH-DL
38	Marketing du lịch	VNH-DL
39	Xúc tiến và bán sản phẩm du lịch	VNH-DL
40	Tuyến điểm du lịch VN	VNH-DL
41	Tổ chức hướng dẫn du lịch	VNH-DL
42	Thuyết minh du lịch	VNH-DL
43	Thiết kế và điều hành tour	VNH-DL
44	Thực hành tuyến, điểm du lịch miền Bắc	VNH-DL
45	Thực hành tuyến, điểm du lịch miền Trung, Tây	VNH-DL

	Nguyên	
46	Thực hành tuyến, điểm du lịch miền Nam	VNH-DL
47	Kinh doanh du lịch trực tuyến	VNH-DL
48	Du lịch sinh thái	VNH-DL
49	Du lịch cộng đồng & Homestay	VNH-DL
50	Du lịch tôn giáo và tâm linh	VNH-DL
51	Du lịch làng nghề	VNH-DL
52	Nghiệp vụ khách sạn cơ bản	VNH-DL
53	Nghiệp vụ chế biến sản phẩm ăn, uống	VNH-DL
54	Nghiệp vụ phục vụ nhà hàng	VNH-DL
55	Tổ chức sự kiện và du lịch MICE	VNH-DL
56	Kinh doanh dịch vụ bổ sung trong du lịch	VNH-DL
57	Thực tập nghề nghiệp cuối khóa	VNH-DL
58	Kinh doanh lữ hành	VNH-DL
59	Tài nguyên và môi trường du lịch Việt Nam	VNH-DL

11. Cơ sở vật chất phục vụ học tập

11.1. Cơ sở vật chất, trang thiết bị, thư viện

- Cơ sở vật chất, trang thiết bị: Nhà trường đã đầu tư xây dựng hệ thống phòng học khang trang với các thiết bị trình chiếu, nghe nhìn hiện đại đảm bảo đáp ứng yêu cầu thực hiện đổi mới phương pháp giảng dạy, nâng cao chất lượng giảng dạy; hệ thống phòng thí nghiệm với các thiết bị, máy móc hiện đại, đảm bảo đủ năng lực phục vụ thực hành, thực tập và nghiên cứu khoa học trong các lĩnh vực phân tích chất lượng đất, nước, không khí, đo vẽ thành lập bản đồ địa chính, các loại bản đồ chuyên đề, hệ thống phòng máy vi tính được cài đặt các phần mềm chuyên dụng, như: MicroStation, MapInfor, Envi...; trại thí nghiệm thực hành nông, lâm, ngư nghiệp (2.5 ha) trong khuôn viên nhà trường đã và đang được đầu tư nhiều hạng mục công trình đáp ứng nhu cầu rèn kỹ năng nghề nghiệp và nghiên cứu khoa học cho người học. Ngoài ra Nhà trường đã xây dựng được hệ thống các điểm liên kết đào tạo với cơ sở sản xuất trong tỉnh đáp ứng nhu cầu thực tập môn học, thực tập nghề nghiệp và thực hiện đề tài luận văn tốt nghiệp cho người học.

- Thư viện: Nhà trường có hệ thống thư viện rộng 4.500 m², trong đó có 1200 m² phòng đọc, 400 chỗ ngồi; 120 máy tính được kết nối mạng Internet phục vụ tra cứu và các loại giáo trình, tài liệu tham khảo, tạp chí chuyên ngành... Đặc biệt, từ năm 2016 Nhà trường đã mua bản quyền cơ sở dữ liệu số online tạo điều kiện cho giảng viên và người học có thể sử dụng các tài liệu, giáo trình điện tử một cách thuận lợi; hệ thống mạng wifi rộng khắp và được kết nối tới phòng học, phòng làm việc.

Bảng 5. Thiết bị phục vụ cho đào tạo ngành Du lịch

TT	Loại phòng học (Phòng học, giảng đường, phòng học đa phương tiện, phòng học ngoại ngữ, phòng máy tính...)	Số lượng	Diện tích (m ²)	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ giảng dạy		
				Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ học phần/môn học
1	Phòng học tiếng Anh (TOEIC)	07	80	- Ti vi	07	Các học phần tiếng Anh
				- Hệ thống tăng âm	07	
				- Loa đài, đĩa	07	
2	Giảng đường	06	160	- Máy chiếu	06	Các học phần thuộc chương trình đào tạo
				- Hệ thống tăng âm	01	
				- Bảng viết	01	
3	Phòng thực hành máy tính	01	50	- Máy tính - Các thiết bị đi kèm	40 40	- Tin học đại cương
4	Phòng thực hành nghiệp vụ lễ tân	01	50	- Quầy lễ tân - Máy tính		Nghiệp vụ khách sạn cơ bản

5	Phòng thực hành nghiệp vụ buồng	3	50	- Giường ngủ - Tivi - Tủ lạnh - Các thiết bị đi kèm	3 3 3 50	Nghiệp vụ khách sạn cơ bản
6	Phòng thực hành nghiệp vụ bàn	1	50	- Bàn vuông - Bàn chờ - Các loại ly, bát đĩa,....	3 1 15 100	Nghiệp vụ phục vụ nhà hàng Nghiệp vụ chế biến sản phẩm ăn uống
7	Phòng thực hành nghiệp vụ lễ hành, hướng dẫn du lịch	01	50	- Máy tính - Máy chiếu - Bản đồ Việt Nam - Bản đồ thế giới - Kệ tài liệu	1 1 1 1 1	Tổ chức hướng dẫn du lịch Thiết kế và điều hành tour Thuyết minh du lịch Kinh doanh lễ hành

11.2. Giáo trình và tài liệu tham khảo.

11.2.1. Giáo trình

TT	Tên giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số bản	Sử dụng cho môn học/ Học phần
1	Giáo trình Triết học Mác-Lênin	Bộ Giáo dục và Đào tạo	NXB Chính trị Quốc gia	2012	20	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê Nin 1
2	Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin	Bộ Giáo dục và Đào tạo	NXB Chính trị Quốc gia	2013	20	
3	Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học	Bộ Giáo dục và Đào tạo	NXB Chính trị Quốc gia	2006	15	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê Nin 2
4	Giáo trình Kinh tế chính trị Mác-Lênin	Bộ Giáo dục và Đào tạo	NXB Chính trị Quốc gia	2008	20	
4	Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin	Bộ Giáo dục và Đào tạo	NXB Chính trị Quốc gia	2009	15	
6	Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh	Bộ Giáo dục và Đào tạo	NXB Chính trị Quốc gia	2009	20	Tư tưởng Hồ Chí Minh
7	Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh,	Hội đồng Trung ương	NXB Chính trị Quốc gia,	2003	10	
8	Hồ Chí Minh toàn tập	Nhiều tác giả	NXB Chính trị Quốc gia	2002	15	
9	Giáo trình Lịch sử Đảng CSVN	Bộ Giáo dục và Đào tạo	NXB Chính trị Quốc gia	2006	15	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam
10	Giáo trình Đường lối cách mạng của ĐCSVN	Bộ Giáo dục và Đào tạo	NXB Chính trị Quốc gia	2009	20	
11	Giáo trình lý luận Nhà nước và Pháp luật	Lê Minh Tâm	NXB Công an nhân dân	2010	20	Pháp luật đại cương
12	Giáo trình pháp luật đại cương	Lê Minh Toàn	NXB Chính trị Quốc gia	2010	15	
13	Giáo trình lý luận Nhà nước và Pháp luật,	Hoàng Thị Kim Quế	NXB Chính trị Quốc gia	2009	10	
14	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	Vũ Cao Đàm	NXB Khoa học Kỹ thuật	2006	10	Phương pháp nghiên cứu khoa học
14	Phương pháp nghiên cứu kinh tế	Trần Tiến Khai	NXB Lao động Xã hội	2014	10	
16	Kỹ thuật soạn thảo văn bản	Vương Thị Kim Thanh	NXB Thống kê	2003	10	Kỹ thuật soạn thảo văn bản
17	Giáo trình kỹ thuật xây dựng và ban hành văn bản	Lưu Kiếm Thanh	NXB Đại học Quốc gia Hà Nội	2004	15	
18	Giáo trình Tâm lý học	Bùi Văn Huệ	NXB Đại học Quốc gia Hà Nội	2000	15	Tâm lý học đại cương

TT	Tên giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số bản	Sử dụng cho môn học/ Học phần
19	Giáo trình Tâm lý học đại cương	Nguyễn Xuân Thức	NXB Đại học Sư phạm	2006	15	
20	Giáo trình Tâm lý học đại cương	Nguyễn Quang Uẩn	NXB Đại học Sư phạm	2004	20	
21	Những vấn đề lý luận và thực tiễn của việc đấu tranh phòng, chống các tệ nạn xã hội ở nước ta	Viện Nghiên cứu Nhà nước và pháp luật	NXB Công an nhân dân	2002	15	Các vấn đề xã hội đương đại
22	An sinh xã hội và các vấn đề xã hội	Nguyễn Thị Oanh	Khoa phụ nữ học, Đại học Mở bán công thành phố Hồ Chí Minh	1997	15	
23	Địa chí Thanh Hoá (Tập 1, 2)	Tỉnh uỷ, HĐND, UBND tỉnh Thanh Hoá	NXB Văn hoá Thông tin, Tỉnh uỷ, HĐND, UBND tỉnh Thanh Hoá	2002	15	Kiến thức địa phương tỉnh Thanh Hóa
24	Thanh Hoá, quê hương, đất nước, con người	Sở Văn hoá Thông tin Thanh Hoá	NXB Thanh Hoá, Thanh	1996	20	
24	Target TOEIC (second edition)	Anne Taylor	NXB Trẻ	2013	10	Tiếng Anh 1
26	Know how 2	Therese Naber, Angela Blackwell, David McKeegan	Oxford University Press	2004	10	
27	English Know How	Angela Blackwell, Therese Naber, Gregory J. Manin	Oxford University Press	2004	10	Tiếng Anh 2
28	English course for tourism	Nguyễn Quang	NXB Đại học Sư phạm	2013	10	
29	Active Skills for Reading	Keil J. Anderson	Person	1996	10	Tiếng Anh 3
30	English Know How 3	Angela Blackwell, Therese Naber, Gregory J. Manin	Oxford University Press	2004	10	
31	Giáo trình tin học cơ sở	Hồ Sĩ Đàm, Đào Kiến Quốc, Hồ Đắc Phương	NXB Đại học Sư phạm,	2010	15	Tin học đại cương
32	Giáo trình tin học văn phòng	Bùi Thế Tâm	NXB Giao thông vận tải	2010	10	
33	Khoa học môi trường	Lê Văn Khoa	NXB Giáo dục	2001	15	Môi trường và

TT	Tên giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số bản	Sử dụng cho môn học/ Học phần
34	Môi trường và con người	Trần Quốc Huy, Mai Duy Lục	Tài liệu lưu hành nội bộ, Trường Đại học Hồng Đức	2011	15	con người
34	Giáo dục môi trường,	Lê Văn Trường, Nguyễn Kim Tiên (chủ biên)	NXB Giáo dục	2006	15	
36	Cơ sở văn hoá Việt Nam	Trần Ngọc Thêm	NXB Giáo dục	2006	20	Cơ sở văn hóa Việt Nam
37	Cơ sở văn hoá Việt Nam	Trần Quốc Vượng	NXB Giáo dục	2005	20	
38	Đại cương Lịch sử Việt Nam	Lê Mậu Hãn	NXB Giáo dục	2013	15	Lịch sử Việt Nam
39	Đại Việt sử ký toàn thư	Ngô Sĩ Liên	NXB Giáo dục	1967	10	
40	Đại cương Lịch sử Việt Nam	Trương Hữu Quýnh (Chủ biên)	NXB Giáo dục	1998	15	
41	Giáo trình Hán Nôm dành cho du lịch	Phạm Văn Khoái	NXB Đại học Quốc gia Hà Nội	2007	10	Hán Nôm
42	Lý thuyết chữ Nôm, văn Nôm	Nguyễn Ngọc San	NXB Đại học Sư phạm Hà Nội	2013	10	
43	Hệ thống di tích lịch sử văn hóa và danh thắng Việt Nam	Nguyễn Thị Minh Ngọc (Chủ biên)	NXB Lao động	2009	15	Hệ thống di tích – danh thắng Việt Nam
44	Di tích lịch sử văn hóa và danh thắng Việt Nam	Dương Văn Sáu	NXB Đại học Quốc gia Hà Nội	2008	15	
44	Dân tộc học đại cương	Lê Sỹ Giáo (chủ biên)	NXB Giáo dục		20	Các dân tộc Việt Nam
46	Các dân tộc ít người ở Việt Nam (các tỉnh phía bắc)	Viện Dân tộc học	NXB Khoa học Xã hội	1978	10	
47	Các dân tộc ít người ở Việt Nam (các tỉnh phía Nam)	Viện Dân tộc học	NXB Khoa học Xã hội	1984	10	
48	Lịch sử văn minh thế giới	Lê Phụng Hoàng	NXB Giáo dục	2005	20	Lịch sử văn minh thế giới
49	Lịch sử văn hóa thế giới	Lương Ninh	NXB Giáo dục	2008	15	
50	Lịch sử văn hóa thế giới	Vũ Dương Ninh (Chủ biên)	NXB Giáo dục	2002	10	

TT	Tên giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số bản	Sử dụng cho môn học/ Học phần
51	Văn hóa Đông Nam Á	Mai Ngọc Chừ	NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội	1999	15	Văn hóa Đông Nam Á
52	Văn hoá Đông Nam Á	Nguyễn Tấn Đắc	NXB Khoa học Xã hội	2010	10	
53	Giáo trình Văn hoá ẩm thực	Nguyễn Nguyệt Cầm	NXB Hà Nội	2006	15	Văn hóa và nghệ thuật ẩm thực
54	Văn hoá ẩm thực và món ăn Việt Nam	Xuân Huy	NXB Trẻ	2000	15	
54	Đào Duy Anh, Nguyễn Văn Huyền bàn về tôn giáo	Đỗ Quang Hưng	NXB Chính trị Hành Chính	2008	15	Tín ngưỡng, tôn giáo, lễ hội Việt Nam
56	Lễ hội truyền thống của các dân tộc thiểu số ở miền Bắc Việt Nam	Hoàng Lương	NXB Văn hoá dân tộc	2003	15	
57	Tìm về bản sắc văn hoá Việt Nam	Trần Ngọc Thêm	Trần Ngọc Thêm	2004	15	Phong tục tập quán Việt Nam
58	Việt Nam phong tục	Phan Kế Bính	NXB Văn học	2005	15	
59	Nghệ thuật nói trước công chúng	Raymond De Saint Laurent	NXB Văn hóa Thông tin	2000	10	Kỹ thuật đàm phán
60	Thuyết trình hiệu quả	George J.Kops	NXB Trẻ	2006	10	
61	Giáo trình tổng quan du lịch	Trần Thị Mai (chủ biên)	NXB Lao động	2015	15	Tổng quan du lịch
62	Giáo trình Tổng quan du lịch.	Đào Ngọc Cảnh	NXB Đại học Cần Thơ	2011	15	
63	Giáo trình Tổng quan du lịch	Lê Anh Tuấn, Nguyễn Thị Mai Sinh	NXB Giáo dục	2015	15	
64	Kinh tế du lịch	Robert Lanquar	NXB Thế giới	2002	20	Kinh tế du lịch
64	Nhập môn khoa học du lịch	Trần Đức Thanh	NXB Đại học Quốc gia	2000	20	
66	English for tourism and restaurant 1	Frank Levin	NXB Tổng hợp	2016	15	Tiếng Anh du lịch 1
67	English for tourism and restaurant 2	Frank Levin	NXB Tổng hợp	2016	15	
68	Specialized English for Tourism	Kiwi Cheng, Owain Mckimm	NXB Tổng hợp	2016	15	Tiếng Anh du lịch 2
69	English course for tourism	Nguyễn Quang	NXB ĐH Sư phạm	2013	10	
70	Địa lý Du lịch	Vũ Tuấn Cảnh, Lê Thông	NXB Tp. Hồ Chí Minh	1999	20	Địa lý du lịch Việt Nam

TT	Tên giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số bản	Sử dụng cho môn học/ Học phần
71	Địa lý du lịch Việt Nam,	Nguyễn Minh Tuệ (chủ biên)	NXB Giáo dục	2010	20	
72	Tâm lý và nghệ thuật giao tiếp, ứng xử trong kinh doanh	Nguyễn Văn Đỉnh (Chủ biên)	Nxb Thống kê	1996	10	Tâm lý du khách và nghệ thuật giao tiếp
73	Giáo trình Tâm lý và nghệ thuật giao tiếp, ứng xử trong kinh doanh du lịch	Nguyễn Văn Đỉnh, Nguyễn Văn Mạnh	NXB Đại học Kinh tế quốc dân	2009	10	
74	Du lịch bền vững	Nguyễn Đình Hoè, Vũ Văn Hiếu	Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội	2001	15	Phát triển Du lịch bền vững
74	Hỏi và đáp về Luật du lịch năm 2005	Nguyễn Văn Thung	NXB Chính trị Quốc gia	2005	10	
76	Văn hóa du lịch	Trần Diễm Thúy	NXB Văn hoá Thông tin	2010	15	Văn hóa du lịch
77	Văn hóa du lịch	Dương Văn Sáu	NXB Lao động	2017	15	
78	Văn hóa doanh nghiệp	Dương Thị Liễu	NXB Đại học Kinh tế Quốc dân	2008	15	Văn hóa doanh nghiệp
79	Văn hóa Kinh doanh	Dương Thị Liễu	NXB Đại học Kinh tế Quốc dân	2012	15	
80	Giáo trình Đạo đức kinh doanh và văn hoá công ty	Nguyễn Mạnh Quân	NXB Đại học Kinh tế Quốc dân	2012	10	
81	Luật du lịch	Tổng cục Du lịch	Nxb Chính trị Quốc gia	2017	20	Luật Du lịch
82	Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch	Đình Trung Kiên	NXB Đại học Quốc gia	1999	15	
83	Giáo trình nghiệp vụ kinh doanh du lịch lữ hành	Trần Nhạn	Nxb Chính trị Quốc gia	2002	15	Quản lý nhà nước về Du lịch
84	Giáo trình tâm lý và nghệ thuật ứng xử trong kinh doanh du lịch	Nguyễn Văn Đỉnh (Chủ biên)	NXB Thống kê	1995	15	
84	Giáo trình Marketing căn bản	Trần Minh Đạo (Chủ biên)	NXB Đại học Kinh tế quốc dân	2006	15	Maeketing du lịch

TT	Tên giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số bản	Sử dụng cho môn học/ Học phần
86	Giáo trình marketing du lịch	Nguyễn Văn Mạnh (chủ biên)	NXB Đại học Kinh tế quốc dân	2009	15	
87	Marketing du lịch	Trần Ngọc Nam (chủ biên)	NXB Tp. Hồ Chí Minh	2005	15	
88	Nghệ thuật quảng cáo	Amand Dayan	NXB Thế giới	2002	15	Xúc tiến và bán sản phẩm du lịch
89	Nghệ thuật quảng cáo và tiếp thị	Lê Hoàng Quân	NXB Khoa học Kỹ thuật	1999	15	
90	Địa lý Du lịch	Vũ Tuấn Cảnh	NXB Tp. Hồ Chí Minh	1999	20	Tuyển và điểm du lịch Việt Nam
91	Địa lý du lịch Việt Nam	Nguyễn Minh Tuệ	NXB Giáo dục	2010	10	
92	Tuyển điểm du lịch	Bùi Thị Hải Yến	NXB Giáo dục	2006	20	
93	Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch	Đình Trung Kiên	NXB Đại học Quốc gia	2006	20	Tổ chức hướng dẫn du lịch
94	Nghiệp vụ Hướng dẫn Du lịch,	Bùi Thanh Thủy	NXB Đại học Quốc gia	2012	10	
94	Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch,	Đình Trung Kiên	NXB Đại học Quốc gia Hà Nội	2001	10	Thuyết Minh du lịch
96	Cẩm nang nghiệp vụ tiếp thị du lịch	Trần Ngọc Nam và Hoàng Anh	NXB Lao động	2009	20	
97	Giáo trình nghiệp vụ lữ hành	Đình Trung Kiên, Nguyễn Quang Vinh	Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Hà Nội	2007	10	Thiết kế và điều hành tour
98	Kinh doanh lữ hành	Nguyễn Văn Mạnh, Nguyễn Văn Đính	NXB Đại học Kinh tế quốc dân	2009	10	
99	Tuyển điểm Du lịch Việt Nam	Bùi Thị Hải Yến	NXB Giáo dục	2006	20	Thực hành tuyển, điểm du lịch miền Bắc
						Thực hành tuyển, điểm du lịch miền Trung – Tây Nguyên
						Thực hành tuyển, điểm du lịch miền Nam
100	Văn hóa kinh doanh	Dương Thị Liễu	Nxb Đại học	2013		Kinh doanh du

TT	Tên giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số bản	Sử dụng cho môn học/ Học phần
		(cb)	Kinh tế quốc dân			lịch trực tuyến
101	Kinh doanh trực tuyến	Nguyễn Đăng Tuấn Minh	Nxb Trẻ	2014		
102	Du lịch sinh thái: Những vấn đề lý luận và thực tiễn phát triển ở Việt Nam	Phạm Trung Lương	NXB Giáo dục	2002	15	Du lịch sinh thái
103	Du lịch sinh thái	Lê Huy Bá, Thái Lê Nguyên	NXB Khoa học Kỹ thuật	2006	15	
104	Du lịch cộng đồng: Lý thuyết và vận dụng	Võ Quế	NXB Khoa học Kỹ thuật	2006	15	Du lịch cộng đồng và homestay
104	Du lịch cộng đồng	Bùi Thị Hải Yến	NXB Giáo dục		20	
106	Các hình thái tín ngưỡng, tôn giáo ở Việt Nam	Nguyễn Đăng Duy	NXB Văn hoá Thông tin	2001	20	Tôn giáo và tâm linh
107	Tôn giáo thế giới và Việt Nam	Mai Thanh Hải	NXB Công an nhân dân	1998	15	
108	Làng nghề thủ công truyền thống Việt Nam	Bùi Văn Nhượng	NXB Văn hóa Thông tin	2002	15	Du lịch làng nghề
109	Di sản thủ công mỹ nghệ Việt Nam	Bùi Văn Nhượng	NXB Thanh niên	2000	15	
110	Quản trị kinh doanh khách sạn	Nguyễn Văn Mạnh, Hoàng Thị Lan Hương	NXB ĐH Kinh tế Quốc dân	2013	15	Nghiệp vụ khách sạn cơ bản
111	Giáo trình nghiệp vụ khách sạn	Hội đồng cấp chứng chỉ nghiệp vụ du lịch	NXB Thanh niên	2005	15	
112	Nghiệp vụ phục vụ khách sạn	Nguyễn Thị Tú	NXB Thống kê	2005	15	
113	Công nghệ chế biến sản phẩm ăn uống	Lê Thanh Xuân	NXB Đại học Thương mại	2008	15	Nghiệp vụ chế biến sản phẩm ăn uống
114	Quản trị dịch vụ ăn uống và nhà hàng	Vũ An Dân	NXB Thanh niên	2009	15	Nghiệp vụ phục vụ nhà hàng
114	Nghiệp vụ phục vụ khách sạn	Nguyễn Thị Tú	NXB Thống kê	2010	15	Du lịch Mice và tổ chức sự kiện
116	Giáo trình quản lý lễ hội và sự kiện	Cao Đức Hải	NXB Đại học Quốc gia	2010	15	

TT	Tên giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số bản	Sử dụng cho môn học/ Học phần
117	Tổ chức sự kiện	Lưu Văn Nghiêm	NXB Đại học Kinh tế Quốc dân	2007	15	
118	Quản trị Tổ chức sự kiện và Lễ hội	Nguyễn Thị Mỹ Thanh	NXB Lao động Xã hội	2015	15	
119	Quản trị chất lượng dịch vụ khách sạn - du lịch	Phạm Xuân Hậu	NXB Đại học Quốc gia	2001	15	Kinh doanh dịch vụ du lịch bổ sung
120	Quản trị kinh doanh khách sạn	Trịnh Xuân Dũng	NXB Đại học Quốc gia	2005	15	
121	Giáo trình nghiệp vụ lễ hành	Đình Trung Kiên, Nguyễn Quang Vinh	Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Hà Nội	2007	15	Thực tập nghiệp vụ du lịch
122	Giáo trình nghiệp vụ kinh doanh du lịch lễ hành	Trần Nhật	NXB Chính trị Quốc gia	2000	15	
123	Giáo trình quản trị kinh doanh lễ hành	Nguyễn Văn Đính, Phạm Hồng Chương	NXB Thống kê	2000	15	Kinh doanh lễ hành
124	Giáo trình quản trị kinh doanh lễ hành	Nguyễn Văn Mạnh, Phạm Hồng Chương	NXB Đại học Kinh tế quốc dân	2009	15	
124	Tài nguyên và môi trường du lịch Việt Nam	Phạm Trung Lương	NXB Giáo dục	2000	15	Tài nguyên và môi trường du lịch Việt Nam
125	Tài nguyên du lịch	Bùi Thị Hải Yến (Chủ biên)	NXB Giáo dục	2009	15	

11.2.2. Tài liệu tham khảo

TT	Tên sách chuyên khảo/tạp chí	Tên tác giả/Đơn vị xuất bản	Nhà xuất bản số, tập, năm xuất bản	Số bản	Sử dụng cho môn học/học phần
1	Tạp chí Du lịch	Tổng cục Du lịch	NXB Văn hóa Thông tin	5	<ul style="list-style-type: none"> - Văn hóa Du lịch - Hệ thống di tích danh thắng Việt Nam - Văn hóa ẩm thực - Tuyển điểm du lịch Việt Nam - Pháp luật về du lịch - Du lịch sinh thái - Marketing du lịch - Xúc tiến và bán sản phẩm du lịch - Tài nguyên và môi trường du lịch Việt Nam - Phát triển du lịch bền vững
2	Tạp chí Kinh tế phát triển	Đại học Kinh tế quốc dân	NXB Kinh tế quốc dân	5	<ul style="list-style-type: none"> - Kinh tế Du lịch - Địa lý du lịch Việt Nam - Văn hóa doanh nghiệp - Xúc tiến và bán sản phẩm du lịch - Marketing du lịch
3	Tạp chí Văn hóa nghệ thuật	Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch	NXB Thời đại	5	<ul style="list-style-type: none"> - Tín ngưỡng, tôn giáo, lễ hội truyền thống ở Việt Nam - Văn hóa Du lịch - Hệ thống di tích danh thắng Việt Nam - Các dân tộc Việt Nam
4	Tạp chí Văn hóa dân gian	Viện Nghiên cứu văn hóa	NXB Văn hóa – Thông tin	5	<ul style="list-style-type: none"> - Tín ngưỡng, tôn giáo, lễ hội truyền thống ở Việt Nam - Các dân tộc Việt Nam - Phong tục tập quán Việt Nam
5	Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á	Viện Nghiên cứu Đông Nam Á	NXB Giao thông vận tải	5	<ul style="list-style-type: none"> - Văn hóa Đông Nam Á - Kiến trúc địa phương Thanh Hóa - Các dân tộc Việt Nam - Lịch sử văn minh thế giới
6	Tạp chí Di sản	Cục Di sản – Bộ Văn hóa Thông tin	NXB Văn hóa thông tin	5	<ul style="list-style-type: none"> - Du lịch văn hóa - Hệ thống di tích – danh thắng Việt Nam - Du lịch làng nghề - Du lịch tôn giáo và tâm linh

TT	Tên sách chuyên khảo/tạp chí	Tên tác giả/Đơn vị xuất bản	Nhà xuất bản số, tập, năm xuất bản	Số bản	Sử dụng cho môn học/học phần
7	Tạp chí Dân tộc học	Viện Dân tộc học	NXB Văn hóa dân tộc	5	- Hệ thống di tích – danh thắng Việt Nam - Các dân tộc Việt Nam
8	Tạp chí Phát triển bền vững vùng	Viện Hàn lâm Khoa học Việt Nam	NXB Giáo dục	5	- Văn hóa ẩm thực Việt Nam - Tuyển, điểm du lịch Việt Nam. - Phát triển du lịch bền vững - Tài nguyên và môi trường du lịch Việt Nam
9	Tạp chí Khoa học	Trường Đại học Hồng Đức	NXB Thanh Hóa	5	- Kiến thức địa phương Thanh Hóa -

12. Tài liệu tham khảo để xây dựng chương trình

Chương trình đào tạo Đại học ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành được xây dựng trên cơ sở chương trình khung ban hành kèm theo Quyết định số 15/2004/QĐ-BGD&ĐT ngày 10/6/2004 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục & Đào tạo và các Quy định xây dựng chương trình chuyển đổi từ niên chế HP sang học chế tín chỉ của trường ĐH Hồng Đức.

Căn cứ Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/04/2015 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về việc Ban hành quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ.

Tham chiếu chương trình đào tạo ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành của một số trường đại học tại Việt Nam và chương trình đào tạo ngành quản lý du lịch và khách sạn của các trường đại học trên thế giới:

- Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành Đại học Khoa học xã hội Nhân văn Hà Nội (<http://ussh.vnu.edu.vn/>)
- Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành ĐH KHNVT PHCM (<http://hcmussh.edu.vn/>)
- Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành Đại học Cần Thơ (<https://www.ctu.edu.vn/program.php?mn=5&pr=dh>)
- Chương trình Cử nhân Quản lý du lịch quốc tế (Bachelor of International Tourism Management), Trường Đại học Công nghệ Auckland (Newzealand) , (<http://www.aut.ac.nz/>)
- Chương trình cử nhân quản lý du lịch và khách sạn quốc tế của Học viện Quản lý Châu Á (EASB, Singapore) (<http://www.easb.edu.sg/en/>)
- Chương trình đào tạo Cử nhân Quản trị kinh doanh trong ngành công nghiệp dịch vụ - Đại học Mahidol (Thái Lan) (http://www.muic.mahidol.ac.th/eng/?page_id=16019)

13. Hướng dẫn thực hiện chương trình

13.1. Chương trình đào tạo ngành được áp dụng

- Đào tạo hình thức chính quy tuyển sinh từ học sinh tốt nghiệp THPT theo quy chế đào tạo chính quy;
- Đào tạo hình thức giáo dục thường xuyên: Áp dụng quy chế đào tạo giáo dục thường xuyên và thời gian đào tạo kéo dài thêm từ 6 đến 12 tháng;
- Đào tạo liên thông, văn bằng 2: Áp dụng quy chế đào tạo phù hợp với hình thức đào tạo chính quy hoặc giáo dục thường xuyên;
- Thực hiện việc xét miễn học phần, bảo lưu kết quả học tập theo quy định hiện hành đối với các hình thức đào tạo.

13.2. Tổ chức thực hiện

Trưởng các khoa chuyên môn có trách nhiệm tổ chức chỉ đạo, hướng dẫn các bộ môn tiến hành xây dựng và phê duyệt đề cương chi tiết học phần, trưởng bộ môn phê duyệt hồ sơ nội dung giảng dạy theo quy định; xây dựng kế hoạch chi phí thực hành, thực tập, tham quan thực tế và mua sắm bổ sung các trang thiết bị, máy móc, hóa chất, dụng cụ thí nghiệm chi tiết cho từng học phần và cho toàn khóa đào tạo; chịu trách nhiệm về chất lượng đào tạo và chuẩn đầu ra. Trưởng các phòng ban, trung tâm chức năng liên quan có trách nhiệm kiểm tra, thẩm định kế hoạch và trình Hiệu trưởng phê duyệt cho triển khai thực hiện.

Căn cứ thực tế hiện có và yêu cầu điều kiện về phòng thực hành, thí nghiệm, tài liệu dạy học phục vụ đào tạo, Trưởng phòng QT, VT-TB, Giám đốc TT TTTV xây dựng kế hoạch mua sắm bổ sung trình Hiệu trưởng quyết định.

13.3. Phương pháp giảng dạy: Tăng cường tính tự học, kết hợp giữa lý thuyết và thực hành, lấy người học làm trung tâm. Hình thức, phương pháp giảng dạy được cụ thể hóa trong đề cương chi tiết học phần.

13.4. Phương pháp kiểm tra, đánh giá: Số nội dung kiểm tra, hình thức kiểm tra, thời gian kiểm tra, hình thức thi kết thúc học phần được quy định cụ thể trong đề cương chi tiết học phần và phù hợp với quy chế đào tạo.

13.5. Chương trình đào tạo được định kỳ rà soát bổ sung, điều chỉnh. Khi cần điều chỉnh phải có văn bản đề nghị của Hội đồng khoa kèm theo luận cứ, hồ sơ minh chứng, sản phẩm chỉnh sửa, bổ sung gửi về nhà trường (qua phòng Quản lý đào tạo). Chương trình chỉ được thực hiện khi Hội đồng khoa học và đào tạo nhà trường thông qua và có Quyết định phê duyệt của Hiệu trưởng. /.

KT. HIỆU TRƯỞNG

PGS. TS. Lê Văn Trường